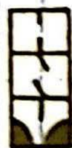
HỒI KÝ TRƯỜNG SƠN



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

1994

Nội dung Ebook và PDF được lấy từ trang quansuvn.net. Việc chyển từ text trên forum sang PDF và Ebook nhằm thuận tiện hơn cho ngược đọc offline trên các phần mềm đọc sách.

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.0.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.10.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.20.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.30.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.40.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.50.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.60.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.70.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.80.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.90.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.100.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.101.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.102.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.103.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.104.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.105.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.106.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.107.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.108.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.109.html

https://www.quansuvn.net/index.php/topic,13799.200.html

HỒI KÝ TRƯỜNG SƠN

LỜI GIỚI THIỆU

Đường Trường Sơn là con đường được mở từ trái tim của hơn ba mươi triệu đồng bào ta từ Nam đến Bắc. Con đường ấy đã ra đời (19 tháng 5 năm 1959) trùng hợp với ngày sinh của Bác Hồ. Sự trùng hợp hiếm có ấy đã làm cho lịch sử con đường Trường Sơn đẹp hơn chính nó. Con đường vận tải lịch sử và đầy huyền thoại này đã hiện lên từ từ và rõ nét qua Hồi ký Trường Sơn.

Sự huỷ diệt khủng khiếp và tàn khốc của kẻ thù đã khiến cho dãy Trường Sơn rung chuyển. Theo công bố ngày 11 tháng 11 năm 1971 ở Washington do Trung tâm nghiên cứu Đông Dương, trường Đại học Corne, chỉ trong vòng 5 năm từ 1966 đến 1971, đế quốc Mỹ đã ném xuống chiến trường Đông Dương 6 triệu tấn bom, trong đó 1 triệu 300 ngàn tấn dành cho đường Hồ Chí Minh. Quả là một con số không ngờ.

Đường Trường Sơn là con đường mạch máu chính nối hậu phương với tiền tuyến, là nơi mà kẻ thù thường xuyên tập trung hoả lực, quân lực nhằm phá hoại, bịt chặt mạch máu này hòng bóp chết cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Chúng đã tung vào đây đủ các thành phần từ thám báo, biệt kích, thổ phỉ cho đến hàng loạt vũ khí và phương tiện chiến tranh tối tân nhất: bom điều khiển bằng tia la de, mìn lá, máy bay AC130, máy tìm nhiệt hồng ngoại tuyến, máy dò tiếng ôlô, đại bác cỡ 40 ly bắn tự động... Khốc liệt hơn, kẻ thù còn dùng cả đến chiến tranh hoá học, phun chất độc màu da cam, chiến tranh khí tượng, phun hoá chất vào các đám mây tạo ra mưa, làm con đường trở nên lầy lội xe không lăn bánh được...

ĐẠI TƯỚNG VĂN TIẾN DŨNG: ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN - ĐƯỜNG RA TRẬN

Máy bay đỗ xuống Đồng Hới, đồng chí Trung Tướng Đồng Sĩ Nguyên cùng một đoàn xe của Bộ tư lệnh 559 từ Quảng Trị ra, đã chờ đón chúng tôi ở sân. Chúng tôi lên xe vào Quảng Trị. Đường qua Lệ Thuỷ, Hồ Xá gồ ghề do nhiều năm địch đánh phá dữ dội cho nên xe chạy xóc nhiều, nhưng đây cũng là một trong những đoạn đường kiên cường, anh hùng trên đất nước ta góp phần vào việc chi viện cho miền Nam đánh thắng.

Tới sông Bến Hải, chúng tôi xuống thuyền gắn máy chạy ngược sông. Trời nắng nhưng mát một cách lạ lùng. Xế chiều đổ bộ lên một bến phía nam sông, đi vào Sở chỉ huy Bộ tư lệnh 559, ở phía Tây Gio Linh.

Bộ đội 559, như tên gọi của nó, ra đời tháng 5 năm 1959, thuộc Tổng cục Hậu cần. Bộ đội 559 cũng như ngành Hậu cần của quân đội ta là lịch sử của một quá trình xây dựng, chiến đấu và phát triển, là sự thể hiện tư tưởng cách mạng thành công, quan điểm bạo lực cách mạng, sự nhìn xa thấy trước để phục vụ chiến đấu. Tất cả những gì mà bộ đội 559 đã làm đều là kỳ công.

Đồng chí Trần Đăng Ninh, ủy viên Trung ương của Đảng, một chiến sĩ cách mạng kiên cường đã hai lần vượt khỏi nhà tù của thực dân Pháp, là người có công lớn xây dựng ngành Hậu cần của quân đội từ năm 1950 trở đi trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Nếu đồng chí còn sống thì sẽ rất mừng được thấy lực lượng hậu cần hùng mạnh của quân đội hôm nay mà ngày trước đồng chí từng mong ước.

Lúc này hơn 10.000 xe tải trên mặt đường, bao gồm một số xe của các quân khu, các địa phương và của Bộ Giao thông vận tải điều tới tăng cường; như một người nội trợ đảm đang, ngành Hậu cần vừa phục vụ kế hoạch hàng năm của quân đội, vừa tần tảo, chắt chiu dự trữ lực lượng từng ngày, từng tháng trên toàn chiến trường miền Nam để chờ thời cơ lớn đến, vừa làm nhiệm vụ đối với bộ đội trong nước, vừa làm nghĩa vụ quốc tế đối với các nước anh em.

Và một điều hết sức phấn khởi là thấy các chiến sĩ ta đi vào chiến dịch bằng cơ giới, ngoài mặt trận ăn uống no đủ, ngay đến lương khô của ta như loại A72 cũng khá là ngon. Cũng từ chiến dịch này, các chiến sĩ ngoài mặt trận

đã nhận được một số súng lớn và đạn lớn do công nhân quốc phòng của ta sản xuất trong nước. Đây cũng là bước đầu của cuộc cách mạng kỹ thuật trong ngành công nghiệp quốc phòng.

Càng đi ra mặt trận, càng thấy sức mạnh to lớn của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hậu phương là một trong những nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh nhân dân, anh hùng của hậu phương anh hùng.

ĐẠI TÁ NGUYỄN DANH: NHỮNG NĂM THÁNG ĐẦU TIÊN

Tháng 5 năm 1959 miền Bắc vẫn còn trong không khí thanh bình. Sư đoàn 301 chúng tôi đóng quân tại Phú Hộ (Vĩnh Phú), trong những toà nhà lớn hai, ba tầng, màu ngói mới đỏ rực cả vùng đồi. Bỗng một buổi sáng có điện gọi tôi. Ở đầu đường dây bên kia là tiếng nói quen thuộc của chính uỷ Nguyễn Đường.

- Danh này, cậu về trên này gặp mình có việc cần nghe.

Tôi hối hả đi ngay, lòng hồi hộp, không hiểu việc cần mà chính uỷ nói là việc gì. Được về Nam chăng? Trước đó không lâu, chúng tôi vừa học nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, khả năng ấy đã bắt đầu hé mở.

Trong phòng khách của Bộ tư lệnh Sư đoàn, chính uỷ Đường đang ngồi nói chuyện với một đồng chí thượng tá trạc tuổi ngoài bốn mươi, trông béo tết, hồng hào.

- Anh Võ Bẩm ở Bộ Tổng tư lệnh - Chính uỷ giới thiệu. Hồi ở khu Năm, tôi đã nghe nói đến anh, nay mới gặp.

Sau một lúc ngồi uống nước, trò chuyện, anh Bẩm hỏi tôi:

- Về Nam được chứ cậu?

Tuy chưa hiểu câu hỏi là đùa hay là thật, tôi vẫn trả lời nghiêm chỉnh.

- Dạ được ạ.

Bằng giọng nói chậm và chắc nịch, anh Bẩm nói cho tôi nghe những nét mới trong tình hình cách mạng mặt trận, đặc biệt là việc thành lập các lực lượng

vũ trang giải phóng và yêu cầu cấp thiết của việc chi viện vũ khí từ hậu phương vào. Nhân lúc anh ngừng lại để uống nước, tôi nói:

- Trước lúc đi tập kết, tụi tôi chôn lại nhiều súng đạn lắm anh ạ.

Anh Bẩm cười, lắc đầu:

- Mấy thằng phản bội nó khai hết trơn hết trọi rồi. Mà nếu còn thì cũng không thấm vào đâu, phong trào trong đó giờ lớn mạnh lắm rồi.

Từ đó anh chuyển sang phổ biến Nghị quyết của Bộ Tổng tư lệnh và Quân uỷ Trung ương về việc thành lập một đơn vị vận tải đặc biệt nhằm kế tiếp vũ khí cho các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên và khu Năm cũ.

Tiếp lời anh Bẩm, chính uỷ Đường cho biết đơn vị đó đã được thành lập, gồm 308 người, rút từ số quân của Sư đoàn 301, do đồng chí Chu Đăng Chữ làm tiểu đoàn trưởng. Tôi Nguyễn Danh được chỉ định làm chính trị viên. Yêu cầu trước tiên mà anh Bẩm và anh Đường đặt ra với tôi là tuyệt đối giữ bí mật. Ngoài các anh và những người được các anh trực tiếp lựa chọn và giao nhiệm vụ, trong Sư đoàn không một ai biết việc này, kể cả các đồng chí khác giữ cương vị chủ chốt ở Bộ tư lệnh.

Cuối tháng 5, đơn vị lên tàu ở Tiên Kiên, một ga xép trên tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai. Không có ai tiễn đưa, cảnh ra đi đơn giản, nhẹ nhàng, trông như một cuộc chuyển quân bình thường ở hậu phương. Về Hà Nội cũng không ra phố, chỉ đứng lại ở ga Hàng Cỏ mấy tiếng đồng hồ để đợi tàu, rồi ngay buổi chiều hôm đó đi luôn vào Thanh Hoá. Năm 1959, tuyến đường sắt phía Nam này còn đang xây dựng, từ Thanh Hoá trở vào phải đi xe ô tô.

Đến Đồng Hới, phải dừng lại một đêm, một ngày ở Bộ tư lệnh Sư đoàn 325 để vừa nghỉ, vừa thăm thú tình hình. Sáng sớm hôm sau đi thẳng vào Khe Hó, một khu rừng đại ngàn ở phía tây Vĩnh Linh, cách bến Quan ngót hai chục cây số. Tại Khe Hó lúc bấy giờ đang có một số quân của Lữ đoàn phòng vệ giới tuyến 314, đến khai thác gỗ. Chúng tôi cũng giả vờ làm công việc ấy, ở lẫn vào với họ và bắt đầu triển khai hoạt động.

Công việc mới quá, lại là công việc hoàn toàn du kích, chưa một ai trong chúng tôi có chút kinh nghiệm nào. Ngay cả cấp trên, khi giao nhiệm vụ cũng chỉ phác ra những nét lớn. Chúng tôi phải bắt đầu, có thể nói không

ngoa là từ con số không. Phải tự mò mẫm tìm đường, tìm lấy cách sống, cách hoạt động.

Đầu tháng sáu, hai đồng chí Hà Kỳ Thư và Đinh Văn Diệm vượt sông Bến Hải đi trinh sát trở về. Các anh cho biết đã bắt được liên lạc với tỉnh uỷ Quảng Trị. Các đồng chí trong đó rất mừng, hứa sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp đơn vị chúng tôi hoạt động có hiệu quả. Họ chỉ yêu cầu là khi vượt sông Bến Hải, không giữ lại trên người bất cứ thứ gì của miền Bắc.

Yêu cầu có vẻ đơn giản nhưng đối với chúng tôi lúc đó lại là cả một vấn đề. Nhìn từ đầu đến chân mình, không thấy một thứ đồ dùng nào không phải của miền Bắc: mũ cứng, quần áo ka ki, thắt lưng da, giày vải, đèn pin Rạng Đông, thuốc lá Điện Biên, Tam Đảo... Như vậy tức là phải trang bị lại toàn bộ.

Một mặt chúng tôi báo cáo về Hà Nội, mặt khác chạy về Hồ Xá gặp Đảng uỷ khu vực Vĩnh Linh nhờ giúp đỡ. Hồi ấy hàng hoá còn dồi dào. Hơn nữa, việc chi viện miền Nam không chỉ là nghĩa vụ mà đã trở thành tình cảm, lương tâm của mỗi một con người trên miền Bắc, vừa nghe chúng tôi nói xong, anh Hồ Sĩ Thản bí thư và anh Phan Du uỷ viên thường vụ chạy đi lo ngay lập tức.

Chỉ trong có mấy hôm. Vĩnh Linh đã cấp cho chúng tôi mỗi người một bộ quần áo bà ba đen, một đôi dép cao su, một tấm vải ni lông che mưa. Thế là tạm đủ rồi, còn các thứ khác anh em tự lo liệu lấy. Chưa có mũ tai bèo, thôi thì để đầu trần vậy. Đèn pin, đem gò lại làm cho mất hai chữ Rạng Đông và dấu hiệu mặt trời mọc đi. Thuốc lá Điện Biên, Tam Đảo cắt bỏ đầu có chữ, bọc vào túi ni lông...

Để bảo đảm được bí mật, chúng tôi phải bỏ lại tất cả mọi thứ giấy tờ, cấm ghi chép. Với tôi, người phụ trách công tác chính trị và công tác Đảng, giữ cho được đúng những điều cấm kỵ đó quả thật không dễ dàng. Phải học đến thuộc lòng tên họ mấy trăm cán bộ, chiến sĩ, riêng với 160 đảng viên phải nhớ được những nét chính trong lý lịch từng người.

Có việc nhỏ, tưởng chừng không cần để ý, thực ra lại là vấn đề hết sức tế nhị, không giải quyết không được. Chẳng hạn như việc viết thư về gia đình, cho người thân ở hậu phương. Nếu chúng tôi vào miền Nam hẳn thì đã đành

một nhẽ. Đằng này, trên danh nghĩa vẫn là bộ đội miền Bắc. Phải làm sao các bà vợ, các cô người yêu đang chờ đợi không suy nghĩ vẩn vơ? Cũng phải nghĩ nát óc ra mới tìm được cách. Trong thư không nói rõ đơn vị, mà chỉ nói chung chung rằng mình bây giờ là công an vũ trang ở Quảng Bình.

Đầu tháng 6 năm 1959, việc xác định tuyến đường và vị trí các trạm đã làm xong. Từ đầu đến cuối chia ra làm chín trạm. Hai trạm ở phía Bắc sông Bến Hải và bảy trạm ở phía Nam. Công việc xem ra có phần thuận lợi. Đột nhiên anh Ba Cương, uỷ viên thường vụ huyện uỷ Nam Hướng Hoá ra báo tin, tên K, cán sự huyện uỷ, một trong những người vạch đường chạy theo giặc. Chúng tôi quyết định hoãn việc triển khai lại một vài hôm để nghe ngóng tình hình. Tuyến đường vẫn giữ nguyên, chỉ tránh một vài chỗ địch có thể phục kích.

Ngày 10 tháng 6, bộ đội bắt đầu vượt sông Bến Hải và rải quân chiếm lĩnh vị trí các trạm. Tỉnh uỷ Quảng Trị và tổ trinh sát báo về: không thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ địch nắm được các hoạt động mới của ta... Ngày 20 tháng 8, đơn vị chúng tôi giao chuyển vũ khí đầu tiên cho khu Năm ở phía bắc A sầu. Người nhận là đồng chí Vạn, uỷ viên thường vụ khu uỷ.

THIẾU TƯỚNG VÕ BẨM: MỞ ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

Hôm ấy đúng ngày sinh Bác (19 tháng 5). Năm 1959, tôi đi dọc đường phố Phan Đình Phùng (Hà Nội) về phía cửa Bắc đỏ rợp cờ, biểu ngữ và tiếng hát ca ngợi Bác. Tôi vừa đến nơi làm việc của Cục nông trường (Hồi đó tôi làm Cục phó Cục nông binh quân đội) đồng chí trực ban đã báo cáo tin... có điện thoại bên Văn phòng Quân uỷ Trung ương vừa gọi, dặn anh sang ngay gặp đồng chí chủ nhiệm ủy ban Thống nhất, Thường trực Quân uỷ Trung ương Nguyễn Văn Vịnh.

Từ lâu tôi làm công tác kinh tế, ít có quan hệ với bên Văn phòng, nên khi nghe tin đó là tôi nghĩ ngay đến một nhiệm vụ mới có liên quan trực tiếp đến cuộc chiến đấu ở miền Nam.

Đồng chí Nguyễn Văn Vịnh đang ngồi đọc tài liệu, trước mặt là một chiếc bàn lớn, có nhiều ghế tựa đặt xung quanh. Thấy tôi đến anh rời khỏi chỗ niềm nở cười nói:

- Công việc tôi sắp nói với đồng chí, thật mới mẻ và lý thú... Mời đồng chí ngồi uống nước hút thuốc đã.

Anh Vịnh trở lại chỗ cũ, giở cuốn sổ tay, dùng bút gạch lên trang giấy, nhưng mắt anh lại nhìn thẳng vào mắt tôi, rồi nói:

- Việc này không phải do Quân uỷ giao mà do Bộ Chính trị đã chỉ định đích danh đồng chí.

Anh Vịnh lướt nhìn trang sổ tay, rồi nói nghiêm nghị như hạ mệnh lệnh:

- Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, tôi thay mặt Quân uỷ Trung ương giao nhiệm vụ cho đồng chí tổ chức mở đường giao thông quân sự đặc biệt, để tiếp tế cho cách mạng miền Nam, tạo nên điều kiện cho miền Nam thực hiện nghị quyết 15, từng bước đưa cách mạng miền Nam phát triển...

Tôi vội vàng mở cặp lấy sổ tay để ghi chép chỉ thị đó nhưng anh Vịnh xua tay và nói tiếp:

- Cố nhập tâm, không được ghi chép. Tôi nhắc luôn điều này. Từ nay tất cả công việc của đồng chí, không được ghi chép. Sau đây đồng chí sẽ

rõ công việc cần phải giữ bí mật như thế nào. Tôi nói tiếp về con đường đặc biệt này, chủ yếu là đưa cán bộ bộ đội và những hàng cần thiết như vũ khí, thuốc men vào Nam theo kế hoạch của Bộ Chính trị. Việc lựa chọn người để thành lập đơn vị, do đồng chí làm. Quân uỷ sẽ giới thiệu đồng chí với các đầu mối công tác cần thiết. Việc tuyển chọn người nhất thiết phải chọn trong số anh em ra tập kết, vũ khí chuyển vào trong ấy cũng lấy số súng chiến lợi phẩm. Phương châm hoạt động: "Tuyệt đối bí mật an toàn".

Giải thích việc thực hiện phương châm, anh Vịnh nêu tóm tắt tình hình thế giới và tình hình trong nước có liên quan đến cuộc đấu tranh của miền Nam, rồi nhấn mạnh tinh thần nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15.

Anh Vịnh nói xong, tôi đặt ra trước mặt anh một loạt câu hỏi về quan hệ chỉ huy, lãnh đạo, cách thức và phương tiện làm việc, tài chính và con đường làm từ đâu tới đâu, nguyên tắc quan hệ với miền Nam thế nào.

Anh Vịnh nói:

- Việc lãnh đạo công tác đặc biệt này là Quân uỷ Trung ương, tôi chỉ được phân công trực tiếp chỉ đạo. Trước mắt cấp cho các đồng chí 500 quân. Việc tổ chức con đường lúc đầu nên làm đến Bắc sông Bến Hải. Việc dự toán thanh toán đồng chí trực tiếp làm việc với Cục tài vụ chi phí vào quỹ của Đảng. Về phương tiện ngay những ngày đầu đồng chí được cấp một chiếc xe con, người lái xe đồng chí tự lựa chọn, còn các việc khác đồng chí mang bức thư này đến gặp đồng chí Trần Lương sẽ rõ.

Tôi im lặng đắm mình vào trong suy tưởng, những hình ảnh mờ ảo của con đường xuyên rừng Trường Sơn âm u và những dốc đá gập ghềnh... ẩn hiện trong óc tôi. Thấy tôi im lặng, anh Vịnh hỏi:

- Đồng chí có còn hỏi gì nữa không?
- Vậy anh cho tôi nghiên cứu và tìm hiểu cụ thể có gì sẽ xin ý kiến anh sau - Tôi đáp.
- Từ nay một người một ngựa, làm sao làm nên cơ đồ thì làm.

Anh Vịnh vừa nói, vừa đứng dậy dang rộng tay, đi về phía tôi. Tôi cũng đứng dậy và nói: Không hẳn ra hứa hẹn mà đúng hơn là tôi tự bộc bạch ra tâm trạng của mình.

- Được Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương giao cho tôi nhiệm vụ này, đúng như điều tôi mong đợi. Tôi hứa sẽ đem hết sức để hoàn thành.

Tôi đi ra khỏi Bộ Quốc phòng với tâm trạng lâng lâng vui sướng như vừa nhận được một phần thưởng quí giá, xen lẫn vào tâm trạng đó là mối lo lắng đối với nhiệm vụ.

Ngay buổi chiều hôm đó tôi đến gặp anh Trần Lương ở nhà riêng. Trong một căn phòng yên tĩnh, tiếng nói trầm ấm chứa đựng những suy nghĩ của anh Trần Lương rơi thẳng vào mối mong đợi của tôi. Và từ lời kể của anh đã phác ra trước mắt tôi một khung cảnh rộng lớn của cuộc chiến tranh đang diễn ra trên mảnh đất miền Nam thân yêu. Bà con miền Nam từ lâu đã nén lòng chờ đợi và đã đến lúc không còn đủ sức kiên nhẫn được nữa. Anh Trần Lương động viên tôi:

- Anh là người đầu tiên của quân đội được nhận nhiệm vụ mở đường để tiếp sức cho cách mạng miền Nam. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, trong 1959 phải đưa vào được 500 cán bộ từ trung tá trở xuống và 7000 khẩu súng bộ binh từ trung liên trở xuống để tổ chức 700 trung đội trước mắt là tự vệ đồng thời để chuẩn bị cho lực lượng vũ trang sau này. (người chỉ lấy trong số anh em tập kết, súng chỉ lấy súng chiến lợi phẩm). Cần mở thật gấp một con đường, một con đường không để lại dấu viết. Hiện nay khu năm đã có con đường giao liên thống nhất chỉ khi nào có cán bộ ra vào mới móc nối. Anh Hành tỉnh uỷ viên tỉnh Quảng Trị, anh Quyết cán bộ của khu năm hiện nay đang ở thị trấn Vĩnh Linh, sẽ nói rõ với anh kỹ hơn về tình hình tổ chức của ta, của địch trên tuyến đường này như thế nào và bàn cụ thể với anh nơi tiếp nhận, khả năng tiếp nhận người, hàng mỗi ngày bao nhiêu. Anh có thể dựa vào tình hình đó để tổ chức ra tuyến đường của mình. Con đường đặc biệt này phải chú ý nhiều nhất đến việc tổ chức công tác bí mật, không được để nó thành lối mòn; nghĩa là không được để lại một dấu chân, một tàn thuốc, một cành cây gãy.

ĐẠI TÁ NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG VÀ TRUNG TÁ TRỌNG KHOÁT: NGỰA, VOI, XE ĐẠP, THUYỀN... TRÊN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Trục đường Vàng Vàng vượt qua đỉnh 1001 đến Bản Đông được xác định. Đảng uỷ Đoàn 559 chủ trương tích cực dồn lực lượng vận chuyển lên hướng tây, đi thẳng tới La Thạp, Tà Riệt giao hàng cho khu 5, Tổng cục Hậu cần sẽ cho ô tô chở hàng vào tận Làng Ho. Trung đoàn 70 phải làm gấp đoạn đường kéo dài từ ngã ba Chà Lý vào Làng Ho, chân núi Vít Thù Lù, cho xe ô tô ra vào thuận lợi. Làm đường xong, chỉ sau một tháng, các đại đội xe đã chuyển đến khu căn cứ trung đoàn 70 trên 500 tấn hàng.

Nhưng vận chuyển từ đấy vào khu vực bắc đường 9, phải vượt qua dải núi "ngàn hai trăm năm mươi" là một trở ngại lớn nhất. Nếu dùng sức người gùi, thì một tiểu đoàn có đủ quân số vận chuyển liên tục một tháng cũng chỉ được chín đến mười tấn, đạt mười phần trăm kế hoạch. Trong cuộc họp bàn phương hướng khắc phục, có ý kiến đề xuất "nên dùng ngựa thồ". Một số rất nhiệt tình ủng hộ, một số lại đưa ra nhiều ý kiến cần phải thận trọng.

Mấy đồng chí trước kia đã làm công tác hậu cần ở Tây Bắc, tham gia chỉ huy đoàn thồ chuyển vũ khí tiếp tế cho chiến dịch Điện Biên Phủ, sau đó lại qua nhiều năm dùng ngựa để tiếp tế từ Mường Thanh lên các đồn biên phòng hẻo lánh, khẳng định dứt khoát:

- Có đâu cheo leo, khí hậu khắc nghiệt bằng đường lên Tây Bắc? Xe thồ chịu, người gùi cũng chịu, vậy mà ngựa leo được, nó leo được cả núi đá. Không cần người đi kèm từng con. Cả đàn, chỉ cần túm lấy con bướng bỉnh nhất, ghìm cương dắt đi đầu, thế là những con khác theo răm rắp.
- Lấy đâu thóc cho nó ăn trong rừng Trường Sơn?
- Không có thóc thì ngô, khoai, sắn cũng được. Mỗi con, một ngày chỉ cần ba ki lô gam lương thực, nó còn ăn lá tre, ăn cỏ.

Mọi người nghe cũng xuôi xuôi. Tính ra mỗi con ngựa thồ bằng ba người gùi, năng suất vận chuyển sẽ tăng. Điều kiện ở Trường Sơn hoàn toàn có thể sử dụng được ngựa thồ và tận dụng được cả sức chở của voi nữa. Ngựa sẽ chuyển hàng từ Làng Ho vào chân đèo Vàng Vàng, còn vượt qua đỉnh "một ngàn hai trăm năm mươi" sẽ do voi chuyển tiếp.

Nhưng tìm voi, ngựa ở đâu? Quảng Trị thì chẳng làm gì có. Phải ra Tây Bắc nhưng cũng khó khăn. Đưa được một đàn ngựa, mấy thớt voi cách xa gần ngàn kilômét vào đây đâu phải dễ?

Rồi mọi lo lắng đều được giải quyết. Ban Bí thư Trung ương Đảng đã xét duyệt cho Đoàn 559 đủ số bạc hoa xoè để mua voi, ngựa. Bộ tư lệnh Quân khu 4 cử người sắm giúp cho đoàn ba thớt voi, lại tuyển cho ba quản tượng là Cầm Bá Ẹt, Nguyễn Trùng Dương, Lò Văn Côi, người Thượng Sơn - Thanh Hoá. Chỉ mấy ngày sau, Đoàn 559 cử cán bộ lên Quân khu Tây Bắc liên hệ nhờ mua cho đàn ngựa hai chục con thuần giống ở Lào Cai, chở bằng xe lửa vào Hàm Rồng. Từ đó, bảy đồng chí quen nghề xe ngựa do Lý Văn Thọ làm đội trưởng, dẫn về khu căn cứ của trung đoàn.

Một buổi sáng cuối năm sương mù, nhân dân vùng Ho chợt thức giấc vì tiếng ngựa hí ở ven rừng. Vậy là đoàn ngựa thồ của trung đoàn 70 không còn giữ được bí mật nữa rồi. Nhưng hoạt động ở cung ngoài và phần lớn vận chuyển về đêm nên cũng không ngại lắm. Tiểu đoàn 2 cử một trung đội đến giúp đội thồ xây dựng tàu ngựa ngay trên bờ suối phía nam Làng Ho, bên hàng cây xoài lá xum xuê, xung quanh có rừng tre rậm rịt. Đội thồ chỉ có bảy đồng chí kiêm cả công việc chăn dắt, vận chuyển. Tuy ít người, nhiệm vụ phức tạp, mới mẻ, nhưng cả tổ đều đoàn kết, tận tuỵ, đặc biệt đi sâu vào học hỏi kinh nghiệm chăm sóc đàn ngựa.

DƯƠNG THỊ XUÂN QUÝ (Nhà văn): MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

Ngày 9 tháng 5 năm 1968

Ly, con mẹ tròn 17 tháng. Một ngày đẹp và thân yêu làm sao Ly ơi, ngày hôm nay ở Mễ có nắng không? Con còn ở Mễ hay đã ra Hà Nội rồi? Mẹ đang ở giữa rừng, rừng tràn ngập ánh nắng và bừng sáng lên như chúc mừng con thân yêu. Mẹ nghĩ đến con ngay từ lúc mở mắt ra. Mẹ thầm nhủ một mình: Hôm nay con ta 17 tháng rồi. Con đã lớn lên một tháng mà mẹ không biết. Một tháng qua con sống ra sao hở Ly? Con có khoẻ không? Có bị sốt, bị đi ỉa chảy không? Chắc con quên mẹ rồi. Mẹ cũng mong con chóng quên mẹ đi để con đỡ nhớ. Còn mẹ, lúc nào mẹ cũng nghĩ đến con, nhớ con nhiều lúc tưởng như không chịu nổi. Sáng nay có lần mẹ bỗng dưng hét to lên: "Hôm nay con tôi tròn 17 tháng đây! Đã lâu mẹ mới có được một ngày nắng tươi và khô ráo như thế này. Ở nơi con vòm trời có xanh biếc như nước biển thế này không? Ngày hôm nay đẹp trời quá. Đúng là hè đã tới. Con sẽ sống ra sao trong mùa hè này?

Ngày 13 tháng 5 năm 1968. Trạm 14

Suốt đêm qua trằn trọc vì nhọt ở lưng sưng tấy nhức buốt. Không ngủ được mà cũng không suy nghĩ gì. được. Không nằm thẳng được, chỉ nằm nghiêng, mà nằm nghiêng lại đau khắp mình mẩy. Lắm lúc phải rung rung võng cho đỡ đau. Trong người ngột ngạt. Suốt từ hôm ở trạm Một đến giờ mình chưa tắm được. Trưa và chiều nay ở lại đây, 4 giờ sáng hành quân tiếp để vượt sông. Mình quyết định đi tắm. Nước suối đục ngầu. Bộ đội nấu cơm bên suối đông nghịt. Phải xuống cuối nguồn nước. Giăng tấm ni lông vào hai ngọn cây thấp ven suối che được một bên rồi tắm. Gội đầu, tắm và giặt một loạt, 2 giờ kém mười lăm mới về đến bãi trú quân. Tắm xong nhẹ người. Lúc vác quần áo đi tắm, ai cũng kêu:. "Bộ đội đông lắm, phụ nữ không lắm được đâu". Thế mà rồi cũng tìm cách tắm được tuốt. Tắm thoải mái là đằng khác. Về, lại lao vào nấu cơm ngay.

Ngày 16 tháng 5 năm 1968

11 giờ trưa nay sẽ lên đường đây. Sáng nay mình với anh Sác và Oanh đi hái rau lang. Một đám lang của trạm trồng trên bãi đất ven suối. Đó là đám lang

duy nhất ở vùng này. Biết là của trạm nên các đoàn châu vào hái, ngọn đám lang đã cụt như bị xén. Tuy vậy lang vẫn không ngừng đâm chồi. Bọn mình ba người hái ba chét tay đem về.

Rau khoai của ai đấy? Của trạm à? Vậy cứ hái thôi.

Khổ cho đám lang thảm hại. Nhưng mình thật biết ơn ai đã trồng nên nó, trồng mà có lẽ chả bao giờ được ăn cả. Mình nghĩ đến một cô gái nào đó thầm lặng trồng những đám rau ven suối như thế cho các đoàn bộ đội hành quân qua. Ôi! Tấm lòng cô gái cũng trong lành tuyệt vời như dòng suối chảy kín đáo giữa rừng kia. Có thể mình sẽ viết một cái gì về điều này chăng?

Trên đường đi hái rau ở chân đồi, mình gặp một ngôi mộ mới của chiến sĩ ta. Ngôi mộ nằm khuất giữa những lùm cây, một nắm đất nâu đỏ đắp hình chữ nhật thâm thấp. Đầu mộ gối lên phía đồi. Có một vòng hoa nhỏ hình bầu dục. Vòng hoa chỉ còn cái vành nứa với hai nan buộc chữ thập. Nhưng hai bông hoa cắt bằng giấy pơ luya trắng thì còn nguyên vẹn. Hoa kết khéo làm nghĩ đến một bàn tay con gái. Ôi, cô gái nào đã kết cho anh hai bông hoa đó hỡi chiến sĩ vô danh? Anh không có bia ghi tên, tuổi, ngày hy sinh. Mộ chỉ có hai bông hoa trắng đó. Cô gái trồng lang kia và cô gái kết hai bông hoa này?

Cô gái ơi, tôi sẽ đưa cô vào sáng tác của tôi nhé.

NGUYỄN SINH (nhà văn): ĐƯỜNG 20

Còn nhớ không? Anh nhào tới, vừa hỏi vừa đưa thẳng cánh tay về phía trước, những ngón tay to, sần sùi, thô cứng như gỗ của anh chộp lấy bàn tay tôi nắm lại. Anh nhìn tôi, một con mắt hơi nheo lại như bị chói nắng, miệng tủm tỉm cười. Người này là ai nhỉ? - Tôi tự hỏi, mắt nhìn anh, cố lục lọi mọi ký ức. Một khuôn mặt to, vuông chữ điền với vầng trán rộng, đôi mắt hiền, thoáng rất hóm. Đầu tóc anh hãy còn đen nhánh, nhưng có một chùm nhỏ phía trên vành tai bên phải không hiểu sao lại bạc trắng như có một đốm nắng rọi vào.

Đời người phóng viên - một chuỗi dài những cuộc gặp gỡ có biết bao dáng người, biết bao bộ mặt đã đi qua và để lại những hình ảnh chồng chéo, lộn xộn trong trí nhớ của tôi? Riêng anh, anh có một cái gì đó rất khác, một cái gì không thể quên, không thể lẫn. Tôi biết chắc thế nhưng chưa nghĩ ra. Tôi đã gặp anh ở đâu? ở Gốc Khỉ, ở Cha Lo, ở ngã ba Lùm Bùm hay ở Khe Ve? Đột nhiên từ miệng tôi buột ra một câu hỏi:

- Anh Châu phải không?

Anh cười phá lên - một dáng cười không đẹp nhưng thật đáng yêu: miệng há to, mắt nhắm tít lại, đầu ngửa hẳn ra phía sau, đôi vai lực lưỡng rung lên từng đợt. Cùng lúc ấy tôi cảm thấy bàn tay mình càng bị xiết chặt trong những ngón tay gân guốc của anh. Như có một cơn xoáy lốc vừa cuốn đi lớp bụi thời gian, đã hiện lên lồ lộ trước mắt tôi cuộc gặp gỡ với anh ở ngã ba Khe Ve mùa đông năm trước. Thật ra đó chỉ là cuộc gặp ngắn ngủi và hết sức tình cờ.

Một đêm tháng mười không mưa, trời trong và ấm... Anh từ La Khê vào, tôi từ đèo Mụ Giạ xuống, đến đó gặp bom bi nổ chậm chặn đường, phải ngồi chờ. Ở mặt trận, con người ta sống với nhau dễ dãi và cởi mở, chỉ mới gặp một lúc chúng tôi đã tíu tít mời nhau hút thuốc, uống nước chè đặc pha sẵn trong bi đông, rồi tự giới thiệu, và các câu chuyện cứ thế tuôn ra một cách thoải mái, tự nhiên. Nhìn người kể chuyện, không hiểu sao mấy mẩu chuyện vặt của Châu thu hút sự chú ý của tôi hơn cả, có lẽ vì nó rất hợp. Ngồi cạnh nhau ngót ba tiếng đồng hồ, chúng tôi chỉ trông rõ mặt nhau khoảng mười phút, lúc máy bay Mỹ thả hú hoạ một chuỗi đèn dù ngay trên đầu. Trước lúc

chia tay, anh bấm đèn pin ghi vội vào cuốn sổ của tôi một cái tên và địa chỉ: "Chu Đức Châu. Đội 25 thanh niên xung phong. Đường 20 - Cà Roòng".

Đường 20, một con đường trong hàng chục những con đường chằng chịt của tuyến vận tải Trường Sơn đối với chúng tôi, những người ở Quảng Bình, nó thường gợi lên một hình ảnh gần gũi, thân thương nhưng cũng phần nào mang màu sắc thần kỳ. Con đường xuyên Trường Sơn, vắt chéo từ phía đông sang phía tây, chạy giữa một vùng núi đá và rừng đại ngàn hiểm trở - có thể nói không ngoa là hiểm trở vào loại bậc nhất trên thế giới, được mở ra khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta bước sang thời kỳ quyết liệt nhất.

Đêm đêm từ vùng ven biển Quảng Bình nhìn lên phía tây, tôi vẫn thấy từng dãy đèn dù chăng dài, loạt nọ gối loạt kia, cháy sáng từ lúc mặt trời lặn cho đến lúc mặt trời mọc - y hệt như có một thành phố vừa dựng lên ở đó. Cũng từ con đường ấy thỉnh thoảng vọng về những chuỗi tiếng nổ kéo dài, nghe âm âm như tiếng trống rung trong lòng đất - các loạt bom rải thảm của máy bay B52.

Từ lâu tôi đã ao ước đi một chuyến lên đường 20. Sau lần gặp anh Châu và hẹn với anh, niềm ao ước càng giục giã. Nhưng rồi, hàng núi những công việc của một anh phóng viên báo hàng ngày thường trú ở tỉnh cứ làm chuội đi hết dự định này sang dự định khác. Một năm đã trôi qua. Lần này, lần thứ hai gặp anh Châu ở BT 14 cũng lại là gặp tình cờ. Vẫn nắm chặt bàn tay tôi, anh hỏi, vẻ trách móc:

- Sao chờ mãi chẳng thấy anh lên?
- Thì đang lên đây, họp kỳ này xong tôi đi với anh một thể.

Tôi tưởng rằng sau câu nói ấy, anh Châu sẽ vồ vập với tôi hơn, nhưng ngược lại, vẻ tươi cười trên mặt anh cứ nhạt đi nhạt đi rồi biến mất, nhường chỗ cho sự lúng túng đang hiện lên mỗi lúc một rõ ràng hơn. Anh buông bàn tay tôi, ngoảnh mặt sang phía khác. Một vài giây sau anh quay lại hỏi tôi, vẻ dè dặt, khác hẳn với thái độ bộc trực, bỗ bã vốn có của anh.

- Anh định lên thật à?
- Vâng, liệu có gì trở ngại không?
- Không, nhưng mà... có lẽ để một dịp khác thì hay hơn.

- Vâng, tuỳ anh...

Tôi không căn vặn gì thêm nữa, cố giữ vẻ mặt bình thường nhưng trong thâm tâm cảm thấy hơi khó chịu. Tôi đoán rằng anh muốn giữ bí mật hoặc giả anh không thích bọn nhà báo chúng tôi đến quấy rầy. Làm phóng viên báo Đảng nhiều năm, quen với sự săn đón chiêu đãi của các cấp uỷ các cơ quan, đôi lúc tôi cũng cảm thấy mình là "nhân vật quan trọng".

Chiều hôm ấy, trong khi ngồi họp, tôi nói điều thắc mắc của mình với anh L một cán bộ cấp tá công tác ở Bộ tư lệnh đoàn 559. Anh L cười, lắc đầu:

- Không phải đâu, Châu nó thật lắm, đừng nghĩ thế mà oan cho nó.

Ngừng một lát, anh ghé sát vào tôi, nói khẽ:

- Đang đói tợn, có đơn vị ăn bữa cháo rồi, chắc là Châu nó không muốn đón tiếp cậu trong một hoàn cảnh lúi xùi cực khổ quá đó thôi.

Tôi tin là anh L. nói đúng. Tưởng là có lý do gì khác chứ đói thì tôi cũng đã biết mùi. Từ sau ngày tuyên bố "ngừng ném bom hạn chế" (tháng 3-1968) Giôn Xơn dồn bom đạn dốc vào một số nút chặt hiểm yếu trên các tuyến đường ra trận như ngã ba Đồng Lộc, cầu Cổ Ngựa, bến Phà Gianh bến phà Long Đại v.v.

Chiến thuật mới này của địch cộng với các trận mưa lũ về sớm và dữ dội đã tỏ ra khá nguy hiểm. Hàng vào được rất ít so với thời gian trước. Trong khi ở phía bắc ngã ba Đồng Lộc kho tàng đầy ứ thì ở Quảng Bình xe ô tô không có xăng chạy và các kho gạo gần như trống rỗng.

Các cơ quan tỉnh, huyện thoạt đầu ăn mỗi ngày một bữa cơm, một bữa cháo, về sau cả hai bữa đều ăn cháo. Tôi và anh Quốc Vinh, cũng là phóng viên báo Nhân dân, đã phải đi hái rau tàu bay, bắt ốc suối về ăn thêm.

Sau bữa cơm chiều tôi đến tìm anh Châu.

- Chắc là kho gạo của đội 25 cạn rồi nên anh mới không muốn tôi đến chứ gì? - Tôi hỏi.

Anh sững ra một lúc rồi đưa tay gãi gãi vào chùm tóc bạc, trả lời ngập ngừng:

- Kể ra thì cũng chưa đến nỗi cũng kiệt, cơ mà... giá anh đến lúc khác thì đàng hoàng hơn.
- Ngày mai, tôi sẽ đi cùng với anh. Tôi cần biết trong những tháng này các anh sống thế nào.
- Đồng ý - Anh Châu nắm lấy tay tôi - Không có gì trở ngại đâu, chỉ hơi khổ một chút thôi.

Anh Chu Đức Châu kể. Mở một con đường - con đường theo nghĩa đen hay con đường theo nghĩa bóng đều là công việc mới mẻ và hết sức khó khăn. Mở đường qua Trường Sơn lại càng khó khăn hơn. Hãy nhắm mắt lại mà tưởng tượng: giữa một vùng toàn là núi đá, rừng đại ngàn hoang vu đến ghê người lên như vậy, sức vóc con người phỏng có nghĩa lý gì. Ấy thế mà dám san núi đi, mở một con đường lớn cho xe chạy. Chỉ nguyên ý định ban đầu đã là một sự táo bạo có tầm vóc lịch sử rồi. Con đường sau khi làm xong đó lại chỉ dài 82 cây số. Nhưng tính ra có tới 904 cua ngoặt, nghĩa là từ đầu chí cuối không có đến một đoạn thẳng vài trăm mét. Đường cong và hiểm trở đến mức lúc đầu, bom Mỹ thả xuống đều trượt ra ngoài hết. Về sau, chúng phải bỏ chiến thuật, dồn bom đạn vào những khúc hiểm yếu nhất, đánh bạt đi cả núi lẫn đường.

Mà không phải mở đường trong hoàn cảnh bình yên, thư thả, phải làm việc dưới bom đạn, lại phải làm gấp. Tôi còn nhớ rất rõ cái hôm đi nhận phần đường của đơn vị mình. Anh Hồ Huyên đưa tôi và anh Lâm, anh Dụ đến trước một cái dốc và hất hàm:

- Đường đấy nhận đi.

Tôi nhìn ngọn núi đá sừng sững trước mắt, thấy ngợp cả người. Anh Huyền nói tiếp:

- Dốc này gọi là dốc Đồng Tiền. Ngày xưa thằng Nhật cũng định mở con đường chạy dọc Trường Sơn, nó đã làm được một quãng bốn cây số. Nhưng rồi vấp phải dốc Đồng Tiền, thế là cu cậu đành bỏ.

Tôi định bước đi nhưng anh vội nắm lấy xà cột của tôi níu lại:

- Bỏ cái này ở nhà, có cần ghi chép gì đâu mà phải mang theo sổ sách, vướng lắm.

Nghe lời anh, ba chúng tôi quay về lán cất xà cột. Vị trí con đường, anh em khảo sát đã đánh dấu bằng cách chém bập vào các thân cây, chúng tôi cứ theo đó mà lần. Đã từng chiến đấu ở Tây Bắc, tôi chẳng lạ gì núi đá. Nhưng so với núi đá Trường Sơn thì núi đá Tây Bắc quả là không thấm vào đâu. Dưới chân, các gò đá nhọn hoắt, phủ đầy rêu trơn tuồn tuột. Trên đầu thảm lá dày đen kịt, tưởng chừng như đã hàng ngàn, hàng vạn năm nay chưa hề có một giọt ánh sáng mặt trời lọt xuống. Mọc chen giữa các cây sến, cây chò, cây săng lẻ... cổ thụ, những khóm mây song và các bụi dây leo vây bủa chằng chịt. Ba anh em nối nhau, người nọ giẫm lên dấu chân người kia, lần bước một cách thận trọng. Càng lên cao, đá càng nhọn và cây rừng càng rậm rịt. Lúc đầu đi lom khom, về sau chúng tôi phải dùng cả hai tay, bò như vượn.

Một ngày đầu tháng 1 năm 1966 làm lễ khởi công. Hôm ấy trời nắng. Mặt trời lên sớm, mới tám giờ sương đã tan hết, nắng vàng rực. Bầu trời xanh biếc, loáng thoáng vài lọn mây trắng muốt. Toàn đội tập họp dưới chân dốc Đồng Tiền. Sau buổi lễ ngắn gọn, trừ một số người lo việc nổ mìn, từng đại đội tản ra ngồi chờ bên bờ suối. Được ngày nắng chim chóc hót vang rừng, nét mặt con người trông cũng như tươi mới hẳn ra. Các cô gái nhởn nhơ đi hái hoa, bắt bướm, nhặt các hòn cuội trắng trong lòng suối, một số người hát... Chợt một hồi kẻng vang lên. Năm phút sau, những tiếng nổ rung chuyển núi rừng. Khi khói tan hết, nhìn lên phía dốc Đồng Tiền, chúng tôi thấy sườn núi bị bóc đi một mảng lớn. Những cây lim, cây sến, cổ thụ cũng bị đánh bật gốc và hất băng xuống vực. Quãng sườn núi bị phá, đã có hình một khúc đường, sáng trắng lên một cách ngạo nghễ trong ánh nắng ban mai.

Mọi sự nghiệp ở đời, dù lớn dù bé, khúc mở đầu bao giờ cũng quan trọng nhất. Con đường từ trong ý nghĩ, trên bản đồ đã trở thành hiện thực, không còn có lý do gì để hoài nghi, ngần ngại. Chúng tôi đã lao vào với tất cả sức mạnh và tình cảm hăng say của tuổi trẻ, lao động cật lực không tính ngày tính giờ, vượt qua mọi gian khổ hy sinh...

Tháng 5 năm 1966, đoạn đường của đội 25 vượt núi Đồng Tiền, vượt dốc Ba thang, nối với phần đường của các đơn vị bạn từ phía Tây tiến sang. Đường 20 - đường Quyết thắng - đã mở thông. Trong những đêm mùa khô năm ấy,

chúng tôi đã thức suốt từ đầu hôm đến sáng để ca hát và đón chào những chuyến xe đầu tiên chạy trên con đường của chúng tôi đi từ phía Đông sang phía Tây Trường Sơn. Cùng đi trên chuyến xe đầu tiên, tôi còn nhớ có một đoàn các nhạc sĩ. Một trong những người ấy đã viết bài ca Đường Quyết Thắng với đoạn mở đầu như sau: "Chọc thủng Trường Sơn đi mở đường thắng lợi. Đường Quyết thắng - chí ta thề quyết thắng". Bài ca ấy ngày nay được coi như bài ca chính thức của đội 25 chúng tôi.

Kẻ địch dĩ nhiên không để yên. Nếu như trong những ngày chúng tôi làm đường, chỉ có những chiếc máy bay trinh sát bay lượn thì bây giờ khi con đường bắt đầu hoạt động đã đến lúc những chiếc con ma thần sấm mang đầy bom mò đến. Bom nổ ở Cà Roòng, ở A Ki, ở cây số 59... Trước đó, không ít người nuôi hy vọng làm xong đường sẽ được đi học, được về nhà, ít ra cũng là một chuyến đi nghỉ phép chừng nửa tháng mươi ngày. Phải tạm gác sang một bên những hy vọng ấy, hãy xông ra lấp hố bom, sửa đường cho xe chạy. Và cứ thế, chúng tôi gắn bó với con đường cho đến tận bây giờ.

Điều tôi muốn nói với anh là chúng tôi đã sống như thế nào, trong những năm tháng chúng tôi ở Trường Sơn. Ăn bữa cơm đầu tiên đã biết là gian khổ. Gạo để lâu trong hang đá, vừa mục, vừa ẩm, hạt cơm nhạt thếch, bốc lên thứ mùi hôi găn gắt. Thức ăn chỉ độc một món, mắm ruốc Quảng Bình. Giá có hành mỡ chưng lên thì còn khá, đằng này chỉ ăn sống. Các cô gái Nam Hà vừa ngửi mùi là đã nôn thốc nôn tháo ra rồi.

Tháng chín, mùa mưa bắt đầu. Các con suối cạn biến thành thác lũ cắt hết mọi ngả đường. Gạo không chuyển về được. Thoạt đầu rút bớt cơm, sau hạ xuống bữa cơm bữa cháo, rồi hai bữa cháo. Đơn vị bạn ở bên kia suối đã liều mạng cho người chuyển gạo sang nhưng sức nước mạnh quá cuốn băng cả người lẫn gạo. Cũng may khi chúng tôi vét đến những cân gạo cuối cùng để nấu cháo thì cũng là lúc trời tạnh. Thật hú vía!

Hết mùa mưa tiếp ngay đến mùa khô. Cái khối nước khổng lồ trời trút trong mấy tháng vừa qua biến mất tăm vào các hang động, các suối ngầm chằng chịt trong lòng núi đá. Khe suối cạn khô, thiếu nước ăn, nước tắm giặt. Hàng ngày các đại đội phải cử người đi xa năm sáu cây số để gánh nước ăn. Thậm chí có lúc phải chặt chuối rừng, hứng lấy nước mà uống. Rồi bệnh sốt rét hoành hành, hầu như không một ai tránh khỏi.

Và thiếu thốn đủ mọi thứ: thiếu thức ăn, thiếu quần áo thiếu giấy, thiếu găng tay bảo hộ lao động, thiếu xà phòng, thuốc đánh răng, bồ kếp gội đầu, vải xô vệ sinh cho các cô gái... Những cô gái ấy lúc ở nhà, dầu chưa lấy gì làm sung sướng, họ cũng đã lớn lên trong một cuộc sống mới, bắt đầu tiếp xúc với văn minh, họ cảm thấy khổ sở biết bao khi cả nửa năm trời không có một mẩu xà phòng, một quả bồ kếp để gội đầu.

Có lần được cấp phát năm cân xà phòng bột, tôi phải gọi các ban chỉ huy đại đội lên và tuyên bố dứt khoát: "Chỉ dành cho phụ nữ, anh đàn ông nào mà đụng đến thì phải chịu kỷ luật".

Lại còn cả những khó khăn mà suy cho đến cùng chỉ tại chúng tôi, những cán bộ lãnh đạo gây ra. Tất nhiên không ai cố ý, chẳng qua vì tầm nhìn quá hẹp quá cũ kỹ mà thôi. Có đồng chí nặng về động viên, thích dùng những lời hô hào trống rỗng hơn là quan tâm tỉ mỉ đến đời sống vật chất và tinh thần của người chiến sĩ.

Lại có những đồng chí quá khắt khe, hẹp hòi, thành kiến bất cứ ai không phải là nông dân. Họ thích dùng những từ ngữ nặng nề như "mất lập trường", "tiểu tư sản", "hữu khuynh", "tả khuynh" chụp lên đầu những người có ý kiến trái ngược với mình. Cách sống ấy đôi khi tạo ra trong đơn vị một không khí nặng nề, người này giữ kẽ với người kia, hạn chế rất nhiều sự hăng say của tuổi trẻ.

Có lần anh L. Và anh M. đã xảy ra một cuộc tranh cãi kịch liệt về chiếc kèn ác-mô-ni-ca của đồng chí Lượng. Anh M ra lệnh cấm không được thổi lên vì lý do phải giữ bí mật. Anh L cãi: "Thế nào, anh định biến tất cả thanh niên ở đội 25 này thành cụ già cả hay sao? Không hát, không thổi kèn, còn gì là thanh niên nữa?". Anh M chụp luôn. "Chính vì những suy nghĩ lệch lạc như thế cho nên ở đại đội bốn mới xảy ra lắm chuyện rắc rối". Anh L ức quá chạy đi tìm tôi để phân giải.

Quả thật ở đại đội bốn, một đại đội gần phần nửa là thanh niên thị xã cho nên sinh hoạt có phần nào lỏng lẻo và thường xảy ra nhiều chuyện rắc rối hơn ở các đại đội khác. Chẳng hạn như đồng chí K nhân lúc di chuyển mìn đã bẻ mía của đồng bào về ăn, hay đồng chí S trong bữa ăn trưa vì tức đồng chí N đã đá tung cả xoong cơm của tiểu đội xuống suối.

Nhưng chuyện sôi nổi nhất ở đại đội bốn lúc đó là các “cụ tổ ông già".

Đồng chí Th trước đã học đến năm thứ ba trường Đại học Bách Khoa, không biết vì lý do nào mà bị đuổi khỏi trường. Về nhà, Th sống bám gia đình một thời gian rồi ghi tên đi thanh niên xung phong. Th tốt bụng rộng rãi với mọi người và lao động hăng, nhưng anh ta sống lập dị: để tóc dài, râu dài, không hề nói chuyện với phụ nữ, xong các buổi làm việc là ngủ, đánh tú lơ khơ. Các bạn cùng tiểu đội gọi anh là ông Men-đê-lê-ép vì anh có bộ râu rậm, cặp mắt sâu, hơi giống nhà bác học Nga đã phát minh ra bảng tuần hoàn các nguyên tố, và vì anh cũng đã từng học khoa hoá.

Tập họp xung quanh Th có một số đồng chí đã học hết cấp ba như M, P, Q, T v.v... Họ cũng để tóc dài, để râu, không giao thiệp với phụ nữ và tự nhận là "tổ ông già". Anh M nhiều lần nhắc tôi phải có thái độ cứng rắn với các đồng chí ấy.

Một hôm nhân ngày nghỉ tôi xuống đại đội bốn. Cả đại đội vào rừng lấy củi, chỉ có Thu Hương, một cô gái thấp, bé vừa dứt cơn sốt ở lại trông nhà. Tôi hỏi Thu Hương về chuyện "tổ ông già". Cô ta nói ngay:

- Em thấy hình như các anh nêu vấn đề lên to quá, chuyện có gì đâu, họ vẫn lao động hăng, vẫn sinh hoạt đều còn như tính nết thì mỗi người một vẻ...

Thấy tôi gật đầu, cô nói thêm:

- Em nghĩ nếu họ là người không tốt họ đã bỏ trốn từ hồi ở Nghĩa Đàn rồi, đã đem nhau vào đây là người tốt cả rồi các anh ấy sẽ thay đổi anh ạ.

Khi tôi mang ý kiến của Thu Hương nói lại với anh M, anh cau mặt:

- Thế là anh "theo đuôi quần chúng", chúng ta phải có lập trường dứt khoát, không thể lơ mơ như vậy được.

Chính lúc đó anh Đồng Sĩ Nguyên, tư lệnh đoàn 559 đến thăm đơn vị. Anh đi xem nhà bếp, lán trại, hầm trú ẩn và nói chuyện với các chiến sĩ rồi về làm việc với ban chỉ huy đội. Nhìn vẻ mặt anh, tôi thấy hình như anh có điều gì không vui. Tôi mở cuốn sổ tay ra định báo cáo tình hình nhưng anh Nguyên vội đưa tay ngăn lại:

- Xin lỗi, tôi muốn hỏi đồng chí, có điều gì khác với những điều mà các đồng chí đã báo cáo hàng tuần, hàng tháng không?

- Dạ không ạ - Tôi trả lời.

- Vậy thì thôi, tôi biết cả rồi, đừng nhắc lại làm gì mất thì giờ. Tôi xin phép được phát biểu với các đồng chí một vài cảm tưởng của tôi sau khi đi thăm đơn vị.

Anh ngừng lại, nhìn chúng tôi như có ý thăm dò rồi nói tiếp:

- Nói chung là tôi rất phấn khởi. Trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn đủ mọi thứ mà anh chị em lao động được đến thế là giỏi lắm rồi, không thể phàn nàn vào đâu được Thế hệ trẻ của chúng ta thật tuyệt vời. Tôi chỉ hơi buồn...

Một lần nữa anh Nguyên đưa mắt nhìn liếc qua chúng tôi.

- Các đồng chí chúng ta ngồi đây này, các đồng chí ít tuổi hơn tôi mà xem ra già hơn tôi nhiều. Các đồng chí chỉ huy thanh niên nhưng hình như các đồng chí ít hiểu thanh niên. Các đồng chí bắt chiến sĩ ở trong những cái lều xiêu vẹo lụp xà lụp xụp trông nhếch nhác quá. Đời sống vật chất đã vậy, sinh hoạt văn hoá tinh thần cũng hết sức nghèo nàn. Tại sao không tổ chức các tổ văn nghệ, không ca hát?

Tôi trả lời dè dặt:

- Báo cáo anh, có lệnh ở trên là không được làm nhà to không được ca hát ầm ĩ vì sợ lộ bí mật ạ.

- Cấp trên nào ra lệnh như vậy? - Anh Nguyên cau mày - Tào lao hết. Thật là hết sức ngây ngô. Các đồng chí nổ mìn phá đá, làm đường ầm ầm như vậy thì không lộ bí mật, còn thanh niên múa hát thì lộ? Kỳ cục quá! Các đồng chí rất thích nói đến lý tưởng cao đẹp, rất thích cái câu "Thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước là trường đại học". Nói thế cũng được nhưng nói ít thôi. Hãy để tâm hơn vào cuộc sống hàng ngày của thanh niên. Khi hoàn cảnh bắt buộc phải chịu khổ, ta sẵn sàng chấp nhận, nhưng đừng tôn thờ cái khổ, coi như nó là động lực tinh thần của chúng ta. Nghĩ thế là sai, là bậy, là trái với chủ nghĩa Mác-lênin. Hãy để cho thanh niên làm nhà đẹp mà ở, làm

hội trường mà múa hát... Chớ có nhìn thanh niên bằng cặp mắt hẹp hòi, luôn luôn xét nét...

Sau chuyến về thăm của anh Đồng Sĩ Nguyên, tình hình đơn vị bắt đầu thay đổi theo chiều hướng tốt. Một mặt thì việc cấp phát dần dần đi vào nền nếp có hiệu quả hơn, mặt khác trong cách nhìn, cách sống của chúng tôi xem ra đã có một cái gì mới. Một loạt nhà to đẹp được dựng lên, thay cho những cái lán xiêu vẹo, thấp tè ngày trước. Gỗ, nứa Trường Sơn nhiều, mà tài hoa cũng không thiếu. Mỗi tiểu đội một nhà, mỗi nhà một kiểu với những chấn song, những cửa sổ tròn, cửa sổ bầu dục, những giàn phong lan... Đêm nào máy bay Mỹ cũng thả đèn dù nở trắng rừng, các cô vốn là thợ may, thợ thêu Nam Định, Phủ Lý tha hồ mà trổ tài trang trí. Đẹp nhất là hội trường các đại đội, có sân khấu với phông, màn, cánh gà, ghế ngồi cho hàng trăm người...

Phong trào ca hát bốc lên rất mạnh. Điều lý thú là ở đại đội Bốn, "tổ ông già" lại trở thành hạt nhân văn nghệ. Với cây đàn ghi ta, vài cây sáo trúc, vài chiếc đàn bàn "tự trang lự chế", mấy tay hát đơn ca, đồng ca, họ làm đội 25 nổi danh trên khắp tuyến đường Quyết Thắng.

Thoạt đầu chỉ "tự túc", về sau các tổ văn nghệ chúng tôi còn đi phục vụ đơn vị bạn, phục vụ các đoàn xe ra trận trong mùa chiến dịch.

Một đồng chí lái xe ở tiểu đội 54 anh hùng bị thương mù cả hai mắt, gần đây viết thư vào cho chúng tôi nói: "Trước khi vượt khẩu rồi bị thương tôi đã được nghe một cô gái Nam Hà trong đơn vị các đồng chí hát điệu chầu văn. Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ nghe hát mà lại xúc động đến thế. Xin gửi lời cám ơn các đồng chí; cám ơn cô gái hát chầu văn. Nhờ các đồng chí nói hộ với cô ấy rằng, tiếng hát cô ấy giờ đây vẫn là nguồn sức mạnh giúp tôi chiến thắng thương tật" .

Theo đà ấy, cuộc sống vật chất mỗi ngày một khá hơn. Bữa ăn bắt đầu có rau xanh, từ món đơn giản nhất là cây chuối rừng, tiến dần lên. Bây giờ trong bản danh mục rau rừng của chúng tôi đã có đến hàng chục thứ. Bình thường có chua me đất, môn thục, rau má, rau tàu bay, lá mua chua... "cao cấp" hơn là rau giớn ăn ngon như giá đậu, lá lưỡi bò rất ngọt, nấu canh không cần mì chính, là măng nứa, măng giang. Đặc biệt nhất là món rau sống do các cô vốn quê vùng Kim Bảng gần chùa Hương tìm ra. Tất nhiên những tìm tòi ấy

đều phải trả giá cả. Đại đội Năm đã có lần ăn rau ngót rừng, bị ngộ độc một lúc hơn bốn chục người, phải gọi đơn vị bạn sang khiêng đi bệnh viện. Và rừng Trường Sơn bây giờ không nơi nào không có bom, mìn của Mỹ, rau xanh có lúc đã phải đổi bằng máu đỏ.

Một hôm có đồng chí cán bộ ở Trung ương Đoàn Thanh niên vào công tác, thấy ống đèn dù để la liệt khắp nơi, đồng chí ấy nói: "Của này mà đem ra ngoài ấy thì giá trị phải biết" . Lập tức trong đầu tôi, nảy ngay ra một ý định. Nhân có chuyến xe đi Nghệ An lấy hàng, tôi chở ra mấy chục chiếc ống đèn dù. Lần ấy đổi được đàn gà hơn chục con và một chú lợn giống khoảng chục cân. Trên đường về đồng chí Đài nhốt lợn vào bao tải, khi mở ra thì thấy nó đã chết còng queo. Lần sau lại chở ống đèn ra, đổi được hai lợn. Các đại đội thi nhau chăn nuôi. Đèn dù Mỹ thả xuống càng nhiều gà lợn càng tăng nhanh. Đã có lúc mỗi đại đội nuôi thường xuyên mười lăm, hai mươi con lợn và hàng trăm gà mái đẻ.

Khi người ta lưu tâm và chịu khó suy nghĩ thì rồi mọi sự khó khăn cứ được gỡ ra dần dần. Tỉ như cái việc chế biến món ăn. Lúc đầu chỉ độc hai món: người khoẻ ăn cơm, người ốm, người mệt ăn cháo. Mà nấu cháo bằng thứ gạo để lâu trong hang đá thì chao ôi! Người khoẻ còn không muốn nuốt nữa là người ốm. Về sau cô Đào cấp dưỡng nghĩ ra cách giã bột quấy hồ. Anh Hồ Huyền thấy vậy gợi ý: "ta thử làm bánh xèo xem sao". Thế là thêm được một món.

Vẫn khó khăn là không có cối giã. Một đồng chí đề nghị: "nhà bếp ngâm gạo rồi phát về cho các tiểu đội giã". Bắt đầu từ đó, cứ bữa nào sắp ăn bánh xèo là trong đơn vị diễn ra cảnh giã bột tập thể rất vui. Anh nào vớ được cái gì thì giã bằng cái ấy: bát sắt, mũ sắt, ca uống nước, tiếng "cong cong"... "cục cục" cứ vang lên khắp từ đầu đến cuối doanh trại. Cuối cùng lại chở ống đèn dù ra Nghệ An đổi lấy bốn chiếc cối xay bột. Thế là ổn. Bây giờ chúng tôi có thể làm được đủ loại bánh: bánh xèo, bánh cuốn, bánh đúc, bánh dợm, bánh đa... Và bún nữa. Có đồng chí đã làm thơ ca ngợi bún:

Bún mồng năm mẹ nấu

Chan với nước cua đồng

Hôm nay ở chiến trường.

Ăn bún chan canh thịt.

Lòng em càng da diết

Nhớ mẹ và nhớ quê ...

Kể những chuyện vặt vãnh ấy với anh, chẳng phải vì tôi muốn tô vẽ cho cuộc sống ở Trường Sơn. Không, cần gì phải làm thế. Ai không biết cuộc sống Trường Sơn là gian khổ, là máu lửa, là hy sinh.

Trên đường vào đây, chắc anh còn nhớ chúng ta đã đi qua nghĩa trang. Hàng trăm nấm mộ. Rặt một lứa tuổi mười chín, hai mươi, người già nhất cũng chỉ mới hai mươi bốn. Trong số những anh chị cùng lên tàu, cùng hát với tôi ở Nam Hà dạo ấy, nhiều người đã ngã xuống và ở lại đó mãi mãi.

Cách đây vài hôm chúng tôi vừa vĩnh biệt Lý, cô Lý chim chích" đã có lần suýt bị gạt lại vì chưa đủ tuổi. Năm nay cô ấy mới bước sang tuổi mười chín. Cả Nguyễn Thị Liệu nữa, cũng hy sinh rồi. Nghĩ đến đồng chí nào đã hy sinh tôi cũng thấy lòng mình đau quặn lên, riêng với Liệu, bên cạnh nỗi đau còn có một chút gì như là sự hối hận. Liệu xinh đẹp, tươi trẻ, hồn nhiên, đôi lúc tôi cứ nghĩ như trời sinh cô ấy là cốt để làm cho cuộc đời chúng ta đẹp thêm.

Không phải chỉ trong đội 25, trên cả tuyến đường 20, nhiều người biết và quý mến Liệu. Cô là người con gái đầu tiên trong đơn vị chúng tôi nổ mìn phá đá, cũng chính cô đã đi đầu trong việc phá quả bom nổ chậm. Liệu hát hay, đặc biệt là hát chèo. Tiếng hát của cô - tiếng hát mà có anh nhạc sĩ nhận xét là “nguyên vẹn màu sắc dân ca" từng vang lên ở Ta Lê, ở cua chữ A, ở Pu-la-nhích, những trọng điểm nổi tiếng ác liệt ở Trường Sơn.

Anh Đồng Sĩ Nguyên đã có lần ghi tiếng hát của Liệu vào máy ghi âm, hễ có dịp là anh lại mở cho mọi người nghe và không quên ca ngợi người con gái ấy. Nhưng chúng tôi, hay nói cho thật đúng, một số người trong chúng tôi chưa thật tin yêu Liệu như cô đã tin yêu chúng tôi và tin yêu cuộc sống. Hồi còn ở Nam Hà, vì vướng chút lý lịch, cô suýt bị để lại. Vào đến Nghệ An, lại một lần nữa có người nêu việc ấy ra. Chiến công của Liệu làm những người ấy phải im lặng, song hình như trong đáy sâu lòng họ, những thành kiến xưa cũng chưa bao giờ biến mất.

Nếu "thanh niên xung phong là một trường đại học" như có đồng chí thường hay nói thì đối với tôi nó là trường đại học dạy ta biết yêu thương tin tưởng con người. Tình yêu ấy, lòng tin ấy - nếu tôi không nhầm đã là cội nguồn sức mạnh, là nền tảng tạo nên chủ nghĩa anh hùng, liệu có phải thế không anh?...

Ngày 20 tháng 10

Ngày thứ tám tôi ở đại đội sáu. Vẫn mưa. Suốt ngày đêm lúc nào cũng nghe mưa dội ồn ào trên thảm rừng và dòng suối lũ phía sau nhà gào thét đầy vẻ giận dữ, hung hăng, ánh sáng thiếu, giữa buổi trưa vẫn phải thắp đèn, vành mũi đen thui vì khói ma-dút.

Khắp thế giới xôn xao về chuyện Tổng thống Giôn-xơn của nước Mỹ sắp ra lệnh ngừng ném bom miền Bắc. Trong năm ngày đại sứ Mỹ ở Sài Gòn Bân-cơ bốn lần gặp Thiệu. Hăm-phơ-ri, Ních-xơn, Go-tơn đều đã lên tiếng. Ở đây bom vẫn nổ, và hình như rơi nhiều hơn lúc nào hết. Không nghe tiếng máy bay chỉ nghe tiếng bom rít trong từng không và tiếng nổ. Bom "toạ độ", cứ đều đặn mỗi giờ một loạt. B.52 đánh về đêm đánh bổ sung như cách nói của anh chị em ở đây.

Đường vẫn tắc. Mức ăn đã rút xuống: ra đường năm lạng, ở nhà ba lạng. Thức ăn thiếu. Rau muống trồng bên kia suối, không sang hái được, rừng dang, rừng nứa ở xa. Mỗi bữa quản lý Long chỉ xì ra hộp thịt hoặc vài lạng muối mặn. Nhà bếp chỉ còn một cách hoà các thứ ấy vào nồi nước lã, cho thêm ít muối và đun sôi lên. Thứ nước đó, anh nào thích ăn mặn thì gọi là canh, anh nào thích ăn nhạt thì gọi là nước mắm. Sáng nay có chuyện ở trung đội hai, tiểu đội nữ chỉ nhận hai phần ba suất cơm, phần còn lại xẻ sàng cho tiểu đội nam. Đại đội trưởng Danh khi kể lại chuyện đó với tôi đã rơm rớm nước mắt.

Chập tối B.52 ném bom gần lán, quả gần nhất cách nhà tiểu đội trưởng 300 mét. Ngồi trong hầm, cứ mỗi lần chớp bom loé lên lại trông thấy cặp mắt to đen láy và trong veo của cô Thu. Mười chín tuổi, Thu thuộc lớp thanh niên xung phong thứ hai vào Trường Sơn, hiện làm công tác thống kê của đại đội. Giữa đám bạn gái cục mịch, sạm đen vì nắng gió và sốt rét, trông cô hơi lạc lõng: vóc người thon thả, da trắng hồng, cặp môi đỏ mọng lúc nào cũng như đang chúm chím một nụ cười... Đã có lúc tôi thoáng nghĩ cô gái này chẳng

qua cũng chỉ là một thứ hoa lá, nhưng hoàn toàn không phải thế. Khi loạt bom B.52 cuối cùng vừa dứt, Thu bỗng quay về phía Danh.

- Anh còn nhớ cái hôm trong hang đá không nhỉ?

- Nhớ chứ, quên làm sao được - Danh đáp.

Và anh kể lại rằng đêm ấy anh ngồi trên máy ủi C100 cùng với thợ lái Nguyễn Phong Lưu, còn Thu thì đi phía trước, cô cầm một tấm dù trắng đi làm cữ cho Lưu lái máy. Chợt thấy bom chớp loé khắp xung quanh. Ba người nhào tới một cái hang đá bên cạnh đường. Bom tiếp tục rơi, có những quả nổ trước cửa hang và ngay trên đầu họ. Đá bị sức nóng của bom nung thành vôi bay tạt vào hang, làm mái tóc rất dài của Thu hôm ấy phủ một lớp vôi trắng toát. Thì ra Thu đã từng làm cữ cho máy ủi C100 suốt nửa năm trên trọng điểm. Cô chỉ về làm thống kê sau khi bị sức ép của bom B.52 quật hộc máu phải đi bệnh viện.

Ngày 21 tháng 10

Gần sáng mưa có dịu hơn. Danh bảo tôi:

- Mai nắng anh ạ.

- Thật không?

- Thật chân tôi quết lắm.

Chả là năm trước Danh bị thương vì giẫm phải mìn lá của Mỹ rắc trên đường. Vết thương đã lành nhưng mỗi khi tiết trời thay đổi, các khớp ngón và khớp bàn chân lại nhức buốt. Thu vẫn gọi cái chân của Danh là "phong vũ biểu”. Hải nói:

- Mai nắng thật đấy. Chân cậu Danh thì chỉ "để tham khảo” thôi, vợ chồng con chim thủ thỉ thù thì kia mới đáng tin, anh không nghe chúng nó đang kêu ngoài rừng à.

Tôi lắng nghe. Quả là có tiếng chim thủ thỉ thù thì kêu thật, từng chuỗi âm

thanh mơ hồ, lẫn trong tiếng mưa và tiếng suối, nghe như giọng nói thầm.

Dầu cả chân Danh và tiếng chim đều không phải là những bằng cớ xác thực, tôi vẫn cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm hơn. Nửa tháng lên Trường Sơn, chưa trông thấy mặt con đường 20, chỉ suốt ngày quanh quẩn trong hầm, nhìn mưa và nghe bom rơi, đôi lúc thấy nặng nề, tưởng như đầu óc mình cũng đang sũng ra.

B.52 vẫn đang dội bom một nơi nào đó bên kia núi. Từng chuỗi tiếng nổ bị các vách núi dội đi dội lại, kéo dài rền rĩ hồi lâu. Nằm gác chân lên tôi, Hải kể chuyện về mẹ anh. "Bà cụ thì buồn cười lắm anh ạ" - thỉnh thoảng Hải lại đệm vào một câu như vậy. Nhưng câu chuyện thì chẳng có gì đáng cười cả, giọng Hải đôi lúc trầm xuống, ngắt ra từng quãng, tưởng như anh đang phải nhớ lại các chi tiết một cách khó khăn.

Quê Hải ở Ninh Bình, một làng vùng chiêm trũng giống như tất cả mọi làng vùng chiêm khác. Mẹ sinh Hải năm mẹ đã bốn mươi sáu tuổi - đứa con thứ tám và cũng là đứa con duy nhất còn sống sót. Hải lên ba thì xảy ra trận đói năm Ất Dậu. Nhà còn lưng thúng thóc, bố để lại cho mẹ con rồi cắp bọc quần áo ra đi. Bố nói đi kiếm ăn, ít lâu sau nghe nói bố nằm chết ở quãng đường số một phía đầu thị xã.

Mẹ yêu con, quý con đến mê muội, y như một tín đồ ngoan đạo yêu quí chúa Giê-su. Năm Hải mười lăm tuổi, đã lên học cấp hai của trường huyện, chiều chiều mẹ vẫn ra đón ở đầu làng. Nhà ở kề đường sắt, thỉnh thoảng vẫn còn những con tàu chở đầu bộ đội chạy qua để đi mãi về phía Nam. Những anh bộ đội còn rất trẻ, vừa hát vừa vẫy tay với Hải, với bất cứ ai họ trông thấy bên đường. Những tiếng hát, những cái vẫy tay và ánh mắt tươi vui của họ dần dần trở thành nỗi ám ảnh, luôn luôn làm Hải phải trằn trọc, suy nghĩ. Hải ngỏ ý với mẹ muốn được đi bộ đội. Mẹ im lặng. Nhưng ban chỉ huy xã đội không ghi tên cho Hải vì lý do anh là con một.

Rồi Hải ghi tên đi thanh niên xung phong. Mẹ buồn nhưng mẹ cũng không nói một lời nào. Biết con sắp đi xa, mẹ nhốt gà, đổ thóc nếp vào xay, làm

mấy mâm cơm cúng bố, mời chú bác cô dì cùng các bạn của con. Khi Hải lên đường mẹ không khóc, không đưa tiễn, mẹ chỉ theo ra đến ngõ rồi lặng lẽ quay vào nhà. Hải cũng không dám quay lại, bởi vì theo như lời anh nói, nếu anh quay lại và trông thấy mẹ thì có thể chân anh sẽ khuỵu xuống mất.

Cùng với đơn vị thanh niên xung phong đầu tiên của tỉnh Ninh Bình, Hải vào thẳng Trường Sơn. Thoạt đầu đi thồ hàng bằng xe đạp trên đường 16, rồi chuyển tải ở dốc Khỉ, sau sang phía Tây Trường Sơn ở đường mới.

Giữa năm 1968, sau một trận sốt rét ác tính. Hải nằm bệnh viện suốt gần ba tháng, anh được chuyển về đơn vị này. Đầu năm ngoái, nhân một chuyến đi họp ở Hà Nội, Hải có ghé về nhà. Mới qua hai năm mà mẹ anh đã già đi nhiều quá: tóc bạc trắng, lưng còng gập xuống, chân bước đã run run. Hải dừng lại đầu ngõ, đứng nhìn mẹ đang tưới rau trong vườn. Nếu như ngày trước mẹ thường xách nước từ dưới ao lên một cách nhẹ nhàng thì bây giờ vẫn chiếc xô ấy, anh thấy mẹ nhấc hai lần không nổi.

"Mẹ ơi", Hải gọi to, rồi anh khóc oà lên và chạy ùa vào ôm chầm lấy mẹ. Ông chú ruột anh làm phó bí thư đảng uỷ xã kể lại rằng cứ hễ tết đến là mẹ lại ra đứng ở cổng làng, đợi con. Đợi suốt ngày ba mươi, suốt ngày mồng một, sang mồng hai mới làm lễ cúng gia tiên và mời họ hàng đến ăn uống.

Hải ở nhà với mẹ được ba ngày, chỉ vừa đủ thời gian lợp lại cái chái nhà bị bão làm sụp thăm hỏi bà con, bạn bè trong làng. Mẹ nhắm cho Hải một cô gái cùng làng, muốn anh đến chơi, nhưng anh từ chối vì lý do anh còn đi xa, đi lâu, chưa biết đến bao giờ mới trở lại. Mẹ cũng không nài ép. Rồi Hải lại đi Mẹ cũng chỉ đưa anh ra đầu ngõ...

Chiếc máy điện thoại im tiếng từ vài hôm nay, có lẽ vì đứt dây, chợt đổ một hồi chuông dài, vẻ gắt gỏng. Danh nhổm dậy cầm lấy tổ hợp. Hải bật lửa châm đèn. Nhìn đôi môi hơi mím lại và những đường gân nổi rõ trên vầng trán còn quá trẻ của đồng chí đại đội trưởng trong lúc nghe điện thoại, tôi đoán hình như có điều gì nghiêm trọng. Vẫn không thay đổi nét mặt, Danh vừa đặt tổ hợp vào máy vừa quay lại nói với Hải:

- Ông chịu khó đi gọi các trung đội trưởng dậy ta bàn chút việc.

- Có chuyện gì thế? - Hải hỏi.

- Việc mới toanh - Danh nói chậm rãi - Anh Châu ra lệnh toàn đại đội hôm nay đi gùi xăng.

- Gùi xăng thế nào...? - Tôi hỏi.

- Là cõng xăng trên lưng ấy, mỗi người cõng một can hai chục lít.

- Từ trước đến nay đã có lúc nào phải làm như thế chưa?

- Chưa - Danh lắc đầu - Lần này mới là một. Nó đánh ác quá, trong này xăng cạn sạch mà ngoài kia xe không vào được.

Ngày 24 tháng 10

Được thêm một ngày nắng. Mới sáng ra một lúc đã thấy nắng vàng ửng trên ngọn cây xăng lẻ. Nhìn qua khoảng hở hiếm hoi giữa hai vòm lá, bắt gặp một mảng trời xanh, thỉnh thoảng trôi lướt qua gợn mây trắng. Mặt rừng đã xe. Đêm qua nghe gió nổi ào ào như gió tây tháng sáu. Sáng nay, cụm phong lan vẩy rồng trước lán nở được chùm hoa - những cánh hoa mỏng manh, vàng rực như ánh nắng mùa hạ. Đầu óc tự nhiên nhẹ hẳn ra. Cả gà, chó, lợn cũng phởn phơ. Anh gà trống tía đầu đàn chốc chốc lại nhảy lên chiếc cối xay bột đứng nhìn lũ gà mái và gà con rồi cất tiếng gáy thật dõng dạc.

Không lúc nào ngót tiếng máy bay. Lũ phản lực ném bom, bắn rốc két xong, cút đi thì những chiếc OV 10 lại mò đếm dòm dỏ. Mờ sáng có tiếng phành phạch của máy bay lên thẳng ở phía núi bên kia. Danh đoán nó đi tìm cứu giặc lại bị bắn rơi. Hải lại quả quyết là nó đổ biệt kích xuống một mỏm núi nào đó.

Trong nhà hầm chi bộ đang để bàn kế hoạch thông xe và kết nạp Phúc vào đảng. Phúc là người độc nhất trong đại đội đã có vợ. Thấp, đậm, khuôn mặt vuông, lốm đốm tàn nhang và mái tóc húi móng lừa, dáng người Phúc toát lên vẻ chắc nịch cần mẫn.

Ở đây, người ta kể cho tôi nghe khá nhiều về chuyện Phúc: Phúc một mình lấp hố bom, Phúc trèo lên ta-luy lấy lửa napan đang cháy để đốt mìn phá bom nổ chậm, Phúc dập lửa cứu xe, Phúc là "kiện tướng" rau rừng... Khi tôi hỏi Phúc về những chuyện đó, anh chỉ cười: "thì anh bảo tôi còn có việc gì để làm ở đây nữa, vào Trường Sơn là để lấp hố bom, để phá bom nổ chậm, để cứu xe, để cứu hàng..."

Vẻ mặt và câu nói của Phúc làm tôi nghĩ đến Châu. Khi tôi hỏi Châu về chuyện anh đã cùng với Vũ Tiến Đề ngồi trên xe ủi C100 gạt bom nổ chậm xuống vực, Châu cũng cười như thế.

Có một điều không ai nói mà chính Phúc thổ lộ với tôi: đã có một thời gian anh bị xếp vào loại "chậm tiến". Điều ấy xét ra cũng chẳng có gì là khó hiểu. Phúc sinh ra trong một gia đình đạo gốc, ở một làng công giáo. Có thể nói bầu không khí anh thở hít hàng ngày đặc sệt những lễ nghi và sự sùng tín. Lên mười tuổi, Phúc thuộc lầu kinh bổn. Mười lăm tuổi, anh trúng giải nhất trong một cuộc thi đọc kinh của xứ. Cha mẹ Phúc từng nuôi mộng gửi con vào chủng viện để sau này thành kẻ "thay mặt chúa" trên thế gian. Nhưng mộng ấy không thành.

Hồi còn đi học, Phúc yêu một cô gái học cùng lớp nhưng tình yêu tan vỡ vì chính anh không chịu nổi sự ràng buộc của gia đình. Phúc bỏ học về đi cầy và theo sự sắp đặt của bố mẹ, cưới một cô vợ cùng làng, người trong bổn đạo.

Vào thanh niên xung phong, Phúc vẫn giữ lối sống cũ: khép nép giữ gìn, làm việc cầm chừng, không gần gũi bất cứ ai. Có lần hầm bị bom vùi, trong lúc mọi người hối hả lo đào với tự cứu mình thì anh chúi vào một xó ngồi khóc và lẩm nhẩm cầu kinh... Cuộc chiến đấu trên mặt đường đã biến Phúc thành một người khác. Sự biến đổi ấy bắt đầu từ lúc nào, anh cũng không biết nữa.

Một cô gái ngồi xổm trên tảng đá, hai tay khoanh trước ngực cúi xuống mặt suối, chắc cô đang mải nhìn đàn cá bơi ngược dòng nước. Tôi nhận ra Hồng cô y tá của đại đội.

- Cô Hồng làm gì đấy? - Tôi hỏi.

- Ối anh - Hồng quanh phắt lại, hai má đỏ ửng - Anh làm em hết cả hồn. Em... em chẳng làm gì cả, em đang chuẩn bị sốt rét.

Câu nói nghe thật ngộ. nhưng nét mặt cô gái không tỏ ra đùa bỡn một chút nào. Chắc sợ tôi không tin, Hồng nói thêm :

- Thật đấy mà, chúng em mới vào Trường Sơn, bọn chúng nó sốt rét cả rồi, nay đến lượt em.

- Tưởng là y tá thì vi trùng sốt rét nó phải sợ chứ?

- Anh cứ nói thế, đến bác sĩ nó còn chả sợ nữa là; hôm nọ ở phân viện sáu có anh bác sĩ mới chết vì sốt rét ác tính đấy . Anh ấy ở Hà Nội vào...

Đúng là Hồng đang sốt rét. Sau phút ngượng nghịu, dáng đỏ trên hai gò má lặn mất, để hiện lên nguyên vẹn một làn da nhợt nhạt. Cả đôi môi cũng tái đi. Tôi khuyên Hồng nên vào hầm nghỉ. Cô lắc đầu:

- Em mà nằm thì rồi anh Danh anh bắt phải ở nhà. Tối nay mở đầu chiến dịch thông xe, em phải ra đường, nhỡ ra có việc gì.

Hải đã có lần nói với tôi về cô y tá vui tính này. Một đêm - theo lời Hải, xe đã vào hết, các tổ xung kích được lệnh rút khỏi mặt đường. Đang đi, họ nghe ba tiếng súng - tín hiệu cấp cứu. Hồng và Tiến: hai người đi sau cùng tự động quay lại. Họ trông thấy một chiếc xe bị máy bay AC 130 bắn cháy giữa đường, cả hai người lái đều bị thương. Mẫn, người bị thương nhẹ đã cõng được Nhân, người bị thương nặng ra khỏi xe. Hồng bảo Tiến dìu Mẫn về, còn cô, sau khi băng bó các vết thương ở ngực, ở bụng cho Nhân, cô cõng anh vào một căn hầm trú tạm bên lề đường, cách chỗ xe cháy vài trăm mét. Trời mưa vừa dứt, hầm đầy bùn. Hồng ngồi lên một mẩu gỗ, bế người bị thương trong lòng.

Phát hiện ra chiếc xe cháy, máy bay Mỹ bay đến, chúng thả đèn dù, rải bom bi nổ chậm tạo thành một vòng vây chung quanh rồi lao xuống giội bom và bắn rốc két.

Nhân tỉnh lại. Anh hỏi Hồng:

- Đây là đâu hả đồng chí?

- Đây là K68.

- Đồng chí là ai?

- Tôi là Hồng, y tá ở đại đội sáu thanh niên xung phong .

- Cám ơn đồng chí.

Nhân im lặng. Mấy phút sau anh tắt thở. Hồng vẫn cứ bế anh trong hai cánh tay, ngồi như vậy cho đến sáng. Khi các đồng chí vượt qua vòng vây của bom nổ chậm, tìm đến hầm và đỡ các xác lạnh ngắt của Nhân đem đi, Hồng không đứng dậy nổi. Chân tay, mình mẩy cô như đã cứng lại.

Hồng chợt hỏi tôi :

- Anh quê ở đâu nhỉ?

- Ở Hà Nội.

- Phố nào hở anh?

- Phố Hàng Chiếu.

- Ồ thế thì gần chợ Đồng Xuân. Hồi ở nhà thỉnh thoảng em vẫn đi với u em ra chợ Đồng Xuân bán rau, bán chuối. ~

- Thế quê Hồng, ở đâu?

- Em ở Phú Thọ, từ Hà Nội lên thì đi lối bến xe Kim Mã ấy.

- Hôm ra đi u có khóc không?

- Không, u em chỉ lo thôi. U bảo: "Mày đần lắm, tao chỉ sợ đi ra rồi mày làm hỏng việc chính phủ”.

Cả hai chúng tôi đều bật cười, tiếng cười vang to làm đàn cá đang lội thảnh thơi trong lòng suối cũng phải giạt ra...

Hàng một, các tổ xung kích nối nhau rời doanh trại tiến về phía mặt đường. Cũng là lính đi vào trận, nhưng vũ khí của họ, không phải là súng. Xẻng, cuốc, xà beng và những quả mìn đeo quanh thắt lưng. Một số người vác trên vai những khúc gỗ đã đóng thành các vì kèo. Với các vì kèo ấy, họ dựng những chiếc hầm dã chiến ngay bên cạnh đường, sát chỗ làm việc.

Cuộc chiến đấu bây giờ đã quyết liệt tới mức phải giành giật với máy bay địch không phải từng giờ mà từng phút một. Tuy thế Thức vẫn không quên "quẩy theo đầu xà beng chiếc đàn măng-đô-lin và chiếc mõ phường chèo". Thỉnh thoảng mặt đàn quệt vào lá cây bên đường, vang lên những tiếng bum bum nghe ngộ nghĩnh, vui vui.

Bố Thức là nghệ nhân chạm đồ gỗ, anh tiếp thu được phần nào cái khéo léo, tinh vi ấy. Chiếc đàn măng-đô-lin là do Thức tự làm lấy, hộp đàn bằng gỗ thùng mìn, khoá lên dây bằng sắt máy bay, còn dây đàn thì nhặt nhạnh ở kho thông tin. Thức đánh đàn, viết các bài hát chèo, hát chầu văn, soạn các vở kịch nhỏ cho tổ văn nghệ "cây nhà lá vườn”. Ngoài ra anh còn làm thơ. Ở

đây anh chị em thường gọi Thức là "Thức thơ" để phân biệt với Thức tiểu đội trưởng và Thức "thuốc lào".

Nắng còn vàng rực trên ngọn núi xa nhưng dưới tán rừng đã thấy hơi sương bay lâng lâng như những làn khói mỏng. Máy bay Mỹ vẫn lồng lộn điên cuồng trên trọng điểm, bom nổ hết loạt này đến loạt khác, các làn sóng chấn động làm ngọn cây rừng rung lật phật. Có lẽ chúng đang cố dội thêm thật nhiều bom trước khi trời tối.

Con đường mòn chỉ vừa lọt hai bàn chân lượn ngoằn ngoèo giữa các mô đá, các gốc cây xù xì, vẫn còn rải rác đôi vũng nước và các quãng lầy. Thình lình có ai ngã phía trước, một chuỗi cười giòn giã, khoẻ khoắn với nhiều thứ giọng thanh trầm, trong trẻo và chua loét bật rộ lên.

- A, hoan hô đồng chí Trầm, mở đầu giòn giã quá.

Tiếng Trầm chao chát:

- Chưa ngã, mới suýt chạm đất thôi.

Một giọng con trai khác:

- Chắc là có ai nhắc?

- Thì "người ta" ở bên kia đèo chứ còn ai nữa.

- Chứ sao - Vẫn tiếng Trầm - Yêu nhau mà lại không nhắc à.

- Hoan hô, dũng cảm lắm!

- Xứng đáng là "thanh niên xung phong" lắm.

Phía sau tôi là Lý và Đằng, hai cô gái dường như quên hết mọi người xung quanh đang mải mê tranh cãi về con lừa và con la. Nghe đâu tháng trước người ta vừa dẫn đi qua đây một đàn lừa hoặc la gì đó dùng để thồ hàng.

Danh bỗng tách ra khỏi hàng, cúi nhặt một cái gì đó trong vũng bùn.

- Đây thằng này đây, suýt nữa tôi mất toi bàn chân với nó đây - Anh vừa nói vừa đưa cho tôi một quả mìn lá rỗng ruột.

Không biết những người sản sinh ra thứ vũ khí này gọi tên nó là thế nào, còn ở đây mọi người đều gọi nó là “mìn lá". Hình thù nó, giống như một chiếc

lá, cùng màu xanh, cũng có những đường gân, chỉ khác là dày hơn và nặng hơn. Những "chiếc lá" này đã được máy bay Mỹ thả hàng triệu, hàng triệu quả xuống dọc các con đường, các cánh rừng. Tiếng nổ của nó ngang chiếc pháo đùng và sức công phá chỉ vừa đủ làm nát bàn chân. Không phải vì sức công phá yếu như vậy mà nó không nguy hiểm. Nhà khoa học Mỹ nào đó khi nghiên cứu ra nó đã tính toán kỹ lắm. Một người nát bàn chân, phải thêm hai người khiêng, nghĩa là tức thời có ba người bị loại khỏi vòng chiến, là một bàn chân phải cưa, xã hội phải cáng đáng thêm một người thương tật. Nguy hiểm lắm chứ!

Để cản bước một dân tộc quyết tâm đi tới Độc lập và Thống nhất, đế quốc Mỹ đã ném vào cuộc chiến đấu này không phải chỉ một nền kinh tế, một lực lượng vũ trang mà cả một tiềm lực trí tuệ hùng hậu, hiện đại bậc nhất trên thế giới. Đủ kiểu máy bay, từ những chiếc AD6 cổ lỗ đến pháo đài bay B.52 và cánh cụp cánh xoè F111. Từ những quả bom cỡ tấn đến những quả mìn bé và nhẹ như chiếc lá.

Năm 1966, bom bi Mỹ chỉ một loại hình quả dứa, bây giờ có bom bi quả ổi, bom bi nổ chậm, bom bi khi nổ phóng ra cả những mũi tên thép... Năm 1966, Mỹ thả xuống dọc đường những chiếc máy điện tử tự động thu phát to như chiếc hòm thợ cạo và trắng lồm lộm, bây giờ chiếc máy đó biến dạng thành "cây nhiệt đới" - bằng chất dẻo, trông hệt như một cái cây thật... phải hiểu hết mức kẻ thù mới đánh giá được tầm cao trong tiếng cười vô tư lự của những người ra trận hôm nay.

Đường 20 - đường Quyết thắng!

Thật ra cho đến giờ phút này tôi vẫn chưa được đặt chân mình xuống mặt đường. Tôi chỉ đứng trên một điểm cao để nhìn nó.. Không thấy đường. Dưới sức nổ của hàng nghìn tấn bom và hơn nửa tháng mưa, cả một đoạn đường dài mấy cây số đã biến mất. Hố bom và hố bom... một màu đỏ ngồn ngang, dữ dội, nhìn nhức nhối tròng mắt. Lác đác những đốm đen, đó là những thân cây bị băm vằm, đất cháy dở dang, những khung xe méo mó chổng ngược lên chới với.

Xa mặt đường hơn một chút rừng cây bị phạt đổ, bị đánh bật gốc, bị đốt cháy... cả những ngọn núi đá cũng bị bom bạt đi, trơ ra từng mảng sườn đá

trắng hếu, trông đến lạnh người. Chỗ này lên là trọng điểm 68. Phía ngoài là đèo Pu-la-nhích, phía trong là sông Ta-lê và cua chữ A. Cả ba nơi đều bị máy bay địch phá dữ dội. Có người gộp chung lại gọi là “vùng trọng điểm ATP".

Danh chỉ một cái cây có bộ rễ quều quào chổng ngược lên trời, bảo tôi:

- Chúng tôi phải đảm nhận từ đó cho đến cái khung xe cháy kia, chỉ độ nửa cây số thôi. Phần còn lại do bên công binh. Cố gắng thông xe trước tám giờ.

Lúc này đã hơn 5 giờ, tôi thật không hiểu những người này sẽ làm cách nào để con đường lại hiện lên cho xe chạy ra tiền tuyến. Nhưng tôi không kịp hỏi. Một quầng lửa sáng rực chợt bùng lên, nhiều quầng lửa khác cũng sáng rực như thế nối nhau kéo thành một vệt dài chạy vun vút ở phía bên kia trọng điểm. Tiếng nổ xé tai, tưởng chừng như cả những ngọn núi đá lầm lì kia cũng đang rung lên.

- B.52!

Hậu, anh chiến sĩ trinh sát chuyên làm nhiệm vụ đếm bom và đánh dấu bom nổ chậm trên trọng điểm vội xô tôi và Danh vào hang. Loạt bom thứ hai nổ gần hơn, chớp lửa loé sáng vào tận trong hang, mùi khói bom khét nghẹt. Danh hỏi bâng quơ, chừng như anh không để ý gì nhiều đến các loạt bom ấy.

- B52 hôm nay ra sớm nhỉ?

- Thay đổi qui luật mà lại - Hậu từ phía chòi quan sát ngoài cửa hang nói với vào - Thế mà không khéo lại thuận lợi cơ đấy.

- Thuận lợi thế nào? - Tôi hỏi.

Danh trả lời:

- À là .. nó chưa đánh B52 thì mình còn nơm nớp, nó đánh rồi thì cứ việc mà làm một lèo cho đến lúc thông xe.

- Nó vẫn có thể đánh đợt khác chứ?

- Thì đã đành, cơ mà bom đạn thằng Mỹ cũng không phải là vô tận đâu anh ạ. Thường thường thì sau một đợt B52 giội bom, ít ra bốn năm tiếng nữa nó mới đánh lại.

Hết loạt bom thứ sáu, chúng tôi chờ thêm mười phút nữa rồi ra khỏi hang, đi về phía hầm "hộ tống", nơi tập kết lực lượng xung kích sửa đường.

Chiếc xe ủi đất C100 to xù một cách cổ quái vì những mảng nứa ốp xung quanh và mang đầy lá nguỵ trang đã nổ máy. Người lái trông đã đứng tuổi mặc áo giáp, ngồi lên chiếc mũ sắt, lưng tựa vào một gốc cây bị bom cắt cục, mấy ngón tay to lù, đen đủi đưa qua đưa lại dưới chiếc cằm nhọn, râu lởm chởm như một chiếc bàn chải. Các chiến sĩ xung kích ngồi rải rác trong căn nhà hầm lớn, một đám tú-lơ-khơ đang đánh trong đường hào. Hải đưa tay về phía người lái C100.

- Giới thiệu với anh đây là anh Nguyễn Phong Lưu.

Một cái tên nổi tiếng trên đường 20. Tôi từng nghe đồng chí Chu Đức Châu nói nhiều về anh. Lưu đứng dậy bắt tay tôi. Chiếc áo giáp và có lẽ cả bàn tay đầy dầu mỡ làm anh lúng túng. Khuôn mặt anh trông dữ nhưng nụ cười lại rất hiền. Một anh chàng có cái mũi hếch tướng nghịch ngợm, mặt đầy trứng cá ngồi dưới hào nói với lên, giọng giả bộ nhè nhè:

- Các cụ đặt tên bác là Phong Lưu, nhưng cái nghề bác ấy thì vất vả lắm anh ạ.

Những tiếng cười rộ lên. Bỗng một hồi kẻng gắt gỏng từ phía bắc dội về. Chiếc xe rùng mình, chồm qua một gồ đất, tiến về phía trọng điểm. Các tổ xung kích nối nhau đi theo vệt bánh xích...

Khi toán thanh niên xung phong cuối cùng ra khỏi cửa nhà hầm, tôi chợt thấy hiện ra một tấm bảng đen kê trên bộ chân làm bằng cánh bom từ trường. Các hàng chữ phấn trên bảng đá bị một tấm lưng nào đó làm nhoè đôi chỗ nhưng tôi vẫn đọc được: “Thứ... ngày... tháng 9- 1968" "giảng văn" "Kiều bán mình".

Không hiểu những cô gái, những chàng trai này - những người đang làm chủ vận mệnh mình, đang đánh thắng một kẻ thù hùng mạnh nhất trong thời hiện đại nghĩ gì về thân phận nàng Kiều?

Ngô Văn Phú (Nhà văn) MỞ ĐƯỜNG LỚN XUYÊN TRƯỜNG SƠN

Năm 1965

Khi Giôn-xơn thắng cử tổng thống Mỹ, tình hình ở miền Nam đang hết sức biến động. Mười bốn cuộc đảo chính của phe quân sự do các tướng đầu bò tiến hành, liên tiếp xảy ra. Phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ ở các thành phố miền Nam phát triển mạnh mẽ. Chiến tranh du kích phát triển rộng khắp cùng những chiến thắng An Lão, Bình Giã, đông-xuân 1964-1965, đã làm thất bại những cố gắng lớn của Mỹ trong âm mưu tiến hành chiến "chiến tranh đặc biệt".

Trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của ngụy quyền miền Nam, Giôn-xơn đã lao sâu thêm vào bước đường trực tiếp xâm lược nước ta. Một mặt, đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng quân sự Mỹ trực tiếp chiến đấu ở miền Nam, mặt khác leo thang cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc.

Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân ra miền Bắc, đế quốc Mỹ nhằm mục đích cơ bản là cứu vãn tình thế thất bại của Mỹ - nguỵ trong chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam, chúng mưu đồ ngăn chặn mọi sự chi viện của bầu bạn năm châu vào miền Bắc và sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam; phá hoại tiềm lực quốc phòng, tiềm lực kinh tế và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở hậu phương miền Bắc.

Dựa vào ưu thế về tiền của, về vũ khí, về các phương tiện kỹ thuật, chúng tìm mọi cách uy hiếp tinh thần, làm lung lay quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đạt được các mục tiêu chiến lược đó, Mỹ hy vọng sẽ củng cố được tinh thần quân nguỵ, ổn định được nguỵ quyền, đồng thời còn răn đe được phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang phát triển ở nhiều nước khác.

Trước tình hình đó, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 11 và ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Hội nghị nhận định:

"... Với những âm mưu và hoạt động mới của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước hoà bình đã biến thành tình hình cả nước có chiến tranh với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền; trong cuộc

chiến tranh cách mạng yêu nước của nhân dân cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam...".

“Những âm mưu và hành động mới của địch trước mắt là nhằm cứu vãn tình hình nguy ngập của chúng ở miền Nam; vì vậy, về phần ta, cách tích cực nhất để làm thất bại âm mưu và hành động ấy của địch là tập trung lực lượng của cả nước, tiến công địch và đánh bại địch ở miền Nam...".

Những giờ phút gay go, quyết liệt, những năm tháng thử thách cực kỳ nghiêm trọng lại đến với quân và dân cả hai miền Nam, Bắc nước ta. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Trung ương Đảng và Bác Hồ, quân dân miền Bắc đã sôi sục khí thế cách mạng sẵn sàng đánh bại mọi bước leo thang chiến tranh của đế quốc Mỹ và tiếp tục chi viện miền Nam.

Công cuộc chi viện cho tiền tuyến lớn để thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối chống Mỹ, cứu nước của Đảng, trước những tham vọng liều lĩnh của một kẻ địch có nhiều tiềm lực kinh tế và quân sự, không thể tính bằng những chiếc gùi và những đôi vai, những đoàn xe đạp thồ lặng lẽ đi trong rừng sâu Trường Sơn, trên những con đường mòn được nữa! Nhiệm vụ lịch sử đòi hỏi phải có một tuyến vận tải chiến lược với quy mô lớn bằng cơ giới, để chi viện nhiều hơn nữa cho miền Nam ruột thịt.

Từ Hà Nội trở vào, con đường vận chuyển bằng cơ giới vốn có sẵn từ trước, đang đứng trước những thử thách quyết liệt. Địch không ngừng đánh băm nát đường giao thông; chúng còn đánh huỷ diệt, các thị xã, thị trấn đông dân (Yên Bái, Đồng Hới, Phủ Lý), đánh vào các làng xã Khu 4 hết sức tàn bạo.

Tuyến giao thông từ biên giới, từ các bến cảng, cửa khẩu, đến vĩ tuyến 17, sau những ngày giặc Mỹ leo thang, dẫu gặp muôn vàn khó khăn, cuối cùng vẫn khắc phục được dần dần, nhưng còn tuyến vận tải cơ giới vượt Trường Sơn thì quả còn gặp rất nhiều trở ngại. Sau mùa mưa năm 1964, các con đường mới mở bị nước lũ phá hỏng nặng nề, nhiều đoạn không còn có thể chạy ô tô được nữa.

Chấp hành nghị quyết của Quân uỷ Trung ương, ngay đầu năm 1965, toàn tuyến 559 phải tập trung khả năng trí tuệ vào việc khôi phục đường cũ, mở

đường mới, thực hiện bằng được quyết tâm của Bộ Chính trị, xây dựng khẩn cấp tuyến vận tải cơ giới trên Trường Sơn.

Nhiều cuộc tranh luận về chọn tuyến cụ thể và xác định thứ tự ưu tiên thi công cho từng tuyến đã nổ ra trong đội ngũ cán bộ vận tải, cán bộ kỹ thuật giao thông. Người thì nói nên tập trung vào khôi phục nâng cao chất lượng đường 128, người thì nói nên thực hiện song song cả hai trục đường 128 và 129.

Tuy nhiên, cũng có ý kiến táo bạo hơn. Có người cho rằng, để rút ngắn đoạn đường đi thẳng vào đường 9, không phải chạy vòng thúng theo trục đường 128 và 129, nên khảo sát đoạn đường 15 phía nam Long Đại, điểm bắt đầu từ Thạch Bàn - Ho - Dốc Khỉ, đặt tên là đường 16, tắt ra Bản Đông rồi chạy vào đường 9. Cũng có ý kiến đề xuất nên mở đường cơ giới từ tây động Phong Nha bám theo hệ thống núi đá vôi qua dãy Cô Pông Ha vào Lùm Bùm, rồi xuôi đến bắc đường 9...

Kết thúc cuộc tranh luận. Bộ chỉ huy Đoàn 559 chủ trương: Khôi phục nâng cấp và tiếp tục mở thêm đường 128 kéo dài, mở đoạn đường từ Kim Cương - Na Pê đến Tà Xẻng, mở đường 20 và đường 16, khôi phục đường 129.

Căn cứ vào chủ trương của Bộ sẽ tăng viện lực lượng và kỹ thuật cho tuyến Trường Sơn. Đảng uỷ và Bộ chỉ huy Đoàn 559 hạ quyết tâm thời gian hoàn thành và thông đường như sau: đường 128 đến 30 tháng 8 năm 1965; đường đi Tà Xẻng đến 30 tháng 10 năm 1965; đường 20 đến 30 tháng 12 năm 1965, đường 16 đến 30 tháng 8 năm 1965 .

Bộ Chính trị và Thường vụ Hội đồng Chính phủ đã chỉ thị và giao nhiệm vụ cho Bộ Giao thông vận tải cùng Tổng cục Hậu cần, bằng mọi nỗ lực trước mắt triển khai nhanh chóng tuyến vận tải quân sự cơ giới. Đồng chí Phan Trọng Tuệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trực tiếp làm Tư Lệnh kiêm Chính uỷ Đoàn 559, đại tá Vũ Xuân Chiêm, phó chính uỷ, thượng tá Võ Bẩm, Phó tư lệnh và thượng tá Vũ Văn Đông, tham mưu trưởng,

Quân uỷ Trung ương xác định quyền hạn Bộ tư lệnh 559 tương đương cấp Quân khu. Đoàn 559 tổ chức các cơ quan chỉ huy tương đương cấp cục cấp dưới trực tiếp gọi là tuyến. Toàn

Đoàn chia làm ba tuyến, tương đương quyền hạn sư đoàn. Ngoài ra còn có ba công trường làm đường và bốn trung đoàn công binh trực thuộc.

Tuyến 1, phụ trách từ Mụ Giạ đến bắc đường 9. Chỉ huy gồm các đồng chí Vũ Toàn, Nguyễn Chúc, Dương Văn Hoà. Trong khu vực tuyến 1 có công trường 128 làm đường từ Lằng Khằng đi Noọng Cà Đen và công trường 20 làm đường từ Phong Nha, giáp đường 15 vào đến Lùm Bùm. Những công trường này đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Bộ tư lệnh 559 và sự chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải.

Tuyến 2 có phạm vi từ bắc đường 9 (S1) vào bắc Bạc (S5). Chỉ huy gồm có các đồng chí Nguyễn Lang, Đặng Ba, chịu trách nhiệm chỉ huy mở đường B.45 đi xuống tây Trị - Thiên và đường ô tô từ nam đường 9 vào Bạc.

Tuyến 3, từ Bạc vào Tà Xẻng, do đồng chí Nguyễn An chỉ huy, có hai trung đoàn công binh 98 và 279, chịu trách nhiệm xây dựng hoàn chỉnh đoạn đường Bạc vào Tà Xẻng, đường C4 (gọi là B.49) từ Hi Hà đến Tà Ngâu, đường thồ B46 từ Chà Vằn đi Nậm Công.

Còn công trường 16 làm đường thồ từ Ho đi Bản Đông, gồm lực lượng thanh niên xung phong và dân công Quảng Bình, trực thuộc sự chỉ đạo của Bộ tư lệnh 559.

Tất cả các tuyến phải nắm chắc phương châm chỉ đạo là: "Kết hợp mọi phương tiện cơ giới, thuốc nổ và thủ công, khai thác sử dụng nguyên liệu tại chỗ, tập trung lực lượng hoàn thành dứt điểm mục tiêu, nhiệm vụ đúng thời hạn".

Yêu cầu chủ yếu phải đạt là: các đường mới mở phải bảo đảm kéo được moóc (Rơ-moóc: thùng xe chất hàng. Các trung đoàn công binh của Bộ được điều vào làm nòng cốt cho các công trình.) và chạy được cả mùa mưa (nhưng trên thực tế không bao giờ đạt được yêu cầu này ở Trường Sơn. Mãi sau này cán bộ lãnh đạo tuyến 559 mới rút được kết luận chính xác về khả năng khắc phục sự cản trở của thiên nhiên Trường Sơn). Tu sửa đường cũ, nâng cấp và chống lầy tích cực để vận chuyển sớm sau mùa mưa. Vì vậy, mưa cũng mở đường, để chi viện trước mắt cho Khu 5, Tây Nguyên và Trị - Thiên.

Việc triển khai một loạt công tác tổ chức, khảo sát thiết kế, thi công được chỉ đạo chặt chẽ với những biện pháp cụ thể và khẩn trương. Miền tây Quảng Bình sôi động khác thường với các công trường lớn nhỏ nối nhau mở ra. Bộ tư lệnh 559 rút một bộ phận quan trọng từ các trung đoàn giao liên, gùi thồ, tổ chức nhanh chóng thành các đại đội và tiểu đoàn công binh. Một số các tiểu đoàn bộ binh bổ sung cho các chiến trường đang trên đường hành quân vào được lệnh dừng lại, tăng cường cho 559 mở đường cơ giới Trường Sơn.

Cả miền Bắc dành sự quan tâm cho con đường.

Những phương tiện, vật chất, nguyên liệu, xe, pháo, thuốc nổ, dụng cụ làm đường được chuyển ngay vào nam Khu 4. Ở các địa phương bộ phận tuyển quân cùng cán bộ cục quân lực thành lập nhanh hoặc điều động những đơn vị tăng cường biên chế vào Đoàn 559, trong đó có những đồng chí từng làm công tác vận tải từ thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Những kỹ sư tốt nghiệp khoa cầu đường của Bộ Giao thông vận tải, trường Đại học Bách khoa được lệnh gọi nhập ngũ, lên đường gấp vào tuyến lửa...

Các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh lần lượt thành lập các đội quân "Ba sẵn sàng", bắt đầu lên đường tiến thẳng vào Trường Sơn.

Bộ Giao thông vận tải cử đồng chí Nguyễn Tường Lân, Thứ trưởng, đồng chí Lê Nam Hải, Viện trưởng Viện thiết kế, và một số cán bộ chủ chốt, khẩn cấp vào triển khai những công việc trước mắt.

Những máy húc lớn C100, ĐPH được điều từ Bộ Nông trường vào cùng với những người lái, những thợ máy có nghề nghiệp vững, tình nguyện đi chiến trường. Những đội quân tiên phong khai phá núi đèo rất tự hào, hiên ngang tiến về phía trước, mở lối, đón các phương tiện máy móc tiến sâu vào các khu rừng rậm rạp, những vách núi hùng vĩ dựng đứng.

Những đoàn quân chân dép lốp, tay choòng, tay búa, nườm nượp tiến vào các khu vực công trường. Những dấu chân các chiến sĩ mở đường đã ngày một lấn sâu vào ruột rừng già.

Lán trại giăng khắp nơi. Tiếng người đã xua tan cảnh hoang vu nghìn đời của đại ngàn.

Máy móc phát động. Những làn khói xăng phả trộn với sương trời hoang dã.

Quân chủng Phòng không - Không quân và Quân Khu 4 được Quân uỷ Trung ương giao cho việc điều phối các đơn vị cao xạ vào ngay các tuyến, đánh địch bảo vệ lực lượng mở đường, bảo vệ đoàn ô tô chở những chuyến hàng đột xuất.

Tất cả đều hội tụ vào tuyến tây Trường Sơn.

*
* *

Trường Sơn - dãy núi dài, nằm dọc biên giới Việt - Lào, chạy suốt từ Bắc đến Nam. Nước Lào gọi Trường Sơn là Phu Luông (núi Lớn). Trong dãy núi cao hùng tráng như bức bình phong khổng lồ hứng gió biển Đông, có ngọn cao xấp xỉ 3.000 mét.

Phu Luông và Mè Khoỏng (sông Mê Công) là biểu trưng của đất nước Lào duyên dáng và tươi đẹp.

Dọc Trường Sơn có nhiều thung lũng rộng, những dãy núi vôi cao thấp lởm chởm, núi rạn tự nhiên, khoa địa chất gọi là các-xtơ. Thung lũng, đèo, các-xtơ là những ẩn số của các bài toán hóc búa luôn thử thách, kích động, gợi sự tìm hiểu, trí sáng tạo của những người mở tuyến Trường Sơn ngay giờ phút này và mãi cho đến ngày chiến tranh kết thúc. Bởi cũng từ đây, những túi nước sẽ được hình thành trong mùa mưa và lá khô cháy bỏng sẽ xuất hiện trong mùa nắng, đấy là một trở ngại lớn, có khi không khắc phục nổi.

Khí hậu Trường Sơn chia thành hai mùa rõ rệt. Mùa mưa lũ kéo dài tới sáu tháng, sau đó là mùa khô hạn.

Vùng giáp ranh, vùng đệm, cắt ngang bởi những dải núi đá lô xô, thời tiết quanh năm ẩm ướt. Các ngọn đèo trong những ngày mưa liên miên không dứt, sẽ biến thành những đoạn đường rất lầy trơn, nguy hiểm đối với vận chuyển cơ giới". Mỗi kinh nghiệm, thường thường phải đổi bằng máu.

Thiên nhiên có quy luật riêng ở rừng Trường Sơn không chỉ từng mùa, mà còn khác biệt giữa đông và tây giữa nam và bắc. Mọi hình thức hoạt động, chiến đấu ở đây đều phải dựa vào đó, nhất là trong vận chuyển quân sự. Có khi phải tranh thủ đến từng ngày nắng cuối cùng hoặc tuần đầu, tháng đầu khi mùa mưa vừa chấm dứt hơi sớm ở tuyến trước hoặc tuyến sau, để chạy xe.

Đường Trường Sơn, con đường vận chuyển cơ giới được bắt đầu từ quốc lộ 12. Theo các bình độ thấp, qua các đèo La Trọng, Y Leng, Bản Dinh, Cổng Trời, bám ngay sườn Cha Lo vượt đèo Mụ Giạ mà sang đất Lào.

Trên một trục đường dài hàng trăm kilômét, hàng vạn con người mở đường. Có tới sáu trung đoàn công binh. Bất chấp mưa to gió lớn, rừng già gào thét đe doạ, họ đã chiếm lĩnh các khu vực mình phụ trách. Các tiểu đoàn pháo 37, 14,5 và 12,7 milimél, chốt trên các đỉnh núi cao dọc tuyến đường sẵn sàng đánh máy bay địch. Bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân kỹ thuật, cán bộ giao thông, ở chen chúc trong các lán, "người đông như kiến", súng ống máy móc "dầy như củi" (Thơ Nông Quốc Chấn)

Mở đường qua những dãy núi Trường Sơn này quả thật là khó. Những thứ thiết yếu nhất cho những người làm đường như bản đồ hình thể, bản đồ địa chất, dân cư, tài liệu số liệu lưu trữ, ở đây đều thiếu.

Có chút vốn kinh nghiệm hơn các đơn vị bạn, có chăng là tiểu đoàn 25 công binh. Tiểu đoàn này thuộc Quân khu 4, được biệt phái sang Lào từ 1963. Họ làm một con đường cấp phối miền núi để chở hàng giao cho bạn ở hai tỉnh Khăm Muộn và Sa-va-na-khét. Tiểu đoàn 25 đã lăn lộn ở cung đường cheo leo, chằng chịt sông suối này từng thời gian ngắn, phục vụ các chuyến hàng định kỳ và đột xuất. Khi Đoàn 559 thành lập thì tiểu đoàn 25 được chuyển hẳn cho Đoàn và được giao sửa, mở rộng đoạn đường 128 chọc thẳng xuống đường 9. Đoạn đường đã mở cũ còn hẹp, mặt đường lồi lõm, gập ghềnh, thỉnh thoảng lại vấp phải nhiều đoạn lầy thụt nặng, cây cối đổ ngổn ngang.

Công trường lớn mở ra. Khối lượng phương tiện cũng lớn. Chất nổ, thuốc men, lương thực còn ở kho ngoài thì phía trong, các lực lượng mở đường đã triển khai việc thi công đã bắt đầu tiến hành. Những đoạn đường mở rộng chạy quanh co giữa rừng già đang khích lệ mọi người. Những đoạn có bàn tay bộ đội, công nhân, có máy móc tác động đến trông khác hẳn những đoạn đường cũ. "Ráng một lèo cho đường mở rộng thênh thang để đón xe vào tuyến" - Ai cũng thầm hứa như thế. Nhưng công việc đâu có thuận chiều. Khó khăn ban đầu cùng biết bao trở ngại mới không lường được đã thực sự thử thách ý chí con người.

Những trận mưa đầu mùa đã giội xuống. Thiên nhiên báo hiệu những rắc rối mới. Những cơn sốt rét run bắn người đến với tuổi mười tám, đôi mươi. Những bàn tay phồng rộp. Những giấc ngủ lịm sau ca làm việc quá sức mình. Những bữa cơm hụt dần thức ăn, rồi hụt đến rau, đến gạo. Trong chương trình hoạt động của đơn vị được ghi thêm nhiều tiết mục mới: lấy rau rừng, vác gạo ở kho X, kho Y, giọi mái nhà dột...

Bọ cạp đã cắn mấy anh chàng vạm vỡ khiến họ không lết chân được. Chỗ bị cắn nhức buốt vô cùng, người bị cắn nằm liệt ở trạm xá hàng tuần. Ruồi vàng để lại hàng loạt mụn loét ở bắp chân trắng mịn của các cô gái.

Giữa đêm, có tiếng hét rú lên như thể... hổ về. Nhưng có gì đâu chuột Trường Sơn đã cắn tung màn, nhảy vào gặm chân một cô thanh niên xung phong trẻ.

Sau đêm mưa, đường vào công trường nhớp nháp. Vắt vươn lên hàng nghìn chiếc vòi nhọn hoắt, từ lá, từ cỏ mục, từ vỏ cây. Chúng búng mình nhảy bật bám vào người để cắn đến dễ sợ. Thấy ngứa ở nách, ở mang tai, ở kẽ chân, sờ đến, y như đã có chú vắt nằm gọn ở đấy rồi!

*
* *

Trên dọc tuyến Trường Sơn, hàng vạn người lao động khẩn trương. Nhiều công trường đá, công trường khai thác gỗ đã mở. Tiếng chặt cây, đẵn gỗ rền vang trong các khu rừng. Tiếng bộc phá, tiếng nổ mìn nối tiếp nhau, suốt từ mờ sáng cho đến tối mịt.

Trường Sơn đang thực sự bị chẻ dọc. Hàng ngày, trên một trục khá dài xuyên các khu rừng già, những cây thân vừa người ôm lần lượt bị ngả xuống. Những thước đường cũ được mở rộng ra. Những đoạn đường mới được nối tiếp.

Đất sụt xuống, đá tách ra. Trường Sơn đang bị rạch một vệt dài sâu vào trong ruột rừng già, vào những nơi chưa có vết chân người. Nai, thú rừng gặp người còn ngơ ngác.

Tuyến 1 được chia thành nhiều công trường nhỏ. Công trường 12 chạy dài từ Hoà Tiến đến 050. Đoạn thi công đường từ 050 đến Thà Khống được gọi là công trường 128.

Mùa mưa ngấp nghé ở phía sau. Mặc! Những ngày nắng ngắn dần. Những đám mây mùa hè tụ lại ngày một nhiều.

Phía ngoài được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn, nên làm nhanh. Nhiều đoạn ngầm vượt sông, lát đá khá công phu, dựa theo dòng lượn và thế đất khá phức tạp.

Tiếng cuốc liên hồi, tiếng mìn rền rền. Tiếng hát át tiếng bom.

Những máy húc với năng suất mở rừng khá cao, đã trở thành những mũi đột phá lợi hại. (Hậu phương chi viện cho Đoàn 559 rất hùng hậu: 40 máy húc, 10 máy khoan và 6 máy ép hơi).

Sáu đội thanh niên xung phong của Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Hà có mặt ở đây. Họ mở đường, lát đường, đào rãnh, xẻ ta luy theo đúng kỹ thuật làm đường ô tô dã chiến. Họ lát những quãng ngầm bằng đá khá dầy và dài, từ Khe Tang, Khe Dinh, Khe Ve trở vào. Mặt đường được lát đá hộc, chèn đá dăm, bảo đảm quy cách.

Riêng về mặt kỹ thuật, trước khi làm đã có những cuộc thảo luận khá sôi nổi. Mở đường nhanh nhưng phải tính làm sao cho xe chạy an toàn, ổn định. Theo chỉ thị của Bộ tư lệnh Đoàn 559, ban chỉ huy các tuyến đều nhất trí phải làm đạt tiêu chuẩn cho một đường vận tải quân sự chiến lược. Mặt đường phải rộng từ năm đến sáu mét. Tất cả những cua gấp nhất cũng mở sao cho xe chạy an toàn, lái xe kịp xử lý những trường hợp địch đánh phía sau, phía trước và tắc đường.

Một đoàn cán bộ giao thông gồm các đồng chí Lê Nam Hải, Viện trưởng Viện thiết kế Bộ Giao thông vận tải, đồng chí Thuần, Cục trưởng Cục quản lý đường bộ, đồng chí Phan Trầm và một số cán bộ kỹ thuật vào chi viện cho tuyến.

Tuy nhiên, công trường bị trải dài. Do chạy đua với mùa mưa đang tới, phải dồn sức chính lo mở trục, nên đường ô tô nhiều đoạn vẫn chưa được cải thiện bao nhiêu. Đường 12 tuy có những đoạn đường rải đá cũ còn dùng được nhưng nhiều đoạn bỏ lâu, cây rừng mọc lấn, mới làm lại rất hẹp, vừa vặn xe đi. Xe tránh nhau vô cùng khó khăn, thường chạy con thoi từng đoạn. Chỉ cần vài chiếc xe của các đơn vị pháo đóng quân tại chỗ, chạy ngược chiều với nó thì đường đã ùn tắc, rất căng thẳng.

Những chiếc cầu làm gấp cho kịp thời gian vận tải đã phải áp dụng cách xếp gỗ theo kiểu “cũi lợn" làm trụ cầu. Mặt cầu lát toàn gỗ tròn, kích thước không đều nhau, cây cong cây thẳng, buộc ghì bằng dây sắt. Xe chạy qua chẳng bao lâu đã lôi bật từng khúc gỗ lát ra. Mặt cầu xộc xệch, chỗ liền, chỗ trống. Anh em lái xe phải kiếm dây mây mang theo, thấy chỗ nào dễ tụt bánh thì nhảy xuống, giàn gỗ buộc lại rồi mới đi.

Đường vào ngầm, vào cầu, đường xuống suối, xuống bến thì vừa trơn, vừa dốc. Hiếm có những lối xuống đạt tiêu chuẩn kỹ thuật giao thông. Mạo hiểm đấy, nhưng xe vẫn cứ phải băng qua. Có khi vừa lên dốc, xe lao ngay xuống mặt cầu rung bần bật, gỗ lát cầu tung mất, trống trơn. Xe mắc kẹt giữa chừng, phải dừng lại tự sửa lấy cầu, cài số chân, rồi đi dần từng chiếc. Đoạn giáp biên giới Việt - Lào, các nếp nhăn của núi nhiều, sông suối chảy ngoằn ngoèo quanh co. Qua lại vùng này, ô tô vận chuyển khá trầy trật.

Phải tranh cướp với trời, những khoảnh khắc tạnh mưa, nắng ráo. Trong tháng cuối cùng của mùa khô, nhiều quãng đường đã được mở rộng. Mọi người đang hy vọng những dự định sẽ được hoàn thành. Buổi ban đầu, nào ai đã lường tính hết. Cơn bão số 5 của mùa mưa năm 1965 đổ bộ vào Khu 4, đã tràn qua Trường Sơn kéo theo một trận mưa lũ chưa từng thấy. Thiên nhiên vô tình đã ngăn trở quyết tâm lớn của hàng vạn con người. Trận mưa lũ đã thực sự để lại những dấu ấn khắc nghiệt, sâu sắc trong tâm trí những cán bộ, chiến sĩ đang lao vào cuộc chiến đấu vô cùng khẩn trương trong những năm tháng ấy.

Những cơn mưa hè của Trường Sơn tiếp theo, ngày càng dày thêm. Ngày vài trận, ngày năm sáu trận. Về đêm mưa càng nhiều hơn. Ở những đoạn đường tiếp giáp như Pha Nộp, Seng Phan, lượng mưa tới hàng trăm milimét, mưa rỉ rả, mưa sầm sập như thác trút, sấm chớp liên hồi, dữ dội. Thiên nhiên lên tiếng thách thức đoàn chiến sĩ mở đường. Không có lấy một ngày nắng trọn vẹn. Mùa mưa Trường Sơn ào đến tưởng như không có sức nào ngăn nổi.

Mưa. Mưa tiếp ngày này sang ngày khác. Mưa như thác nước từ trời đổ xuống. Mưa không nhóm nổi bếp, không có cơm mà ăn. Mưa xoá hết những công trình đang dở dang, dìm mọi thứ vào túi nước. Mưa làm tăng bao nhiêu nỗi khổ cực cho những con người dũng cảm đang vì sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Trước đây, các con suối nhỏ lội ngập bàn chân. Vài tiếng đồng hồ, toàn bộ khu vực công trường chìm nghỉm trong nước. Tiếng mưa, tiếng nước xối từ các đỉnh núi xuống. Tiếng lũ, tiếng thác réo ầm ầm.

*
* *

Phương châm vận chuyển trên tuyến 1 lúc này vẫn theo nguyên tắc sơ tán đội hình, bảo đảm phòng tránh an toàn tuyệt đối là chính. Xe nhận hàng xong được chiếc nào, chạy chiếc đó. Cung độ khá dài. Chạy một mạch từ Hoá Tiến vào tận Na Hi, kế hoạch là bốn đêm một chuyến, nhưng biết bao chuyện trục trặc xảy ra trên cung đường dài ngót 300 kilômét này. Phương tiện thông tin chưa có, trạm điều chỉnh xe cũng không có, xe hỏng, ùn tắc ở đâu, người chỉ huy không nắm được. Xe chạy đến đoạn nào, phía trước hay phía sau cũng không biết.

Ở các trọng điểm quan trọng, dẫu có pháo cao xạ bố trí, nhưng khi xe qua, không báo trước được với các pháo thủ để họ sẵn sàng đánh địch, bảo vệ đoàn xe. Khi bị địch đánh vào đội hình, xe nào không trúng đạn, cứ việc phóng đi cho thoát, xe nào bị hư hỏng, các lái xe xúm vào, giúp nhau sửa chữa rồi tiếp tục co kéo nhau đi. Xe bị trúng bom đành bỏ đấy, chỉ tìm cách cứu được thương binh, đưa được liệt sĩ ra là tốt.

Vì vậy, mặc dù tuyến 1 đã có ba tiểu đoàn xe, hai tiểu đoàn cao xạ, bốn đại đội súng máy, cùng hai tiểu đoàn công binh bảo đảm giao thông mà không thực hiện được chỉ tiêu vận chuyển. Ngược lại, tỷ lệ tổn thất, hy sinh tăng lên khá lớn.

Trong hoàn cảnh bê bối ấy, những dấu hiệu mùa mưa năm nay sẽ đến sớm càng làm rối ruột những con người đang ngày đêm vật lộn với bao trở ngại, khó khăn để đưa từng tấn hàng lên phía trước.

Dọc Trường Sơn đã rộ lên tiếng rìu hạ cây phát nương, đây đó rừng rực ngọn lửa đốt rẫy. Rồi đột nhiên những trận mưa đầu mùa ào tới.

Các cầu lớn lần lượt bị cuốn trôi.

Các con sông Băng Phai và Băng Hiêng dâng nước lên mênh mông, không kém gì những dòng sông lớn nhất của đồng bằng Bắc Bộ.

Những thung lũng nằm giữa các nếp đá, các các-xtơ đá vôi nước tụ lại thành hồ, con đường vừa làm xong bị cắt ra thành nhiều đoạn dài, ngắn, như con rồng khổng lồ bị chặt ra thành nhiều khúc - bộ đội Trường Sơn gọi đó là những túi nước.

Đường 128 chìm trong nước; đường 129 cũng bị túi nước ngốn gọn đoạn từ Xóm Péng vào đến Mường Phin. Đứng trên cao nhìn xuống, thấy hàng chục các hồ lớn, nước đầy ắp. Đường vận chuyển chìm ngập trong những hồ nước ấy. Mọi hoạt động vận chuyển trên tuyến 1 đang hy vọng làm ăn lớn bị ngưng đọng lại đột ngột.

Mưa lũ kéo dài hết tháng này qua tháng khác, rồi mới ngớt dần.

Bộ tư lệnh 559 chủ trương không chờ lũ rút hẳn, phải tranh cướp thời gian với thiên nhiên khôi phục đường để vận chuyển được sớm, không ngồi chờ đến lúc đường khô hẳn. Đoạn Mụ Giạ - Pắc Pha Năng - Lùm Bùm - Thà Khổng - đường 9, bùn lầy nước đọng ngập ngụa.

Những quãng đường có túi nước bị sụt lở nghiêm trọng. Xe chỉ chạy một quãng ngắn, bánh đã quay tròn, bùn tung toé, không tài nào nhích lên được. Hàng vạn bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến, được huy động chống lầy cho hàng trăm kilômét đường qua các túi nước. Khu này hiếm núi đá, toàn rừng già. Lượng thuốc nổ cần thiết để khai phá đường còn chưa đủ, nói gì đến chuyện có đá lát rải chống lầy.

Nghĩ mãi, tính đi tính lại bao lần, những con người lăn lộn với đường lầy mới chợt nghĩ đến cách làm đường "rông đanh" trước đây. Thế là lại khấp khởi hy vọng.

Đường “rông đanh" tức là đường lát ngang bằng những cây gỗ nhỏ tròn để khắc phục những chỗ lầy thụt. Không còn cách nào khác. Các tiểu công trường "đường lát gỗ" được mở ra. Cây được chặt hạ ngay để cứu đường. Những cây gỗ thân thẳng, đường kính trên dưới 15 xăngtimét, không vấu không gạc được hạ hàng loạt, xếp liền xít bên nhau trên những đoạn lầy thụt, rồi đặt những cây gỗ lớn nẹp dọc hai bên và giữa đường. Rừng tuy nhiều

nhưng chặt mãi, không còn gỗ đủ tiêu chuẩn ở gần, phải dẫn cả các cây gỗ cong, cây bằng bắp đùi, bằng cổ chân, khá hỗn độn.

Toàn bộ công việc mở đường, vận tải của tuyến 1 bị ngừng hẳn. Ban chỉ huy tuyến quay ra lo đối phó chống lầy khắc phục mưa lũ để cứu hàng bị ứ đọng rải rác trên đường và, cấp bách hơn là lo... cứu đói.

Lao động vô cùng cực nhọc. Người bê bết bùn, mồ hôi hoà vào mưa. Cái rét, cái nóng khi lui, khi tới, xói mòn sức lực con người đang bị nạn đói, nạn thiếu chất dinh dưỡng nuôi cơ thể.

Sau những tuần mưa, lương thực, thực phẩm đã dần cạn. Nhưng cũng có cái may, mưa lũ phá phách rồi, kéo đi, để lại cho các chiến sĩ làm đường một mùa cá. Cá nhiều vô kể. Cá trong hố bom, cá ở khe cạn, ở các vũng lầy. Cá róc rách quẫy dọc vệt bánh ô tô. Chiến sĩ ta rủ nhau mò bắt cá cải thiện. Khi đi làm họ mang theo xô, thùng, đó tre, bao tải để đựng cá. Chỉ cần bắt một lúc thì cả đại đội có thể luộc cá ăn trừ bữa, ăn chán thì thôi. Bứa và tai chua ở rừng không hiếm. Canh cá lóc nấu chua là những món ăn nhớ mãi sau cơn lũ. Rồi cá nướng, cá luộc chấm mắm kem, cá kho ớt rừng, tha hồ mà xoay xoả đủ món ăn cho khỏi chán.

Nhờ có 50 kilômét đường "rông đanh" mà một số xe Din ba cầu, xe Gát có đầu tời có thể chở gạo muối tiếp sức cho các công trường, trận địa. Sự tiếp viện này thường chỉ có ở những nơi đường còn chạy từng đoạn ngắn. Nhưng cũng chẳng được lâu dài, đợt nước lũ tiếp theo lại ập đến. Những chuyến xe cứu đói, tiếp viện bị mắc cứng giữa các túi nước, lái xe đành đánh xe bò lên các sườn đồi cao để... nằm chờ nước rút.

Gạo, thực phẩm, muối đã hiếm càng hiếm. Nguồn cá không còn bắt được dễ dàng nữa. Lũ lại xuất hiện không kém phần dữ dội, nước vừa rút xong, lại khép vòng vây, chia cắt đội quân làm đường. Tình hình trở nên căng thẳng và bức bối.

Hàng chở tiếp, mắc cứng trên các đoạn đường. "Kho dã chiến" được dựng tạm bên bờ các túi nước. Gọi là "kho" nhưng thực ra là các hòm đạn trên xe dỡ xuống, che phủ tạm, khỏi bị gió mưa làm hỏng, phí mất bao công sức mới chở được tới đây.

Mức gạo ăn hàng ngày giảm xuống chỉ còn bốn lạng, rồi hai lạng. Muối cũng không đủ ăn. Người ta lại phải vắt óc tìm phương kế mới để cứu sống lấy nhau. Từ Pha Nốp, Lằng Khằng đến 050, anh chị em công nhân, thanh niên xung phong, bộ đội đều bị sốt rét, ăn đói, quần áo rách mướp, người xọp đi, gầy trông thấy.

Bộ tư lệnh 559 vội điều ngay năm đại đội thồ hàng vào gấp phía trong cứu đói khẩn cấp. Đi đến đâu đội quân "cứu đói" cũng chứng kiến cảnh sống đói, khổ nhưng vẫn chịu đựng và lao động quên mình của các đơn vị. Họ vẫn nói vui: "Thiếu gạo, thiếu thịt nhưng ở đây ăn măng trên mức tiểu táo...". Khi nhận các đồ tiếp tế nhiều người đã khóc vì xúc động. Dù hàng hoá, lương thực không được bao nhiêu nhưng mọi người đều hiểu sự chăm sóc ân cần của tuyến ngoài với vùng túi nước đang gặp trở ngại như thế nào...

Tiểu đoàn công binh 25 trong mưa lũ vẫn tỏ ra bền bỉ, dẻo dai hơn cả. Nhiều năm lăn lộn ở đoạn đường xung yếu này, cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị đã thuộc tính nết từng khúc sông, từng ngọn đèo. Tuy thế, họ cũng phải kinh ngạc trước trận lũ chưa từng thấy. Nhưng vốn sống của những năm chống chọi với lũ của họ, đã giúp họ, ngay giữa túi nước mênh mông, họ kịp nhớ ra những quãng nào không ngập, đoạn nào có thể bắc cầu.

Tiểu đoàn 25 đã làm được hàng chục cầu ngắn từ năm đến mười mét ngay trong khi nước còn bao vây bốn phía. Không những thế, tiểu đoàn còn lo đến chuyện làm cầu dự trữ, giấu sẵn, phòng khi dùng đến.

Cán bộ chỉ huy tiểu đoàn còn phát hiện ngay trên sông Băng Phai, ở đoạn Khe Nhú, là một khúc sông hẹp, nước chảy xiết. Được cái lợi, bờ sông cây cối khá rậm rạp, có thể làm bến xuống cầu rất kín. Ban chỉ huy liền cho bắc cầu này song song với việc củng cố các cầu khác để kịp cho mùa khô tới. Nhờ cấu tạo địa chất thuận lợi, lòng sông toàn là cát pha đá, không có đá tảng, việc tạo thế làm trụ không khó khăn gì. Công binh làm bốn năm ngày xong cầu. Thế nhưng, lũ ập đến...

Nỗi khổ tâm của chiến sĩ mở đường Trường Sơn lúc này là chiến trường đang đòi hỏi chi viện lớn mà khó khăn và thiên nhiên đã ngăn cản những nỗ lực của hàng vạn người trên tuyến. Bao nhiêu công sức bỏ ra trong một thời gian ngắn tưởng chừng như đổ xuống sông, xuống suối cả...

Nỗi dày vò ấy đang lan rộng trong mọi người.

Phải làm sao giải thoát được số hàng mắc kẹt ở vùng Lằng Khằng - Pác Pha Năng - Lùm Bùm này để đẩy lên phía trước. Tư lệnh Đoàn 559 và tham mưu trưởng đích thân đến Seng Phan đôn đốc.

Người ta nghĩ đến dùng thuyền để chuyển tải qua từng túi nước một, và có thể tận dụng đi trên những đoạn sông thuận lợi.

Theo cách của bộ đội vượt sông, những người có trách nhiệm trên tuyến nghĩ ngay đến một loạt thuyền dã chiến. Ở khu vực chân dãy Phu Ác mở ngay một công trường làm thuyền, những anh lính thợ đóng thuyền được điều động vào cả một số thợ Quảng Bình lên. Mọi người hối hả làm. Chỉ trong tháng 8, loại thuyền vượt túi nước đã xuất hiện. Một kế hoạch chuyển tải trên nước được vạch ra ngay.

Những hàng ứ đọng do túi nước chặt khúc ra ở rải rác các đoạn đường lập tức chuyển theo các phương án được hoạch định. Cứ dựa đường "mặt nước" mà đẩy hàng lên phía trước. Từ các túi nước Pac Pha Năng, Seng Phan, hàng được chuyển đến Noọng Cà Đen, rồi đến bắc đường 9. Chỗ đường nào còn chạy được ô tô thì cứ chạy, lầy thụt lát “rông đanh" mà chạy.

Các công trường gỗ, rèn đinh mở ra. Thuyền dã chiến được làm gấp. Khung tre đan thưa, với những nan tre cật lớn uốn hình thoi, dùng vải bạt bọc hàng bịt kín thành một loại thuyền "nan" đặc biệt, sức chở từ ba đến năm tạ.

Những xưởng may quân đội được giao kế hoạch cấp tốc may vải bạt làm thuyền.

Những hy vọng giải toả hàng mắc kẹt trong túi nước lại nhen lên.

Với những thuyền nan dã chiến này, người chở thuyền chỉ việc trải bạt ra, xếp hàng rồi buộc chặt không cho nước vào và chở đi hoặc thả trôi trên những đoạn sông cho phép.

Những chiến sĩ phục vụ kế hoạch đột xuất này làm với tất cả nhiệt tình. Họ làm thuỷ thủ. Họ ra đón hàng tận bến dưới. Họ còn "sáng kiến" thả trôi cả thùng xăng theo dòng nước, người hộ tống đi trên mảng như một người chăn trâu nước vậy. Về sau không cần người hộ tống nữa, hàng được thả từ trên đầu nguồn, chỉ cần bố trí người ở phía dưới túi nước để vớt hàng lên.

Lùm Bùm là nơi tập trung đón hàng dồn đến. Sau mùa mưa, ở các bến, những khung thuyền vót lên, chất hàng đống ở chân núi, xa trông như những xác con vật thời tiền sư.

Có sống những năm tháng mưa lũ này mới thấy nỗ lực phi thường của cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559. Họ cứu trọn vẹn từng bao gạo, từng phuy xăng; kê cao, giữ gìn chu đáo từng hòm đạn. Các đơn vị dẫu đói vẫn không dám vi phạm đến tiêu chuẩn của chiến trường. Mặt khác, họ vẫn luôn luôn suy nghĩ khắc phục khó khăn, không bó tay chờ nước rút. Và, 100 tấn hàng vượt túi nước kịp chuyển ra chiến trường lúc ấy thật vô cùng quý giá.

Khi mùa mưa 1965 kết thúc, các công trường thuộc tuyến 1 nhanh chóng tiếp tục mở đường.

Việc mở đường thông tuyến xuyên suốt đến lận phía trong, tiếp giáp vào chiến trường Khu 5, vẫn là mục tiêu khẩn cấp của công tác vận chuyển. Người chuyển tải, cứ chuyển tải. Người mở đường, cứ mở đường.

Đất sau mùa mưa sũng nước, làm thủ công thuận tiện. Bạt ta luy, đào rãnh, tay mai, tay xẻng tăm tắp. Vách cao dồn xuống vực sâu, đất đá bạt được cũng nhanh. Ở nơi cao, vùng đất đỏ sa thạch, nước rút nhanh hơn, cơ giới tranh thủ làm dấn. Máy giấu trên đồi cao bò xuống mặt đường. Làm đường bằng cơ giới cần trinh sát đường hướng cho kỹ. Chủ quan, có khi lộn tùng phèo cả máy xuống vực.

Người chỉ hướng cho máy móc khá quan trọng. Máy cao lênh khênh, sương loà nhoà, người lái nhận hướng chủyếu nhằm vào người chỉ đường đứng ngoài trời phía trước.

Ban chỉ huy tuyến chỉ đạo sát sao. Đường làm đến đâu phải bảo đảm chất lượng, phải rộng, sao cho xe chạy hai chiều, tránh nhau thoải mái.

Vừa trải qua một mùa mưa thiếu đói, quần áo không đủ mặc, liệu có hoàn thành nhiệm vụ không? Đấy là nỗi lo của những người lãnh đạo. Không những phải lo làm kế hoạch, lo bảo đảm hậu cần, chăm lo sức khoẻ, mức sinh hoạt cho cán bộ và chiến sĩ; điều đáng lo hơn là phương tiện kỹ thuật quá thiếu, lại hay hỏng nhiều. Ban chỉ huy một mặt điện xin chi viện ở trên,

một mặt phát động toàn công trường phát huy sáng kiến, đẩy mạnh năng suất làm thủ công.

Nòng cốt của công trường 128 là tiểu đoàn 6, gồm nhiều công nhân đường bộ có tay nghề vững, được chuyển vào tuyến. Tiểu đoàn không những mở đường nhanh, lát đường bảo đảm chất lượng, mà còn hướng dẫn các đại đội thanh niên xung phong kỹ thuật xẻ rãnh, lát đá hộc, chèn đá ba, đá dăm, việc nào cũng cẩn thận. Dù đoạn đường lớn hay nhỏ, tiểu đoàn cũng đề nghị tổ chức nghiệm thu đàng hoàng, làm ăn hết sức nghiêm túc.

Tiểu đoàn đã có sáng kiến đổ đá, cho xếp đá trên thành ta luy cao, lợi dụng địa hình sườn dốc của núi, chỉ cần một số lao động dùng xẻng hoặc bừa gạt mà hất xuống xe, năng suất tăng gấp ba bốn lần. Cung cách làm ăn đó được phổ biến rộng rãi cho toàn tuyến, thành phong trào thi đua đuổi vượt các chỉ tiêu tiên tiến.

Ở các đơn vị thanh niên xung phong, năng suất cũng tăng rõ rệt. Ban chỉ huy bố trí đại đội khá kèm đại đội yếu. Họ giao ước thi đua với nhau. Kế hoạch tác nghiệp hàng tuần được xây dựng chi tiết đến từng tiểu đội. Công việc làm ăn ngày càng vào nền nếp.

Do vận chuyển chưa kịp, những chiến sĩ làm đường lúc này mới chỉ được bốn, năm lạng gạo một ngày, rất đói. Rau hiếm. Thỉnh thoảng mới chạy được một con lợn chia đều mỗi đơn vị một ít. Anh em phải phát động phong trào "đi có về có". Lúc đi choòng, búa, ky, xẻng, lúc về rau, củ rừng trên vai, trên tay. Lao động mệt nhọc, ăn uống kham khổ, nhưng công trường 128 vẫn bảo đảm năng suất, làm việc có kỹ thuật, có kỷ luật.

Những cơn mưa cũng thưa dần. Tháng 9, bầu trời không còn vẩn đục những đám mây sũng nước nữa. Nhưng việc vượt những khó khăn về sinh hoạt vẫn chưa thể chấm dứt.

Chỉ sau một mùa mưa, các chiến sĩ Trường Sơn đã thấm thía về sự khắc nghiệt của thời tiết. Dù có thuốc phòng bệnh nhưng 90 phần trăm thanh niên, dân công, bộ đội bị sốt rét. Nạn ghẻ lở khá rầy rà.

Cực nhất là những cô gái. Chân tay lao động xước sứt, muỗi, vắt, ruồi vàng bu vào đốt càng nhiều. Chị em phải xẻ hết quần áo cũ để bọc chân tay, làm

khăn che kín cả mặt mũi. Cứ "bọc giẻ" như thế mà dầm mưa, ngâm nước, lội bùn suốt ngày, suốt buổi. Quần áo chưa cấp phát kịp, thiếu thốn.

Mưa liên miên. Mồ hôi ra trộn với nước, ngấm vào thớ vải, loang đều trên áo hết ngày này qua ngày khác. Chiều đi làm về, chờ cơm và cả sau bữa cơm, chị em cứ xúm đông quanh bếp Hoàng Cầm, bếp củi trong hang mà hơ quần áo. Có người chỉ còn độc một bộ, ngày mặc lao dộng, đêm lại cởi ra hong trên đống than bếp. Dù khô, dù ướt, sáng hôm sau cứ phải mặc đi làm. Bệnh phụ khoa khá phổ biến. Những gương mặt hồng hào không còn nữa. Da dẻ các cô đều xám tái, xỉn dần, môi thâm xịt lại. Nhưng ai nấy đều ráng chịu.

Đời sống vất vả, sức khoẻ giảm sút, quân số ra mặt đường vẫn bảo đảm đến mức tối đa. Chỉ những ai không gượng dậy được mới chịu nghỉ. Sốt rét ghê gớm nhưng dứt cơn sốt, anh chị em lại vùng dậy đi làm.

“Tất cả vì miền Nam ruột thịt", khẩu hiệu ấy đã thấm sâu vào tình cảm mỗi người.

*
* *

Tuyến 2, tuyến 3 ở phía trong, nhờ có đường 128 cũ, tình hình có đôi chút thuận lợi hơn. Trong năm 1964, tiểu đoàn 1 công binh của tuyến 2 đã mở thêm đường cho ô tô chạy Bản Đông - Mường Noọng. Các đoạn ngầm sông Sê Pôn, Sê Băng Hiêng, ngầm Thà Khống, đều do tiểu đoàn đảm nhiệm. Tuyến 3 được tăng cường thêm tiểu đoàn 2 trung đoàn 98, tiếp tục mở bến phà sông Bạc và đoạn đường Đèo Long.

Những sự kiện đáng ghi nhớ trong những năm này là việc mở đoạn đường từ Đèo Long vào vùng ba biên giới và công tác bảo đảm vượt sông ở khúc sông Bạc.

Việc làm phà ngầm sông Bạc do đại đội 39 đảm nhiệm. Chỗ vượt này thuộc sông Sê Kông, một con sông lớn ở Nam Lào. Bởi chỗ đó có bản Bạc, nên khúc sông này cũng gọi là sông Bạc. Đứng từ đỉnh Phu Luông nhìn xuống, trong những tháng mùa khô, dòng sông hắt nắng, trông như một dải băng uốn lượn rực sáng lấp loáng.

Sông Sê Kông chỗ này thắt eo lại, tuy thế vẫn còn khá rộng. Nước chảy xiết, bờ sông dựng đứng. Vách đá quanh co lồi lõm, đa dạng. Do đó phà Bạc rất khó triển khai. Muốn hạ độ dốc cho xe lên xuống được, không có cách nào khác là phải xẻ một con đường xuống bến, hai bên ta luy cao như vách thành dựng đứng. Xe còn phải chạy theo một đoạn đường chênh vênh ở mép sông, bên vực, bên thành đá, khá hiểm trở.

Ban đầu, phà Bạc được ghép bằng những khoang sắt DLP. Chở xe qua, không có máy đẩy, phải chèo tay, hoặc dùng dây cáp lôi, khá vất vả. Gần một tiếng đồng hồ mới được một chuyến phà.

Ngay trong năm 1965, hết mùa mưa, vào mùa khô, phà Bạc đã được thay bằng ngầm và cầu nổi. Địch đánh thủng phao, thủng thuyền, anh em làm ngầm. Địch đánh tan ngầm, không kịp tôn hàn, anh em bắc cầu nổi. Đại đội 39 đã kiên cường bám trụ, đối đầu với giặc Mỹ. Hết các vật liệu của trên cung cấp, anh em tự xẻ gỗ làm dầm, lấy thùng phuy làm phao, tìm mọi cách để có phà, có ngầm, có cầu đón xe qua...

Trong những trận vật lộn với sông nước, đối phó với bom đạn địch, Chu Văn Vịnh đã lập được những thành tích đặc biệt. Ngay trong lúc địch đánh, sông nước to mùa mưa, tự mình anh đã ghép được cả một chuyến phà. Khí tài có cái nặng hàng tạ, hai ba người khiêng mới nổi, nhưng trong tình huống cả đơn vị xô đi cứu đường, một mình anh loay hoay tìm mọi cách, xeo đẩy, lôi trượt, đưa được bằng hết xuống sông. Vịnh dũng cảm, thông minh, tháo vát làm nổi một việc mà khi bình thường, đội ghép phà 15 người được phân công rất tỉ mỉ và hiệp đồng hết sức chính xác mới bảo đảm không làm thủng khoang, méo mép, lật úp phà.

Hàng đêm bến phà bị địch đánh rất căng. Ngoài việc đánh bom phá, chúng còn thả bom bi để xăm thủng phà và sát thương thuỷ thủ. Có lần phà bị thủng tới trăm lỗ, Vịnh cùng đồng đội trước còn dùng giẻ rách để bịt hàn, sau giẻ cũng không có đủ, anh nghĩ ra cách lấy củ chuối rừng cắt ra từng thỏi to, nhỏ khác nhau, phà thủng chỗ nào thì thì nút ngay chỗ đó. Anh em gọi voi là cách "khắc phục bằng vật liệu mềm". Địch thả bom bi nổ chát chúa ở dưới sông, anh em vẫn bám thuyền, cứu người, vẫn đẩy phà sang sông an toàn .

Các tiểu đoàn 1, tiểu đoàn 2 công binh thuộc trung đoàn 98, do ở xa hậu phương nên vấp phải khá nhiều khó khăn trong việc bổ sung và sửa chữa dụng cụ. Các đại đội, tiểu đoàn phải mở lấy lò rèn, cho người đi tìm kiếm các vỏ bom bi, các thanh thép, nhíp xe ô tô hỏng để tự tạo lấy dụng cụ. Thiếu thuốc nổ, các đơn vị công binh phải đi tháo các quả bom nổ chậm, lấy thuốc nổ phá đá mở đường.

Các đồng chí công binh ở tiểu đoàn 1 đã có cách "cắt" bom rất tài tình để lấy thuốc. Họ đặt giữa thân bom từ 200- 300 gam thuốc dưới dạng thỏi. Tính lượng thuốc sao cho khi điểm hoả, thuốc nổ đủ sức cắt đôi quả bom ra mà không kích thích quả bom nổ. Làm thử một quả. Bom bị bổ đôi như ta bổ quả dưa.

Chưa hết nguy hiểm đâu, muốn lấy được thuốc phải gõ vào vỏ bom cho thuốc long ra, trong khi kíp đồng hồ hẹn giờ vẫn có thể gây nổ được. Nhưng rồi anh em cũng biết cách làm thật an toàn. Các đại đội đã tự xoay xở lấy hàng tấn thuốc nổ bằng cách này.

Cuộc chiến đấu vật lộn mở đoạn đường từ Đèo Long vào ba biên giới khá gay go. Đường ở đây phải xuyên qua những dãy núi cao dựng đứng, chạy dọc theo sông Sê Kông. Riêng đoạn Đèo Long, đường quanh co, độc đạo, chênh vênh một bên vách núi, một bên là sông, có nhiều cua khá gấp như "cua bóng đèn" , "cua tay áo" ... Địch đã nhằm vào đoạn đường này để đánh phá. Do đó hầu như suốt cuộc chiến tranh trên mặt trận giao thông vận tải ở Trường Sơn, đoạn đèo này nổi tiếng là đoạn chịu bom đạn ác liệt nhất, và cũng hay bị ùn tắc nhất.

Tiểu đoàn 41 công binh được đặc trách mở đoạn đèo này và lo bảo đảm thông xe.

Bước sang những tháng đầu mùa khô 1965-1966, tiểu đoàn 41 đã mở thêm một đường tránh ở Đèo Long và từ đó có hai đường ô tô vượt qua đoạn hiểm nghèo nhất được gọi là Đèo Long A và Đèo Long B.

Địch biết ta quyết tâm bảo đảm cho ô tô vượt bến Bạc và vượt Đèo Long, vì chỉ có một đường duy nhất đó để đi vào phía trong, nên chúng dùng nhiều thủ đoạn đánh phá quỷ quyệt

Lần đầu tiên, chúng dùng các loại mìn sát thương khá tinh vi như mìn sỏi, mìn pháo sáng thả dốc ông Bạc, dùng mìn lá gan thả trên các con đường ô tô và đường giao liên. Chúng còn cho các máy bay trinh sát suốt ngày đêm theo dõi, đuổi đánh từng chiếc xe, gây tâm lý ngại và sợ bom đạn địch. Sau đó, chúng thả các loại bom định giờ, bom bi nổ chậm và bom từ trường hòng kéo dài thời gian tắc đường của ta.

Tiểu đoàn 41 đã bám trụ ở Đèo Long, phá mọi thủ đoạn đánh phá của địch, chịu đựng hàng nghìn tấn bom đạn trong suốt mùa vận chuyển và đã gỡ được thế đường độc đạo ở Đèo Long, tạo nên phong cách làm ăn hiệp đồng tết cho mùa vận chuyển sau.

Cùng lúc này, tiểu đoàn 1 trung đoàn 98 mở đường vào đến tận biên giới Cam-pu-chia, thuộc tỉnh Xtung-treng. Một lực lượng khác mở đường vận chuyển ở vùng ba biên giới nhằm hút hàng đặt nhờ trên đất bạn Cam-pu-chia chuyển ra chiến trường Khu 5.

Thế là dù vấp phải muôn vàn trở ngại do khách quan và chủ quan, do giặc Mỹ gây ra, do chưa hiểu biết những bí ẩn của dãy Trường Sơn hùng vĩ, và do cả những bỡ ngỡ ban đầu không sao tránh khỏi, một con đường chạy dọc suốt Trường Sơn đã hình thành. Đó là những tháng năm lịch sử vô cùng tự hào, mở đầu cho mùa khô vận chuyển cơ giới đáng ghi nhớ suốt đời đối với các chiến sĩ Trường Sơn.

*
* *

Quân Mỹ vẫn tiếp tục đổ vào miền Nam ngày một nhiều. Giôn-xơn đã thông báo quyết định đưa 44 tiểu đoàn Mỹ vào Việt Nam và chấp nhận chiến lược "tìm diệt" của Oét-mo-len.

Để chủ động phá chiến lược "tìm diệt" của quân Mỹ, một đối tượng tác chiến mới mẻ, bên cạnh quân nguỵ là những sư đoàn Mỹ được trang bị hiện đại, ta đã nhanh chóng tập trung chủ lực tương đối lớn, nhằm phối hợp với các lực lượng địa phương tiến hành tác chiến trên một khu vực rộng ở miền Đông Nam Bộ và Khu 5.

Chiến trường miền Nam hơn lúc nào hết đang đòi hỏi cấp thiết khối lượng vũ khí đạn dược, lương thực, thực phẩm tối thiểu để đáp ứng với sự phát

triển nhảy vọt của lực lượng chủ lực và trước tình hình cuộc chiến đấu ngày càng mở rộng, quyết liệt.

Nhằm đẩy nhanh hàng vào cho các chiến trường. Tổng cục Hậu cần điều trung đoàn xe số 3 giao hẳn cho tuyến 559. Trung đoàn xe số 1 đưa vào hoạt động từ nam Thanh Hoá đến Vĩnh Linh, dồn hàng vào tổng kho R.

Hàng ở tổng kho đã lên tới gần vạn tấn, nhưng sức chuyển lên tây Trường Sơn vẫn rất ỳ ạch. Khi giặc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại lên vĩ tuyến 20 thì không chỉ việc vận tải lên tuyến 559 mà cả tuyến vận tải hậu phương từ Nghệ An vào cũng bị trắc trở, chậm chạp. Nguyên nhân cơ bản của tình hình đó là vì công tác tổ chức vận tải không phù hợp trước yêu cầu mới.

Tháng 9 năm 1965, Tổng cục Hậu cần mở hội nghị quân chính quyết định cải cách tổ chức vận tải chiến lược chi viện miền Nam. Từ nam vĩ tuyến 20 trở vào đến Quảng Bình - Vĩnh Linh, hình thành ba binh trạm 9, 10, 12 (sau thêm binh trạm 14, 16). Mỗi binh trạm là một tổ chức hợp thành các lực lượng xe, kho, công binh, bộ binh đảm nhiệm công tác vận chuyển trên một địa bàn nhất định. Tất cả đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Cục vận tải Tổng cục Hậu cần.

Các trung đoàn xe số 1 và số 2 giải thể, biên chế thành bốn tiểu đoàn xe và các đại đội sửa chữa, giao hẳn xuống cho các binh trạm. Các đội công trình xây dựng cũng chuyển giao trực thuộc các binh trạm để thiết lập những khu vực kho mới. Đồng thời Tổng cục Hậu cần bổ sung lực lượng xe để tăng cường khả năng vận tải cho Đoàn 559. (Các đội ô tô của cục vận tải đường bộ bàn giao cho Tổng cục Hậu cần). Một số đội thanh niên xung phong được chuyển thành những đơn vị công binh thuộc biên chế các binh trạm.

Mặc dù hàng loạt công việc mới mẻ, dồn dập, các binh trạm đã nhanh chóng ổn định tổ chức, và trước mắt làm sao đẩy nhanh hàng lên phía trước.

Tuyến vận tải từ hậu phương vào, mặc dù địch đánh phá ngày càng ác liệt, đã nhanh chóng khắc phục, bảo đảm vận tải thông suốt. Riêng tuyến phía tây Trường Sơn vẫn chưa vượt được ra khỏi những trở ngại bế tắc do hậu quả mưa lũ để lại.

*

* *

Khoảng tháng 10, trời đã tạnh. Bắt đầu mùa vận tải 1965-1966. Cần sửa đường, mở đường để hoàn thành kế hoạch vận chuyển. Đường "rông đanh" bây giờ lại hoá thành trở ngại. Sau mùa mưa, các "rông đanh" xộc xệch, rời rã, ngổn ngang nằm chỏng chơ trên đường, khiến mặt đường gồ ghề, đầy chướng ngại.

Lái xe ô tô trên đường "rông đanh" thật đủ nỗi đoạn trường. Xe nhảy tâng tâng, khi tung lên, khi khựng lại. Tay lái, chân ga xử lý liên tục, mắt căng ra hết mức. Bánh xe lăn, lật xật, khó chịu. Nhanh không nổi, chậm cũng không xong. Thà thụt xuống ổ trâu, ổ gà, ổ voi vẫn còn dễ chịu hơn. Đằng này, xe trườn lên từng khúc, bị chặn đứng trước các cây gỗ lớn, các "rông đanh" tuột chằng xô thành đống. Máy gầm réo, xe lắc lư, nửa giờ chỉ đi được bốn năm kilômét trên đường lát gỗ khấp kha khấp khểnh.

"Rông đanh" tạo những trường hợp phá xe đến xót ruột. Xe nhảy cẫng lên, tung hứng như xiếc. Gãy díp, vỡ thùng, lệch bệ như chơi. Còn loại "rông đanh" tuột khỏi cây nẹp, bật ra bên đường, ghếch các đầu cây lên; khi xe đi qua, đầu cây quật gãy ống dẫn ga, ống dẫn xăng, đứt hết dây điện, thậm chí đập vỡ luôn cả cầu. Lái xe mới bổ sung, chưa qua mùa mưa 1965, nổi khùng:

- Mấy cha công binh mở đường, định phá vỡ hết xe hay sao mà cứ chặt cây vứt đầy đường thế này?

Nắng lên, bùn ứ đầy, các ổ trâu quánh khô và tơi vụn như bột bánh khảo. Nhìn xa, lái xe tưởng là mặt đường phẳng. Xe lao tới, bánh thụt xuống quay tròn tại chỗ không đi được. Kiểu này anh em lái xe gọi là "pa-ty-nê" khan.

Các tuyến phải huy động lực lượng cơ quan đơn vị công binh, bộ binh kể cả vận tải, ra đường lột "rông đanh". Thường thì người ta nói phá dễ làm khó, nhưng lột "rông đanh" thì còn khó hơn cả lúc đặt. Thân cây lúc đầu đặt còn nổi trên đường, đến hết mùa mưa, cây lún chìm vào trong bùn, mút tịt luôn vào đất, chôn chặt trong đó. Đào không được cậy không ra, mà không để sót cây nào ở lòng đường được. Đã đào phải đào hết. Có cây sức người lôi không xuể phải buộc cáp vào xe mà kéo.

*

* *

Thời kỳ này hậu phương bổ sung cho 559 khá nhiều lực lượng, phương tiện vận tải.

Ô tô vào Trường Sơn có nhiều loại: Rô-buya, Pra-ga, Gát 63, Giải phóng... có máy chạy xăng, máy chạy dầu ma dút. Loại Gát 63 gọn nhẹ, Pra-ga thì to đùng. Lái xe ngại cái tướng lù lù của loại xe này (tuyến 559 mới nhận được thêm 100 xe Pra-ga). Cái dáng xe kềnh càng ấy qua trọng điểm thì khác gì phơi mình làm mồi cho giặc lái Mỹ. Các tiểu đoàn phải chọn những chiến sĩ lái xe giỏi, trong đó có người từng lái xe phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ để chạy loại xe này; cũng có một số lái xe tuyển từ các trường của Bộ Giao thông.

Được huy động vào tuyến, các chiến sĩ lái xe, mỗi người một vẻ, nhưng đều là những chiến sĩ tình nguyện, rất hăng hái. Ai cũng tự hào được vào Trường Sơn đánh Mỹ.

Có anh vốn là lái xe tưới nước chống bụi đường thành phố, vào Trường Sơn vẫn quen cứ tà tà cài số một chậm rì, đi khệnh khạng ở giữa đường, không chịu tránh ai và cho ai vượt ... Các tay lái xe gấu, xe bò tót ở vùng than Quảng Ninh thì cứ nghênh ngang giữa đường mà đi. Những anh em này phải nhiều tháng sau mới quen nhập được theo các quy tắc chạy đường Trường Sơn.

Tuy Đoàn 559 được bổ sung phương tiện vận tải cơ giới gấp hơn hai lần năm trước, nhưng bao nhiêu hậu quả của mùa mưa lũ để lại vẫn chưa gỡ xong, hiệu quả vận chuyển vẫn thấp, mà tổn thất về người và của ngày một đậm so với những năm trước. Từ đó nảy sinh các vấn đề: Đánh giá địch, ta tại đây thế nào? Chủ trương, phương châm hành động ra sao là thích hợp? Cơ cấu tổ chức với quy mô nào là đúng? Biện pháp, hành động từ trên xuống dưới cần sửa chữa, đổi mới ra sao? v.v.

Những nguyên nhân chủ quan, khách quan chưa được phân tích đánh giá đầy đủ và kịp thời giải quyết, nên đã gần hết mùa khô rồi mà vẫn chưa đạt được nửa kế hoạch Bộ giao, trong lúc đó, trên chiến trường, quân và dân miền Nam đang giữ vững và phát triển thế chiến lược tiến công, bẻ gãy cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất của Mỹ, ngày càng đòi hỏi sự chi viện cho nhu cầu tác chiến ngày càng quyết liệt.

Trước yêu cầu phải bảo đảm khẩn trương cho các chiến trường miền Nam, tháng 3 năm 1966. Tổng cục Hậu cần tổ chức một đoàn xe đặc biệt, mang tên Đoàn 100, đi thẳng vào phía trong, với biên chế tương đương gần một trung đoàn xe. Chỉ huy là các đồng chí Thăng Phúc, Nguyễn Ngọc, Phạm Luận. Mật hiệu của đoàn vận chuyển này được đặt là "Mũi tên xanh". Tổng cục chủ trương lấy số học sinh lái xe vừa đào tạo xong của cục quản lý xe, thực hiện nhiệm vụ mày.

Đoàn 100 đi từ Hà Nội, theo kế hoạch sau một tuần lễ sẽ vượt đường 9, xuống Mường Noọng. Đây là một đợt vận chuyển khá cấp bách. Mùa khô 1965 - 1966 chỉ còn một tháng nữa là kết thúc. Xe chạy thẳng một mạch không theo các cung độ. Các chiến sĩ trẻ hăng hái nhận nhiệm vụ. Nhưng, vì chưa quen chiến trường, tay lái mới, nên họ để xe đổ, xe rệ nhiều.

Mặc dù việc tổ chức chỉ huy dọc đường được các binh trạm phối hợp hỗ trợ, hộ tống qua các trọng điểm, thậm chí còn chi viện cho hàng chục tay lái kỳ cựu để vượt các đoạn đường hiểm hóc như ở binh trạm 12, nhưng dọc đường hành quân, địch phát hiện đánh vào đội hình xe, thiệt hại khá nặng, những chiếc xe còn lại, khi quay ra bị đánh thêm một vài trận nữa. Đoàn 100 gần như mất sức chiến đấu, phải tập trung củng cố lại.

Vào những tháng mùa khô 1966, giặc Mỹ đánh có tính chất vừa ngăn chặn, vừa đánh vào lực lượng bảo vệ vận chuyển. Đã có những trận đụng độ khá ác liệt giữa lực lượng pháo cao xạ và không lực Hoa Kỳ.

Tiểu đoàn 20, đơn vị cao xạ được thành lập từ chiến dịch Điện Biên Phủ, có truyền thống chiến đấu giỏi. Suốt năm 1965, tiểu đoàn 20 đã độc lập chiến đấu hơn 100 trận với trên 600 lần chiếc máy bay Mỹ. Riêng ở bến Thà Khống, tiểu đoàn đã bắn rơi 34 chiếc, bắn bị thương 35 chiếc.

Trong ngày 24 tháng 2 năm 1965, bám trụ ở Thà Khổng, các pháo thủ của tiểu đoàn 20 đã chiến đấu quyết liệt suốt cả ngày với hàng chục đợt máy bay Mỹ đến đánh phá vào trận địa, bắn rơi tại chỗ một chiếc F.4H. Nhiều chiến sĩ bị hất khỏi công sự lại vùng dậy trở về bám pháo. Các chiến sĩ bị thương không ai rời khỏi vị trí. Lửa đạn trùm suốt một dải đường bên dòng sông Sê Pôn. Bụi đất, khói bom bốc lên mù mịt. Mặt các chiến sĩ bị đất bám đầy, đen xạm... Cho đến tối, tiểu đoàn bắn rơi thêm hai chiếc F.4H nữa.

Sau này, trong lực lượng cao xạ Trường Sơn, tiểu đoàn 20 được tuyên dương đơn vị anh hùng sớm nhất, cùng với đại đội 4, súng 12,7 milimét. Đại đội 4 từng tham gia gùi lương thực, thực phẩm vào chi viện cho công binh và thanh niên xung phong mắc kẹt giữa các túi nước; trong mùa khô 1965, đại đội có kỳ tích đưa pháo lên đỉnh núi bắt máy bay địch phải nâng tầm cao không dám xà xuống mặt đường, ném bom kém hiệu lực.

Nhưng nói chung, nhiều đơn vị pháo cao xạ lúc này còn lúng túng trong phương pháp đánh địch bảo vệ tuyến đường vận chuyển. Hiệu quả chiến đấu chưa cao, còn bị tổn thất cả người lẫn pháo.

Bước đầu chuyển hướng vận chuyển chiến lược sang cơ giới với bao lúng túng bỡ ngỡ. Cả thiên nhiên và giặc Mỹ đã gây cho tuyến vận tải 559 những trở ngại tưởng không sao vượt nổi. Tổn thất hơn tất cả những năm vận chuyển thô sơ trước đây cộng lại. Hiệu quả vận chuyển sút kém, khó khăn chồng chất đã gây ra tâm lý bi quan dao động, từ một vài người, vài bộ phận rồi tràn lan ở nhiều đơn vị trên khắp tuyến.

Tuy nhiên, từ những bài học ban đầu nhưng rất sâu sắc ấy, ta đã dần tìm được phương hướng mới, cách làm ăn mới. Niềm lạc quan mới cũng nhen lên từ đây. Do đó nảy sinh hai quan niệm, hai luồng tư tưởng đấu tranh với nhau. Một bên cho rằng không thể vận chuyển cơ giới qui mô lớn ở Trường Sơn được. Một bên khẳng định rằng, chỉ có vận tải bằng cơ giới ngày càng lớn mới đáp ứng nhiệm vụ chi viện cho miền Nam, mặc dù trước mắt có những tổn thất.

Phải nghiêm khắc rút kinh nghiệm vận dụng sáng tạo những nguyên tắc chỉ đạo của trên, tổ chức hiệp đồng cho tốt, thì nhất định hoàn thành được nhiệm vụ. Cuộc đấu tranh này khá phức tạp, dai dẳng, kéo dài mãi đến hội nghị Đại Trạch mới có hướng giải quyết tốt.

Túi nước rút đi, những người mở đường Trường Sơn đã sớm hiểu ra, đã hình dung được những việc cần làm, việc phải tránh. Ý định dù tốt đẹp đến mấy nhưng chưa nắm được quy luật vận động của sự vật thì còn vấp phải thất bại. Đường vào Trường Sơn bao la, vấp phải những túi nước, thì phải tìm cách mà tránh. Làm công tác vận chuyển, càng nhiều đường càng tốt. Tắc đường

nọ sẽ dùng đường kia. Thiên nhiên, giặc Mỹ, dù gây mọi trở ngại khó khăn, nhưng với trí tuệ tập thể, nhất định ta sẽ có cách khắc phục được.

Với lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật khá hùng hậu. Bộ tư lệnh Đoàn họp quyết định triển khai thực hiện ngay chủ trương: mở đường vượt khẩu mới, tránh hẳn túi nước Seng Phan - Pác Pha Năng, ngay khi trời vừa dứt hạt mưa. Chủ trương mở con đường này đã được Bộ Tư lệnh Đoàn dự kiến từ trước và ngay từ khi làm đường 128, đồng chí Phan Trọng Tuệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã giao cho viện thiết kế của Bộ khảo sát và đã lập được phương án thiết kế thi công.

Đến nay thì tính chất cấp bách phải xây dựng con đường này được đặt ra. Không chỉ vì yêu cầu vận tải chiến lược phải có ít nhất hai đến ba đường từ hậu phương lên các đơn vị tuyến 1, mà còn vì lý do thực tiễn, khẩn thiết trước mắt phải lựa chọn là "làm lớn hay nhỏ, sống hay chết?".

Trên thực tế nếu chỉ còn con đường 12 để vận chuyển, thì sẽ bị "trời đánh, địch đánh, ma bệnh đánh, cái đói rách đánh”. Tuyến vận tải chiến lược có nguy cơ không thể tồn tại được.

Đoàn khảo sát viên thiết kế đã leo đèo lội suối cả tháng trời để tìm hướng tuyến, nhất là tìm điểm "khai khẩu” hợp lý về chuyên môn, lại bảo đảm yêu cầu bí mật quân sự. Các cán bộ, chuyên viên kỹ thuật đã lập ra mấy phương án để chọn lấy cái tối ưu, song chẳng có phương án nào thoả mãn chỉ tiêu thời gian hoàn thành trong bốn đến sáu tháng một con đường đèo núi dài ngót ba trăm kilômét.

Nghe các đoàn khảo sát báo cáo xong, đồng chí Phan Trọng Tuệ trao đổi và giao cho đồng chí Võ Bẩm, người vốn có kinh nghiệm mở đường quân sự làm gấp, lại quen thuộc địa hình vùng này, trực tiếp đi kiểm tra để quyết định đoạn mở cửa khẩu, chọn hướng tuyến ngắn nhất.

Đồng chí Võ Bẩm cùng anh em khảo sát đi xem xét những điểm chính, khi về quả quyết: "điểm khai khẩu” ở đoạn rừng phía tây bắc làng Phong Nha là đúng nhất và theo con đường mòn dân đi đến đỉnh U Bò, bám vách núi lên đèo A Ki là ngắn nhất. Đường này, hồi năm 1960, đồng chí Võ Bẩm đã cùng một số cán bộ đi nghiên cứu để mở đường giao liên quân sự.

Lúc đó, những người mở đường có thể lựa chọn mấy phương án.

- Hướng thứ nhất, mở cửa chọc thủng vách núi Phu La Nhích sừng sững trước mặt, tạo ra một cung đường ô tô cheo leo trên vách đá chừng bảy kilômét, xuyên qua một đồi núi trung bình liên tiếp ở vùng giáp ranh.

- Hướng thứ hai, theo lối mòn của dân bản vùng này, mở đường qua Ba Dơi, Cù Mẹ, Cù Con, vào U Bò, tránh những dãy núi cao. Hướng này vòng xa, lâu mới xong đường, rất tốn kém, nhưng có thể giữ bí mật được lâu hơn.

Cuối cùng, Bộ tư lệnh đã chọn phương án thứ nhất. Mạnh dạn xuyên rừng, bạt đèo, thọc qua dãy núi đá. Đoạn đường về tới Lùm Bùm sẽ ngắn, dù có những đoạn đường phải mở chênh vênh trên những đèo cao.

Điều mọi người lo ngại là, sức người qua trận mưa lũ đã thấm mệt, thời gian còn lại quá ít. Hơn nữa, tuy làm đường đá thì ngắn, nhưng còn lệ thuộc nhiều thứ, thuốc nổ, kỹ thuật mặt bằng, độ dốc cho phép v.v. Số cán bộ giao thông được cử vào cũng chưa có kinh nghiệm bao nhiêu về làm đường trên sườn núi đá cheo leo.

Một hội nghị về khoa học kỹ thuật được triệu tập ngay. Một ngày tranh luận sôi nổi, mọi người đều nhất trí với phương án Bộ tư lệnh đã chọn. Để chuẩn bị kỹ số liệu khảo sát thi công, dự trù nguyên vật liệu. Đoàn 559 tổ chức một đoàn gồm những cán bộ công binh 559, cán bộ của Bộ tư lệnh công binh và chuyên viên Bộ Giao thông vận tải đi nghiên cứu và tính toán ngay tại thực địa. Với phong cách chính xác ấy, con đường đã được xét duyệt, thoả mãn những yêu cầu quân sự và kỹ thuật.

Nhưng, để có được con đường này, phải huy động một khối lượng rất lớn vật chất kỹ thuật và cần nhiều nhân lực. Riêng Đoàn 559 thì không thể làm nổi, ngay chỉ riêng quân đội lúc này cũng vô cùng khó khăn. Đồng chí Tư lệnh nói:

- Tôi sẽ đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Chính phủ triệu tập một cuộc họp liên tịch bàn về loại công binh trên hạng ngạch này. Anh Võ Bẩm chuẩn bị kỹ phương án đã chọn, báo cáo trong hội nghị.

Cuộc họp liên tịch gồm có đồng chí Nguyễn Duy Trinh đại biểu Thường vụ Hội đồng Chính phủ, đồng chí Tố Hữu thay mặt Ban Bí thư Trung ương

Đảng, đồng chí Phan Trọng Tuệ đại biểu Bộ Giao thông vận tải, đồng chí Võ Bẩm đại diện Bộ tư lệnh 559. Vì tính chất quan trọng của cuộc họp, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng đến dự.

Đồng chí Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã trình bày về ý nghĩa khẩn thiết, quy mô và điều kiện phức tạp của trục đường sẽ mở, được đặt tên là đường 20; đồng chí Võ Bẩm báo cáo kỹ phương án thiết kế và khái quát về kế hoạch tiến độ thi công.

Hội nghị làm việc với một tinh thần trách nhiệm cao, cân nhắc mọi khía cạnh và cuối cùng đã tán thành phương án đề đạt. Hội nghị bàn tập trung vào vấn đề huy động lực lượng, phương tiện cho việc mở con đường vượt khẩu mới.

Cuối cuộc họp, đồng chí Lê Duẩn cho nhiều ý kiến quan trọng, đặc biệt nhắc nhở cần phải mở đường nhanh đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng miền Nam và giao trách nhiệm về huy động người. Ban Bí thư sẽ chỉ đạo Đoàn thanh niên lao động vận động, tổ chức các đội thanh niên xung phong đưa vào; việc huy động vật chất kỹ thuật. Bộ Giao thông vận tải và Bộ Quốc phòng phối hợp cùng lo. Cần bàn tính thật cụ thể.

Hội nghị liên tịch đã kết thúc - bản khai sinh trục đường 20 bắt đầu từ đấy.

*
* *

Đội khảo sát thi công về đến Sở chỉ huy, quần áo bùn đất loang lổ, mặt đen sạm vì nắng gió nhưng người nào cũng tươi rói. Đồng chí Cục trưởng công binh 559 báo cáo với Bộ tư lệnh: Phương án thi công từ hai đầu dồn lại hoàn toàn thích hợp. Đội khảo sát đã cắm tuyến xong. Nhưng tính toán cụ thể thấy phải dùng nhiều bộc phá. Những đồng chí có kinh nghiệm khảo sát, đã chọn tuyến thi công từng đoạn, so sánh gạn lọc mãi vẫn không thể nào giảm được con số 400 tấn bộc phá phải chi cho con đường này.

Bộ tư lệnh cho biết là Tổng cục Hậu cần và Bộ Giao thông vận tải đã duyệt tất cả những yêu cầu Đoàn. Anh em khảo sát thở phào nhẹ nhõm.

- Thế thì làm gì mà không vượt nổi dốc Ba Thang, dốc U Bò. Chỉ cần bốn đến năm tấn thuốc nổ là bay cả thành đá ấy đi

- Này! - Đồng chí Tư lệnh nhắc - Phải hết sức tiết kiệm và chú ý yếu tố bảo mật cho con đường.

Thế đấy! Chiến tranh là sự chạy đua giữa hai bên địch và ta. Trên con đường dài đầy thử thách ấy, phần thắng cuối cùng sẽ thuộc về những con người gan góc, dẻo dai và mưu trí.

Lệnh mở "cửa khẩu” mới được phát ra.

Các đơn vị bộ đội, thanh niên xung phong, công nhân kỹ thuật hối hả hành quân đến vị trí tập kết. Rừng núi hoang vu từ động Phong Nha đến Ba Thang, Cà Roòng, Lùm Bùm bỗng bừng lên cuộc sống náo nhiệt khác thường. Nhất là khu dốc Đồng Tiền, sườn núi Trà Ang, lên Ba Thang. Hai đạo quân lớn từ hai phía đông, tây giao ước sẽ cùng tiến lại gần nhau, thông đường vào ngày 19 tháng 5 lấy thành tích chào mừng ngày sinh Bác Hồ kính mến cũng là kỷ niệm ngày thành lập Đoàn 559.

Nhiều đơn vị bộ đội kịp thời bổ sung cho Đoàn 559 vào làm đường 20.

Ở phía tây, lực lượng gồm có trung đoàn 10 công binh và hai đội thanh niên xung phong cùng tiểu đoàn 25 công binh vừa mở đường 128 về làm nòng cốt, đứng chân ở lèn Cốc Mạc, tiến quân mở đường từ Lùm Bùm ra phía Phu La Nhích.

Mũi phía đông có một trung đoàn công binh và hai trung đoàn bộ binh 4 và 5, cùng với lực lượng thanh niên xung phong và dân công hoả tuyến. Tổng số nhân lực lên tới hàng vạn người được phân chia thi công đồng thời trên nhiều công đoạn, theo bản thiết kế mở đường từ cửa rừng Phong Nha, qua Ba Thang, Cà Roòng vào A Ki, tiến lên tới sông Ta Lê.

Bộ tư lệnh cử đồng chí Tường Lân trực tiếp chỉ huy chung toàn công trường. Các đội kỹ thuật, cùng với các đơn vị công binh, thanh niên xung phong, các loại xe cơ giới mở đường được điều động về hai đầu con đường mới sẽ mở. Khí thế bừng bừng trên các công trường. Rừng Phong Nha, rừng U Bò, vách đá Phu La Nhích bị sức tiến công của sức người, máy móc và thuốc nổ, loang ra từng vệt lớn.

Khi mở đường qua các vách đá trùng điệp, xuất hiện nhiều cua gấp kiểu chữ A được gọi là các cua "A lớn" và “ con". Suốt những năm vận chuyển chiến

lược, con đường này có một loạt trọng điểm địch đánh phá hết sức ác liệt như Cửa Rừng, kilômét 32, A Ki, kilômét 62... nhưng dữ dội nhất là cụm trong điểm Cua chữ A - Ta Lê - Phu La Nhích (sau gọi là cụm trọng điểm ATP). Nhiều đơn vị, cá nhân chốt giữ trọng điểm này đã trở thành anh hùng, chiến sĩ thi đua, nêu những tấm gương chiến đấu bền bỉ, giành chiến thắng với giặc Mỹ hết keo này đến keo khác, bất chấp mọi gian khổ hy sình.

Máy bay địch vẫn rà bám phía đường 128, đường từ Phong Nha về Ho. Chúng chưa phát hiện ra hàng vạn con người, dưới rừng già um tùm đang làm chuyện long trời lở đất. Giữa nền xanh hùng vĩ Trường Sơn, đã hằn lên những vạch đường mới. Từng đoạn, từng đoạn đang nối lại với nhau, vươn dài ra, xuyên qua các thung lũng và sườn núi. Hai phía đông và tây đang xích lại gần nhau. Mây mù Trường Sơn đã che mắt bọn địch, ủng hộ những con người đang lao động vì sự nghiệp cao cả chống Mỹ, cứu nước.

Trung đoàn 4 gồm phần lớn chiến sĩ quê ở Hà Bắc. Được tỉnh uỷ, tỉnh đội Hà Bắc tuyển lựa những thanh niên ưu tú gửi vào chiến trường, trung đoàn 4 được vinh dự mang tên đồng chí Ngô Gia Tự.

Với khí thế đi chiến đấu vì miền Nam ruột thịt, trung đoàn đã vượt qua chặng đường dài khá gian khổ từ Đình Bảng (Hà Bắc) vào tới đường 20. Dù mới đến, còn mệt nhọc sau chặng đường hành quân dài, song các chiến sĩ, các đơn vị đều hăng hái bắt tay vào công việc.

Tiểu đoàn 5 được chỉ định làm đường từ Cửa Rừng vào dốc Ba Thang. Tiểu đoàn 6, từ Ba thang vào A Ki. Tiểu đoàn 4 từ A Ki vào Ta Lê.

Trung đoàn 10 vào Trường Sơn từ tháng 12 năm 1965, thành mũi mở đường từ trong ra. Đoạn này ngắn hơn nhưng lại vấp phải vách đá, đèo núi phức tạp. Tuy rất bỡ ngỡ, nghiệp vụ chưa nắm được bao nhiêu, cán bộ chỉ huy đã bám ngay địa bàn, quyết lập những thành tích tốt ngay từ những thước đường đầu tiên; làm đà cho cả những ngày hội san núi, lát đường sau này.

Các đơn vị bộ đội, thanh niên xung phong náo nức thi đua giành những đỉnh cao năng suất. Các chiến sĩ gái cũng như trai, ai cũng muốn xung phong nhận những việc khó, trụ đứng ở những nơi quyết liệt nhất. Có những đoạn, các chiến sĩ phải treo mình trên vách núi, chạc cây mà đục đá. Có trung đội

đã nổ mìn liên hoàn, đánh sập hàng chục, hàng trăm mét khối đá sau một lần điểm hoả. Khối mìn lớn nổ rung chuyển cả núi rừng. Đất đá bay mù mịt.

Những chiếc máy húc, máy gạt, lầm lũi xông lên trong lớp bụi dày đặc đến nghẹt thở, đi trước dọn cây, dọn đá, gạt mặt bằng, vạch ra con đường mới. Theo sau máy húc, các chiến sĩ mở đường với chiếc xẻng đã nhanh chóng hoàn thiện những thước đường ở những đoạn khó khăn và cheo leo nhất này.

Hàng ngày rừng Trường Sơn ầm ầm rung chuyển như cơn động đất. Núi đá toác ra, núi đất bị gạt băng từng mảng xuống thung lũng. Những tấn thuốc nổ đã được sử dụng tập trung bóc toang các các-xtơ đá vôi lởm chởm như hàng nanh sói đứng chặn lối. Ở những đoạn đèo, tưởng không tài nào mở đường đi qua được, tay choòng, tay búa đã bạt hàng trăm tấn đá rắn tạo thành những cua gấp uốn lượn khá đẹp mắt.

Hướng phía nam đá chọc thủng Phu La Nhích. Tác nghiệp bên sườn núi, máy húc đứng khá chênh vênh, có pha máy nghiêng chừng nín thở. Các cô gái thanh niên xung phong cũng đã thành thục các công việc phá đá, nổ mìn, bạt dốc, xẻ rãnh, đào hào thoát nước, kê, chèn đá hộc làm nền cho con đường.

Gương lao động của tiểu đội Nguyễn Bá Xuyến đã được biểu dương và phổ biến ở nhiều đơn vị. Năng suất của riêng anh là đạt tới mức cao nhất ở đoạn đường mình phụ trách: làm đá đạt 2,5 mét khối một ngày, làm đất đạt 10 mét khối một ngày. Tiểu đội Xuyến luôn có mặt ở những chỗ khó khăn nhất. Anh em thường đùa: ăn thịt còn được miếng nạc miếng xương, chứ làm đường thì toàn nhằm chỗ xương xẩu mà gặm. Tuy nói thế, họ vẫn xung phong đến chỗ vách núi cao, phá đá, vạch đường.

Dốc Ba Thang đã bị địch phát hiện và bâu lại đánh phá. Tiểu đội Xuyến lại tới. Họ cũng nêu gương về phát huy những sáng kiến về kỹ thuật. Phá rậm, tiểu đội biết đốt rừng âm ỉ để rừng cháy kỹ, loang nhiều diện tích. Sáu cái xe trượt đầu tiên xuất hiện ở kilômét 32 đã khiến bạn bè sửng sốt về năng suất, về tài đóng xe của họ.

Với một kẻ địch giàu, có nhiều phương tiện kỹ thuật hiện đại, việc giữ bí mật con đường mới mở chỉ có thể được một thời gian nào đó.

Cuộc chiến đấu với máy bay Mỹ đã bắt đầu trên con đường này ngay từ khi chưa đưa vào sử dụng. Thế nhưng sự ác liệt của bom đạn không ngăn nổi con đường ngày một vươn dài.

Ngoài khó khăn do kẻ địch gây ra, thì thời tiết khí hậu, điều kiện lao động ở Trường Sơn cũng là một vấn đề. Bệnh sốt rét đã làm hao hụt quân số ra mặt đường rõ rệt. Sau này, có ngày đại đội chỉ còn khoảng ba tiểu đội đi làm được, còn toàn sốt rét không đi nổi. Ghẻ lở, ù tai chẳng mấy chốc cũng thành các bệnh phổ biến. Một số anh em trẻ đã bị bệnh teo cơ. Chất dinh dưỡng không đủ. Bệnh phù thũng, thiếu sinh tố được dịp lan tràn. Có chiến sĩ sau một đêm ngủ, sáng mai không tài nào đứng dậy được đành phải cáng lên trạm xá.

Nhưng vui nhộn vốn là bản tính của lớp trẻ. Tiếng hát vẫn vang lên hàng đêm từ các lán. Nụ cười giữa trận sốt rét vẫn làm cho bạn vui thêm. Giữa vùng trọng điểm, thấy xe con vào, anh em vẫn ngăn lại để hỏi chuyện hậu phương, chia vui trong khói thuốc lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo...

Dù khó khăn rất lớn, các đơn vị công binh, các trung đoàn 4, trung đoàn 10 và hàng nghìn thanh niên xung phong, hàng trăm cán bộ kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải vẫn hoàn thành nhiệm vụ.

Tính đến hết mùa khô năm 1965 - 1966, một cửa khẩu mới của đường vận chuyển quân sự xuyên Trường Sơn đã được khai thông.

Tiếng súng thông đường ở những nơi hiểm trở như A Ki, Ta Lê, Phu La Nhích, đón đoàn xe chạy thử nghiệm từ Phong Nha vào Lùm Bùm trước một mùa mưa Trường Sơn đang ập đến, là những tiếng súng báo hiệu thắng lợi mở đầu những mùa vận chuyển gian khổ, gay go, quyết liệt trước thử thách của thiên nhiên và kẻ thù.

Tuy nhiên, phải đến cuối mùa khô 1966 trở đi, đường 20 với cụm trọng điểm ATP nổi tiếng suốt mười năm, mới thực sự phát huy tác dụng mạnh mẽ.

*

* *

Những thể nghiệm đầu tiên từ vận chuyển thô sơ sang cơ giới gây nên những sai sót trục trặc ban đầu không thể tránh khỏi, nhiều khi dẫn đến những tổn thất không nhỏ. Điều này không đáng lo. Sợ nhất có chăng là những tư tưởng dao động, tiêu cực từ đó cũng dễ nảy nở. Nhiều cán bộ sơ cấp, trung cấp, trước những thử thách lớn đều muốn trở lại vận chuyển theo lối gùi thồ như những năm cũ. Bao nỗi băn khoăn nặng trĩu trong tâm tư nhiều cán bộ. Tình hình đã khó càng khó thêm. Nhiều ý kiến trái ngược nhau trong các cuộc hội nghị, trong bữa cơm, trên đường đi làm, lai rai suốt từ 1965 sang đến đầu năm 1966, chỉ xoay quanh chuyện gùi thồ hay cơ giới.

Theo chỉ thị của Quân uỷ Trung ương, một đoàn kiểm tra của Tổng cục Hậu cần và Tổng cục Chính trị, do các đồng chí Đinh Đức Thiện chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần và Phạm Ngọc Mậu phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị dẫn đầu vào xem xét và cùng với Bộ tư lệnh Đoàn 559 phân tích đánh giá đúng những tình huống đã xảy ra, nhằm xây dựng, tổ chức công tác vận chuyển hàng một cách bài bản và trước hết là khai thông đoạn đường từ hậu phương miền Bắc đến đường 9.

Đoàn gồm các cán bộ có năng lực của nhiều thành phần cơ quan, binh chủng, nhằm đi sâu tình hình từng mặt, tìm biện pháp tối ưu cho hiệp đồng vận chuyển, kể cả việc xem xét những nhu cầu vật chất thiết yếu nhất, những đề đạt cụ thể của riêng từng binh chủng hợp thành, quyết đưa công tác vận chuyển cơ giới thắng lợi đáp ứng kịp yêu cầu của chiến trường sắp tới.

Đã vào khoảng tháng 2 năm 1966. Người mới, người cũ vào Trường Sơn xem ra đều đã thấm mệt. Mặc dù cũng đã làm được một loạt công việc quan trọng, nhưng bê bối cũng không phải ít. Khâu mở đường còn khá, chứ khâu vận chuyển, quả là ì ạch. Thua thiệt, lúng túng suốt cả mùa.

Xe chạy nhiều ít đều chưa đạt kế hoạch, chưa vào bài bản. Có lúc năm xe, ba xe cũng chạy, công tác vận chuyển luôn luôn phải đối phó và bị động. Cán bộ bấn lên vì xe, vì đường, kế hoạch khập khiễng, không ăn khớp, không chỉ huy nổi.

Việc bảo đảm giao thông của công binh chưa thật nền nếp. Có khi chỉ vài ba hố bom bên đường mà suốt đêm không khắc phục nổi. Xe đành nằm lại. Không có phương tiện thông tin liên lạc mà báo về cho cán bộ binh trạm. Xe

đi không biết lúc nào về. Lái xe cứ hết chuyến này, nối chuyến khác, không có cả thì giờ học tập, rút kinh nghiệm.

Tổ chức bảo dưỡng, tiểu tu, trung tu xe chưa thành chế độ. Xe nhiều chủng loại, các phụ tùng thay thế thường không đủ. Có chiếc xe chỉ hỏng bộ phận nhỏ cũng đành nằm lại. Đề nghị xin thêm xe được chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần trả lời thẳng thắn: Xe đưa vào như thế không phải là thiếu, chỉ do cách quản lý, sử dụng chưa phát huy được hiệu quả cao.

Pháo cao xạ đánh chưa hay, trừ một số đơn vị chịu khó tìm tòi cách bố trí, cách đánh bảo vệ đường, bảo vệ xe. Các kho tàng chưa mở nhiều đường ra vào, khi có xe đến, chờ nhau quá nửa đêm mới bốc hết hàng, trở ra lại nhỡ cung độ v. v.

Đoàn kiểm tra của Quân uỷ Trung ương cử vào, đã thăm ngay một số đơn vị, binh trạm, xem xét đường sá, kho tàng, công trường, làm việc khẩn trương với các cán bộ lãnh đạo, nghe báo cáo về những khó khăn, những trở ngại. Mặt khác, cho rà soát, tính toán lại kế hoạch. Vì mùa khô đã mất đứt bốn tháng. So với chỉ tiêu được giao, Đoàn 559 thực hiện chưa được một nửa. Thời cơ đã bị lỡ, tình hình vận chuyển rất căng thẳng.

Những tháng còn lại, Đoàn 559 sẽ phải chuyển:

- 3.400 tấn gạo đến Bạc.

- 2.000 tấn xăng dầu, vũ khí, lương thực xuống Tạt Xẻng.

- 2.500 tấn viện trợ cho chiến trường C (Lào).

- Bảo đảm gạo hành quân, nuôi dưỡng lực lượng nội bộ và xăng dầu vận chuyển.

Cùng với Bộ tư lệnh 559, Đoàn kiểm tra nắm ngay số hàng đang để rải ở các kho (khoảng 500 tấn vũ khí). Đoàn xe N.90 với ngót 100 xe Gát 63 và đoàn xe N.100 gồm hơn 300 xe các loại, hai đoàn xe tăng cường này chở hàng từ Hà Nội, chạy thẳng đến chiến trường, nhưng dọc đường địch phát hiện, đánh liên tục, xe bị cháy quá nhiều, hàng rải rác mỗi nơi một ít, tồn tại từ khu vực La Hạp đến bắc Bạc .

Đến lúc này mùa mưa sắp ập tới, mà kho đã cạn, gạo không mang vào được, toàn tuyến đang đói. Bộ tư lệnh lại phải cho dỡ các xe chở vũ khí xuống, quay ra chở gạo phục vụ cho các đơn vị làm đường, và công tác bảo đảm hành quân. Tình hình càng thêm căng thẳng.

Đoàn kiểm tra của Quân uỷ Trung ương đánh giá cao nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ Đoàn 559 với tinh thần xả thân vì miền Nam ruột thịt. Đồng thời, đoàn cũng xác nhận: mọi mặt sinh hoạt của bộ đội, thanh niên xung phong quá thiếu thốn, cực khổ. Không khẩn cấp khắc phục sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng.

Đoàn chỉ rõ: sự lãnh đạo, chỉ huy của các cấp còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn vận tải cơ giới; tổ chức chưa sát hợp, cồng kềnh, nặng nề, lắm cấp; tư tưởng chỉ đạo chiến thuật chưa rõ nét, hình thức chiến thuật còn rối, chưa ra manh mối nào; phương tiện thông tin chỉ huy quá kém; lực lượng tác chiến bảo vệ công việc vận chuyển chiến đấu quá mỏng, không đủ sức đánh bật địch bảo vệ khu vực mở đường, tập kết, bảo vệ kho và còn lúng lúng trong việc đánh địch bảo vệ vận chuyển.

Địch phá hoại đường bằng các phương tiện hiện đại, rải đô la trên mặt đường không tiếc, ta chống địch ngăn chặn không thể chi phí bằng cái cuốc, cái xẻng và chút ít thuốc nổ. Phải sửa đổi gấp từ tư tưởng chỉ đạo, tổ chức đến cung cách làm ăn, nhằm động viên mặt tích cực, khắc phục mặt tiêu cực nảy sinh trong bước đường đi lên. Không thể chỉ ngồi phê phán mà làm sao giúp cho các cơ sở, đơn vị nhận thức đúng và hành động đúng; như thế sẽ tránh được tình trạng lãnh đạo quan liêu.

Kết luận tới những vấn đề nào, đoàn kiểm tra lại trao đổi kỹ với Bộ tư lệnh Đoàn 559 đề ra những phương hướng giải quyết ngay. Những ý kiến này cũng được trao đổi với các cán bộ chỉ huy các tuyến, các đoàn chuyên viên quân sự

Đoàn kiểm tra gửi báo cáo đầy đủ về Quân uỷ, đồng thời điện ra Tổng cục Hậu cần, nhân có đoàn xe vào chiến trường, chuyển theo những thứ cấp thiết bổ sung cho tuyến 559 như: lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho bộ đội Trường Sơn. Tổng cục Hậu cần cũng bổ sung xe ba cầu, hai cầu theo phương án tổ chức mới. Cục vận tải đào tạo gấp lớp lái xe ngắn hạn, từ 45

ngày đến ba tháng, đưa thẳng vào Trường Sơn, đi kèm với các tay lái cũ chuyển hàng cho chiến trường.

Đoàn đề nghị Bộ Tổng tham mưu nâng tổng quân số Đoàn 559 theo yêu cầu mới; tăng lực lượng cao xạ pháo, bộ binh bảo vệ hành lang; cử các tiểu đoàn thông tin đưa dây, đưa máy vào, thiết lập ngay mạng thông tin tải ba, thông tin hữu tuyến dây bọc cho 559 để sao cho Bộ Tổng tư lệnh có thể trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ chi viện chiến lược, Bộ tư lệnh 559 có thể trực tiếp chỉ huy các binh trạm, binh trạm trực tiếp chỉ huy đến từng trọng điểm, đến các trạm điều chỉnh xe trên đường, đến các kho tàng, bến bãi. Đồng thời đoàn kiểm tra đề nghị Tổng cục Chính trị điều động thêm cán bộ trung, sơ cấp thuộc các bộ phận kỹ thuật, chuyên môn, cán bộ chỉ huy cho 559.

Riêng với nội bộ 559, đoàn khẳng định việc bỏ cấp tuyến, lập các binh trạm, do Bộ tư lệnh trực tiếp chỉ huy là đúng. Mỗi binh trạm cần có tỷ lệ cân đối giữa lực lượng vận tải, công binh, cao xạ, bộ binh, các binh chủng kỹ thuật (xe máy, thông tin...).

Đoàn đề nghị Bộ tư lệnh 559 củng cố tổ chức ngay, kiên quyết điều chỉnh hợp lý một số cán bộ. Những cán bộ chủ trì phải là những đồng chí có trách nhiệm chính trị cao, quán triệt quan điểm cách mạng tiến công của Đảng, có trình độ tổ chức chỉ huy hiệp đồng các binh chủng để tiến hành nhiệm vụ.

Về mặt tư tưởng, đoàn nhấn mạnh: Nguồn gốc của tình hình dao động do các phương thức vận chuyển chưa thích hợp, do công tác giáo dục và lãnh đạo thiếu chặt chẽ, chưa khẳng định rõ mặt ưu việt và tính tất yếu của vận tải chi viện chiến lược bằng con đường cơ giới ngày càng mở rộng quy mô. Khó khăn gian khổ đến mấy cũng phải kiên trì với phương thức vận tải cơ giới, với phương hướng đi lên đó, tuyệt nhiên không thể quay lại vận chuyển thô sơ. Cán bộ lãnh đạo còn chưa nhạy bén trước những nhân tố mới, chưa phát huy những biện pháp sáng tạo, đúng đắn để thuyết phục quần chúng. Cần khắc phục ngay lối làm việc bảo thủ, cũ kỹ này.

Hội nghị cán bộ toàn Đoàn 559 được triệu tập về Đại Trạch (Cự Nẫm), một khu trung chuyển quan trọng, một ngã ba đường ra quốc lộ số 1 và vào cửa ngõ đường Trường Sơn để tập huấn. Nội dung xoay quanh vấn đề là đường đã mở rồi (tuy chưa tốt lắm) xe đã chạy rồi, hàng đã đến chiến trường rồi,

nhưng tại sao chưa được bao nhiêu? Vì sao bị hạn chế đến vậy? Cần bàn cho hết nhẽ ở hội nghị này...

Trong hội nghị, đồng chí Võ Bẩm, phó tư lệnh đã xúc động nói lại những lần ra báo cáo với Quân uỷ Trung ương lần nào cũng đều được Bác Hồ giành cho anh thời gian báo cáo với Bác. Mỗi lần gặp, Bác đều thân ái hỏi: "Thế nào đường vận chuyển của các chú tiến đến đâu rồi?". Sự quan tâm của Bác như vậy mà bộ đội Trường Sơn làm ăn chưa tốt thì biết ăn nói thế nào đây với Trung ương Đảng, với Bác.

Trong chiến đấu, vấp phải gian khó, vất vả là chuyện thường tình. Từ hội nghị Đại Trạch này, phải tạo ra một bước ngoặt, lật những trang sử sáng ngời, bước ra khỏi những lúng túng ban đầu vừa qua.

Muốn thế, phải có những bước chuyển biến quan trọng trong tư tưởng, có quyết tâm thật cao. Phải chuyển biến sâu sắc trong phương thức vận chuyển mới, trong tổ chức, trong hiệp đồng binh chủng... Phải có một kế hoạch khoa học, một cách chỉ huy mới đối với tuyến chi viện chiến lược với phương thức vận chuyển cơ giới ngày càng quy mô, to lớn.

Trong cuộc hội nghị quân chính Đại Trạch, mọi người đều cố tìm cách gỡ sao cho thanh thoát các vấn đề với hàng đống khó khăn chồng chất như: mưa lũ khắc nghiệt, túi nước mênh mông sẽ tiếp diễn hàng năm; địch đánh liên miên, thủ đoạn ngày càng thâm độc, xảo quyệt, bom đạn, chất độc hoá học rải dầy đặc, ác liệt; khối lượng đất đá mở đường quá lớn. Mỗi thước đường vươn dài trên Trường Sơn để ô tô chạy được, không chỉ đổi bằng tiền của, công sức mà bằng máu nữa. Thiếu đói liên miên, sốt rét ác tính, phù thũng, đau ốm... Một mùa đã thế, kéo dài hàng năm vận chuyển sau này thì đối phó sao đây?

Nhưng từ khó khăn, những suy nghĩ mới, phương pháp nhìn nhận sự vật theo cách mới mẻ, biện chứng đã xuất hiện.

Hãy dứt khoát với nhau, mùa khô vừa qua, Đoàn 559 không hoàn thành nhiệm vụ, công sức bỏ ra nhiều mà hiệu quả ít. Nhiệt tình cách mạng trên tuyến không ai phủ nhận được. Mỹ giàu thật, nhiều phương tiện hiện đại thật, nhưng nó gây cho ta thiệt hại, đánh trúng xe, đánh trúng đường một phần vì ta dở. Đường sá gì mà cứ như cái ngõ hẹp. Mở toang đường, mở thật

rộng, vươn thật dài mà đi? Địch đánh mạnh ư? Hãy tổ chức đánh trả! Sao cứ hết phòng lại tránh? Phòng tránh suốt thì nhích lên phía trước làm sao? Chiến tranh tất phải có hy sinh tổn thất. Lao động xây dựng mà vụng dại còn tổn thất, huống hồ đánh Mỹ. Lịch sử không quay lại thời đồ đá nữa thì Đoàn ta không thể quay lại cảnh gùi thồ triền miên mãi. Gùi thồ cũng hy sinh, tổn thất dù có kém chi?

Ở hội nghị Đại Trạch, cuộc đấu tranh giữa những tư tưởng tích cực và tiêu cực, giữa những nhận thức có phần đơn giản và nông cạn với tầm nhìn, sự đánh giá đúng mức, khá gay gắt. Với tinh thần thảo luận thấu đáo vì việc chung, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đoàn 559 tranh luận, phân tích hết nhẽ để tìm biện pháp, kế hoạch ưu việt nhất cho mùa vận chuyển sắp tới.

Sau hội nghị cán bộ ở Đại Trạch, đầu tháng 6 năm 1960, đại tá Hồng Kỳ được Bộ tư lệnh Đoàn 559 cử ra báo cáo với Quân uỷ Trung ương về tình hình làm ăn của Đoàn.

Dịp này, Quân uỷ Trung ương đang họp để bàn về chuẩn bị các cuộc tiến công chiến lược mùa khô 1966- 1967.

Đồng chí Đinh Đức Thiện, chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần thân mật nói với đại tá Hồng Kỳ:

- Cậu chuẩn bị báo cáo để Quân uỷ Trung ương nghe đầy đủ nhất về con đường vận tải của chúng ta. Phải nói cho thật hết những khó khăn, thuận lợi, càng cụ thể được nhiều thì càng tốt. Nhưng, con đường vận chuyển thì sẽ phải tính sao làm to, làm mạnh lên.

Ngừng một lát, đồng chí chậm rãi tâm sự:

- Nghề hậu cần của ta hiện nay té ra lại phải mò mẫm. Kẻ địch mới, tình hình mới mà? Năm vừa qua, công sức bỏ ra nhiều mà kết quả thu được chưa cân xứng. Keo tới phải có cung cách làm ăn mới?

Vài hôm sau, đồng chí Hồng Kỳ được vào gặp Quân uỷ Trung ương.

Đại tá Hồng Kỳ đã báo cáo về đường vận chuyển cơ giới ở Trường Sơn.

Trên đường vận chuyển cho chiến trường miền Nam, địch ngăn chặn rất gắt gao. Bom đạn ác liệt, thủ đoạn đánh phá của chúng chủ động, thâm hiểm và

xảo quyệt. (Đại tá nêu ra những con số về các trận địch đánh phá tiêu biểu ở đường 9, ở Tha Mé, Tà Beng, La Hạp, Tha-pa-chôn, Pác Pha Năng...).

Tuy nhiều bom đạn nhưng địch cũng bị hạn chế. Không lực Hoa Kỳ bắt đầu hoang mang trước một "trận đồ bát quái xuyên rừng rậm". Ta mở nhiều đường xe chạy, địch càng bị phân tán mục tiêu. Địa hình Trường Sơn phức tạp, rừng núi trùng điệp, địch khó thấy, chúng tốn nhiều bom đạn mà hiệu quả ít. Ngay những trọng điểm nếu có hầm hố phòng tránh tốt, ta vẫn khắc phục nổi khi đường bị tắc, bất kể ngày hay đêm.

Bộ đội Trường Sơn chưa hoàn thành nhiệm vụ, vì chưa có kinh nghiệm, ban đầu lúng túng, nay đã tìm cách khắc phục được nhiều, có thể bảo đảm được vận chuyển bằng cơ giới. Cán bộ phần đông chưa được học tập cơ bản, thiếu những kiến thức về nghệ thuật vận tải quân sự, về cuộc chiến đấu trên mặt trận mới này. Nhưng nghiêm khắc về mặt tư tưởng tiến công. Lực lượng vận chuyển cơ giới đánh giá địch quá cao, không tìm mọi cách để đánh địch mà đi, mở đường mà tiến.

Đại tá cũng trình bày kỹ về những gương chiến đấu sáng đẹp, về tinh thần chịu đựng dũng cảm, quên mình, vượt mọi gian khó của anh em bộ đội, thanh niên xung phong.

Về một số cán bộ có ý kiến muốn trở lại đường vận chuyển bằng gùi thồ, lấy phương tiện chính là xe đạp, dại tá Hồng Kỳ tường trình rõ sự việc và con số:

Nếu chuyển bằng xe đạp, để được số hàng tương đương của một đại đội xe ô tô như năm 1965 - 1966, thì sẽ phải huy động tới 60.000 chiếc xe đạp. Chỉ tính việc lắp xe thôi, thì bao giờ mới lắp cho đủ... Đường thồ có an toàn hơn thật, nhưng làm sao đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của chiến trường.

Sau khi nghe đại tá Hồng Kỳ báo cáo. Quân uỷ Trung ương kết luận. Qua thực tế chiến trường càng làm sáng tỏ thêm quyết tâm chiến lược của Đảng. Càng phải kiên quyết tiếp tục tiến hành làm đường vận chuyển bằng cơ giới sao cho thật tốt hơn nữa. Phải mở đường vươn sâu vào phía trong để việc chi viện cho các chiến trường ngày càng thêm ổn định và vững chắc.

Đây là một bước ngoặt vô cùng to lớn của lịch sử con đường mang tên Bác, chuẩn bị bước vào một mùa vận chuyển thắng lợi rực rỡ, góp phần chuẩn bị tích cực cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt năm 1968 của quân và dân miền Nam, đánh bại cuộc chiến tranh cục bộ ác liệt nhất của đế quốc Mỹ.

(Rút trong tập Đường mang tên Bác, tập I NXB QĐND, 1984)

Thượng tá Hoàng Xuân Điền - VƯỢT SÔNG BẠC MÙA XUÂN 68

Lúc bấy giờ tôi vẫn làm binh trạm phó binh trạm 34 chuyên trách giao liên. Mỗi tháng về Binh trạm bộ dăm ba ngày họp hành, tôi cứ bám riết phòng trực ban để hỏi anh em vận tải cốt tranh thủ cao nhất chở gạo cho các trạm giao liên. Tôi tự nhủ mình kiêng nghe điện thoại. Có ai gọi gì cho mình đâu mà nghe! Nếu giao liên gọi về đã có đồng chí trực ban rồi. Chẳng có gì chán bằng việc cầm ống nói lên nghe mọi người cứ hỏi về xe cộ, xăng dầu, hàng họ, cầu đường mà mình chẳng hiểu mô tê gì để trả lời.

Nhưng vào cái ngày đầu tháng 11 - 1967 tôi đang ngồi chơi ở nhà anh Quỳ (anh ấy xuống phòng trực ban) đọc mấy tờ báo thì tiếng điện thoại reo lên. Tôi định phớt lờ nhưng lại nghĩ:

- Ừ thì nghe một tí xem đã sao. Nhỡ ai hỏi việc gì cần thì mình cứ xưng là cần vụ và xin ghi lại báo cáo cho thủ trưởng Quỳ là trôi chảy hết.

Tiếng chuông gắt gỏng đợt ấy vừa dứt thì tôi cầm máy, vừa áp vào tai đã nghe có tiếng nói rất nhanh: "Thủ trưởng làm việc gấp với 601".

Tôi giật bắn người, 601 là anh Đồng Sĩ Nguyên tư lệnh trưởng 559. Anh rất gần gũi với chúng tôi và tôi rất thích thú mỗi lần gặp anh. Nhưng chết nỗi, cái anh binh trạm phó giao liên có biết gì về tình hình vận tải đâu mà trả lời 601 được. Mà gọi gấp thì chỉ hỏi tấn tạ, cầu đường, xe cộ mà thôi?

Tắt máy đi thì cũng dở, cầm thì chán ngán vô cùng: ăn làm sao nói làm sao về những điều mình ù ù... cạc cạc đây. Tôi nhẩm lại các vấn đề chính của giao liên, chọn ngay việc xin thêm thuốc và thực phẩm cho bộ đội hành quân.

Đầu kia có tiếng anh Nguyên nói tới rõ ràng và lộ nhiều phần sốt ruột - "A lô!”.

- Tôi là Điền đây ạ !

- A, anh Điền mới ở đường giao liên về phải không?

Giọng anh chuyển sang nhẹ nhàng, có phần thân thiết vui lòng. Chúng tôi biết rõ tính tư lệnh lắm. Lúc nào nói điện thoại mà gọi ai bằng: "đồng chí" là

lúc không vừa lòng rồi. Còn lúc gọi "Anh...” gọi "Cậu..." là lúc thoải mái. Tôi vui hẳn lên. Nhưng vẫn sẵn sàng chờ đón một cuộc tấn công. "Tư lệnh quyết thắng" của chúng tôi chẳng bao giờ gọi điện nói chuyện phiếm. Mỗi lần 601 gọi thì anh nào cũng nhận được hàng đống nhiệm vụ ngập đầu.

Tôi sợ quên nên cứ nhẩm lại việc thuốc xin thực phẩm cho giao liên, đợi 601 nói xong là phản công lại liền. Phải chọn câu chữ thật ngắn rõ mới được?

Nhưng anh Nguyên chưa nói. Tiếng khịt mũi cứ phát ra liên tục đầu máy 601. Anh Nguyên đau mũi lâu năm, chữa mãi chưa khỏi. Chúng tôi rất thương anh mỗi lúc thấy anh đau mũi khó thở, phải khịt nhiều mà anh làm việc liên miên, xông xáo khắp nơi, ngày nói điện thoại liên tục, đêm phải bám chắc gần 40 binh trạm và bao cơ quan, đơn vị để chỉ huy toàn lực hàng chục vạn quân rải rộng khắp mấy ngàn kilômét Trường Sơn giành giật thắng lợi ở từng mét đường, từng tạ hàng, từng người lính hành quân, từng hạt gạo viên đạn chi viện chiến trường!

Anh khịt mũi vì đau mũi. Nhưng qua làm việc nhiều lần với anh, chúng tôi còn khám phá ra có lúc anh giữ thói quen đó để cân nhắc suy nghĩ thêm, để tự kiềm chế những tình cảm, ý nghĩ bột phát, để xem xét thêm cho chín.

Tôi cầm máy nghe tiếng khịt mũi kéo dài, liền đoán mò tếu: Mình bị tư lệnh túm gáy là chuyện mình bất ngờ. Còn tư lệnh gọi điện cho ông Quỳ hẳn có việc gấp lắm, nhưng lại vớ phải mình, chắc còn bị bất ngờ hơn nữa. Bóng đang ở chân tư lệnh, nhưng trái giò thế này, chưa biết sút ra sao đây? 601 khịt lâu là để nghĩ một mẹo gì nói cho hợp ý mình, ừ 601 biết mình mù tịt về vận tải. Để xem "Tư lệnh" sẽ xử trí với mình ra sao?". Tôi thích thú như đứa trẻ con đang làm một chuyện tinh nghịch.

Bỗng 601 nói tiếp:

- Anh Điền có giấy bút không?

- Dạ, tôi đã có sẵn.

Anh Nguyên nói thong thả, nhẹ nhàng như giao việc đã cân nhắc tính toán sẵn từ trước để nói với Anh.

- Anh ghi cho tôi cái điện này nhá:

“Gửi đồng chí Lê Đa và đồng chí Giới.

Tôi cử anh Điền, binh trạm phó BT34, đến chuyển đạt các đồng chí năm điều:

1. Các đồng chí lập tức nối điện thoại thật tốt giữa tiền phương 34 với binh trạm 35.

2. Hai đồng chí phải trực tiếp hiệp đồng với nhau hàng ngày hàng giờ chặt chẽ, chi viện cho nhau bằng mọi giá vượt sông Bạc cho được ít nhất 10 ngày - ưu tiên đưa gạo ra phía trước.

3. Nhất thiết phải đoàn kết. Không được đun đẩy cho nhau, để đổ lỗi cho nhau, cãi nhau. Có việc gì thì đồng chí gặp nhau giải quyết, không được kiện lên Đoàn.

4. Tôi sẽ nối gấp điện thoại tải ba vào các đồng chí. Lúc đó các đồng chí phải báo cáo thẳng về Đoàn mỗi ngày hai lần. Gặp trở ngại thì gọi ngay cho tôi biết.

5. Anh em phía trước và B2, B3 đang yêu cầu gấp nhiều hàng - nhất thiết phải vượt được Bạc.

Ký tên 601".

Tôi đọc lại bức điện gay gắt này để anh Nguyên duyệt từng chữ. Nghe xong anh dặn:

- Tôi gọi điện xuống kho K50 ở cách binh trạm bộ dăm kilômét theo đường chim bay dặn anh em giữ lại cho tôi hai chiếc xe tải trong đội hình đang nhận hàng đêm đó đi vào kho Đ nơi anh Lê Đa ở.

Tôi xuống bếp báo cơm ăn gấp rồi đi ra suối gọi đồng chí công vụ đang mò cá về chuẩn bị đi công tác. Tôi sang nhà trực ban báo anh Quỳ biết lệnh của 601. Mấy cậu trực ban nghe chuyện, đấm nhau cười. Cả phòng cười thoải mái vì rất hiểu nhau. Mỗi chúng tôi đang ôn lại trong trí nhớ những cái lệnh bất ngờ kiểu như vậy mà 601 đã nhiều lần giao cho cấp dưới.

Việc tôi đi làm sĩ quan liên lạc như thế này còn là rất nhỏ. Có những nhiệm vụ to lớn gay go quyết liệt mà tư lệnh trưởng cứ giao nhẹ nhàng như không. Có khi nửa đêm dựng dậy giao việc và giục làm ngay. Thường những lúc đó

chúng tôi rất vui. Chúng tôi tin rằng Bộ tư lệnh 559 không giao việc tuỳ hứng mà theo yêu cầu của chiến trường và đã tính kỹ khả năng, nhất là cân nhắc năng lực thi hành của người cán bộ.

Những biện pháp tổ chức, kỹ thuật rất cụ thể được chỉ đạo chặt chẽ, lực lượng, vật tư, thiết bị được đưa đến tận nơi đầy đủ vì vậy các nhiệm vụ đều được hoàn thành dù bất ngờ và đột xuất đến đâu. Đó là một phong cách đã thành truyền thống của 559.

Trách nhiệm với đồng bào đồng chí miền Nam trong nước sôi lửa bỏng, lòng tin tuyệt đối của Bộ tư lệnh quyết thắng Trường Sơn, lòng tin ở đoàn quân gang thép, lòng tự hào được giao nhiệm vụ ... tất cả những cái đó luôn được củng cố qua chiến đấu đã ăn sâu trong tâm tư tình cảm chúng tôi. Tiếng cười vang lên của tất cả chúng tôi chỉ thay lời mà nói với nhau như vậy.

- Anh đi đi thôi? Mình sẽ nhắc giữ xe tốt lái tốt cho? Nhớ lấy hộp sữa và cân lương khô nhé!

Anh Quỳ nói xong bắt tay tôi chặt.

Mặt trời lặn không khí chuyển lạnh se se xuống rất nhanh. Hơi nước từ khe suối bốc lên đọng thành những làn sương trắng nhẹ quấn quanh những rặng cây lúc hoàng hôn làm cho cảnh rừng thêm huyền ảo. Khi xe đến suối Ba Khe, xe dừng lại lấy nước, tôi vục cả mũ xuống múc nước còn âm ấm sức nóng ban ngày giội lên đầu cho hết bụi bậm.

Hôm đó là ngày cuối tháng âm lịch trời không trăng. Sao sáng lạ lùng, toả ánh long lanh như muôn viên ngọc. Sao hôm càng nổi bật như "kim cương chúa" trên nền nhung, ánh sao cho phép nhìn thấy người ở cách vài ba chục mét.

Khi chúng tôi đến đỉnh dốc 20 thì máy bay cành cạch B26 đến thả pháo sáng ở phía sau và cứ bám lấy quãng dốc 19 mà bắn dai như đỉa đói. ánh đèn dù từ phía sau dọi tới càng giúp xe chúng tôi nhìn rõ đường hơn và tăng tốc độ. Qua Lục Tùng Pế, chúng tôi vượt chiếc xe cuối của đội hình tiểu đoàn 54. Nửa đêm tới cổng kho Đ, tôi dừng lại vào ba-ri-e nói điện thoại với anh Lê Đa.

"Thôi cụ Điền ơi, vào đây mà nghỉ thôi. Đêm nay cụ không sang nổi chỗ ông Giới đâu mà dặn anh em đi theo tiểu đoàn trả hàng rồi về luôn". Một đồng chí cảnh vệ ra đón và dẫn tôi vào binh trạm tiền phương.

Anh Lê Đa gặp tôi tay bắt mặt mừng, liên hoan với nhau cốc sữa trộn lương khô. Anh Bang tham mưu phó Binh trạm 34 đang ngủ, nghe chúng tôi nói chuyện ồn cũng mò dậy. Tôi đọc nguyên văn điện của Anh Nguyên cho anh Lê Đa nghe và ghi vào sổ. Tôi không thêm một lời, chỉ hẹn anh Đa muốn báo cáo gì cho 601 thì mai viết thành điện hoặc nói miệng với tôi, tôi sẽ chuyển nhanh về đoàn. Tôi nói:

- 601 bảo đêm nay phải gặp cho được anh và anh Giới. Đường tối nên tôi mới làm xong một nửa công việc. Hoàn cảnh này thì đành chịu ngủ lại. Nhưng liệu đêm mai có chắc thông đường không anh Đa? Nhất thiết tôi phải gặp anh Giới để đọc bức điện của 601.

- Chịu! Làm sao mà biết đâu mai có thông đường hay không. Nếu tôi nắm chắc thì 601 khỏi phải điện.

- Đã vậy thì sáng mai tôi đi bộ vào chỗ anh Giới, chắc có đường tắt đi sang.

Anh Đa với anh Bang bàn tính mấy phút rồi cho tôi biết:

- Phía Tây có đường giao liên nhưng nó đi chéo xuống cách xa nơi anh Giới ở. Phải hai ngày mới tới được bằng đường này. Khắp nơi đều núi cao, dốc đứng, khe sâu không đi bộ được. Nếu đi bộ thì chỉ còn có cách theo đường ô tô mà đi. Đường ô tô lượn theo bình độ các sườn núi dựng đứng, mới mở rộng được 3 mét - 4 mét chỉ đi được một xe. Đường vắt vẻo trên lưng chừng trời, nhìn lên thì bờ đất thẳng đứng cao vòi vọi, nhìn xuống thì khe sâu thăm thẳm. Ban ngày máy bay địch cứ nhè các đoạn cheo leo nhất mà đánh bom, tạt đất xuống cả nghìn thước khối, ở kilômét 88, 92, 96, 100, 101, 103, 105, dốc chó, dốc Đèo ngang v.v... OV2 lượn từ sáng đến tối, bom đạn chúng ném tuỳ thích.

Tôi nói :

- Anh Đa ạ, tôi nhận lệnh phải gặp anh và anh Giới đêm nay. Đường tắc thế này thì chậm một đêm là cùng. Vì vậy sáng mai tôi sẽ đi bộ. Tôi có đồng chí công vụ đi cùng. Đề nghị anh cho anh Bang và một đồng chí cảnh vệ biết

đường đi cùng. Anh Bang sẽ giới thiệu với tôi tình hình dọc đường và sẽ thay mặt anh bàn bạc với anh Giới việc thi hành điện của 601.

Anh Đa đồng ý và giao anh Bang chuẩn bị để mai đi sớm.

Bảy giờ sáng lên đường. Từ tháng 9 trở về trước BT35 còn phụ trách đến Lục Tàng Bế, Kho Đ là một căn cứ lâu năm của BT35 được xây dựng rất công phu. Khi anh Nguyên vào kiểm tra, anh hạ lệnh cho anh em giao lại cho BT34, chuyển vào kilômét 18 nam đèo Bản Long xây dựng cơ nghiệp mới. Mặt đường ở đây được sửa sang rất bằng phẳng, vì ít xe chạy nên vẫn giữ được vẻ đẹp.

Chốc lát tôi đã tới trọng điểm 88. Ta luy dựng đứng. Cây từ lưng chừng đỉnh bị bom hôm qua đánh đổ xuống đường đã được công binh cưa chặt và đánh thuốc nổ gãy ra từng đoạn lớn, và kéo ra cạnh đường. Đất vàng tươi cả mảng dài vài trăm thước theo sườn dốc chạy dài ra.

Hết đoạn trọng điểm lại đến vài kilômét đường bình an vắng lặng, cây cao dăm bảy mét toả cành rộng che hai bên đường mát dịu. Càng đi thì đường càng cheo leo, vực càng sâu thăm thẳm. Trọng điểm 100 103 càng rộng lớn hơn. Anh Bang chỉ cho tôi một chiếc xe nằm ngửa bốn bánh lên trời như xác một con rùa lớn

- Xe ấy chở thuốc nổ, đã đến bờ sông Bạc không sang được phải quay lại kho nên mới trật bánh lao xuống đấy anh ạ. Mất tất cả! Hai ngày mới đưa được thi hài đồng chí lái xe về nghĩa trang

- Đã vào đến sông Bạc sao còn quay về anh? Đi gần 25 kilômét, quay về 20 kilômét để lao xuống vực như thế này thì tắc tị thật anh Bang ạ?

- Không quay về thì đứng vào đâu anh? ở lại thì sáng ra máy bay địch nó phát hiện và đánh ngay.

“Đứng vào đâu?" câu hỏi của anh Bang cứ xoáy vào óc tôi như một bài toán khó. Tôi hỏi:

- Nếu có chỗ cho xe đứng, không trở về thì tốt hơn phải không anh?

- Tội gì mà về anh! Tốn xăng, hại xe, mất sức, mất thời gian, nguy hiểm mà chẳng nên công cán gì. Nhưng biết đứng vào đâu?

Đi khỏi kilômét 103 tôi dừng lại ở một đoạn đường vài trăm mét có ta luy cao chỉ hơn một mét, có nhiều cây tre, nứa mọc tươi tốt.

- Ta đào ta luy lấn vào ba mét nữa, kéo ngọn các cây tre tươi ở đây lại với nhau nguy trang. Cứ mỗi cái hốc đó dài mươi mét ta giấu một ô tô có được không?

Bốn anh em chúng tôi chặt một đoạn tre làm thước, đo thử một đoạn đường vạch hình dáng một cái hầm giấu ô tô lên mặt ta luy. Tất cả đều thấy có thể làm và để xe được.

- Ở vài trăm mét đường, chỗ này cứ làm chỗ chứa xe thưa ra cho an toàn cũng đủ chứa năm bảy xe anh Bang nhỉ?

Anh Bang vui vẻ nói giọng Quảng Trị:

- Tốt hung chứ thủ trưởng.

Trong đầu tôi đã loé ra một lối thoát cho việc vượt bến Bạc. Ý nghĩ đó cứ lớn dần lên trong óc tôi. Chúng tôi vượt cao điểm 105 là nơi địch đánh ác nhất. Hôm qua ở đây tụt gần ngàn thước khối đất, công binh gỡ cả chiều đến gần hết đêm thông đường thì xe không còn đủ thì giờ mà chạy kịp nữa.

Cảnh ở đây thật là hùng vĩ. Trông về phía nam theo hướng một đường dốc nay không còn dùng tới nữa, sông Bạc đã thấp thoáng xa xa. Anh Bang cho biết đó là đường xuống một bến thuyền, bến phà cách đây hai năm. Anh chỉ một dãy núi dài chạy song song với con đường chúng tôi đang đi nhưng cách xa đến ba bốn kilômét, giữa dãy núi chúng tôi đứng với dãy núi ấy là một cái vực sâu. Đứng trên cao điểm 105 nhìn xuống các ngọn cây đại thụ dưới vực chỉ còn là một thảm xanh lô nhô gợn sóng. Anh Bang nói:

Thủ trưởng nhìn kỹ ngọn núi thứ hai. Đó là đỉnh dốc 12 cua. Đường 128 vào đến Lục Tùng Pế, gặp ngã ba ở đầu rừng thông. Một đường sang đây, còn một đường trung đoàn Bình Minh mở chéo sang đó. Từ chỗ đó tụt xuống bản Bạc có hàng trăm mét cao mà sườn núi cứ dựng đứng đúng 60 độ - 70 độ, anh em phải quanh đi quặt lại ở sườn hướng đông 12 lượt mới tụt xuống suối được. Vì vậy, có tên 12 cua. Xe chạy được ít lâu thì Mỹ nó phát hiện đánh tơi bời. Nó đánh ta sửa, ta đi, cứ thi nhau đẽo mãi vào sườn núi. Hết mùa khô năm ngoái, cái sườn bên đông đó bị đẽo, bị chấn động bom, đã tụt

dài một mảng cả trăm mét suốt từ đỉnh đến chân, còn lại như một vách đứng. Công binh hết cả chỗ bấu víu để làm đường. Mùa mưa nước xói nhẵn thín người đi không được mà có lẽ mèo nhảy cũng tuột dài xuống khe sâu. Mất đường 12 cua ta chỉ đi đường này nên chúng nó túm lại đánh miết. Chúng đánh đường ngang, đánh cầu phà bản Bạc nên ta bị tắc liên tục anh ạ?

Cách trọng điểm 105 ba bốn trăm mét, tôi phát hiện một cái hầm đào vào ta luy, nguỵ trang khéo léo để một đầu máy húc. Xem dấu vết chúng tôi đoán chắc là công binh trạm 35 đã từng giấu máy ở đây để gạt đất sụt mỗi lần địch đánh phá. Ở gần như vậy, khi địch ngừng đánh mươi phút ta đã có thể dùng máy ủi san, làm xong là giấu được ngay.

- Anh Bang ạ, ai mà chịu đi lại trên đường thì cũng sẽ nghĩ ra mẹo này thôi. ô tô mà giấu thế này cũng ổn anh nhỉ?...

Khoảng hơn ba giờ chiều chúng tôi đến bến phà Bạc.

Đại đội 3 cầu phà này cũng như đại đội 1 công binh ở đường của trạm 35. Lần đầu có một chỉ huy phó binh trạm bạn đến thăm nên anh em niềm nở đón tiếp.

Đại đội trưởng còn đi chuẩn bị phà và ghép cầu. Chính trị viên đón tôi về C bộ. Đó là một cái hầm chữ A, ngồi khéo thì lọt bốn người. Hầm làm khuất dưới bóng một cây lớn còn sót lại sau các vụ đánh phá. Từ đây nhìn thẳng ra bến chưa đầy 100 mét. Đây là một túi bom, một trận tuyến quyết liệt giữa những người chở phà bắc cầu và máy bay Mỹ. Giặc Mỹ đã tung vào đây mọi loại máy bay hiện đại kể cả B52, F4, đủ các kiểu bom lớn, nhỏ, nổ nhanh, nổ chậm, từ trường. Ta chỉ có một số 12 ly 7 và 37 ly đánh trả. Còn vũ khí chính là lòng dũng cảm và trí thông minh.

Tôi nhìn anh em thản nhiên vui đùa, đánh bài, chêm thuốc, mài dao, nấu cơm, pha chè Trường Sơn ở cái trọng điểm này mà lòng cảm thấy bình yên vô cùng. Tổ đánh cá khiêng về một chú cá bò béo lẳn hơn chục ki lô treo ở gốc cây. Chính trị viên đề nghị tôi nghỉ ngơi chút ít rồi sẽ cho người chở thuyền đưa qua sông. Tôi nói:

- Chúng mình có việc gấp phải sang anh Giới, các cậu giúp mình sang sông. Nếu có điện thoại sang BT35 thì cho mình nói chuyện.

- Chúng tôi chỉ nói điện thoại được với anh Đa và với tổ công binh bên kia bờ thôi. Chúng tôi sẽ có thuyền chở thủ trưởng sang sông. Nước hiện nay có chỗ còn sâu hơn hai mét, sông rộng gần 200 mét, lội không được đâu. Bây giờ trời quá sớm thuyền chưa đi được. Thủ trưởng cuốc bộ suốt ngày đêm nên nằm nghỉ một tí, uống ít nước sâm rễ cau rồi chốc nữa ăn cơm cá bò với chúng tôi đã. Vội cũng chẳng được.

Vừa đặt lưng xuống chiếu, tôi thiếp đi ngay. Lúc tỉnh dậy đã có cơm ăn, cá bò thơm và béo ngậy. Chúng tôi xuống thuyền và sang bên kia sông lúc nhọ mặt người. Tôi cuốc bộ hai cây số, gặp một trung đội xe gát 63 của BT35 ra ba-ri-e để chờ bắc cầu xong sang sông lấy hàng.

Ba-ri-e có điện thoại nên tôi nói chuyện được với anh Giới. Theo lệnh của anh, một xe gát chở chúng tôi vượt đèo Long về kilômét 18. Kể ra cũng đã thấm mệt nên tôi ngủ gà ngủ gật trong xe, đập cả đầu vào thành cửa đau điếng.

Tám giờ tôi tới binh trạm Bộ. Anh Giới ở ngay gần đường cái. Đó mới là cái lán tạm. Binh trạm 35 bỏ cả cơ ngơi đồ sộ ở Pác Ca Don, Pác Ca Dinh vượt Bạc về Đèo Long vào kilômét 18 được chưa đầy tháng. Tất cả làm lại từ đầu. Chỉ huy sở BT35 mới có một cái lán bốn gian làm ngay lên nóc một hầm chữ A lớn. Giữa đường ra vào lán là một cái bàn có hai điện thoại, một đồng hồ báo thức, một đèn bão, vài đèn pin và mấy quyển sổ.

Sau khi chào anh Giới và quen với ánh sáng trong nhà, tôi mới nhận ra cả ban chỉ huy binh trạm có mặt ở đây, còn có anh Ngữ phó phòng công binh của đoàn 559 và nhiều anh em do Bộ tư lệnh 559 phái vào. Trước hết tôi xin phép đọc điện của 601.

Anh Giới vặn to đèn, mọi người nghe kỹ và ghi hết từng câu từng chữ - "Tôi chỉ là liên lạc viên, đem điện tới các anh là hết nhiệm vụ. Tôi cũng không biết gì mà nói thêm. Xin binh trạm cho một chiếc xe đưa tôi trở lại kho Đ đêm nay, nếu cầu đường thông suốt" . Một giọng nói bực bội cắt ngang ngay:

"Cầu bắc đã xong trước lúc anh đến đây, thế mà chỉ có hơn chục xe gát của ông Giới anh gặp ở Ba-ri-e là vọt được sang sông ngay. Có lẽ chúng nó đi được quá kilômét 100 vào đoạn an toàn rồi. Còn xe ông Lê Đa giờ này ở tận

đẩu đâu. Cầu thông rồi mới gọi xe, xe ậm ạch đi gần 30 km mất ba giờ đồng đồ. Cầu thất nghiệp cứ phơi thân ra mà chịu trận, máy bay nó thả pháo sáng như vậy, anh tính cái cầu phao gần 200 mét nằm thườn thưỡn ra thế kia làm sao Mỹ nó không đánh đúng. Mới nửa tháng chúng tôi đã mất mấy bộ khoang, cộng theo cái số bị đắm cuối mùa khô trước, dưới đáy sông có mấy chục khoang thuyền. Ít bữa nữa nước cạn rồi tha hồ mà múc. Cái số công binh lắm lúc cực như con chó. Rồi anh xem, cầu cứ đợi, xe không qua. Đến khi xe mò gần tới, nó đánh mất cầu thì ùn cả lại. Rồi lại chửi cầu đường không thông xe, xe sẽ cuống lên, chạy trở về kho, mất cả một đêm ê ẩm. Cãi nhau, chửi nhau là vì vậy anh ạ!"

Giọng anh Ngữ đượm tính khôi hài, miệng nói, tay múa, mắt nháy. Lời anh Ngữ như một chiếc chìa khoá mở ra cho tôi một hướng mới. "Mình cứ tưởng không bắc nổi cầu té ra cầu bắc được lại không có xe mà đi. Nếu bắc xong vọt qua ngay thì mỗi giờ cũng qua sông được ba chục chiếc là ít?" Tôi nghĩ thế và liên hệ ngay với những điều tai nghe mắt thấy suốt một ngày lội bộ. "Đứng vào đâu?" câu hỏi của anh Bang sáng nay đã được bốn anh em tìm ra cách trả lời cụ thể. Lời đáp cho bài toán hóc búa đang làm Bộ lư lệnh 559 lo lắng sốt ruột, thế là đã rõ ràng: Làm hầm giấu xe ở gần bến vượt. Xe phục sẵn đấy, cầu bắc xong là vọt qua. Nếu xe đi hết thì tháo cầu sơ tán luôn khỏi bị đánh hỏng và đỡ mệt công binh.

Hết một ngày hai đêm làm tròn nhiệm vụ liên lạc, tôi trở về với cái gậy Trường Sơn lội trên tuyến giao liên.

Đó là chuyện tôi nên duyên với sông Bạc vẻn vẹn có 36 giờ, nhưng thật sâu sắc. Cho nên giờ đây được trên giao nhiệm vụ vào tiền phương chỉ huy vượt Bạc, tôi cảm thấy như trở về nơi quen thân, đầy hấp dẫn. Anh Quỳ nói:

“Binh trạm sẽ cho D54 ở tiền phương với anh. Chân hàng sẽ lập ở kho A. Xe binh trạm và của Đoàn sẽ đưa thẳng hàng vào đó. Khi vào được quỹ đạo rồi, anh có một đại đội kho. Công binh sẽ cho anh đủ nhu cầu. Chỉ cần làm sao vượt được bến Bạc. Hai tháng qua ế ẩm lắm, không sao đạt được mức tối thiểu. Điện thoại tải ba thông rồi. Tôi sẽ để anh Bang tham mưu phó ở lại với anh...”

Tôi họp lại với anh Bang nghe lại cách bố trí lực lượng, những quy ước hợp đồng với chỉ huy sở cơ bản và binh trạm T35, quy luật hoạt động của máy bay địch, biệt kích tình hình chân hàng, xăng dầu, những khó khăn khúc mắc. Tôi hỏi xem anh Bang có kiến nghị gì? Anh chỉ cười:

“Tôi cứ mong làm được như đã nhất trí với anh dạo tháng 11 vào chỗ anh Giới".

“Tôi cũng dự định như thế, khỏi phải bàn nhiều về chủ trương, phương hướng nữa”.

Tôi phân công luôn:

“Tôi ở nhà đón anh em kho và d54 vào. Mai tôi đi xem và giao việc cho xe và kho tại chỗ và sắp xếp mọi việc. Còn anh thì đi xuống Bạc, đem theo một b công binh để làm ngay các chỗ giấu xe ở cách đầu cầu một vài kilômét. Làm thế nào mỗi khi bắc cầu xong, bắn hai phát súng báo hiệu là tất cả lái xe đều nghe rõ và xuất kích luôn. Trong 5 ngày anh làm cho được mười chỗ giấu xe. Hôm tôi và anh đi lượt qua đã ước tính với nhau đủ chỗ. Anh có thể tìm thêm quá về phía đông đầu cầu và bản Bạc cũ, hoặc về đường 12 cua. Nếu giấu xe vào hai nơi đó thì phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, tức là nguỵ trang vết bánh xe. Xe đi vào đường cụt, máy bay thấy vết bánh nghi ngờ thế nào cũng đánh thăm dò, vô phúc không phải đầu lại phải tai. Đường cũ vào 12 cua anh hết sức giữ nguyên dạng, tôi có một ý đồ ở đó, hôm nào ta đi xem rồi sẽ bàn sau. Anh ghé vào C1 công binh và C3 cầu phà của binh trạm 35 thăm hỏi, hiệp đồng cho tốt. Anh cho làm thử một cái hầm rút kinh nghiệm, huấn luyện thành thạo rồi hãy cho làm nhiều cái”.

- Bao giờ anh đi được nè?

- Tối ngay tôi đi ngay thôi!

- Thế thì hay quá ?

Sáng hôm sau chỉ còn lại mình tôi và hai cậu trợ lý kế hoạch. Tôi sang kho A, cùng mấy cán bộ kho và xe xem xét phân công cho từng bộ phận. Các kho này BT35 làm rất công phu, có chỗ đẹp như công viên. Tuy không xa kho Đ nhiều, chỉ dăm kilômét thôi mà không khí dễ chịu hơn hẳn. Cuối kho còn một ngọn núi cao, trên đó tiểu đoàn công binh đặt đài quan sát nhìn

được khắp cả vùng từ Lục Tùng Pế cho đến các hướng ra 12 cua và ra om 105. Chỉ 3 ngày đã có hướng cho anh em hoạt dộng.

Anh Bang ngày nào cũng gọi điện cho tôi, toàn nói tin mừng. Anh đã làm được gần đủ số chỗ giấu 10 xe và khả năng còn có thể làm thêm nữa. Tôi cho đơn vị chọn một đại đội vững, giải thích rõ cho từng lái xe biết những khó khăn phức tạp nguy hiểm của con đường và cái mẹo đang dự tính thực hiện. Chiến sĩ cán bộ đều sôi nổi bàn bạc góp ý vào từng việc nhỏ, nhất là việc giấu xe ở gần đầu cầu. Đồng chí đại đội phó cùng một tổ thợ, hai anh nuôi quân được cử xuống đó săn sóc anh em nếu phải đậu lại ban ngày.

Một trung đội xe xung kích được chọn thì điểm. Xe được chuẩn bị kỹ, bốc hàng từ chiều. 5 giờ 30 chiều thường máy bay không hoạt động, trung đội xuất kích 10 chiếc. Tôi cùng đi với xe thứ hai. Dẫn đầu có đồng chí Hoa chính trị viên tiểu đoàn xe.

Chúng tôi xuống hết đường ngang thì gặp anh Bang đón. Mới trao đổi với nhau vài câu, chưa kịp giấu xe đã nghe hai tiếng súng thông cầu, trung đội nối đuôi nhau vượt Bạc với quyết tâm sẽ trở về ngay trong đêm. Tôi và anh Bang đi bộ lại đầu cầu. C3 công binh phấn khởi vô cùng vì cầu được sử dụng ngay.

Chúng tôi gọi cả hai trung đội xe còn lại ở kho A tiếp tục chạy. Gần 11 giờ đêm anh em cũng vượt qua trót lọt. Gần sáng trung đội mũi nhọn đã trở lại qua sông và vượt lên về tận nhà. Còn bốn xe của đội hình sau cũng qua được sông lúc tờ mờ sáng phải giấu vào các chỗ anh Bang đã chuẩn bị. Vài xe đi sau phải giấu ở bờ Nam.

Đêm đầu tiên đã chứng minh một điều là giấu xe ở đây được thì ta có thể xuất phát ngay từ kho A lúc sắp tối và dừng xe lúc tang tảng sáng. Xe ít thụ động vì cầu mà cầu cũng bớt bị động vì xe.

Tin thắng lợi làm anh em BT34 và BT35 đều phấn khởi. Mấy anh em chúng tôi hôm đó rúc trong cái hầm chữ A, co chân mà ngủ khoái vô cùng. Ngày hôm sau chúng tôi đi xem ngầm sớm. Nước còn ngập mông đít. Đá toàn loại đầu ông sư, xe chưa đi nổi. Anh em phải tôn vòng lên thượng lưu thành hình cánh cung cho nông bớt những hòn đá vừa trơn vừa tròn, đôi lúc trượt chân

lọt vào khe đá đau điếng người. Nước chảy còn khá mạnh nên cứ phải cúi người giữ thăng bằng và đi hơi ngang ngang.

Chúng tôi động viên công binh cố gắng làm ngầm cho tốt để thôi hẳn bắc cầu, chỉ mươi lăm ngày nữa nước cạn thêm ta sẽ đi ngầm được. Chúng tôi dặn kỹ nhất là cách xếp đá để cắm cọc chuẩn hai bên thật rõ, chứ cái kiểu đường cánh cung này, lái xe lạ đường có hôm lao vào hố sâu uống no nước.

Anh Bang dẫn tôi lên vùng bản Bạc cũ và nói:

- Chỗ này sát ngay bờ sông gần trọng điểm, cây cối tốt tươi rậm rạp. Trừ những quả bom đánh những năm trước, còn gần đây không có vết quả bom nào rơi vào đây. Nếu anh đồng ý tôi sẽ giấu cả đại đội xe vào đây.

- Được thôi. Trước mắt anh cứ giấu cho tôi một C vào đây Anh em càng sợ lộ bao nhiêu, càng tự giác giữ bí mật. Dù có ở xa trọng điểm đi nữa nếu không giữ được bí mật thì Mỹ cũng chẳng tha.

Đêm đó trên đường về chỉ huy sở lòng tôi rạo rực vô cùng. Thế là con đường vượt Bạc này dài khoảng 50 kilômét từ kho D đến binh trạm 35, hẹp chỉ vừa đi lọt một xe, cheo leo hiểm trở lại bị địch đánh ác liệt ở hàng chục điểm, nay đã có thể cắt ra làm đôi. Ta đã có chỗ đứng khúc giữa, cạnh trọng điểm khó vượt nhất, giành được thế chủ động nhất định để tạo thế tiến công.

Đêm đó, đại đội xe bị chặn đánh phá ác liệt chỉ hai chiếc hỏng nhẹ phải giấu ở kilômét 8 chân đèo Long còn toàn bộ đã tới BT35 gọn gàng.

Sáng hôm sau đồng chí Nghênh gặp tôi rất sớm. Anh cùng một tổ khảo sát đưa tài liệu tìm đường tránh các trọng điểm:

- Ở trọng điểm 88 chúng tôi có thể làm một đường tránh, không dài chỉ 300 m thôi, độ dốc có thể cho xe chở hàng đi được. Khối lượng đào đất đợt đầu là làm khoảng 2.000 mét khối rồi củng cố dần. Ở hai trọng điểm 92, 96 chỉ có thể mở đường tránh nghi binh chia bom bớt cho trục chính. Còn trọng

điểm 100, 103, 105, ta luy âm dựng đứng, thẳng tuột cho đến vực sâu chẳng có chỗ nào mà làm đường tránh.

Tôi nhất trí với anh Nghênh và kéo anh sang tiểu đoàn công binh bàn việc điều đơn vị và máy húc để làm xong những đường tránh anh Nghênh đề xuất trong năm ngày. Sau đó tôi giao luôn việc mới cho anh Nghênh:

- Anh Nghênh ạ, nhất thiết ta phải mở lại đường đi hướng 12 cua. Chỉ một đường độc đạo hiểm trở như hiện nay thì chạy một, hai đại đội cho thông suốt cũng vất vả lắm rồi. Chờ nhau, tránh nhau đã mệt, chưa nói địch đánh là tắc. Phải làm cho được hai đường anh ạ. Một đi, một về thì mới phân tán lực lượng địch ra thêm nữa. Ta chỉ đi một chiều thôi, đường nào tốt thì ta đi vào, đường khó thì xe đi ra. Lúc đó ta có thể kéo hàng trăm xe đi liên tục mà không lo. Yêu cầu chiến trường gấp lắm, lớn lắm, ta phải tranh thủ mở đường này bằng mọi giá. Anh với tổ khảo sát đi xe ra Lục Tùng Pế rồi xuống đi bộ theo đường cũ ra 12 cua. Dọc đường đó, anh đi ban ngày xem có bom mìn gì không, có chỗ nào sụt lở không. Đến 12 cua, anh xem liệu có khôi phục được không? Nếu khôi phục thì nắn thế nào giảm bớt cua, tuỳ anh quyết định. Nếu chắc chắn không làm được thì anh bỏ ngay 12 cua, tìm một đường khác, dù khó làm và khó đi nhưng cho xe đi một chiều được là cũng quyết tâm làm. Nếu tìm ra đường thì anh cho phác dấu đường và tính khối lượng ngay. Khi ước tính xong khối lượng thì anh xuống Bạc gọi điện thoại cho tôi. Tôi đưa anh cái bản đồ 1/100. 000 bắt được của giặc lái, anh có thể xem xét. Tôi đã dặn quản lý chuẩn bị cho anh đủ gạo, thịt hộp, ruốc bông, sữa, lương khô ăn một tuần. Anh nhớ mang theo thuốc cấp cứu, đủ súng đạn, võng, tăng, màn. Xe gát sẽ chở anh em đi lúc bốn giờ sáng để tới Lục Tùng Pế lúc năm giờ để đủ thì giờ cho xe trở về an toàn.

Tôi bắt chặt tay anh lâu hơn thường lệ. Mắt anh chớp chớp xúc động nhưng không nói gì, anh gấp bản đồ, tay run run cho vào xà cột. Chắc anh đang xúc động nghĩ tới việc anh sắp làm có thể đem lại một chuyển biến như thế nào cho cả vùng bến Bạc.

Đêm đó tôi được lệnh cho một tiểu đoàn 37 vượt Bạc ra chiến trường gấp. Tôi ra đường cái đón anh em. Đơn vị đủ 16 pháo, 22 xe, quần áo còn thơm

mùi hồ. Tôi nói gọn đặc điểm con đường vượt Bạc, các yêu cầu đối với lái xe kéo pháo, cách xử trí các tình huống địch đánh hoặc gây tai nạn.

Tôi cho một đại đội trưởng công binh đi cùng dẫn tiểu đoàn đi ngay. Tôi ra lệnh dẹp hết xe của tôi đi ra cho tiểu đoàn cao xạ này đi vào. Tôi gọi 1A công binh của chúng tôi ra chốt ở "dốc chó đái" để hộ tống và dặn đồng chí C phó xe chốt ở Bạc chịu khó cuốc bộ gần 10 km về đón anh em để lái làm mẫu vượt dốc.

Tiểu đoàn đi khuất rồi mà tôi cứ băn khoăn không biết còn khó khăn gì anh em có thể gặp mà mình chưa tính tới. Thế là cả đại đội xe vận tải của mình phải nhường đường cho tiểu đoàn pháo này thì đêm nay sẽ không về được. Hai đại đội xe khác lấy hàng lại chưa vào.

Từ buổi sáng khi nhận lệnh cho tiểu đoàn cao xạ đi qua, tôi đã cho D54 sửa chữa gấp 10 xe đang nằm ở tiểu tu, bổ xung cán bộ chỉ huy và lái khá chiều lấy hàng, tranh thủ đi từ lúc 5 giờ 30 phút trước lúc D cao xạ tới để bù ít nhiều cho đêm nay.

Đêm đó, toàn tuyến căng ra đảm bảo D cao xạ vượt Bạc trọn vẹn lúc 3 giờ sáng. 10 xe hàng cũng tới BT35 và đại đội xe tôi phải dừng lại ở Bạc nhường đường đã quay về kho lúc trời sáng khá rõ. Cũng có thể coi là thắng lợi, tuy hàng vào BT35 giảm đi hơn một nửa.

Gần trưa, 601 gọi điện thoại cho tôi:

- Sao rồi anh Điền? Hai hôm trước đến đích 20, 25 xe. Sao nay BT35 chỉ nhận có 10 xe hàng thôi. Anh khó khăn cái gì, cần thêm bao nhiêu cán bộ, bao nhiêu xe nữa anh cứ báo cáo. Cần bao nhiêu tôi cho đủ ngay. Nhưng phải đưa vào BT35 cho được 25, 30 xe đêm. Tình hình khẩn cấp lắm.

- Thưa anh, đêm qua chỉ có 10 xe hàng vào BT35 nhưng lại có 22 xe kéo 16 khẩu pháo nữa tới đích. Cũng có thể coi là 32. Anh em chưa quen đường, tôi phải dẹp xe vận tải lại nhường anh ạ.

Tôi dừng lại có ý chờ phản ứng của 601. Tôi nghe tiếng khịt mũi đều và nhẹ của anh biết rằng anh chấp nhận tình hình và đang nghe tiếp.

- Thưa anh, bây giờ tôi còn thừa xe cho quay về lấy hàng. Tôi mới xóc lại 1c xe mạnh vượt Bạc, thà ít nhưng thiện chiến thì lúc này mới bớt tắc. Tôi sẽ

nhanh chóng đưa lên 25-30 xe đêm trong vài hôm theo chỉ thị của anh - Tôi dừng lại chốc lát vẫn không nghe 601 nói gì - Tôi cũng chưa cần nhiều cán bộ. Nếu có thì tôi chỉ xin thêm một tiểu đoàn công binh có hai máy húc để mở lại đường Lục Tùng Pế đi hướng 12 cua. Tôi đang cho khảo sát tuyến đó chưa rõ kết quả, chắc có nhiều khó khăn. Nhưng theo tôi nhất thiết phải mở ra hai đường mới đáp ứng được nhiệm vụ. Nếu cứ để một đường như hiện nay thì không sao làm lớn được.

- Tôi sẽ cho anh tiểu đoàn công binh và hai máy húc - 601 trả lời gọn xong đặt máy.

Tôi chỉ muốn reo lên. Tôi càng ngóng tin anh Nghênh. Tôi gọi điện xuống tiểu đoàn công binh để kiểm tra việc mở đường tránh thật ở 88 và hai đường tránh nghi binh ở 92 và 96. Đồng chí chính trị viên tiểu đoàn sôi nổi báo cáo:

- Tôi vừa ở ngoài đó về anh ạ. Chắc chắn ba ngày nữa là xong. Đêm có máy húc làm ở 88, ngày làm thêm bằng tay. Còn ở 92 và 96 đều làm tay. Làm đến đây chúng tôi nguỵ trang đến đó. Ngày kia làm xong hoàn toàn chúng tôi sẽ dỡ toang nguy trang ra chọc tức bọn chúng nó. Anh xem có 12 ly bảy thì cho đón mà dần cho bọn OV 10 và F4 một trận bất ngờ.

Tôi ủng hộ cách làm của công binh và yêu cầu giữ đúng thời gian đã hẹn, đảm bảo xe đi được trước lúc dỡ nguy trang.

Chiều đó tôi xuống D54 bàn việc tổ chức tiếp một đại đội xe thứ hai vượt Bạc và tính toán kỹ cách vận trù hợp lý để có thể chạy hai đêm chuyến hoặc ba đêm hai chuyến. Anh Bang báo về đã làm xong ở bản Bạc cũ chỗ giấu một C xe ở cái mũi đất rất gần trọng điểm nhưng rất bất ngờ với địch.

Cán bộ tiểu đoàn 54 say sưa bàn mọi chi tiết cụ thể thực hiện nhiệm vụ và cử luôn tiểu đoàn phó, một tổ thợ, một tổ nuôi quân, y tá xuống ngay đêm đó chốt ở Bạc. Và chúng tôi đã giữ được nhịp độ 25-30 xe đêm.

Thấy tình hình tiến triển tốt thêm, Bộ tư lệnh chấp thuận đề nghị của chúng tôi xin nhận cả C1, C3, công binh thuộc binh trạm 35 cho việc chỉ huy vượt Bạc tập trung vào một số mối và để BT35 rảnh tay giải quyết những nhiệm vụ khó khăn ở phía trong.

Khi đường tránh 88, 92, 96 làm xong, chúng tôi kiểm tra lại và cho mở tung nguỵ trang ra lúc mờ sáng.

Tám giờ, chiếc OV10 vè vè đến lượn xa trên sông Bạc, bay vào đèo Long ở phía nam làm chúng tôi thất vọng. Đến gần 10 giờ, trời rất sáng, nó lại loăng quăng trở lại, ngó ngó, nghiêng nghiêng rồi xoay tròn trên các đường tránh mới mở, lượn cả trên đầu tôi. Nó hạ độ thấp xuống khoảng 1.500 mét ngó nghiêng rồi vọt lên. Bỗng nó chúc đầu lao xuống, và xì xì xì, pùng! Tiếng bắn tên lửa chỉ thị mục tiêu của nó rất quen thuộc đồng chí chúng tôi.

Thế là chuột vào cạm rồi! 92! Báo cáo 92! đồng chí quan sát công binh nói như reo trong điện thoại. Dăm phút sau, một cặp F4 lao đến giữa hai khe núi, vút lên cao rồi bổ nhào trút bom ầm ầm xuống chỗ khói trắng cú pháo chỉ thị mục tiêu của OV10 đang bốc lên. Và cứ thế chúng nó thay phiên nhau, 6 F4 kéo nhau đến đánh kịch liệt vào các đường tránh chúng tôi mới mở - Đến 12 giờ tiếng máy bay im bặt. Không biết hôm nay chỉ huy sở F4 ở Cò Rạt đã thông báo thành tích gì của bọn "Con Ma" này, những chiến sĩ công binh đi xem về báo cáo chúng đánh tung các đường mới mở. Đường tránh 88 trúng 2 quả bom. Có máy húc, đêm nay sẽ khôi phục trước 7 giờ tối. Kết quả đường chính vẫn nguyên vẹn, xe đi qua được an toàn.

Anh Nghênh đi 12 cua đã được năm ngày tôi đứng ngồi không yên. Có chuông điện thoại là vồ lấy máy, nhưng toàn là những việc đâu đâu - Gần trưa, nguôi nguôi mong đợi thì Nghênh gọi điện về.

- Nghênh đây thủ trưởng ạ! Em đang ở Bạc đây?

Tôi sung sướng quá. Thường Nghênh vẫn xưng "tôi" nhưng giờ đây anh xưng em rất ngọt ngào. Trong giọng nói của anh chậm rãi đàng hoàng chứa một rung động đầy hạnh phúc. Có lẽ anh đã gặp điều may mắn. Tôi hỏi, âu yếm :

- Nghênh có khoẻ không? Anh em có khoẻ không?

- Bọn em khoẻ cả, thủ trưởng ạ.

- Thành công rồi chứ Nghênh? - Tôi sốt ruột hỏi.

- Đường từ Lục Tùng Pế vào 12 cua hư hỏng không nhiều. Có vài chục hố bom khá lớn, có một đoạn bị sụt lở, chỉ còn hơn 1 mét bề ngang, chiều dài

30 mét. Được cái ta luy con đường này cao vừa thôi, không cao như đường ta đang dùng. Một C khôi phục dăm ngày là xe đi được. Còn 12 cua thì đúng như anh Bang nói không thể làm gì được nữa. Chúng tôi đã lội khắp các hướng rồi, leo lên leo xuống cả vùng cuối cùng tôi chọn một tuyến từ kilômét 93, 200 theo gần chính giữa đường phân thuỷ mở thẳng một đường đến con suối nhỏ chảy ra 12 cua. Đường sẽ rất dốc, dốc hơn La Hạp, hơn cua chữ A nhiều. Chiều dài đến vài kilômét, lưng chừng dốc tôi cố tạo một đoạn thoải khoảng 100 mét là hết cách. Ưu điểm là đi gần phân thuỷ có thể mở rộng đường, bom đánh khó tắc. Xuống dốc đứng như thế cũng nguy hiểm nhưng mùa khô, làm đường tốt, tổ chức chặt cũng đi được. Ý kiến thủ trưởng thế nào?

- Anh quyết định lấy, anh quay trở lại đó đóng cọc tim, lên khối lượng ngay, 601 đã cho tôi một D công binh có hai C và một D bộ, hai máy húc, hai ngày nữa tới đây. Tôi sẽ dẫn anh em xuống đường đó. Anh làm giúp tôi phương án để giao nhiệm vụ cho tiểu đoàn này ngay tại chỗ. Có thể đi xe con vào đó được không?

- Được thủ trưởng ạ! Nhưng phải cho một tiểu đội công binh đi trước kiểm tra lần nữa xem có bom bi bom từ trường không. Tôi chưa đủ thời gian xem xét kỹ những thứ đó. Và cho anh em đem bộc phá đến sửa tạm đoạn bị sụt ta luy thì xe con sẽ đi được đến kilômét 93 nơi tôi mở đường dốc mới.

- Sáng ngày kia, ta gặp nhau ở 93, Nghênh nhé,

Tôi hẹn anh Bang cho người ra Lục Tùng Pế tìm chỗ có suối nước để đón tiểu đoàn công binh có thể đến đêm nay hay đêm mai. Chúng tôi hẹn nhau sáng ngày kia sẽ đi xe thật sớm ra Lục Tùng Pế rồi kéo cả cán bộ tiểu đoàn công bình đi giao nhiệm vụ tại thực địa.

Tờ mờ sáng hôm sau tôi và anh Bang đi xe con ra Lục Tùng Pế gặp D93 công binh, hỏi rõ tình hình của tiểu đoàn, rồi cùng tiểu đoàn trưởng, chính trị viên D93 lên xe đi trinh sát. Xe con đã lột hết mui, nguỵ trang bằng cành cây lưa thưa. Chúng tôi nắm chắc quy luật giờ giấc OV10 hoạt động nhưng vẫn giao một cảnh vệ đứng cuối xe gác máy bay.

Trời trong sáng, chiếc xe theo vết đường cũ lăn bánh giữa lau sậy đã mọc lấn ra cả nền đường. Chúng tôi quan sát rõ tình hình và rất mừng thấy ta luy chỉ

cao một vài mét, nơi cao nhất chỉ dăm bảy mét sau này có thể mở rộng từng đoạn cho xe tránh nhau dễ dàng. Chỗ nào có hố bom sụt lở chúng tôi xuống xe, ước tính công việc khôi phục, khoảng 9 giờ đã tới km 93.

Cả tổ khảo sát và anh Nghênh đã đón từ sáng sớm. Chúng tôi kéo nhau đi xem tuyến đường mới mà tổ khảo sát đã phát ra một vệt vừa người đi bộ. Vệt đường thẳng tắp từ đỉnh núi cao xuống suối sâu như một đường ngôi trên cái đầu chải chuốt. Dài và dốc thật! Nhưng còn hơn là không có đường. Sau khi anh Nghênh báo cáo dự toán khối lượng đất đá phải đào, số công người, giờ máy húc, số thuốc nổ, tôi giao việc khôi phục đường cũ và mở đường mới cho D93. Các anh tiểu đoàn trưởng và chính trị viên ngồi luôn ở một gốc cây để bàn tính cách triển khai nhiệm vụ.

Tiểu đoàn 93 vào chiếm lĩnh nhanh vị trí, treo võng lên trú quân, chưa kịp dựng lán, anh em ra khôi phục và làm đường mới ngay. Xe húc thì làm đêm lấn ngày, người thì làm ngày lấn đêm. Anh em giữ tốt kỷ luật nguỵ trang nên không bị máy bay phát hiện. Chưa đầy tuần lễ D93 đã hoàn thành nhiệm vụ.

Tôi giao cho D54 cử hai chiếc Din 157 đầu tời tốt, tay lái cứng và một đại đội trưởng chở theo gạo thực phẩm bổ sung cho D93 rồi dùng xe không đi thử đường mới mở. Lần đi thử này phải hết sức cẩn thận vì đường quá dốc lại dài, làm xong đo được 1800 mét. Từ kinh nghiệm lần đi thử này mà định ra quy chế an toàn khi xuống dốc. Đêm đó hai xe đi trót lọt quay về chở theo cả tổ khảo sát công binh và anh Nghênh. Bức điện thông đường được truyền khắp tiền phương "đường thứ hai đã mở xong rồi! Từ nay xe được đi một chiều" .

Thế là đêm đó chúng tôi cho xe chở hàng đi vào theo đường mới. Xe không chở hàng đi ra theo đường cũ.

Hai ngày sau khi chính thức cho nhiều xe chở hàng đi an toàn trót lọt, chúng tôi quyết định cho 20 xe chở quân đi đường này. Mỗi xe chở 40 bao gạo cho đỡ xóc và 30 chiến sĩ với đủ quân trang vũ khí. Đã có lệnh chỉ huy chặt chẽ việc xuống dốc đúng quy định.

Tết Mậu Thân gần đến, một mặt chia người đi lấy lá dong, gói bánh, thịt lợn, giã giò một mặt vẫn ráo riết thực hiện nhiệm vụ. Từ khi chúng tôi đi cả hai đường máy bay trinh sát và ném bom giảm hẳn hoạt động ở hệ thống đường

bắc Bạc. Chúng tập trung tất cả vào đèo Long. Chúng tôi nói đùa "mặt trận chuyển về nam".

Cái thòng lọng bắc Bạc vừa mới phá tung được ra, chúng tôi bớt lo chống trả địch đánh phá, dồn sức vào mở rộng, là mặt đường nâng cấp, làm rãnh thoát nước phòng khi mưa xuống. Nhưng cái thòng lọng nam Bạc lại choàng ngay vào cổ.

Đèo Long là một cái đèo bắt đầu từ kilômét 8 vươn lên như một cái cầu vồng sừng sững giữa trời xanh dài hơn 6 kilômét. Nó vượt một ngọn núi cao ở hướng bắc nối tiếp với cả một dãy dài nhiều ngọn núi cheo leo. Từ đỉnh đèo nhìn xuống phía tây thì những thảm rừng xanh thẳm lượn sóng trải dài ra tít tắp, hai bên đường đèo đã bị bom đào bới chỉ một màu đất đỏ ối. Ta luy cao vun vút kéo dài. Giặc Mỹ mỗi ngày dội hàng chục trận bom vào đây. Công binh của ta cứ lầm lùi chịu trận. Đường sụt ta sửa ta đi.

Đường đèo Bản Long tuy của binh trạm 35 nhưng là chặng cuối cùng xe của binh trạm tôi phải đi qua mới đưa hàng vào trong được ? Một cái nhọt lớn mới tấy lên gây cơn sốt mới. Xe tôi lúc thì ùn lại ở Bắc Bạc, lúc thì kẹt trong kho BT35 vì đèo Bản Long tắc. Cơn sốt làm Bộ tư lệnh 559 rất lo lắng và điện tới tấp cho chúng tôi đôn đốc việc thông đường và vận tải. Tết Mậu Thân đến với nhiều bánh kẹo ngon nhưng ngổn ngang trăm điều lo lắng.

Chúng tôi lao vào công việc không còn biết mệt là gì nữa, nhịp độ vận tải bỗng bùng lên như một bánh xe quay tít cả tiểu đoàn xe D54 được dồn vào vượt Bạc dồn dập bốn mươi năm mươi chuyến xe đêm. Các đoàn pháo đoàn tăng đi liên tiếp không nghỉ.

Hai hôm sau, chúng tôi nhận điện 601 nhắc tận dụng thời cơ chiến trường đánh to thắng lớn địch choáng váng hoang mang mà tiến công và tiến công liên tục. Bức điện 601 làm chúng tôi bình tâm xem xét kỹ tình hình hơn. Đúng là máy bay địch mấy hôm liền vắng bặt và ta tha hồ mặc sức lao lên phía trước. Tôi đi xem lại đường tránh 12 cua.

Dưới chân dốc từ km 95 đến kilômét 104 giáp bờ sông Bạc, con đường đi theo một lòng suối nông, lòng cát rộng vài chục mét, hai bên bờ có tre, hóp, nứa và những cây gỗ mọc xen nhau kéo dài hàng sáu, bảy kilômét, toả cành ngọn ra che gần kín cả lòng suối. Mùa khô nước trong vắt nhưng rất cạn.

Con đường trời cho này cứ theo lòng suối mà đi ta không phải một nhát cuốc đào mà mặt rất phẳng, luôn ẩm ướt nên không có bụi.

Càng xem tôi càng mê như lạc vào tiên cảnh. Tôi rúc thử vào sâu trong rừng tre, thấy đất rất thoai thoải và rắn, thừa chỗ để giấu xe và để hàng. Hết vài ba chục thước đến sườn núi đất trọc, chỉ có ít lau sậy, dương xỉ, đôi chỗ có chuối rừng. Vách núi đất nhưng khá dốc kéo mãi lên tận rất cao. Đôi chỗ cũng có đồi lúp xúp. Tôi mừng như bắt được vàng.

Đêm đó tôi bàn với anh Bang, các đồng chí ở kho, xe ngày mai kéo nhau đi xem xét lại khu vực này. Tôi dặn phải tìm cho ra chỗ giấu cho dăm sáu chục chiếc xe dọc hai bên đường và làm sáu kho chứa được dăm bảy trăm tấn hàng dã chiến, tìm chỗ trú quân cho chỉ huy sở tiền phương và một trung đội kho, hai đại đội xe.

Mới nghe qua ý định, có anh em thấy tôi quá liều. Xuống giữa một cái hẻm hai bên vách núi trọc, ngay dưới chân 12 cua và cách bản Bạc một đoạn đường thôi à? Rời rừng rậm ở kho A xuống cái tử địa đó thì có thể bị đánh cho tơi bời. Anh em có thể làm lộ bí mật v.v... Anh Bang hiểu ý tôi cho nên hoàn toàn nhất trí. Tôi dặn kỹ:

- Tối nay các đồng chí xuống đó bằng ô tô. Hẹn hai ngày tìm cho ra các điểm quy định. Các anh nhớ để tiền phương ở phía ngoài cùng, ngay cạnh đường, nhường chỗ tốt cho xe. Còn kho thì để xen dọc hai bên bờ suối. Quyết đến đâu anh Bang cho gọi quân làm đến đó. Bản thân tôi chỉ cần một cái hầm chữ A chắc ở cách đường không quá 10 mét xe nào chạy qua tôi cũng biết. Điều cốt yếu ở đây là giữ bí mật.

Hàng ngày anh Bang gọi điện thoại từ ba-ri-e 95 về báo cáo tình hình với tôi. Nhiệm vụ làm gấp cơ sở để chuyển chỉ huy sở tiền phương xuống chân 12 cua được tiến hành rất nhanh. Từ nay xe binh trạm sẽ đưa hàng xuống chân đường tránh 12 cua và trở về bằng đường ngang, kéo dài cung vận chuyển thêm dăm chục kilômét nữa. Tôi sẽ đảm bảo chỉ huy xe từ Lục Tùng Pế trở vào.

Cái lợi rất lớn là tiền phương đã dịch lên sát bờ sông Bạc và chân hàng binh trạm 33 chỉ còn cách binh trạm 35 khoảng ba chục kilômét kể cả ra vào kho. Thế trận tiến công vượt qua cửa mở đến đây là hoàn chỉnh. Đứng ở đây có

thể ném hàng tới tấp sang BT35. Phải tranh thủ vượt Bạc cao nhất trước mùa mưa lũ.

Tôi xin 601 cho kéo gấp đường tải ba xuống vị trí mới. Một tiểu đoàn cao xạ được phối thuộc thêm. Chúng tôi xuống đây thì năng suất vượt Bạc vọt lên gấp rưỡi dễ dàng. Nhiều xe đạt một đêm chuyến, có xe đi một vòng rưỡi. Nước xuống, cầu phao được cất đi, tất cả xe đều lội ngầm cánh cung. Có những hòn đá đã nổi lên mấp mé mặt nước rồi.

Trong lúc tháo cầu và mò những chiếc phà đắm, công binh phát hiện một vệt cát khá nông ở hạ lưu ngầm cũ. Nó chạy hơi chéo từ tây bắc sang đông nam và vượt qua một con bơn cát dài, nổi lên giữa sông. Nghe anh em mách, tôi lội xem và quyết định làm thêm cái ngầm ngày. Nó dài nhưng khá phẳng. Tôi giao công binh tôn bằng đá dăm lên khoảng 0m80 đảm bảo tốc độ xe ít nhất 5 km giờ. Anh em đã làm đúng như thế, xe chạy băng băng đi cả hai chiều rộng rãi.

Sau này, tất cả xe chỉ đi đường này thôi, xe kéo pháo lớn qua sông dễ dàng.

Sau cuộc tổng tấn công tết Mậu Thân, địch càng điên cuồng đánh trả. Mật độ máy bay địch hoạt động tăng lên, tiếng bom vang trời. Chúng tôi ở bờ sông càng nghe rõ. Do thế trận đường và ngầm của tôi ở Bắc Bạc đã vững vàng nên địch đánh cũng không tắc điểm nào cả. Điểm đèo Long trở lại ác liệt hơn, OV10 quần đảo từ sáng đến tối.

Cường kích ném bom ầm ầm suốt ngày. Sau nó phát hiện được công binh BT35 làm hầm ở ngay sát các điểm ác hiểm, máy bay đánh xong là công binh xông ra dùng thuốc nổ, bừa đất sửa đường cả ban ngày, chúng cho OV10 gác suốt ngày. Đến bốn năm giờ chiều, hàng chục lượt cường kích đến ném bom vào đỉnh các ta luy cao làm sụt xuống hàng nghìn mét khối để ta không kịp cứu sửa trong đêm. Chúng tôi lại lên cơn sốt. Không sao đưa hàng vào BT35 được?

Chúng tôi phải nghĩ ngay ra một cách mới. Vài tháng nữa, nước sông Bạc dâng lên mà chưa hoàn thành kế hoạch thì còn điêu đứng hơn nhiều. Cho nên, không thể chờ được. Không tới BT35 thì phải vượt sang bên kia sông. Việc này không bàn với BT35 được. Tôi cứ lẳng lặng rút bớt quân, lập một

trung đội kho dã chiến sang bờ nam sông Bạc. Chọn chỗ thuận lợi từ km 3 đến km 7, lót thân cây bằng cổ chân cổ tay làm sàn kho.

Tôi chọn những thứ hàng trong kế hoạch có bao bì tốt mà không sợ mưa ướt, nắng hỏng, không ai thiết lấy cắp để chở sang đó. Mỗi lần đèo Long bị đánh mạnh không sao thông được thì tôi cho xe chở những hàng đó như đạn pháo 122, đạn ĐKĐ, súng, đạn, lựu đạn các loại, xếp mỗi sàn vài chục tấn. Có xe chạy giỏi mỗi đêm tới ba chuyến.

Tôi phải lẳng lặng làm việc này vì giờ phút này chưa phải phía trước và phía sau đã tán thành cách làm đó. Nhưng tôi ở đây, tôi chịu trách nhiệm vượt Bạc, tôi phải làm cho được việc vượt Bạc. Do cung ngắn chỉ hơn chục kilômét, đường và ngầm luôn thông suốt nên chỉ vài tuần là tôi đã ém được gần năm trăm tấn hàng ở nam Bạc rồi. Nếu mưa xuống thì phải bao gian khổ và hy sinh mới lê được từng ấy hàng vượt sông Bạc. Chẳng bao lâu BT35 phát hiện mẹo của tôi. Anh Giới gọi điện:

- Anh Điền ơi! Xe của tôi ít, kế hoạch của tôi còn rất nặng! Hàng của anh đưa vào km 18 mà tôi còn chưa chuyển đi nổi. Anh mà để hàng cả ở bắc đèo Long thì chết tôi thôi!

Tôi đã tính đến tâm lý này từ lúc định thực hiện kho dã chiến ở bờ nam Bạc. Tôi nói:

- Đó là kho của tôi đấy anh Giới ạ. Tôi sợ sau này nước sông Bạc lên cao không vượt nổi thì dù đèo Long có thông cũng hoá ra không có hàng cho anh được. Tôi tranh thủ vượt sông sang đó lập chân hàng để lúc nước lớn sẽ cứ lấy ở đó đưa vào cho anh. Nếu anh thiếu xe thì tôi hoàn thành kế hoạch, tôi sẽ chuyển phối thuộc cho anh một C xe mạnh chạy hết mùa mưa. Đó là lợi ích chung mà tôi làm, anh Giới ạ! Tôi không tính vào kế hoạch giao hàng cho anh đâu!

Anh chỉ băn khoăn vì sợ tôi giao hàng cho anh ở đó, nhưng nghe tôi giải thích rõ anh cũng thông.

Giặc Mỹ duy trì các đợt đánh phá ác liệt này một thời gian thì cũng hụt hẳn dần. Đến tháng ba nó bắt đầu đánh vào nam đèo Long hai trận. Chúng tôi tăng cường công binh chống phá hoại và mở đường mới. Chúng tôi hợp

đồng chặt với BT35 duy trì nhịp độ vận tải như bình thường. Địch đánh tắc đường buổi chiều, nhưng cả tiểu đoàn xe cứ đàng hoàng xuất kích, có khi xe đến đèo Long thì hàng nghìn mét khối đất đã được đẩy xuống vực, đường đã thông suốt, xe giữ nguyên tốc độ vào đến kho, thảng hoặc có chờ đợi cũng không bao lâu. Trời chưa sáng, xe đã về đến Bắc Bạc .

Bàn đạp mới của tiền phương ở chân dốc 12 cua đã ổn định nhanh chóng. Chúng tôi lập cả một trạm giao liên cơ giới ở đấy nữa. Mỗi đêm chúng tôi đón hàng trăm cán bộ chiến sĩ, thương bệnh binh từ chiến trường trở về đi ô tô tới đây trú lại một ngày rồi đêm tiếp tục đi. Trạm được đặt ở dưới một lùm cây bóng, mát, với đủ lán ở, hầm tránh bom, nhà bếp, nhà ăn.

Ở các nơi ác hiểm chính giữa vùng trọng điểm này, vừa là đường ô tô lại vừa là căn cứ vận chuyển, nó đã chứa hàng ngàn tấn hàng, có lúc vài trăm ô tô, dăm trăm con người. Đó là một miếng mồi lý tưởng của máy bay Mỹ. Nhưng nó đâu có ngờ tới.

Cái bàn đạp này còn được dùng mãi đến 1970- 1971 lúc tuyến Trường Sơn chuyển hẳn sang phía tây và con đường 128 với tập đoàn trọng điểm vùng Bạc này đã hoàn thành rất xuất sắc nhiệm vụ lịch sử của mình, để lại cả chuỗi chiến công chói lọi. Mấu chốt của vấn đề là tổ chức chặt chẽ việc duy trì kỷ luật bí mật.

Một buổi chiều đầu tháng ba bỗng nhiên có tiếng kẻng báo cháy, điện thoại đài quan sát báo cáo ngay cho tôi biết khói ở khu C4 đang bốc lên.

- Truyền ngay lệnh cho các đơn vị thi hành phương án 1.

- Rõ!

Tiếng đáp nghiêm túc, đanh gọn của đài quan sát làm tôi yên tâm rằng đội bảo vệ tiền phương, tiểu đoàn cao xạ, quân y, thông tin, kho, xe, giao liên đều sẽ nhanh chóng làm đúng những điều cần thiết đã luyện tập thành thục.

- Nguyệt trực ở nhà nhé!

Dặn xong, tôi chạy nhanh về C4, đó là tên ô vuông ở sau khu sửa chữa xe. Tôi chạy dọc theo suối dăm trăm mét lồi tắt lên mé núi vượt một ngọn đồi nhỏ. Tôi đã đuổi kịp mấy chiến sĩ xách thùng, dao, cần vụt đang lao đi chữa cháy. Khi chúng tôi chạy hơn một kilômét đến nơi thì những đơn vị ở gần đã

dập tắt được lửa. Một vùng rộng vài trăm mét vuông đang bốc khói nghi ngút.

Anh em hối hả chuyền tay nhau những thùng nước suối từ chân đồi dội vào các gốc gianh già. Các cần vụt đập cho kỳ tắt hết một số ngọn lửa đang leo lét muốn lan ra. Mọi người rất hăng hái, nhanh và bình tĩnh. Trong nắng chiều ong ong, khí trời rất khô nên khói tan nhanh. Chúng tôi kiểm tra kỹ, dụi bằng sạch tàn lửa và chặt cành lá chung quanh nguỵ trang cái mảnh đồi đen nhẻm này đang nổi bật lên giữa rừng cỏ gianh cằn cỗi, một màu vàng vàng trắng trắng xanh xanh lẫn lộn.

Sau khi đã kiểm tra tất cả một lần cuối, tôi đi về chỗ sửa chữa ô tô. Vừa bước vào lán vắng người, tôi thấy trên chiếc bàn tre một bát nước chè xanh một màu váng sánh. Tổ thợ này vẫn hay tìm được chè rừng về nấu. Đang lúc quá khát tôi vồ lấy bát nước uống một hơi dài. Sao dòng nước mát đến thế? Làm một hơi hết nửa bát tôi mới sững lại vì mùi vị lạ của bát nước. Mùi dầu xông lên mũi tôi Tôi đang ngẩng ra ở giữa nhà, cái bát còn trên tay, thì Lan, cậu thợ trẻ ở đám cháy trở về đã la lên:

- "Ma dút, ma dút đấy thủ trưởng ơi? Em vừa lấy ra để rửa cái lọc dầu thì báo động nên để trên bàn".

- Chết rồi. Tớ khát quá, háu uống, tưởng nước chè các cậu để từ sáng lại, làm một hơi hết nửa bát rồi!

Anh em lo lắng túm lại hỏi han, săn sóc tôi nhưng chẳng ai biết làm gì bây giờ. Tôi rửa qua chân tay mặt mũi, đánh răng cho đỡ mùi dầu trong miệng, rồi đi ngay sang bệnh xá ở gần. Gặp bác sĩ Cần tôi nói ngay:

- Gay quá anh Cần ơi! Tôi uống nhầm phải nửa bát ma dút rồi!

Đồng chí Cần là một bác sĩ từng trải, phẫu thuật giỏi, có trách nhiệm cao, có năng lực tổ chức. Những lần gặp thương vong nhiều, tôi đã chứng kiến lòng dũng cảm và tài cứu chữa của anh.

Nghe tôi nói, anh biến sắc mặt và quýnh quýnh có lẽ vì thương tôi, lo cho tôi và cũng chưa quen xử lý với cái ca oái oăm này. Tôi phải nói lại nhẹ nhàng: "Cho đến nay tôi vẫn thấy trong người bình thường, anh Cần ạ? Chỉ có mùi ma dút làm tôi lợm giọng thôi, anh đừng lo".

Bác sĩ mời tôi ngồi và lúc đó bình tĩnh nói:

- Tôi chưa gặp ca này nên chưa có kinh nghiệm. Tốt nhất là tống dầu ra khỏi cơ thể. Nhưng làm nôn nó ra cũng khó cũng mệt. Nó tắc lên mũi, lên họng cũng chẳng dễ chịu đâu. Anh để tôi theo dõi nhé, chiều nay ăn cơm với chúng tôi. Anh chịu khó uống nhiều nước vào. Đêm nay anh ngủ ngay cạnh buồng tôi.

Tôi gọi điện dặn anh Bang tiếp tục đôn đốc công việc. Tôi đi tắm rửa xong, uống nhiều nước, ăn tối ngon lành. Bụng cảm giác là lạ nhưng không đau.

Bốn ngày liền, ma dút cứ theo đường ruột mà dần dần ra hết. Tôi chẳng phải uống thuốc gì. Được ngủ trọn giấc một đêm ở bệnh xá, hôm sau tôi lại trở về với nhiệm vụ.

*
* *

Tháng tư có nhiều thuận lợi. Binh trạm 35 mở xong đường tránh đeo Bản Long. Chúng tôi cùng nhau hiệp đồng tận lực vượt Bạc, vượt đêm ở mức cao nhất và vượt cả ban ngày. Chúng tôi biết thời gian không còn nhiều nữa. Phải vượt nhanh vượt nhiều nhất sang bên kia cái chướng ngại thiên nhiên ác hiểm này.

Cứ như vậy đến khoảng 20 tháng 4 năm 69 binh trạm 33 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch giao hàng cho BT35 - tháng tư và đạt kế hoạch cả mùa. Chưa kể gần một nghìn rưởi tấn hàng đã chuyển sang được bờ nam sông Bạc.

Trời đã có triệu chứng khác, nước sông Bạc đã nhích lên một ít. Xa xa đồng bào địa phương đốt rẫy, khói đen nghịt, tro tàn bay về gần chỗ chúng tôi. Đó là những dấu hiệu mùa khô đang chuẩn bị nhường bước cho mùa mưa.

Cán bộ, chiến sĩ Trường Sơn hiểu tới tận xương tuỷ thế nào là mùa mưa! Tôi dám đưa tiền phương và tất cả xe, kho xuống chân 12 cua nơi hiểm địa này vì biết rằng dù giặc Mỹ ghê gớm đến đâu vẫn có thể bịt mắt bưng tai chúng, lợi dụng sơ hở bất ngờ của chúng. Nhưng nếu mưa thì không thể coi thường.

Một đợt mưa lớn bất ngờ thì cái nền lòng suối phẳng phiu, mát mẻ, dịu hiền mà tôi đang tận dụng để hàng ngàn tấn hàng, hàng trăm xe và cho hàng trăm con người trú ngụ, cái lòng suối hiếu khách này sẽ lập tức trở thành một cái

phễu đón nhận tất cả nước mưa từ những triền núi trùng điệp vây ba bề dồn xuống. Chỉ chốc nhát thôi nước sẽ sôi réo ầm ầm, dâng lên nhanh chóng, người chạy cho thoát thân cũng khó nói gì cứu xe cứu hàng. Phải kịp thời tính lại một nước cờ mới!

Tôi đã tính kỹ xong nước cờ, báo cáo về Binh trạm, về Bộ tư lệnh 559: tình hình vận chuyển đã vượt mức kế hoạch nhiều, chân hàng dự trữ ở bờ nam, những triệu chứng mưa sẽ tới sớm. Và tôi đề nghị:

- Dời chỉ huy sở tuyến về nam dốc 19, chỉ cách binh trạm 40 km ở đó không bị sông lớn làm tắc đường bất ngờ. D54 sẽ đưa hết chân hàng sẵn có ở 12 cua vào BT35 sau đó biệt phái một C sang BT35 chi viện vận chuyển, nếu cần thì ở lại suốt mùa mưa. Còn tiểu đoàn sẽ dời về ở cùng chỉ huy sở tiền phương nam dốc 19. Những thứ còn lại đem cất vào kho A. Mùa mưa để lại một trung đội quản lý toàn bộ khu vực kho A, B, C, Đ. Kho đã chiếm nam Bạc giao sang BT35 quản lý hiện đã có 1.600 tấn. Trả D93 công binh về ngay đơn vị cũ, rút pháo cao xạ về phía sau.

Những đề nghị này được cấp trên tán thành. Anh Bang quay về đỉnh dốc chuẩn bị. Tất cả các lực lượng tiếp tục nâng khối lượng vận chuyển sang binh trạm 35 và rút dần về phía sau. Chỉ bốn ngày, tất cả đã làm xong.

Chúng tôi chuyển về dốc 19 và tiếp tục vượt Bạc cho đến khi mưa xuống. Chúng tôi lại lao về hậu phương chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mùa khô tới.

(Rút trong tập Đường Hồ Chí Minh)

Đại tá Hồng Kỳ - TRẬN ĐÁNH VÙNG KHO LA HẠP

Vào đến La Hạp, tôi gặp anh Lê Đình Sum, lúc đó là tham mưu phó của Đoàn 559. Anh Thiện có điện báo, chỉ định tôi làm chính uỷ kiêm Tư lệnh trưởng Bộ tư lệnh tiền phương. Còn anh Sum làm tư lệnh phó kiêm Tham mưu trưởng.

Anh Sum là người Quảng Trị, đã vào Huế học từ tấm bé. Tiếng nói đặc Thừa Thiên mặc dầu ra Bắc đã lâu. Người tầm thước hơi béo nên trông có vẻ lùn. Cặp mắt viền vải điều và nước da xanh xám bộc lộ hết tính tình khắc khổ của một con người miền Trung, trải qua nhiều thử thách trong chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ.

Thái độ anh Sum đối với tôi rất tốt, luôn tỏ vẻ tôn trọng, tin cậy, nhưng tính anh vốn xưa nay luôn giữ cái vẻ lạnh lùng ban đầu khi tiếp xúc với bất cứ ai. Chỉ có giao việc gì, thì anh ấy làm, theo đúng điều lệnh của quân đội. Khi tôi hỏi ý kiến thì việc gì anh cũng khoá đuôi bằng mấy câu:

- Đây chỉ là ý kiến của riêng tôi. Còn đề nghị anh có vấn đề gì anh cho chỉ thị.

Nhiều lần anh gọi tôi một cách lạnh lùng và nghiêm nghị "Đồng chí chính uỷ" hoặc, "đồng chí Tư lệnh trưởng". Anh bảo tôi:

- Đồng chí là chính uỷ kiêm tư lệnh trưởng, đồng chí cứ việc ra lệnh. Tôi xin làm hết lòng, chứ chẳng cần phải bàn bạc trao đổi gì mất thời giờ.

Tôi thấy không ổn, tôi nói:

- Nhiều việc anh xử lý rất đúng. Những loại việc như thế mà ta phải hỏi ý kiến nhau, xin chỉ thị báo cáo thì mất thời giờ quá. Thời gian tới đây có thể tôi và anh, mỗi người một nơi, cứ kiểu làm ăn này có khi không được việc.

Từ đấy, anh Sum nhìn tôi với một con mắt khác hẳn, không lạnh lùng nghiêm nghị như trước nữa. Thỉnh thoảng anh lại bù khú với tôi chuyện thời thơ ấu. Thời thơ ấu của chúng tôi khác hẳn nhau. Tôi, đứa trẻ đi làm thuê. Anh một cậu học sinh cố đô thơ mộng. Biết rõ quá khá nhau, chúng tôi càng thân nhau, và biết dựa vào nhau, gom lòng góp sức, đấu trí, đấu lực với thằng địch. Trong nhiều việc chúng tôi hoàn toàn ăn ý với nhau.

Tôi bỏ ra độ một tuần lễ để củng cố nơi ăn chốn ở, và nắm tình hình, suy nghĩ về chủ trương công tác, điều thêm một số cán bộ về. Tôi chọn những cán bộ, chiến sĩ khoẻ trẻ, có sức lực có thể chiến đấu được. Còn một số chiến sĩ gái tôi bàn với anh Sum, cho ra tuyến sau. Con gái làm thủ kho bốc vác, thậm chí bắn máy bay có thể được. Còn đánh nhau với bộ binh Sài Gòn thì rất là phiền phức.

Hồi bấy giờ, Bộ tư lệnh cũng đã có chủ trương không đưa thanh niên xung phong gái vào quá trong đường Chín. Nhưng nhiều đơn vị gái "làm reo" đòi đi. Bây giờ thì thành một trở ngại cho chủ trương "tinh binh" để quyết chiến của chúng tôi

Ở vùng kho La Hạp, có một số cô cũng làm găng lắm, binh trạm trưởng, chính uỷ binh trạm bảo ra tuyến sau không được. Trong số đó, có cô Đặng Thị Ngọc Huệ, sau hy sinh trên đường đi biểu diễn. Cô Huệ cùng một nữ chiến sĩ, cứ lằng nhằng cãi tay đôi với tôi về việc xin ở lại chiến đấu. Lý luận cũng rất là chí lý:

- Chúng em cũng là người, cũng là đoàn viên thanh niên, cũng có chân tay, đầu mình, thịt da tất cả. Lập trường tư tưởng của chúng em cũng chẳng kém. Không biết Bộ tư lệnh có coi rẻ phụ nữ hay không, mà bắt chúng em ra phía sau?

Cứ ngồi tay đôi với các cô này, thì suốt ngày không xong. Đã đến lúc phải dùng mệnh lệnh, tôi nói:

- Thôi nhé. Nói cũng khá nhiều lý lẽ rồi. Dân chủ như vậy là đủ rồi chứ gì?

- Vâng.

- Vậy bây giờ thủ trưởng ra chỉ thị thì chiến sĩ nghiêm chỉnh chấp hành chứ gì?

- Vâng. Thủ trưởng cứ ra chỉ thị.

- Được thế thì thủ trưởng ra lệnh: ngay bây giờ, về nhà xếp sắp ba lô, quân trang khăn gói đầy đủ, sáng mai lên đường sớm về hậu phương, tuyệt đối không được nói gì nữa. Thôi, đứng dậy, đằng sau quay. Đi đều bước, về nhà.

Thế là hai cô về, mặt đỏ bừng, mắt đỏ hoe coi chừng ấm ức lắm. Còn một số cô khác nữa tất cả đều được lệnh cho về phía sau, tổng số bảy cô. Hồi ấy, có đồng chí Thiết Cường, binh trạm phó ở Tây Thừa Thiên ra, tôi giao mấy cô cho đồng chí:

- Đề nghị anh đưa bảy cô này về phía sau. Đường ô tô bây giờ không đi được nữa, phải đi theo giao liên, vất vả lắm đấy.

Thấy anh Thiết Cường, tuy đã nhận, nhưng tâm tư còn như băn khoăn điều gì, tôi đùa:

- Ngày xưa, Quan Công chỉ phò nhị tẩu thôi đã thấy vất vả lắm. Lần này Thiết Cường phò thất tẩu, làm sao đưa ra Quảng Bình cho an toàn. Đi đường phải rất cẩn thận đấy có chuyện gì xảy ra thì rất là phiền.

Sau này tôi ra phía sau hỏi lại, thì anh Thiết Cường đã đưa được bảy cô ra đến Hương Đô, nơi đoàn Bộ rút ra mùa mưa năm 1967, được an toàn.

Các lực lượng phụ nữ, già yếu và đau ốm của các binh trạm xung quanh vùng La Hạp cũng lần lượt giải quyết ra phía sau.

Mọi việc xong xuôi thì cũng vừa lúc đại đội ô tô được cử đến để làm vận chuyển. Đồng chí tiểu đoàn phó phụ trách đại đội này, đến gặp tôi báo cáo tình hình: đại đội đã được chấn chỉnh, xe cộ, kỹ thuật và tinh thần của anh em rất tốt, sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Tôi xem danh sách cán bộ tiểu đội gặp tên một tiểu đội trưởng rất quen thuộc; Đào Lương.

Tôi nhớ ra hôm tôi vào Bắc Bạc một đồng chí ăn mặc nhếch nhác, mặt mũi lọ lem, đi với một đồng chí nữa đến tìm tôi. Đồng chí ăn mặc nhếch nhác nói:

- Báo cáo chính uỷ, tôi là Đào Lương. Tôi vào đây để nhận kỷ luật. Nhưng tôi đề nghị cho hoãn kỷ luật lại một tuần.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

Đào Lương thuật lại sai sót của mình:

Hôm đi vào Bạc. Đào Lương lái một xe. Khi xuống dốc Lục Tùng Pế (mà chúng tôi gọi là dốc lộn tùng phèo) không làm chủ được tay lái. Cái dốc này có một cái cua dích dắc lao từ trên đỉnh núi xuống rất hiểm, xe Lương qua

đây bị trệch bánh ra ngoài và lăn xuống dốc. Lương cố giữ lái cho xe lăn qua hết cua và cuối cùng, do gia tốc tăng lên cao quá, không hãm phanh được, xe đâm sầm vào núi đá và bốc cháy. May mà cả hai đồng chí lái và phụ lái không ai việc gì. Họ bị hất tung ra, sau khi xe lăn 1, 2 vòng trước khi đâm vào đá, trên xe đầy gạo nên cũng chẳng có tiếng nổ nào. Gạo đã rơi hết trong khi xe lao xuống dốc, chỉ có xác xe đâm xuống bốc cháy. Họ đã "được" tiểu đoàn đề nghị binh trạm thi hành kỷ luật tương đối nặng, chủ yếu là đuổi về phía sau làm công tác sửa chữa.

Tôi nhìn kỹ Lương: gương mặt tuấn tú, thân hình cân đối khoẻ mạnh, rất trẻ. Tôi bỗng nhớ ra, khoảng hơn một tháng trước đó khi tôi vào Tây Thừa Thiên, qua binh trạm 31 hay 32, trong danh sách những người chạy giỏi, có tên Đào Lương, một trong những đồng chí tăng chuyến rất lớn, vượt cung rất giỏi. Khi đó tôi đã đồng ý đề nghị của binh trạm điện cho Bộ tư lệnh khen thưởng. Lần này gặp lại, trong danh sách binh trạm thi hành kỷ luật, tôi hỏi lại xem có phải chính anh không, Đào Lương trả lời:

- Dạ đúng.

- Thế đồng chí xin hoãn kỷ luật lại một tuần để làm gì?

- Báo cáo thủ trưởng, tôi đã tìm thấy một xe ô tô hỏng ở đường. Tôi cùng đồng chí phụ lái đã đến thương lượng với một thợ sửa chữa ô tô. Đồng chí ấy đã nhận lời giúp chúng tôi, sau ba bốn ngày nữa, đồng chí ấy sẽ khôi phục lại được chiếc xe. Chúng tôi đến xin nhà nước một chiếc xe và xin thủ trưởng tiếp tục cho chúng tôi làm công tác vận chuyển phục vụ chiến trường.

Tôi gật đầu:

- Thế thì tốt, nhưng phải xem, các đồng chí lấy phụ tùng xe ở đâu ra mới được chứ.

- Xe ở dọc tuyến này, trên các trọng điểm khu Lục Tùng Pế khá nhiều. Có cái bị đâm hỏng thùng, hỏng bệ, nhưng máy còn tốt. Có cái bị bắn hỏng máy rúc ở đường, thùng bệ vẫn còn nguyên. Chúng tôi sẽ mang cái máy tốt lắp vào cái thùng bệ vẫn còn nguyên. Thế là sẽ có cái xe.

- Được! Cứ làm xong xe rồi mang về đây báo cáo.

Đào Lương ra về. Đúng ba ngày sau, đánh cái xe ấy vào chỗ tôi, xin tiếp tục làm nhiệm vụ. Tôi gọi dây nói cho binh trạm:

- Tôi đề nghị xoá bỏ kỷ luật cũ, vì đồng chí Lương tự giác phục hồi một cái khác thay vào, vả lại, đồng chí còn hăng hái muốn làm nhiệm vụ.

Sau đó, chạy trên cùng Tăng Cát Nhầy, Tăng Cát Noi, Đào Lương lại trở thành một dũng sĩ lái xe, liên tục vượt cung tăng chuyến, được khen thưởng cao.

*

*   *

Ở La Hạp, sau khi tốp nữ cuối cùng do đồng chí Thiết Cương dẫn đi xong, tình hình coi như đã ổn. Chỉ còn lại toàn "Tinh binh cán".

Khoảng 11, 12 giờ đêm tôi nhận được một bức điện của Bộ tổng tham mưu cho biết lựu đạn có B52 sẽ đánh vào tuyến vận chuyển của chúng tôi khoảng 5, 6 giờ sáng mai.

Tôi điện cho các đơn vị.

Tang tảng sáng hôm sau, thức dậy tôi thấy một cảm giác lạ. Có tiếng ì ì và có ánh chớp nhoáng. Nhà chúng tôi đào nửa chìm nửa nổi, cột tre, tranh nứa. Hai thành vách hai đầu có trổ cửa ngách thông vào hai căn hầm chữ chi, thành ghép bằng gỗ to theo kiểu hầm chữ A. Trong đó cũng có giường nằm bàn làm việc và điện thoại, ngày cũng như đêm, đều thắp sáng bằng ắc qui. Nằm trong ấy bí hơi quá nên tôi bỏ lên nằm ở giường, trên cao. Tôi đang ngồi xổm trên giường, bèn lao ngay vào hầm tránh máy bay. Đã thấy khắp xung quanh rung chuyển ầm ầm. Đồng chí cần vụ chạy vào hớt hải nói với tôi:

- B52, thủ trưởng ạ.

- Ừ thì B52, kệ nó, đồng chí vào hầm ngay!

Một loạt bom chấm dứt trong khói, đất, đá, lá cây rơi tứ tung mù mịt. Kinh nghiệm, một tốp B52 thường đánh ba đợt. Đây mới là đợt đầu, chờ cho hai loạt sau nổ tiếp. Đợt thứ ba vừa chấm dứt, tôi cầm dây nói gọi điện thoại cho

các nơi. Mới thò đầu ra một tí, đã thấy nhà cửa đổ sập hết, và lại có tiếng ù ỳ, chớp nhoáng nhoáng. Nó tiếp tục đánh nữa. Tôi lao vào hầm.

Sáng hôm ấy, nó đánh đến 27 đợt, chín lần tốp. Mỗi tốp 3 chiếc, cách nhau rất đúng giờ. Nó dội bom vào khu chỉ huy sở Bộ tư lệnh tiền phương, đánh trùm sang khu vực kho S4, S5. S4 và S5 nằm hai phía đông bắc và nam La Hạp.

B52 đánh xong, tôi đi kiểm thị trấn lại toàn bộ khu vực Bộ tư lệnh. Ta hy sinh một đồng chí.

Người đầu tiên tôi tìm đến là anh Sum. Anh cũng vừa ở hầm lên. Nhà anh không bị bom phá đổ. Nhà tôi bị đổ. Tôi và anh Sum ở cách nhau khoảng 50 mét. Cái nhà cũ tôi ở ngay cạnh nhà anh Sum, thì bay biến đi đâu mất. Thấy anh Sum và anh em nguyên vẹn, tôi mừng quá.

Tôi bỗng sực nhớ ra là còn mấy đồng chí khách, tối qua tôi mời nghỉ trong cái căn nhà cũ của tôi. Nhà bay rồi. Trong số khách có đồng chí Lê Nghĩa Sĩ, đồng chí Nguyễn Ngọc Kỳ và mấy đồng chí nữa.

Đồng chí Lê Nghĩa Sĩ đã đến đây cùng tôi ba bốn ngày nay. Chiều qua, đồng chí Sĩ định lên trạm giao liên ở để đi vào tôi cố giữ lại.

Nhà tôi ở cũ cùng là nhà hầm, hai đầu nhà cũng có hai cái hầm chữ chi. Một quả bom trúng giữa nhà, nhà ụp xuống. Tôi gọi mãi không thấy ai thưa.

Tôi hốt hoảng quá bảo:

- Có lẽ chết cả rồi!

Tôi gọi mấy đồng chí vệ binh lấy dao cuốc chặt đỡ cái nhà ụp ra xem có ai bị thương, may ra còn cứu được. Anh em vừa nhảy vào đống nứa tranh, bắt đầu băm băm, chặt chặt, thấy ở dưới, có tiếng gọi, rất bé. Chúng tôi dỡ hết tranh tre ra, vất hết đồ đạc ra ngoài, thì thấy cả 3 đồng chí lục đục từ trong hầm chữ chi chui ra. Chẳng có ai việc gì. Có nhiều nhà khác cũng giống hệt như vậy, quả bom trúng ngay giữa nhà, những cái hầm "râu tôm" hai đầu vẫn an toàn .

Sau trận B52 mở màn chiến dịch này, làm xong việc chôn cất liệt sĩ, anh em chia nhau đi các ngả, dọn lại cây cối nhà cửa, trở lại cuộc sống bình thường.

Đồng chí bác sĩ bị thương gãy vai, đã được khiêng đi cấp cứu bên trạm giao liên. Ở đó địch chưa đánh đến, tôi ra lệnh cho toàn bộ cơ quan, ăn cơm trưa xong chuyển hết sang trạm giao liên. Tôi cùng đồng chí Sum đi kiểm tra khu vực kho xem thiệt hại ra sao.

Khu vực kho bị đánh tương đối lớn. Bom rải ra trên một vùng rất rộng. Hàng hoá bị đánh bay, đánh hỏng mất một ít, nhưng không nhiều lắm. Về người, kể cả cơ quan, cả lực lượng kho, hy sinh bảy đồng chí, bị thương vài đồng chí. Có một kho xăng bị cháy, anh em ta xông vào dập lắt. Thiệt hại hơn hai chục phuy, vì đạn dược, xăng, chúng tôi phân tán ra mỗi nơi một ít, cho xuống hầm, để rất xa nhau, nên không mất nhiều.

Chúng tôi xử lý mọi việc mất nửa ngày. Trạm xá của Binh trạm 42 ở đây, cũng đã tiếp nhận sáu bảy đồng chí bị thương. Tất cả đều cho di chuyển sang trạm giao liên. Trạm này đóng trên một cái dốc rất cao. Đi đến đấy phải leo từ La Hạp leo lên, đến đỉnh dốc cao nhất con đường bộ là đến trạm. Chúng tôi tạm thời đóng quân lại đó để xem xét tình hình. Mặt khác, cũng sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

Ngay mười giờ sáng hôm đó, tôi đã họp được với đồng chí Chước, binh trạm trưởng kiêm Chính uỷ binh trạm 34, và mấy đồng chí cán bộ phụ trách cả 2 kho ở S4, S5, chúng tôi bàn công việc đối phó với tình huống xấu nhất.

Trong cuộc họp, đồng chí Chước hỏi tôi:

- Nó đã phát hiện kho, làm sao mà giữ được? Mà giữ như thế nào, giữ đến bao giờ?

Tôi trả lời :

- Nó đánh vào kho lúc này là đánh đúng quả tim cấp máu cho chiến trường khu 5, ta thua keo này là nó thắng. Địch sẽ đánh ta với tất cả khả năng của nó. Các đồng chí phải quyết tâm đánh để giữ. Người có thể mất, nhưng không thể bỏ kho. Tôi nêu chỉ tiêu bảo vệ cho các đồng chí là nếu để nó phá mất 70% thì là ta thua nó. Mất một nửa là hoà. Nếu nó chỉ phá nổi 30% là ta thắng. Các đồng chí cứ quyết chiến đi.

Mãi sau này, đồng chí Chước, khi đã về hưu, đến thăm tôi ôn lại chuyện cũ nói: lúc đó có hai điều thú vị: một là tôi cho tất cả các đồng chí già yếu và

các đồng chí nữ ra phía sau. Việc giản đơn có vậy, nhưng tác động rất lớn đến tâm lý, tư tưởng mọi người, vì ai cũng thấy, đã đến lúc quyết chiến. Hai là, tôi nêu chỉ tiêu bảo vệ kho nếu mất 50% là hoà, mất 20 - 30% là thắng. Khi nó ném B52, anh em thấy khói lửa rực trời, làm sao mà giữ trọn vẹn các kho này. Nhưng, tư lệnh đã nói, mất 50% là hoà. Anh em tin không thể mất đến 50%. Còn nói mất 30% vẫn được coi là thắng, đó là một chỉ tiêu có thể đổ xương máu ra mà thực hiện bằng được. Xương máu, anh em không tiếc, nhưng trước khi hy sinh, anh em muốn biết rằng mình có thể chiến thắng hay không.

- Chính do cái quyết tâm rất cụ thể, rất thích đáng đó đã làm cho chúng tôi quyết chiến, quyết thắng.

Hội nghị tan. Các đồng chí ra về đúng lúc 12 giờ. Đến 13 giờ hơn vài phút gì đó chúng tôi đã nghe thấy tiếng vè vè của máy bay trực thăng. Đài quan sát trên cao báo cáo xuống cho biết là có hàng đàn trực thăng đang bay về phía La Hạp, lúc đông nhất, đếm được 36 chiếc. Bầu trời La Hạp lúc đó rung lên trong tiếng gầm rít của máy bay. Tầng trên là phản lực, tầng dưới là trực thăng. Tiếng kêu dai dẳng của trực thăng xen lẫn tiếng gầm thét như xé tai của phản lực, tạo thành một âm thanh nhức nhối. Nhưng dưới mặt đất anh em ta vẫn bình tĩnh chờ đợi.

Tôi gọi dây nói cho đồng chí phụ trách kho:

- A lô, S5 đâu? Như vậy là kẻ địch có thể đổ bộ bằng trực thăng xuống đánh khu kho. Mỗi bước xử trí, ta đã bàn bạc thống nhất với nhau rồi. Các đồng chí cứ thế mà làm. Cần kiểm tra lại xem việc sẵn sàng đánh quân đổ bộ trực thăng của các bộ phận ra sao? Chu đáo chưa, có gì chưa tốt thì bổ sung gấp.

Độ 8 giờ sáng nay, tôi đã điều về đây, tăng cường cho kho thêm một đại đội súng máy phòng không 12 ly 7. Anh em bắt đầu xuất quân, dời vị trí cũ ngay sau khi được lệnh, nên hiện đang trên đường đến S5. Đó là đại đội C4, đơn vị anh hùng đầu tiên trên tuyến. Đại đội đã lập nhiều chiến công xuất sắc ở ngoài cửa khẩu. Tôi rất tin tưởng ở đại đội này về khả năng sử dụng súng máy phòng không, bắn máy bay tầm thấp khá giỏi. Đánh đổ bộ trực thăng chắc cũng vậy thôi. Nhất định đại đội sẽ lập chiến công oanh liệt.

Tôi còn điều thêm về một đại đội bộ binh. Đơn vị này được điện gọi cùng lúc với đại đội 4, 12 ly 7, nhưng ở xa chưa thấy đến. Lại có thêm một trung đội công binh nữa, tôi cho hết về đây tham chiến. Việc đảm bảo giao thông, sau khi địch thua rút chạy xong, sẽ lo sau.

Lúc những chiếc trực thăng hình quả chuối của Mỹ bắt đầu mò đến chựng lại, thả thang thì anh em trong kho đã nhất loạt nổ súng. Anh em bắn máy bay trực thăng, bắn máy bay phản lực bay hộ tống trên cao, còn bắn cả những toán lính đổ bộ xuống đất.

Thấy lực lượng địch đổ bộ khá đông, tôi lệnh cho bộ phận trên trạm giao liên thu gọn các tổ chức lại. Rút bớt người sang các tổ đội, cắt thêm một trung đôi, chỉ định trung đội trưởng, trung đội phó, cán bộ tiểu đội, chạy xuống S5 chi viện cho lực lượng chiến đấu ở đây. Ngay đồng chí liên lạc của tôi, tôi cũng cho đi nốt. Rồi bảo anh em trong cơ quan:

- Các “cậu” cứ xuống dưới ấy, cùng anh em mà đánh giặc, lập công. Còn ở đây, tôi với anh Sum với súng tiểu liên và dăm quả lựu đạn, chúng tớ sẽ chiến đấu đến cùng.

Tôi đã bàn kỹ với anh Sum là: Người có thể hy sinh, thương vong lớn, nhưng không thể để địch chiếm hoặc phá được kho ta.

Suốt chiều hôm đó, chúng tôi quần nhau với địch trên không. Hầu như chưa chiếc trực thăng nào đổ quân được xuống đất ở vùng kho an toàn. Cứ dùng dằng địch thả thang chỗ này, bị ta bắn rát, chúng lại nhấc bổng máy bay, để cả cái thang lòng thòng chuyển sang chỗ khác, mãi vẫn không đổ bộ quân được, chúng lảng sang các mỏm đồi ở xa hơn, để cho phản lực ném bom, bắn rốc két, phá nát cả cánh rừng rồi mới trút xuống được mấy chuyến quân. Ta đánh trả thật mạnh mẽ. Chúng cũng nhảy xuống khu kho được một số.

Khoảng 3 giờ chiều, tôi đã nghe đạn cối cá nhân, đạn liên thanh AR 15. Còn cả tiếng cối 60, cối 82, B40, tiếng các loại đạn trung, tiểu liên của ta khắp nơi nổ dồn dập. Có lúc nghe "ục ục" như nồi cơm sôi. Xung quanh tôi, mảnh bom và các viên đạn cuối tầm rơi xuống còn khét khói và quay xèo xèo.

Đồng chí Sum không lúc nào rời các máy điện thoại. Đơn vị giao liên đã tập hợp xong, có cả đồng chí cần vụ của tôi. Các đồng chí đều thay quần áo.

Anh nào anh nấy mặc quân phục mới nhất, quần túm ống gọn gàng. Có vài đồng chí đã lớn tuổi, còn lại nói chung rất trẻ. Lính giao liên chuẩn bị ra trận chiến đầu đánh quân đổ bộ trực thăng, trông rất hào hùng. Tôi bước đến trước trung đội, một viên đạn xèo vèo rơi xuống trước mặt tôi, quay tít thò lò. Hàng ngũ có hơi xúc động. Đồng chí liên lạc của tôi từ trong hàng đầu chạy ra, úp vội cái mũ sắt lên đầu tôi nói:

- Thủ trưởng còn phải sống để chỉ huy chúng em!

- Đạn hết tầm rồi, chả sợ.

Và tôi lại chụp cái mũ lên đầu đồng chí ấy, nói với trung đội :

- Các đồng chí xuống vùng kho. Ở giữa dốc có cán bộ tác chiến đón các đồng chí. Tôi không đi với các đồng chí được Mỗi đồng chí cố diệt hộ phần tôi một thằng.

Và tôi hô:

- Bên phải quay! Đi đều bước! Chúc các đồng chí chiến thắng.

Các đồng chí nhanh nhẹn bước đi. Nửa giờ sau, đã nghe súng bộ đội ta nổ ran dưới chân dốc.

Đã có một số võng thương binh lên tới trạm trong đó có một giao liên. Đồng chí này bị cối cá nhân địch bắn gãy mất một cổ chân.

Khoảng 5 giờ chiều, máy bay địch tản đi đâu hết. Không khí yên ắng lạ thường. Tôi gọi dây nói cho đồng chí phụ trách kho.

- A lô, S5 đâu. Đồng chí từ dưới dốc đi lên, tôi từ trên này xuống, gặp nhau ở đâu, ta sẽ hội ý ở đấy. Đồng chí báo cáo rõ tình hình tôi nghe. Và sau đó ta bàn cách tiếp tục chiến đấu, quyết tâm bảo vệ kho.

Gọi điện xong, tôi cùng hai thiếu tá trợ lý tác chiến đi ngay. Từ dưới đồi lên là đồng chí thượng uý chỉ huy kho. (Sáng hôm sau anh hy sinh trong trận B52 oanh tạc xuống vùng kho).

Chúng tôi gặp nhau giữa dốc, ngồi trao đổi với nhau dưới một lùm cây khuất. Từ chỗ này hầu như quan sát được toàn bộ vùng kho S4. Qua trao đổi chúng tôi biết là tình hình khá gay go. Chúng đã đổ bộ xuống chừng một tiểu

đoàn, có cả thuỷ quân lục chiến Mỹ. Bộ phận nhảy xuống chủ yếu là Mỹ, còn một số ít là nguỵ. Bị ta đánh mạnh, đã rơi đến 5 máy bay trực thăng. Hiện nay có thể nó đã rút đi một số, còn khá nhiều chạy vào rừng.

Chúng chiếm một số điểm cao xung quanh vùng kho, đang tổ chức lại lực lượng. Ta đã cho những bộ phận đi sục sạo, còn đại bộ phận lực lượng ta đang củng cố lại vị trí chiến đấu. Mục tiêu của địch thì rõ ràng là tìm cách đánh vào, phá huỷ bằng được khu kho của ta, vì chúng biết toàn bộ khu kho này là để phục vụ cho những tập kích lớn của quân dân khu 5 trong một ngày gần đây sẽ giáng xuống đầu chúng những đòn sấm sét. Vào khoảng ba ngàn rưỡi, bốn ngàn tấn hàng chi viện chiến lược đang nằm trong khu kho này'

Sau khi nghe toàn bộ tình hình, tôi nói:

- Trận đầu thế là ta với thằng địch biết nhau rồi đó. Dự đoán nó có thể đánh căng hơn chút nữa, nhưng chắc chắn là ta giữ được. Các đồng chí tranh thủ phát thêm vũ khí cho anh em. Phải có nhiều đại liên và trung liên đại đội để bắn trực thăng. Đem mìn định hướng chặn, huy động mọi lực lượng ở trong kho ra đánh, nó không làm gì nổi ta đâu, ta cố bắt lấy một số tù binh.

Các đồng chí khác đều phát biểu ý kiến, không có thắc mắc gì vì mọi việc đều rõ ràng.

Đêm đó, chúng rải một đợt B52, 9 chiếc đánh đúng Sở chỉ huy cũ. Sau đó có vài tốp F4 bay qua, quăng bom theo toạ độ vào giữa khu kho. Như vậy là chúng tôi đã biết chắc, số địch đổ bộ xuống bố trí ở phía nào rồi. Vì hướng đó chúng không dám ném bom, bắn phá gì cả. Đêm đó chúng tôi không ngủ. Tôi và anh Sum ngồi trong hầm nghiên cứu bản đồ và bàn đối phó với âm mưu địch.

Sáng hôm sau, khoảng 5 giờ 30, lại một loạt B52 nữa. Ba chiếc rải ba loạt bom xuống, đúng vùng kho. Dây nói đứt. Tôi cử một đồng chí trung tá xuống xem xét tình hình. Một lúc sau, tôi được nghe báo cáo toàn bộ ban chỉ huy kho đã hy sinh. Tôi lặng người đi một chốc. Tôi ra lệnh:

- Đồng chí Úy, trung tá, thay các đồng chí đã hy sinh làm chỉ huy trưởng khu kho. Các đồng chí thông báo cho đơn vị biết, tôi sẽ cử hai đại uý đến làm

cấp phó cho đồng chí. Bí thư Đảng uỷ khu kho, do đồng chí kiêm nhiệm. Chú ý làm tốt công tác tử sĩ. Cán bộ tăng cường cho đồng chí sẽ lên đường sau 5 phút.

Tôi đưa máy nói cho anh Sum và ra điều động cán bộ xuống tăng cường cho kho.

Đúng 7 giờ, sau đó vài phút, đã nghe có tiếng phành phạch. Chỉ một loáng sau, bầu trời lại đầy trực thăng và không gian tràn tiếng rú của máy bay phản lực. Anh em ta lại bước vào một ngày nữa quần nhau với địch. Khoảng hai giờ sau, anh em ta bắn rơi một chiếc F4. Xác nó rơi ở xa, ngay cạnh đường trục vận chuyển.

Còn một chiếc H34 (trực thăng) bị bắn rụng như một quả chuối thối khổng lồ, rơi lăn kềnh ra ngay trong khu kho, xuống đất, chiếc cánh quạt còn dốc hết hơi tàn ra quay rè rè một chốc rồi mời è è đứng lại. Trong máy bay có khoảng hai chục thằng nguỵ Sài Gòn, mặt mũi non choẹt, nhớn nhác. Hai thằng Mỹ mặt đỏ gay râu tóc xồm xoàm ngồi trong buồng lái. Hai khẩu “côn" thu lu trong những cái bàn tay lông lá cứ gầm ghè bắn ra, nhưng không dám mở cửa kính ra, vì sợ ăn đạn. Chúng quát như say rượu. Bọn lính nguỵ sau khi máy bay dừng khựng lại, nhảy lóc cóc xuống. Thằng nào thằng nấy mắt trước mắt sau hốt hoảng vừa chạy vừa bò, lom khom tìm chỗ ẩn nấp quanh chân máy bay. Có một thằng bị các bánh xe kẹt ngang người, nằm vật vã trên mặt đất, giãy giụa la oai oái như con chó bị chọc tiết. Mấy thằng khác đang chạy lên, nằm sụp xuống, giơ cả tay súng lên trời. Chúng vấp phải một tràng súng máy réo qua tai, vài thằng ngã vật xuống giãy giụa, còn thằng nữa ẹp xuống vạt đất máy bay hạ cánh.

Đồng chí chỉ huy súng máy, nhảy ra khỏi công sự, quát to:

- Giơ tay hàng thì sống! Bỏ súng xuống!

Chúng nó vứt súng xuống đất loạch xoạch như vất những que củi mục, hai tay giơ lên trời như tế sao. Miệng há hốc, chân run lập cập.

- Chúng em... Xin hàng... Các anh tha cho.

Nhiều thằng chưa bị một viên đạn nào mặt đã trắng nhãn, như xác chết. Chúng đứng tại chỗ, ngay trước chiếc máy bay, chờ mình tới bắt làm tù binh,

không dám tiến lên một bước nào, cũng không dám quay đầu chạy vì sợ ăn đạn. Mình cho anh em bộ binh và pháo thủ ra tóm gọn cả lũ 18 thằng. Đây là toán tù binh đầu tiên. Chúng nó kêu la, van lạy "Các anh giải phóng, tha tội chết cho chúng em, chúng em bị động viên ép buộc". Ta cho trói dẫn chúng đi và ra lấy hết đầy đủ vũ khí chúng vất bỏ lại, toàn AR 15 và cối cá nhân.

Thật là vất vả với cái “của nợ" này, xô vào hầm nào chúng cũng chỉ sợ B52 quẳng trúng đầu. Cái giống lính ở đâu mà nhát như thỏ. Mình đành phải cho người áp giải chúng nó ra phía sau. Rắc rối quá! Đơn vị nào cũng bị thương vong không có người cầm súng đánh giặc, lại phải cắt cử người ra trông coi chúng nó.

Thằng nguỵ Sài Gòn bị kẹt dưới bánh xe cứ nằm nhắm mắt ở đấy, miệng kêu đã rát, chỉ còn ư ử như sắp chết.

Trong đội hình chiến đấu chống quân trực thăng đổ bộ của Mỹ nguỵ hôm đó lại xuất hiện con người mà xưa nay tôi từng cảm mến: Đào Lương.

Đào Lương tình nguyện tham gia kế hoạch này cho nên, đến lúc cuộc chiến đấu chống quân đổ bộ đường không diễn ra, anh vẫn cùng chiếc xe tải nằm lại trong vùng kho S5. Anh tham gia vào đội hình đánh máy bay như một chiến sĩ bộ binh thực sự.

Thấy tên nguy binh vật vã, la hét thảm khốc dưới bánh xe trực thăng Mỹ, Đào Lương đến dưới càng trực thăng lấy một chiếc xà beng để bẩy cái bánh xe máy bay ra, định cứu tên nguỵ đã kiệt sức kia. Hai tên giặc lái Mỹ, mặt đỏ như say rượu, nham hiểm nhoài người ra khỏi cửa kính buồng lái, nhằm đúng thân hình Lương đang cúi lom khom bậy bánh xe cứu tên lính nguy.

- Đoàng!

Tiếng súng từ tay tên Mỹ phát ra khô khốc. Tên Mỹ rụt đầu khỏi cửa kính, đóng sập cửa lại, mặt vừa lấm lét, vừa sợ hãi, loay hoay như con chim trong lồng bị lửa đốt, muốn bay ra, nhưng không bay ra nổi. Đào Lương bị trúng đạn vào lưng xuyên ra bụng, nằm vật ra một bên. Anh em xúm lại khiêng ra ngoài, đi cấp cứu. Hai tên Mỹ vẫn hầm hè cố thủ trong buồng lái trực thăng. Sự việc này được báo cáo kịp thời lên Bộ tư lệnh. Anh Sum gọi điện nói cho tôi. Tôi uất lắm, gọi đồng chí thiếu tá trực chiến hôm ấy, bảo:

- Đồng chí xuống đó xem tình hình ra sao. Gọi hàng bắt sống cho được hai tên giặc Mỹ này. Nếu nó vẫn ngoan cố tôi cho phép sử dụng một phát B40 nhè cho trúng, thiêu sống chúng luôn với cả chiếc máy bay trực thăng, không lôi thôi gì cả.

Các đồng chí xuống một lúc thì tôi nghe thấy tiếng nổ “rầm" của phát B40. Mà kể ra, cũng không có cách gì xử lý khác hơn được. Vì từ khi có chiếc trực thăng rơi xuống đây nó gọi máy bay phản lực F4 cứ bay quần đi quần lại xung quanh, đánh bom phá vung vãi khắp cả, rất là nguy hiểm. Sau khi phá huỷ xong chiếc trực thăng, phản lực Mỹ mất mục tiêu cũng hết đường bắn phá.

Còn đồng chí Lương, sau khi được khiêng về trạm xá, được các đồng chí quân y ở đây cứu chữa rất tận tình, tiếp máu mấy đợt mà vẫn hôn mê, mạch thoi thóp hơi thở có lúc như ngừng hẳn, huyết áp tụt xuống không vực lên được nữa. Vết thương vào vùng ruột khá nặng, đã cắt hai đoạn ruột, nhưng sau đó lại viêm phúc mạc, rất khó phương cứu chữa. Nhưng khi tỉnh, thì đồng chí vẫn tươi cười hỏi nhiều về cuộc chiến đấu, về chiếc trực thăng; nhất là về chiếc xe của đồng chí.

Tôi nghe tin Đào Lương như vậy, tôi thương lắm. Sáng hôm sau, chiến sự đã tạm yên tôi tranh thủ xuống trạm xá, đi thăm anh em một lượt rồi vào chỗ Đào Lương. Lúc đó mới khoảng năm giờ rưỡi sáng.

Tôi sờ vào trán Đào Lương, trán lạnh và ướt đẫm mồ hôi. Tôi hỏi đồng chí bác sĩ.

- Thế nào, đồng chí bác sĩ, còn tia hy vọng nào không? Đồng chí này anh dũng lắm đấy.

- Báo cáo thủ trưởng, bị viêm phúc mạc cấp tính khó cứu lắm.

- Tôi đề nghị các đồng chí quân y, bằng mọi cách cứu bằng được đồng chí đó.

Tôi quay sang phía đồng chí Lương, tôi gọi.

- Đào Lương, Đào Lương. Có biết tôi là ai không?

Lương mở khẽ hé đôi mắt nhìn tôi, gật đầu, nhếch mép. Tôi hỏi:

- Thế bây giờ Lương có muốn nhắn ai cái gì không?

Giọng yếu ớt như nói trong cổ họng, Đào Lương nói chậm rãi :

- Quê em ở Vĩnh Phú, cùng quê với anh hùng Nguyễn Viết Xuân. Nếu sau này, có ai về gần đấy, đề nghị thủ trưởng bảo cho mẹ em biết rằng em đã hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển cũng như trong chiến đấu.

Điều băn khoăn của Lương là Lương chưa biết sẽ lấy ai làm tiểu đội trưởng tiểu đội lá cờ đầu của anh. Tôi an ủi:

- Lương cứ yên tâm. Cấp cứu đây cho ổn rồi sẽ chuyển về hậu phương chữa, không lo lắng gì cả.

Tôi ngừng một lát rồi hỏi tiếp:

- Thế bây giờ Lương thấy còn vấn đề gì nữa không?

Anh ngập ngừng đáp:

- Xưa nay, tôi rất thích nghe hát chèo. Giá bây giờ có ai hát cho tôi nghe một bài!

Tôi quay ra hỏi đồng chí bác sĩ: ở đây còn có cô nào biết hát không đồng chí? Trước đây, tôi đã có một cuộc vơ vét, dồn hết chị em nữ ra phía sau. Nhưng không hiểu sao trong trạm xá này lại còn lọt lưới lại ba cô y tá. Có một cô tên là Nguyệt. Vì là nữ y tá không có người thay nên các cô ở lại. Trong trận B52 vừa qua, các cô này đã chiến đấu, phục vụ, cấp cứu người bị bom, đạn rất dũng cảm. Đồng chí bác sĩ gọi ba cô vào giới thiệu:

- Đây là đồng chí Nguyệt văn nghệ giỏi lắm. Bây giờ cô hát một bài cho đồng chí thương binh nghe nhé.

Cô Nguyệt và hai cô kia cất tiếng hát se sẽ "Bài ca hy vọng”.

“Từng đôi chim bay đi, tiếng ca rộn ràng

Cánh chim, xao xuyến gió mùa thu…”

Đào Lương lim dim đôi mắt nghe - Nghe xong anh nhếch mép cười, yếu ớt nói:

- Giá được nghe bài "Dương liễu một cành".

Tôi vẫn băn khoăn chưa hiểu sao có những chiến sĩ ta mê hát chèo như vậy. Tôi quay sang hỏi mấy cô y tá:

- Vậy ở đây có đồng chí nào biết hát bài "Dương liễu một cành" không?

Cả ba cô đều lắc đầu. Một lát sau cô Nguyệt ngượng ngùng đáp:

- Về dân ca, em chỉ biết có mỗi một bài "Ai xui là xui cây lúa chín" theo điệu gì, em cũng không biết nữa, nhưng mà em thích lắm.

- À điệu "Sắp qua cầu", thế thì hay lắm, hát đi.

Nguyệt bắt đầu cất tiếng hát, giọng dìu dịu, nghẹn ngào, chứng tỏ là cô đang xúc động.

"Ai xui là xui bông lúa chín

À lúa a nặng trĩu ỳ ý bông ý ỳ y y ỳ ỳ...

À lúa y bông, nặng trĩu, em mong anh về, a là về".

Đào Lương không nghe được hết bài hát, anh khẽ trở mình, rồi đôi mắt đờ đẫn, đôi tay quờ quạng anh thở hắt ra.

Các cô y tá bỏ hát, nhào lại bên giường lay mạnh:

- Anh Lương ? Anh Lương !

Người Đào Lương đã mềm nhũn, cánh tay để cạnh băng ca bỗng rơi xuống, tôi cầm tay đồng chí đặt lên, bàn tay anh lạnh ngắt, tôi nắm bàn chân đồng chí, bàn chân cũng lạnh ngắt, và màu da đã chuyển sang vàng. Đào Lương đã vĩnh biệt chúng ta như thế. Trong tiếng khóc sướt mướt của mọi người, chúng tôi giàn giụa nước mắt, lặng lẽ vĩnh biệt anh. Đào Lương quê ở Vĩnh Phú; là đảng viên dự bị. Tôi cứ nghĩ mãi về mấy dòng lý lịch quá đơn sơ ấy. Đến phút cuối cùng, điều băn khoăn duy nhất của anh là lo cho đơn vị, lo cho công việc mình đang làm dở.

Tôi sực nhớ ra một trường hợp khác giống như vậy. Hồi tôi đi ở đường 9, gặp một cái cáng cấp cứu thương binh đi qua. Tôi mở chăn đắp ra, thấy đồng chí đại đội trưởng kho mà tôi quen biết. Đồng chí ấy ngước mắt nhìn tôi, mấp máy đôi môi như muốn chào. Tôi hỏi: "Đồng chí có muốn nhắn lại gì không?". Đồng chí ấy chỉ thều thào nói:

- Đề nghị thủ trưởng cử đồng chí chính trị viên thay tôi làm trưởng kho. Còn đồng chí đại đội phó thì còn non yếu, chưa làm đại đội trưởng được. Đề nghị cấp trên bổ sung cho một đồng chí chính trị viên khác.

Cái chết của đồng chí đại đội trưởng kho cũng ung dung thư thái như cái chết của Đào Lương lúc này. Trước cái chết của các đồng chí ấy, mọi người, trong đó có tôi đều thấy mình lớn lên nhiều.

*
* *

Ngày thứ ba, địch tiếp tục hạ trực thăng xuống nhiều. Lực lượng của ta lúc đó có vẻ mệt mỏi. Tôi bàn với anh Sum, chủ trương vét tất cả lực lượng cuối cùng. Các khẩu 12 ly 7, chỉ để hai người, một người lắp đạn, một người bắn. Còn lại cầm súng trường, chuẩn bị đánh bọn biệt kích. Mấy đồng chí anh nuôi, tôi cũng cho đi đánh địch nết. Còn lại một tiểu đội bảo vệ chỉ huy sở, chúng tôi huy động lực lượng, đánh một ngày hôm đó nữa, khá ác liệt.

Ngày hôm trước, chúng vừa bị chúng ta choảng cho một mẻ, ta bắn rơi một số máy bay, chúng chết tại trận một số, một số bị bắt làm tù binh. Hôm sau lại bị xơi luôn mấy cái trực thăng nữa. Đến khoảng 2 giờ chiều ta đã bắt được hơn 100 tù binh. Đây là đám lính trực thăng đổ bộ xuống, anh em ta vây đánh, nó hoảng sợ bỏ chạy, rúc hết vào một cái khe đá. Anh em ta đến, bắt hết được ngay cả lũ

Kinh nghiệm, nếu tụi lính mà đã vứt súng bỏ chạy thì chẳng cần đuổi, mất công. Chúng tôi tập trung hoả lực vào mấy cái trực thăng, bắn rụng trực thăng, cháy trực thăng, tan xác trực thăng, thì chúng nó không làm gì được. Cứ thấy súng bắn tới tấp, mấy thằng xuống đất tan xác thì lũ trên trời chỉ có mà chuồn.

Khoảng hơn một tiếng sau, anh em ta lại xoay vào bao vây một chiếc trực thăng vừa đặt càng xuống đất. Chiếc này thật ra là trúng đạn và rơi. Máy bay bị bắn bốc cháy. Hai thằng Mỹ ở trong nhảy ra, anh em bắt được. Vậy là trong đám tù binh, nay lại có thêm hai vị "khách nước ngoài" thuộc quân đội "Huê kỳ", thuỷ quân lục chiến chính cống!

Ngày thứ ba kết thúc với thắng lợi giòn giã!

Chiều tôi cho các trận địa, các kho và đơn vị phối hợp củng cố lực lượng, rút kinh nghiệm các trận đánh ba ngày qua, nghỉ ngơi và sẵn sàng tiếp tục chiến đấu.

(Rút trong tập Đường Hồ Chí Minh)

Đại tá Nguyễn Việt Phương - ĐƯỜNG CỔNG TRỜI

Đến cuối tháng 11 năm 1970 thì âm mưu chiến lược của "Nhà trắng" bị lộ rõ. Vì sau khi. Mỹ xâm lăng Cămpuchia thất bại, thì cuộc chiến tranh giải phóng của ta và bạn càng lên mạnh. Nichxơn vội quyết định mở chiến dịch tấn công lên đường Hồ Chí Minh để hòng cứu vãn bọn nguỵ miền Nam. Nhưng kẻ địch vẫn giữ kín hướng tấn công chủ yếu. Máy bay địch tăng cường độ đánh gấp 2 - 3 lần vào các đường vượt khẩu bằng các thủ đoạn mới, rất khốc liệt.

Đường 20, kẻ địch bỏ khu vực Ta Lê, B52 tập trung đánh suốt ngày đêm vào dốc Chà Là. Cứ cách 1 giờ đến 1 giờ 45 phút chúng đánh một trận trên đoạn dốc kéo dài 7km. Cắt ở chỗ này thì tất cả mọi đường vòng tránh khu vực Ta Lê, Phu La Nhích trở nên vô nghĩa.

Đường 12, kẻ địch bỏ khu vực 050 sau khi đã có đường tránh mới. Nó tập trung B52 và phản lực đổ bom đạn xuống con đường chạy trong thung lũng Seng Phan. Hai đầu khoá bằng bom từ trường. Muốn đi tránh cái túi lửa, hai bên núi đá dựng đứng thì phải vòng xa trên 70km.

Đường 16 máy bay Mỹ cứ nhè vào khu vực ngã ba đường 9 - đường 16 mà đổ ào bom các loại.

Đường 18, đi trong lòng sông "M". Nó bắt đầu từ đoạn đường tránh chân đèo lên đỉnh ngàn linh một quặt sang phải, đi vào lòng ngọn rào rồi bắt sang lòng sông "M".

Hai đội khảo sát đã lặn lội mấy tháng vừa tìm hướng vừa khảo sát mới tìm được con đường đi từ lòng nhánh sông này bắt sang lòng nhánh sông khác, quanh queo luồn mạch dưới chân hệ thống núi đá vôi đi ngược mãi lên, hướng ra đường 9. Một trung đoàn công binh làm suốt cả mùa khô năm trước mới dọn được đá, phá thác làm thành mặt đường dưới dòng nước chảy sâm sấp. Con đường này hoàn toàn bịt được mắt địch. Nhưng do vụ cháy xăng trên dòng sông, kẻ địch bắt đầu chặn đánh một vài chỗ. Thời gian này nó cứ nhè vào đấy mà đổ bom đạn.

Như vậy là tất cả mọi trục, mọi hướng vượt khẩu đều bị địch đánh mạnh. Các binh trạm dồn dập báo cáo về Sở chỉ huy Bộ tư lệnh những thông tin không vui.

Ngày 05 tháng 12, B52 đánh đỉnh đèo Y đường 16, sụt 3 nghìn khối, tắc đường, bị thương 7 đồng chí. Cùng ngày, B52 đánh 8 trận vào dốc Chà Là, 4 đồng chí hy sinh, 8 bị thương.

Ngày 6 tháng 12, B52 đánh đường 18, tắc suốt đêm.

Địch đánh B52 vào đường 12 cháy 5 xe, hy sinh 4 đồng chí.

Ngày 7 tháng 12 ...

Tình hình thương vong, tổn thất xe máy, súng, pháo cứ tăng mãi lên. Tình hình vận chuyển các cửa khẩu rất căng thẳng.

Binh trạm 27 tắc 5 ngày, binh trạm 14 tắc 7 ngày chưa thông được một xe nào.

Binh trạm 12 đã tắc 9 ngày, các binh trạm khác đều không đi được. Binh trạm 12 tổ chức cho 1 trung đội xe đi đường tránh qua bản Đủ - bản Xiêng Đao - Khe Lét vòng trở lại đường 128, vượt qua Pắc Pha Năng. Nhưng 6, 7 ngày không gọn một chuyến, mà chẳng nắm được tình hình đơn vị.

Anh Long phó tư lệnh trực chỉ huy, cả đêm bám máy điện thoại gọi đi các hướng kiểm tra, gợi ý đôn đốc thực hiện. Nhưng đến buổi giao ban, nghe báo cáo, anh cứ như ngồi phải lửa, rít khe khẽ trong miệng:

- Chết thật! Làm thế thì sao được? Không chỉ huy thì vận chuyển gì? Chà chà...

Chiếc đầu tròn, tóc cắt ngắn bạc phếch của anh cứ day qua day lại, cất giọng chát chúa:

- Thông tin gì, tệ hại quá... cao xạ đánh chẳng ra quái gì. Thủ trưởng các cục phải đi xuống thôi, cần thiết phải nắm lấy mà chỉ huy...

Tôi chưa mấy khi thấy không khí buổi giao ban nặng nề đến thế. Sau cuộc họp, tôi về phòng làm việc. Nhìn vào bảng kế hoạch do các đồng chí trợ lý

đã lên những dãy số chỉ tiêu tiến độ mà ngại. Phải có biện pháp cụ thể thế nào chứ không thì...

Tôi chớp mắt. Không dám nghĩ nốt. Vì những hàng chữ số đó đây không phải do suy nghĩ giản đơn mà nó đã được thông qua bao nhiêu cuộc bàn cãi, cân đối giữa nhiều ngành, tham khảo ý kiến của đơn vị thực hiện, căn cứ vào khả năng thực tế nhất là dựa theo yêu cầu tối đa và tối thiểu của các mặt trận... Thế mà bây giờ gạch đi cắt xén bớt đi ư!

Hồi chuông điện thoại réo lên cắt ngang dòng suy nghĩ, tôi ngẩng đầu với tay cầm máy. Tiếng anh Mai Trung:

- Mời anh lên chỗ Bộ tư lệnh.

- Chuyện gì gấp thế? Ai hỏi?

- Tôi cũng chưa rõ. Anh Nguyên bảo gọi anh.

Tôi suy nghĩ một chút, rồi đứng lên đeo xà cột mang súng, đội mũ, chống gậy đi lên đồi chỗ đồng chí tư lệnh trưởng vừa ở vừa làm việc.

Đồng chí Đồng Sĩ Nguyên thấy tôi ăn mặc khác mọi ngày thì cười nói:

- Hôm nay cậu nai nịt cẩn thận thế!

- Báo cáo anh! Vào giờ này được lệnh gọi bất thường thì chỉ có đi công tác đột xuất.

Đồng chí Nguyên cười khe khẽ thành tiếng thật dễ chịu:

- Ừ! Thế đồng chí nghe nhiệm vụ rồi đi.

Đồng chí Nguyên nói lại chủ trương của thường vụ Đảng uỷ họp bất thường. Vẫn kiên trì quyết tâm thực hiện bằng được những chỉ tiêu không giảm yêu cầu, ngược lại vẫn chuẩn bị tư thế khi có thời cơ thì tăng lên. Kẻ địch hung hăng thế, nhưng do ta còn kẽ hở trong tổ chức chỉ huy. Khắc phục điểm đó sẽ thắng lợi.

Bộ tư lệnh chủ trương tăng cường chỉ huy trực tiếp cơ sở. Đường 20 là hướng chủ yếu, đồng chí Hoàng Thế Thiện phó chính uỷ trực tiếp đến kiểm tra chỉ đạo có cán bộ vận tải tác chiến công binh đi theo. Khu vực binh trạm 32, đồng chí Quang Bích phó tư lệnh trực tiếp chỉ đạo tác chiến ở đây. Binh

trạm 27, do đồng chí Phan Hữu Đại cục phó chính trị xuống trực tiếp làm binh trạm trưởng kiêm chính uỷ. Đường 12, cử tôi là cục phó vận chuyển đến đây giúp các đồng chí binh trạm gỡ khâu vận tải, đánh địch. Cần chọn ai đi cùng thì bàn với cơ quan.

Tôi ghi đầy đủ những điều phổ biến rồi ngẩng nhìn đồng chí tư lệnh.

- Đường 12 hiện nay ta đã giảm nó xuống hướng thứ yếu - Tôi ngừng lại một chút để chọn lời nói.

Chừng như nhận ra điều đó, đồng chí Nguyên cười nhẹ nhàng :

- Trước thế. Vận tải đường đó tới các chiến trường xa hơn trăm cây. Đồng chí cũng biết đấy, nó không kinh tế. Nhưng bây giờ phải cơ động các đơn vị vượt khẩu, ta phải khôi phục vị trí đường 12 thành một trong những hướng chủ yếu.

- Cái khó khăn phức tạp là ở chỗ ấy. Vì bước vào chiến đấu rồi mà thực lực của nó đã bị điều đi quá nửa, làm sao có thể đảm nhiệm được vai trò hướng chủ yếu!

- Ta làm chủ, khi cần lại tạo điều kiện cho nó được chứ.

Tôi lắng nghe những ý kiến của đồng chí Nguyên về yêu cầu cấp thiết khôi phục sự hoạt động của đường 12 đối với nhiệm vụ vận tải là có giá trị lớn về tác chiến trên mặt trận đường 9, lại vừa có tác dụng chia lửa cho đường 20 và hỗ trợ cho việc phát triển trục 129 nối với đường 32 ép địch ở hướng tây, thọc vào thủ phủ Saravan chi viện lớn cho cách mạng Lào. Binh trạm 12 cần phải tăng lực lượng mọi mặt, không phải bằng cũ mà hơn nhiều. Tổ chức lực lượng lớn vào lúc đang chiến đấu thì khó, nhưng làm được miễn là có gan, biết cách làm đúng...

Tôi thấy vấn đề sáng tỏ và nghĩ: "Như vậy trước đây có những ý kiến đòi bỏ hẳn đường 12 là sai. Mà giảm bớt nhiệm vụ của nó cũng vội vàng quá đấy". Đồng chí Nguyên phân tích mọi lẽ về nhiệm vụ rồi hỏi:

- Cậu đồng ý với mình chứ? Có cần đề nghị gì?

Thấy tôi không có ý kiến. Đồng chí gật gật nói:

- Cứ làm đi nhé. Còn gì nữa bàn sau. Mà cậu phải hợp đồng chặt với thông tin. Bảo anh Trọng, anh Quí đặt đường dây trực tiếp với Bộ tư lênh. Gọi điện trước cho cậu Thường vật tư chuẩn bị xe tốt. Đường qua Đá Đèo, Khe Kinh bây giờ xấu lắm. Nhớ mang thuốc dạ dày theo. Mai đi chứ!

- Vâng.

- Hai ngày nữa đồng chí đã ở Binh trạm 12 báo cáo về đây.

- Rõ

Tôi nhìn vào đôi mắt người tư lệnh để bắt lấy ánh mắt của tính cách làm việc cứ như nhảy vọt của ông. Đôi mắt đen dài vẫn nhấp nháy như cười, chẳng để lại gì cả mà chỉ xoá đi những nét già trên khuôn mặt hơi dài, nước da tai tái của ông vì trận ốm vừa qua. Ở trong ông cái chất hăng sôi nồi hoà với phong cách điềm tĩnh, lời nói ráo riết được xóa đi bởi tình người, khơi động người nghe say sưa hành động. Tôi đứng dậy, tuy vẫn còn có điều muốn đề nghị, nhưng cảm thấy như vậy cũng được, rồi mọi việc sẽ tốt lành cả.

Đồng chí Nguyên đưa tay tôi nắm lấy, ông rung mạnh.

- Vất vả đấy. Nhưng mình tin các cậu sẽ thắng lớn.

Chiều ấy tôi vội bàn giao công việc đang làm dở cho đồng chí khác và chuẩn bị mai đi sớm.

Binh trạm bộ 12 ở khu vực cổng trời. Sở chỉ huy nằm chân núi Cha Lo. Những chiếc nhà nửa chìm nửa nổi, trần bằng gỗ cây hoặc lồ ô xếp ba tầng, đủ sức đỡ mảnh đạn và bom bi. Sở chỉ huy nằm trên doi đất bồi pha sỏi, ép vào vách núi. Dòng suối Cha Lo như quấn lấy doi đất. Nước suối lúc nào cũng đầy ắp, trước kia trong xanh ngọt lịm, bây giờ thì đục ngầu khen khét mùi thuốc bom.

Đồng chí cảnh vệ dẫn tôi vào chỗ ban chỉ huy binh trạm. Chỉ có anh Cần chính uỷ, anh Trang phó chính uỷ, anh Cần binh trạm phó, còn anh Thành binh trạm trưởng lên Na Tông. Tôi đưa giấy của Bộ tư lệnh cho các đồng chí xem, rồi truyền đạt thật cặn kẽ chủ trương của Đảng uỷ Bộ tư lệnh 559, những ý chỉ đạo về biện pháp thực hiện của đồng chí Tư lệnh trưởng. Sau đó, tôi gọi điện thoại làm việc với đồng chí Thành, nhưng đường dây xấu quá, chỉ trao đổi bập bõm được vài câu thăm hỏi. Anh Thành nói đã nhận

được điện của anh Nguyên gửi ra từ tối hôm kia. Sáng hôm sau tôi đi đến chỗ đồng chí Thành ở chân trọng điểm Seng Phang.

Đoạn đường hơn hai mươi kilômét từ Mụ Giạ tới Na Tông. Mấy năm trước qua đoạn này như đi trong đường hầm. Cánh rừng xăng lẻ cổ thụ nối tiếp với rừng lim, gội và sến trải dài mênh mang, ôm lấy sườn dãy Giăng Màn. Các hòn Phu Chiêng, Phụ Noi lọt thỏm trong biển cây nguyên sinh đó. Rừng ở đây mùa nào cũng xanh tươi rậm rạp, vì nó không thuần một giống mà có nhiều chủng loại và có vô vàn giống dây leo: hướng dương, cây gai, song mây quấn quít nhau, bò chót vót lên tận ngọn cây cổ thụ, chúng xoè những phiến lá to như những chiếc tai voi để hứng ánh nắng. Chúng tạo thành khu rừng có bốn năm tầng lá làm nóc. Các đại đội xe đi lại nhận hàng ra, trả hàng vào và bộ đội hành quân lên phía trước cứ nườm nượp. Thế mà hôm nay như vùng đất mới khai hoang, chiếc xe con của chúng tôi thấy trống chếnh quá chừng và bỗng ngờm ngợp với màu đỏ lựng vẩn bụi đất và tro nóng đến ngột ngạt.

Đi hơn một giờ, chúng tôi đến chỗ đồng chí Thành đang ở đấy để chỉ huy các đơn vị tại trọng điểm. Chiếc hang này thấp, xe đưa chúng tôi đến tận cửa. Tôi quay đầu nhìn xung quanh, hầu hết cây ở đây đều bị đốt trụi do địch thả bom cháy, nhưng bây giờ đã bật nhiều mầm xanh ở những mảng da đen nhẻm. Trên nóc hang đã nhiều chỗ bị bom đào nham nhở, nay bắt đầu phủ rêu. Có lẽ địch bỏ quên cái hốc núi này qua một mùa mưa. Anh Khúc Trường Thành đón chúng tôi ở cửa hang. Sau vài câu thăm hỏi, anh nói luôn:

- Xin đề nghị chúng tôi nghe và xem tình hình tại thực địa.

- Hay đấy. Càng đỡ phải giở bản đồ. Anh chuẩn bị rồi đi

Thành cười giòn tan. Anh có giọng cười đến vui:

- Sẵn sàng. Đi ngay được đấy.

Tôi có cảm tình tốt ngay với phong cách vào việc rất tự nhiên giản dị của Thành. Tôi bàn với anh tổ chức bốn bộ phận gồm cán bộ chủ chốt các ngành đi hết các cơ sở nắm ngay các khâu: cầu đường, kho tàng, đơn vị vận tải và phòng không đánh địch. Riêng tôi với Thành sẽ đi tới các trọng điểm. Thành

nhất trí, họp ngay cán bộ thảo luận các nội dung cần nắm và phân công thực hiện gấp để kịp hội nghị.

Hôm sau Thành đưa tôi đến xem các khu vực tập kết cho vượt trọng điểm; xem các ngầm vượt nhánh Sê-Băng-Phai. Anh nói khá kỹ về quy luật nước lên xuống ở đây. Chúng tôi đi xong các phân đội ở đông Seng Phan mất hết buổi sáng. Mấy anh em chúng tôi dừng lại ăn lương khô ở trạm hộ tống ngầm N1. Anh Thành hỏi đồng chí công binh phụ trách trạm về tình hình địch.

- Mấy hôm nay thằng Ních hoạt động ở khúc này ra sao?

- Báo cáo thủ trưởng ! - Anh công binh day cái trán có vết sẹo mới lên da non chạy dài đến thái dương chỉ về phía con đường đá qua ngầm đi vào thung lũng Seng Phan: - Ba hôm nay cứ gà gáy lần thứ hai, thế là thằng phản lực bắt đầu rẹt - Anh đưa mạnh cánh tay kéo một vệt ngang mặt, từ đỉnh Phu Ác nhào tới. Thả bom đánh sầm. Thế là chiếc thứ hai bắt đầu rẹt tiếp. Thả rắc rắc ... bom vướng nổ bắt đầu

Thành hỏi cắt ngang:

- Bao nhiêu lâu nó lại đánh một trận?

Anh công binh xoay hẳn người về phía lèn đá trước mặt:

- Cứ bắt đầu 1 giờ hai mươi phút. Không hơn kém. Bắt đầu hai thằng phản lực...

Thành phì cười:

- Sao lại bắt đầu mãi? Từ sáng đến giờ nó đánh ở đây mấy trận rồi?

Anh công binh cũng cười thật dễ dãi:

- Dạ bắt đầu trận thứ 6 rồi.

Tôi đang ngửa cổ theo dõi sự hoạt động của chiếc OV 10 lượn vòng trên khúc đường phía trước, nghe anh công binh nói cũng bật cười, quay lại nhìn anh.

Anh có khuôn mặt thanh mảnh rất trẻ, nước da trắng mát, nếu không bị vết sẹo dài kia làm cho vầng trán răn rúm, thì anh có thể lẫn với đám thiếu niên. Đồng chí lái xe đứng bên cạnh tôi vừa cười vừa nói:

- Trước cậu ấy phụ lái xe húc trực chiến ở trọng điểm đấy thủ trưởng ạ!

- Đã lái được chưa?

- Nó đã kéo xe của bọn em bị sa lầy ở Pắc Pha Năng đấy

- Sao lại không ở xe húc nữa?

- Mùa mưa vừa rồi cậu ấy bị thương.

- Tên đồng chí ấy là gì nhỉ?

- Nguyễn Như Khuê. Người Vĩnh Phú đất tổ Hùng Vương đấy. Trông thế mà tinh thần lắm.

Tôi thấy cái tên quen quen đã nghe ai nhắc tới ở đâu rồi. Tôi ngắm kỹ khuôn mặt anh lính trẻ. Cái lúm đồng tiền trên má, đôi môi đỏ chót, nước da trắng của Khuê đang bị binh trạm trưởng truy hỏi tình hình, đỏ lựng. Nếu không có mảnh đất khét lẹt thuốc súng, ngày bỏng nắng, đêm gió buốt thì ít cô gái có nước da đẹp như thế.

Tôi bỗng nhớ ra, phải rồi! Đồng chí trợ lý cục chính trị đã báo cáo về những chiến sĩ quyết thắng. "Nguyễn Như Khuê nhập ngũ đúng vào ngày Bác Hồ mất. Năm ấy Khuê mười bảy tuổi già hai tháng. Bố mẹ Khuê đông con, nhưng chỉ mình Khuê là con trai, lại út ít nên được thương chiều lắm. Khuê đã học cấp 3 thế mà ngày tết độc lập anh vào bộ đội, bố sợ Khuê lạc, vẫn phải đi kèm.

Khuê có văn hoá, quân lực sắp xếp vào ngành kỹ thuật. Từ nhỏ Khuê chưa thấy cái tầu húc. Vào bộ đội, được học điều khiển nó anh cũng thích. Về đây, gặp ngay hồi địch đang đánh mạnh, Khuê ngại quá. Sao lúc nào cũng có nó? Khuê ló cổ ra khỏi hầm, thử ghé mắt nhìn lên thì góc trời nào cũng có nó. Khuê tụt vào hầm, cái tiếng phản lực cứ oằng oặc... oằng oặc xé mang tai. Khuê lùi sâu mãi vào tận góc đáy hầm, tiếng thằng hai thân lại o o... o o. ì ì ì. o o o. rền rĩ, dai dẳng như tiếng hú một cách dễ sợ

Khi được phân công ra mặt đường, mới nghe tiếng kẻng ở đài quan sát, Khuê đã chạy thật nhanh nhẩy phắt vào hầm. Được anh em trong tổ, nhất là đồng chí An tiểu đội trưởng, người đồng hương tận tình dìu dắt. An vừa làm vừa nhủ: "- Cứ trông tớ mà làm. Trước tớ cũng cáy lắm. Sau quen đi và cứ nghĩ mình sợ nó thì nó càng hung hăng, lo chạy trốn thì nó bắn càng dễ trúng”. Khuê cảm thấy đung đúng, qua thử thách anh dạn dần.

Một bận Khuê theo tiểu đội trưởng đi lĩnh thuốc nổ, giữa đường bị địch đánh. Khuê vọt đi, chui luôn vào hầm. Khi hoàn hồn không thấy tiểu đội trưởng đâu cả. Khuê bò ra, thấy An bị gãy chân không đi được nữa. Khuê vội ôm lấy tiểu đội trưởng, ghé vai dùng hết sức cõng An, vừa khóc sụt sịt. An nghe tiếng khóc mở mắt bảo: "Đừng khóc thằng địch nó nhòm thấy nó cười cho đấy...".

Rồi An bảo Khuê đặt mình xuống hố bom và chạy vào hang đi. Khuê khóc không chịu làm theo lời tiểu đội trưởng. Máy bay địch vẫn bắn rèn rẹt. Khuê cố sức luồn lách vượt qua được, đưa An vào chỗ trú ẩn. Máy bay địch phát hiện, nó lao như bổ thẳng vào mặt, luồng gió từ trên ập xuống tối mắt. Khuê liền xách súng, nhảy vọt ra khỏi chỗ nấp, chạy miết ra những hố bom ngã ba đường. Khuê nhảy xuống, vật ngửa ra thành hố bom, lên đạn, giương súng. Chiếc máy bay đã nhìn thấy cái bóng đổ dài trên nền đường cát trắng xoá nó sầm sập phóng tới, thả bom, rồi nhào xuống.

Khuê ù hết tai, tim đập phùn phụt, nhưng giọng nói của An bỗng rành rọt trong đầu "Mình sợ nó, nó càng hung hăng. Chạy trốn thì nó bắn càng dễ trúng..." Khuê hít hơi nén chặt lồng ngực, nghiến rằng nheo mắt ngắm thẳng nó. Lại mở mắt hồi hộp. Nó lao xuống kìa! Khuê nghiến chặt răng, không kịp nheo mắt, anh mở trừng trừng, nén thở xiết mạnh ngón tay trỏ.

Chiếc phản lực đang chúc xuống, trông gần như thẳng đứng. Bất ngờ một bó lửa dầy đặc, nối nhau ào ạt phùn phụt từ cái hố bom đỏ loét vọt thẳng lên, thằng giặc lái vội ngoặt mạnh sang bên. Một tiếng nổ khủng khiếp, chói sáng cả một vùng. Chiếc máy bay đã húc đầu vào ngọn núi, cùng lúc những loạt cao xạ của bộ đội phòng không bắn vãi lửa lên trời.

Sau trận đó, Khuê như đã khám phá điều bí ẩn. Đồng chí tiểu đội phó lên thay đồng chí An làm tiểu đội trưởng. Khuê được học lái xe húc, làm lái phụ.

Một số lần Khuê đã thay đồng chí lái chính ốm để hộ tống xe qua ngầm, Khuê bị thương trong trận cứu xe cứu hàng trên trọng điểm đầu mùa mưa...

Mẩu chuyện tân binh Nguyễn Như Khuê đại để như vậy tôi đã ghi trong sổ tay. Bây giờ trước con người thật việc thật, tôi chăm chú nhìn Khuê đang cuống quít trả lời Binh trạm trưởng. Tôi nẩy ra ý nghĩ vui vui: "Sẽ dành một buổi nào để nói chuyện với cậu lính trẻ này".

Da mặt của Khuê đã đỏ lựng vì binh trạm trưởng cứ hỏi lắm điều hắc búa quá...

- Này! Cậu có ghi tình hình địch hoạt động trên đường không đấy?

- Báo cáo! Bắt đầu tôi nhận nhiệm vụ thay đồng chí trạm trưởng hộ tống. Hôm qua bắt đầu tôi có ghi ạ!

- Ừ! Nhưng còn số liệu cũ chứ?

- Vâng! Tôi bắt đầu xem lại ạ!

Thành cười giòn tan.

- Này ông bạn trẻ! - Thành nhìn chằm chằm vào đôi mắt trong veo như trẻ thơ của Khuê - "Bắt đầu” từ đầu xem lại sổ đăng ký. Khi tôi quay về phải "bắt đầu” ngay bằng bản báo cáo rõ ràng số lần địch trinh sát, địch đã đánh phá ở đây trong 7 ngày qua. Rõ chưa?

Khuê vội dật chân đứng nghiêm.

- Rõ!

- Thế bây giờ tôi vượt ngầm được không? Có còn bom vướng dưới ngầm không?

- Báo cáo hết. Vì địch bắt đầu...

Thành giơ tay:

- Thế đủ rồi. Còn bao nhiêu phút địch sẽ đánh lại?

Khuê nghiêng đầu vào cửa hầm nhìn chiếc đồng hồ để bàn:

- Báo cáo bắt đầu 30 phút nữa, bắt đầu địch đánh trận thứ 7.

Thành gật mạnh.

- Được Tôi đi đây - Anh quay sang tôi: - Ta đi anh, 20 phút kịp đến T3, vào thăm trạm hộ tống và tổ thông tin 2 oát ở đấy

Đồng chí lái xe đã ngồi sau vành lái, khởi động máy. Chúng tôi rập cửa xe, giơ tay chào đồng chí Khuê. Chiếc xe liền chạy ấn xuống mép nước, đồng chí lái xe nhấn phanh, chiếc xe từ từ bám lấy mặt ngầm trơn trượt vì những cục đá đầu sư. Nước toé sang hai bên như vòi phun xe tưới đường .

Lên khỏi ngầm năm chục thước, chiếc xe dừng lại trước bốn tấm bảng sơn đen, ký hiệu trắng. Một tấm bảng to cao trội, vẽ mũi tên chỉ đường đi vòng tới trạm hộ tống. Một tấm bảng chỉ vào tổ cứu thương. Một tấm bảng ghi ký hiệu bom nổ chậm. Một tấm nữa - chắc mới cắm vội. Một cây le kẹp miếng giấy ghi chữ "bom vướng".

Đồng chí lái xe quặt theo đường có mũi tên. Con đường mới xan để tránh bom, vừa hẹp vừa lổn nhổn những tảng đá to bằng chiếc mũ, bốn bánh xe cứ nhảy cẫng, đá va vào gầm lục khục. Chúng tôi nắm chắc lấy thành xe mà chốc chốc lại tung người lên khỏi đệm. Tôi cố ghì chặt thành xe, nghiêng đầu ra cửa quan sát kỹ thế đất thế núi của đoạn đường qua trọng điểm.

Con sông Băng-Phai hứng lấy các dòng suối nhỏ rồi đổ vào thung lũng Seng Phan. Con đường 128 công binh mở bắt đầu từ cây số 50 đường 12, theo những bình độ thấp và kín. Khi nó vào thung lũng Seng Phan cũng phải uốn theo sườn núi đá dọc theo dòng sông. Ngồi trên xe nhìn về phía trước con đường như một tấm vải trắng nhờ nhờ hơi vòng vèo lên xuống chạy miết theo hướng Tây Nam. Bên cạnh nó, con sông là một đường xanh đen lúc nằm bên phải lúc ở bên trái.

Những chặng núi đá nhiều mỏm liên tiếp, chúng gần như bằng nhau về độ cao, tạo thành những bức tường đá đồ sộ, xếp thành lớp xa lớp gần ôm hai bên sườn con đường và dòng sông. Trước kia cây lớn mọc chen vào kẽ đá thành rừng, thung lũng Seng Phan quanh năm ẩm ướt. Nhưng bây giờ không mỏm núi nào là không có vết bom. Những bức thành đá kề đường trắng bóc nhiều mỏm bị lửa na pan nung mãi thành vôi.

Xe chạy 20 phút. Đồng chí lái xe đột ngột dừng lại nép bên vách đá, tắt máy nghiêng tai nghe. Anh vẫn ngửa mặt lên trời nói:

- Các thủ trưởng nghe xem?

Chúng tôi cũng nghiêng đầu. Trời im phắc. Những tiếng i i o o của OV 10 tắt hẳn. Cả những tiếng ràn rạt của phản lực bay xa cũng không có nữa. Thành giơ tay xem giờ, gật gật đầu.

- B52 sắp đến - Anh vỗ vỗ vào cửa xe - chạy nhanh tới.

Chiếc xe chồm lên giật ngửa chúng tôi về phía sau. Đoạn đường này ít đá cục, chiếc xe lao vùn vụt, cuốn bụi lên tận lưng chừng vách núi. Chúng tôi đến T3 độ bốn năm phút thì cả vùng trời Seng Phan bỗng nổi lên tiếng ù ù như tiếng xay lúa nặng chình chịch, mỗi lúc càng to dần như nén chặt không khí ép xuống ngay đỉnh đầu. Những chú chó con của tổ chốt vừa nãy nhảy quăng xuống đường ganh nhau sủa, chồm đến chân mọi người mà đánh hơi, chạy lăng xăng, vẫy đuôi rối rít, bây giờ rúc hết vào hang đá. Mọi âm thanh của rừng núi bỗng lặng đi, biến mất trong cái tiếng rù rù nặng chịch dữ tợn, đe doạ sự huỷ diệt.

Đột nhiên mắt chúng tôi nhoà đi. Trước mặt bật lên những làn chớp giật, núi rùng rùng, tai bỗng như bị nút chặt, bùng bùng trong nhĩ. Khói, bột đất đá bốc lên từng cuộn tới tấp, ngùn ngụt, đặc sệt, ánh chớp giần giật đổ dồn, cả trái núi T3 rùng mình. Những cột khói đất đá đen kịt lô nhô vọt lên. Thành vớ lấy máy điện thoại quay nhẹ tễnh. Anh đặt xuống nói gì đó. Không nghe, nhưng tôi đoán anh phàn nàn về việc mất liên lạc. Đồng chí trạm trưởng giơ tay ra hiệu và nói như gào vào tai chúng tôi:

- Nó sắp đánh đúng vào đây.

Tôi gật gật. Thành vẫy đồng chí thông tin vô tuyến bảo lên máy. Nhưng bỗng vô vàn ánh chớp chói lọi vụt loé. Chúng tôi vội thụp sâu xuống. Lần này luồng bão đất, đá mảnh bom ập vào cửa hang. Đất, khói, thốc sâu xuống tận đáy hoặc vào tận ngóc ngách kẽ hang. Đàn chó rít ăng ẳng, ư ử như bị chịt cổ cắt tiết. Mấy chiếc ca nhôm trên bàn bật xuống sàn đá. Mọi người chộp vội lấy sách vở. Từng luồng gió cứ giật phành phạch, xé tướp tấm bản

đồ khu vực đã ghìm chặt vào chiếc bàn gỗ đặt trong hang. Mồm người nào cũng lào xào cát.

Đợt bom thứ 3 vừa dứt, khói bụi chưa tan, trên trời đã vang lên tiếng o o i i đáng ghét. Thành đứng dậy hỏi như quát:

- Có ai việc gì không?

Đồng chí trạm trưởng chạy vào các ngách hang, kiểm tra mội lượt

- Báo cáo thủ trưởng an toàn cả.

Thành rút khăn lau mặt dính đầy đất rồi nói:

- Cắt người nối dây ngay đi. Vô tuyến lên máy bắt với các trạm. Cử người kiểm tra đường rồi đồng chí đến làm việc

Người trạm trưởng lại tất bật chạy đi. Tôi nhìn theo dáng người to ngang hơi nặng nề của anh công binh, chiếc sơ mi quân phục kiểu chiến sĩ, vải dầy cộp đã sờn hết các đường viền, cổ áo bắt đầu bợt tướp. Mông quần bạc phếch, nhấp nhổm theo bước chân tiến sâu vào các ngách hang.

- Dân Châu Quì, cùng huyện anh đấy - Thành cười nói với tôi: - Dáng người hơi cổ nhưng khá lắm anh ạ? Cậu ta tên là Nguynh - Thành cười giòn tan. Hoàng Văn Nguynh, cái tên mới khó gọi! Tôi cứ gọi Nghinh.

Tôi nhìn Thành gật gật. Tuy chưa rõ Nguynh khá thế nào, nhưng qua trận bom B52 đã cho tôi ấn tượng tốt về người cán bộ trạm hộ tống này. Bom nổ rầm rầm, Nguynh vẫn điềm tĩnh dọn giường, gấp chiếu phủ lên mấy chiếc ba lô, bê phích nước nhẹ nhàng giấu vào tận kẽ đá, nâng vội chiếc ảnh Bác Hồ cất vào ngăn bàn... Cậu ta làm rất nhanh nhưng không vội. Thành vui vẻ kể về Nguynh:

- Mùa mưa vừa rồi, trạm này đáng lẽ chỉ để ba người nhưng vì phải vận chuyển gạo cấp cứu cho bạn và mặt trận B, nên phải tăng thêm 8 người hộ tống. Ở đâu không rõ, chứ ở đây lúc đầu và cuối mùa mưa phải chống trơn lầy ác liệt lắm. Tụi tôi lo sốt vó thực hiện chỉ tiêu của đoàn. Quên tiệt mất việc bổ sung gạo thực phẩm cho tổ này. Khi lũ ập đến, tổ chốt giữa trọng điểm coi như là bị cô lập trong biển nước. Sóng cồn lên cứ như thác. Dây dợ thông tin mùa mưa thì anh biết đấy. Với lại cái dịp binh trạm 12 cơ động vào

binh trạm 34 đã đưa đi quá nửa khí tài vật tư thông tin rồi. Hướng cửa khẩu này tụt xuống hàng thứ yếu - Thành cười - Vô tuyến hết cả ác qui mới chết tắc chứ. Tụi tôi chẳng liên lạc được đều đặn với các trạm hộ tống...

Thành cúi xuống gầm bàn nhấc khay nhôm úp mấy chiếc ca. Tôi cầm phích nước lại, tráng ấm. Thành mở xắc lấy túi ni lông đựng chè ra pha. Đợi ngấm,

Thành nói tiếp:

- Nhưng cái ông Nghinh này cổ lắm - Đại đội một của D770 di chuyển sau cùng, bị bom đánh rồi bị nước, mắc kẹt ba xe gạo. Một lái xe hy sinh, một bị thương, một bị sốt ác tính. Các cậu ở đây phải lo hết. Chôn cất liệt sĩ, nuôi người bệnh rồi đưa về đội điều trị đưa xe vào chỗ an toàn. Ông Nghinh lái. Cậu ấy thì làm được nhiều việc lắm. Cả lái xe húc, xe phóng từ. Hễ thiếu người tạm phải có người thay lại gọi Nghinh - Chính vì vậy mà bọn tôi phải giữ dịt cậu ấy không cho đi dự lớp đào tạo trung đội trưởng.

Thành rót nước ra hai chiếc ca. Đẩy đến trước mặt tôi một ca, rồi nhấm nháp một ngụm

- Chè Thái đấy. Cậu Nghinh uống chè nhịn ăn được đấy.

Tôi sợ Thành lan man sang chuyện chè thuốc, khẽ cười và hỏi:

- Rồi sao nữa. Trạm hộ tống này làm ăn thế nào?

- Anh tính thế này Nghinh có cổ lỗ không. Ba xe gạo bị tắc lại. Tất nhiên xe nào cũng có phiếu xuất kèm theo. Nghinh huy động anh em khuân hết cả 12 tấn gạo lên hang tốt nhất. Dùng bạt, ni lông phủ kín, niêm phong kỹ cửa hang. Đến khi nước lũ về, Nghinh biết không còn cách liên lạc với binh trạm. Cậu ta họp anh em, trước tiên đổ gạo của trạm ra đong lại, chia cho sáu mươi lăm ngày lũ, thực sự không thể đi về binh trạm bằng bất cứ cách nào. Tính ra mỗi ngày tám người chỉ có ba lạng gạo nấu cháo.

Ở đây toàn núi đá, chẳng có củ mài, ngay củ nồng, củ dáy cũng không có. Anh em đề nghị tính tiêu chuẩn rồi vay số gạo kho để ăn, sau lĩnh về trả vào. Nghinh không chịu. Hôm đói quá anh em lại đề nghị, chỉ mượn một nửa tiêu chuẩn thôi. Nghinh gạt phắt: "Đã là của công, khi xuất phải có lệnh. Cứ tự do lấy được một, sẽ tặc lưỡi lấy thêm mười. Quân nhân cách mạng chết chẳng sợ, thì đói phải tự khắc phục".

Anh em ai cũng ngán. Nhưng không dám làm ẩu. Vì Nghinh rất nghiêm khắc và gương mẫu đối với tài sản chung. Song chủ yếu là cậu ấy có uy tín, anh em rất thương. Nghinh đã rình bắt dơi, bắt chuột, bắt ếch cá để ăn. Sông Băng Phai nhiều cá, nhưng mưa lũ, chỗ này chảy xiết lắm, chẳng kiếm được bao nhiêu. Rồi chuột, dơi cũng cạn dần đi. Anh em đói nôn nao, lả người đi, suất gạo cứ chia nhỏ mãi để cầm hơi bằng nước cháo mà sống.

Cuối mùa lũ, đại đội xe cho người tìm. Đến hang T3 thì cả tám anh em gầy tóp, mắt trũng sâu đen thẫm lại, môi nhợt nhạt, có đồng chí phù khắp người. Trong ống pháo sáng của anh em chỉ còn miệng bát gạo đã mốc. May mà không ai việc gì

Thành cười:

- Anh xem chất đạo đức cậu ấy có cổ không.

Nguynh chạy ùa vào, bùn bết lên tận cổ giầy vải, hai ống quần xắn quá gối, anh nói thông một mạch qua hơi thở gấp:

- Báo cáo thủ trưởng? Anh em đang kiểm tra đường. Tôi đảo xuống một đoạn trước hang mà đã 7 quả trúng. Nước sông oặc vào lầy ghê gớm. Đề nghị cho tôi ra khôi phục đường. Tôi chẳng phải chuẩn bị, làm xong đường, thủ trưởng hỏi gì tôi báo cáo nấy.

Nguynh ngừng lại, lo lắng nhìn binh trạm trưởng không nói gì, cứ xếp sổ sách vào xắc cốt. Tôi thấy vậy liền nói với Thành:

- Nắm tình hình sau cũng được anh ạ. Bây giờ chúng mình xuống đường xem B52 đạt hiệu quả thực tế ra sao.

Thành gật đầu, Nguynh cười rộng miệng không thành tiếng, không kịp chào, ngoặt nhanh ra cửa hang, quơ choòng cuốc. Tôi nhìn theo cái mông quần bạc phếch cứ nẩy lên, hai bậc một lao xuống đường.

Chiều và cả đêm hôm đó chúng tôi đi vào tận Ka Vát, đầu mút của binh trạm 12 rồi lại quay về theo đường tránh, vòng phía Tây Bắc lớp núi đá thung lũng Seng Phan. Con đường này hẹp, dốc, loại xe lớn một cầu qua không được nên đã lâu không sử dụng nay lại càng khó đi. Một tiểu đội công binh hộ tống, chúng tôi mới qua nổi. Về đến Na Tông trời dã sáng rõ. Chiếc phản lực trinh sát đang sèn sẹt từ T1 đến T3 dọc thung lũng Seng Phan.

Đồng chí trực ban đón chúng tôi ở cửa, cười cởi mở.

- Các thủ trưởng làm bọn tôi theo dõi căng quá. Hôm qua 7 trận 21 đợt B52 đánh T1 và T3.

Chúng tôi bắt tay đồng chí trực ban. Thành rút bao thuốc

- Cám ơn cậu đã bám kỹ, thông báo các trạm hộ tống chu đáo - Anh quay sang nhìn tôi cười giòn tan: - Sức anh cũng khá đấy. Đi dài, đường ê ẩm thế mà vẫn tỉnh.

Tôi cũng cười, chỉ bàn bóng kê ở cửa hang:

- Còn đủ ca-lo tiếp anh 3 hiệp đấy.

*
* *

Ngày 3 tháng 12 - 1970.

Cuộc họp Đảng uỷ Binh trạm mở rộng đủ các thành phần tác chiến, vận tải, công binh tập trung vào nội dung tìm biện pháp thực hiện bằng được nhiệm vụ vận tải chi viện: Tổ chức lại tuyến vận chuyển của binh trạm, chia thành 2 cung tiếp sức nhau: Cổng Trời - Đồi Xăng Lẻ - Ka Vát lấy đường 128 vượt qua Seng Phan làm trục tiến quân chủ yếu, đường 12 đi vòng khe Lét, dùng làm trục nghi binh; đặt Sở chỉ huy cơ bản lên Nà Tổng còn chỉ huy sở hậu phương đặt ở Cổng Trời tổ chức tiếp nhận hàng hậu phương, xuất lên chiến trường; tổ chức việc chỉ huy đốc chiến, đánh máy bay địch; mở thêm đường tránh; tổ chức lại các phân đội công binh của tiểu đoàn 2 khôi phục đường luôn luôn thông suốt; tổ chức lực lượng tiểu đoàn xe cho cân đối hoạt động trên 2 cung tiếp sức cho nhau; củng cố khu kho cơ bản; khôi phục màng lưới thông tin hữu tuyến đến từng phân đội...

Chúng tôi được duyệt phương án hoạt động này. Đồng chí Nguyên chỉ thị: "Sau năm ngày thử nghiệm, phải đi vào quỹ đạo”. Sau cuộc hội nghị này, cơ quan binh trạm tổ chức các bộ phận gọn nhẹ, có chất lượng công tác tốt, rầm rập đến vị trí chỉ huy sát trọng điểm.

Khúc Trường Thành vốn làm nghề kiến trúc, nhưng khi có chiến tranh lại đi vào nghề vận chuyển, nên khi bàn đến công việc xây dựng này anh rất hào hứng. Thành cười giòn tan, nói sôi nổi: "Đây là một công trình, là nghệ thuật

kiến trúc, một thế trận vận tải chiến đấu hợp đồng dưới hoả lực dày đặc của địch". Anh đốc thúc mọi công việc thật khẩn trương .

Ngày 6 - 12. Chúng tôi hồi hộp nhận làn sóng vô tuyến điện thoại từ chốt chỉ huy đốc chiến do anh Kình trực tiếp báo về:

"Chiếc xe thứ sáu mươi lăm đã giao cho binh trạm 31".

Tiếng cười của mọi người như bật ra từ lồng ngực chứ không phải từ thanh quản. Giọng cười của Thành to vui nhất. Con số đó có gì lớn dâu. Song đã mười lăm ngày không một chuyến xe nào tới đích trọn vẹn cả.

Đêm hôm đó, Bộ tư lệnh đoàn điện xuống biểu dương binh trạm 12 đã vào quỹ đạo đúng hẹn, đồng thời thông báo dự kiến kế hoạch nhận chỉ tiêu nhiệm vụ mới tăng lên.

Ban chính trị liền tranh thủ viết nội dung bức điện thành tài liệu gửi xuống từng trung đội, đến tận các chốt trên trọng điểm. Đề ra các hình thức thi đua thích hợp, thông báo các hình thức khen thưởng động viên khí thế trong các lực lượng trên tuyến quyết tâm phấn đấu giành thắng lợi lớn.

Anh em bộ đội chiến đấu thật xứng đáng là đơn vị giữ một cửa ngõ chủ yếu về miền Nam. Suốt cả tháng hầu như không ngày nào địch để yên. Không quân Mỹ đánh tăng hơn những tháng trước chín mươi lăm trận, hơn 600 lần chiếc B52. Nhưng các trạm vẫn kiên quyết trụ bám trục vận chuyển 128. Tập trung sức chống địch, khôi phục trọng điểm, tổ chức việc chỉ huy vượt mọi hoạt động ngăn chặn của địch.

Tháng kết thúc một năm cũ. Chúng tôi nhận được thông báo của cục vận chuyển "Binh trạm 12 vượt kế hoạch 125%" Bộ tư lệnh tặng cờ luân lưu "Đơn vị khá nhất" cho binh trạm.

*
* *

Tốp xe cuối cùng vượt khu N3, tôi và Thành ở trạm hộ tống mới về Sở chỉ huy.

Tháng giáp Tết, ban đêm ở thung lũng đá, sương mờ mịt, đặc như cháo loãng, những ngón tay cầm gậy cứng đờ, mũi và tai tê dại. Chúng tôi về tới hang Nà Tổng đã hai giờ sáng.

Thành nói với tôi:

- Ông về buồng pha nước bỏ lương khô ra, tôi sang trực ban nắm tình hình rồi về vừa ăn vừa bàn việc.

Tôi gật đầu. Nhưng vừa mới nhóm được lửa đặt siêu nước thì Thành đã gọi điện thoại về:

- Tư lệnh trưởng gọi anh làm việc. Năm phút nữa bắt đầu

- Nói bằng phương tiện gì?

- Trưởng phòng thông tin báo phải chuẩn bị mật ngữ và toạ độ mật.

Tôi sang máy. Nghe tiếng nói thanh thanh từ đầu dây bên kia, tôi hỏi:

- Anh Quí hả? Đường tải ba trực tuyến đấy chứ?

- Vâng! Mời anh làm việc với tư lệnh.

- Máy nào.

- Gọi không một.

Hôm nay anh Đồng Sĩ Nguyên không hỏi tình hình như mọi khi. Vừa nghe tiếng tôi, anh liền nói:

- Đồng chí ghi cẩn thận. Không có điện nữa đâu. Sẽ gửi chỉ thị bằng văn bản ra, nhưng chậm đấy. Phải làm ngay theo nội dung nói hôm nay mới kịp.

Tuy chất giọng miền Trung của anh vẫn trầm tĩnh nhưng tôi đã cảm thấy mức quan trọng và khẩn trương của công việc sắp tới. Tôi nghiêng đầu nhìn Thành khẽ gật đầu ra hiệu đưa chiếc đèn bão lại gần, rồi cầm bút ghi theo lời đồng chí tư lệnh.

Qua lời nói đồng chí Nguyên chúng tôi thấy rõ là các nguồn tin tình báo và trinh sát của ta đã cung cấp khá chính xác. Quân uỷ trung ương quyết đoán âm mưu giặc Mỹ sắp tấn công lên đường Hồ Chí Minh. Điểm chủ yếu là đường 9. Hướng tấn công chính sẽ từ biên giới phía Đông lên, hướng phối hợp từ phía Tây thọc xuống. Lực lượng chủ yếu là các sư đoàn tinh nhuệ của nguỵ Sài Gòn, gồm cả một phần lực lượng dự bị. Chúng được hoả lực Mỹ yểm trợ tới mức cao nhất.

Đồng chí Nguyên cũng thông báo cho biết những diễn biến chiến sự ở chiến trường Trị Thiên có liên quan chặt chẽ đến nhiệm vụ của đoàn 559.

Đồng chí Nguyên giao nhiệm vụ cho binh trạm phải đặc biệt đảm bảo cho các trung đoàn pháo, tăng, vượt trọng điểm an toàn vào vị trí tập kết nam đường 9. Đối với nhiệm vụ chi viện phải thực hiện được khối lượng gấp hai lần rưỡi tháng trước. Bộ tư lệnh quyết định tổ chức gấp một tiểu đoàn xe nữa, lấy phiên hiệu D 65. Bộ tham mưu đã có kế hoạch bổ sung lực lượng cho binh trạm đủ 100 xe tải lớn bổ sung lái và thợ. Điều một tiểu đoàn công binh tăng cường khả năng chống phá hoại. Phối thuộc một trung đoàn cao xạ cho binh trạm...

Tiếng nói bỗng bặt hẳn. Tôi quay máy nhẹ hẵng. Tôi vội vẫy gọi đồng chí trợ lý thông tin bảo kiểm tra. Chợt lại có tiếng gọi nhỏ. Tôi áp chặt tai, mở to mắt, cố tập trung để nghe mới nhận ra tiếng của Quí. Tôi nói to:

- Nhỏ quá vậy làm việc sao được.

Tiếng Quí ở đầu dây bên kia:

- Đường tải ba trực tuyến bị địch đánh đứt một đoạn dài, đang chữa. Phải dùng đường vu hồi qua bê-tê-ba-mốt.

- Thế thì phải bảo các máy ngừng làm việc - Tôi nói như hét.

- Vâng. Năm phút nữa có thể tiếp tục.

Tôi nhắc đối với trợ lý thông tin:

- Anh truyền lệnh cho các máy, các tổng đài khu vực không cho máy nào nói trên đường tải ba.

Mất đến mười phút tiếng anh Nguyên mới lại vang lên. Một chặp sau lại bặt đi lần này khá lâu. Hơn nửa giờ đài canh mới gọi làm việc. Tôi cầm ống nói:

- Bê tê mười hai đây. Không một đâu?

- Tôi đây, Quí đây. Anh có nghe rõ không? (tiếng nói gọn mà to quá). Anh Phương đâu? Anh chuẩn bị bản ký hiệu mật ngữ nhé.

- Sao vậy? - Tôi hỏi lại .

- Đường vu hồi cũng bị đánh rồi. Phải tạm dùng phương tiện tiếp sức.

Do phải sử dụng ký hiệu, mật ngữ đàm thoại trên máy tiếp sức nên mất khá nhiều thì giờ mới nắm bắt được đầy đủ nội dung đồng chí tư lệnh giao.

Thế là chúng tôi bỏ cả ấm chè ở buồng ngủ, ngồi luôn tại phòng trực ban để bàn cách thực hiện. Sau khi phác ra phương án kế hoạch tổ chức lực lượng, tổ chức các khu bàn đạp, bố trí các chốt chỉ huy v.v... chúng tôi triệu tập ngay các ban nghiệp vụ và cơ quan tham mưu giao các nội dung chuẩn bị cụ thể, tính toán cân đối các khâu để Đảng uỷ Binh trạm xét duyệt. Đến khi ngoài cửa hang đã hửng sáng, mọi việc mới xong. Tôi vươn vai, các khớp xương kêu răng rắc. Thành gọi điện thoại về hậu cứ, thông báo sơ bộ tình hình nhiệm vụ mới và đề nghị anh Cần triệu tập ngay hội nghị Đảng uỷ.

Chúng tôi không chờ ăn sáng, ra xe tranh thủ trời còn sương mù phóng nhanh về Cổng Trời.

Tháng 1 - 1971

Tướng A Brams mở chiến dịch Dewey Cangon II, tiến lên Khe Sanh.

Ngày 30- 1 - 1971. Đế quốc Mỹ dùng 3 tiểu đoàn đổ bộ đường không chiếm lại căn cứ Khe Sanh. Chúng tôi hối hả sửa chữa lại đường băng và đưa lực lượng đến đóng chốt ở làng Vây, lập căn cứ hoả lực hướng về thung lũng A Sầu.

Cùng thời gian 30.000 quân nguỵ tập trung ở căn cứ Đông Hà.

Ngày 3 tháng 2 - 1971 Bộ quốc phòng Mỹ cho chiếu bộ phim hoạt động của một chiếc AC119 trên đường Hồ Chí Minh. Cuộn phim diễn tả một nhân viên đang điều khiển một ca mê ra LLTV, nhằm tuyên truyền sức mạnh không quân Mỹ được sử dụng.

Cuối tháng 1 - 1971 Ních Xơn đã điều trần trước quốc hội Mỹ, gây sức ép thừa nhận tính chất hợp lý của cuộc hành quân răn đe trên đường 9. Như vậy là kẻ địch thật sự mở rộng cuộc tấn công xâm lăng Lào, phá hoại đường Hồ Chí Minh của ta.

Binh trạm 12 được lệnh tập trung ngay hai đại đội súng máy 12 ly 7 đưa gấp vào đường 9, tham gia đánh gục chiến thuật trực thăng vận của Mỹ Nguy.

Đồng chí binh trạm phó tác chiến mất một ngày hối hả tổ chức trang bị biên chế đầy đủ rồi dùng tám xe tải chở ngay vào phía trong.

Tuy chúng tôi hụt mất những tay súng thiện xạ ở khu vực mình, nhưng thật hào hứng. Cái tin đơn vị súng máy được đi đánh máy bay đổ bộ của địch làm nức lòng các binh chủng. Từng phân đội chủ động đề ra những chỉ tiêu năng suất tiên tiến và đã đạt xuất sắc.

Tiểu đoàn 770 đạt 135% chỉ tiêu vận chuyển trong ngày. Tiểu đoàn 65 tuy mới tổ chức, cũng đạt 110% kế hoạch. Các trận địa cao xạ hạ quyết tâm đánh địch giảm tỷ lệ bom trong đường xuống còn một phần nghìn.

Nhân dịp Tết, toàn thể bộ đội Trường Sơn được nhận lẵng hoa Bác Tôn. Hôm đó, trước khi xuất kích, binh trạm tổ chức đọc thư của Chủ tịch nước và thông báo quyết định khen thưởng của Bộ tư lệnh 559.

Có lẽ đây là lần đầu tiên trong mùa vận chuyển năm nay có cuộc họp mặt đông đủ các đồng chí có thành tích xuất sắc trong không khí thật sự hào hứng. Đồng chí trợ lý thi đua đĩnh đạc công bố tóm tắt thành tích từng đồng chí:

- Hạ sĩ Nguyễn Văn Lắm lái xe, vượt trọng điểm Seng Phan hai lần bị thương vẫn không rời vị trí chiến đấu, cứu được xe đồng đội. Trận chiến đấu ở Pắc Pha Năng đã cõng đồng chí vào chỗ an toàn, rồi một mình một súng bắn lại máy bay địch.

- Hạ sĩ Ngô Thị Liên chiến sĩ kho "E-rờ-bê" dũng cảm xông vào kho đạn đã bốc cháy dập lửa cứu được 300 tấn vũ khí. Tuy chân bị bỏng rộp vẫn chiến đấu đến khi kết thúc nhiệm vụ.

- Thượng sĩ Hoàng Văn Nguynh, 280 ngày đêm liên tục…

Mấy hôm trước tôi đã nghe cơ quan báo cáo thành tích của những anh em ấy đầy đủ hơn nhiều, thế mà hôm nay khi nghe tóm tắt thành tích của mỗi người, nhìn khuôn mặt trẻ măng, rám nắng của anh chị em ửng lên, tôi lại xúc động, cảm phục tinh thần chiến đấu và sức chịu đựng kỳ lạ của họ.

Sau phần biểu dương thành tích đến phần phổ biến nhiệm vụ cho từng đơn vị.

Đang họp thì đồng chí trực ban vào báo cáo có đoàn cán bộ của Bộ tư lệnh pháo binh trạm 25 lên làm việc. Tôi đứng dậy đi về phòng giao ban. Anh Phan Hạo cùng mấy đồng chí cán bộ đã đến ngay trước cửa.

- Xin chào các nhà quản tượng ! - Tôi nói vui, đón anh Phan Hạo và các anh cùng đi.

- Ha, ha ha... - Anh Hạo cười rộng miệng, giơ cả hai tay về phía chúng tôi - Đàn voi sắt sẽ làm phiền các anh đấy

Tôi nhìn khuôn mặt vuông, nâu bóng của Phan Hạo khá cân xứng với khổ người vạm vỡ, chắc nịch. So với lớp cán bộ từ hồi Cách mạng tháng 8 anh vượt xa họ về thể lực. Tôi nắm bàn tay to bè của anh rung mạnh, nói ngay:

- Tư lệnh Đồng Sĩ Nguyên điện xuống đây rồi!

- Hay quá ? - Phan Hạo nói như reo - Thế thì khỏi nói mục đích ý nghĩa. Bàn cụ thể cách làm thôi.

Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn dài. Đồng chí tham mưu binh trạm mở tấm bản đồ khu vực, giới thiệu với đoàn cán bộ pháo binh địa hình từng trục đường và quy luật đánh phá của địch.

Anh Hạo nghe xong, sẽ ngúc ngắc hai vai, đầu hơi cúi, cầm chiếc bút chì xanh đỏ gõ nhè nhẹ vào những điểm đánh dấu trên bản đồ. Chặp lâu anh ngửng lên:

- Trọng lượng và chiều dài của loại voi này...

Tôi gật

- Chúng tôi đã nắm đầy đủ.

- Vậy cua và dốc này có đảm bảo không?

- Dốc thì được, cua thì hẹp. Chúng tôi đang cho mở rộng cố gắng có bán kính đường vòng 18 mét, trở lên.

- Phương thức vượt thế nào?

- Xen giữa hai trận đánh, cho hành quân từng đại đội. Vượt trọng điểm phải từng chiếc.

- Pháo hành quân cùng đường với bộ đội xe à?

Tôi lắc đầu :

- Theo phương án chia hai cung. Khi các anh ở cung ngoài, xe vận chuyển tạm dừng, chỉ hoạt động cung trong và ngược lại.

Hạo gật gật:

- Tốt quá. Đề nghị các anh hộ tống.

- Chúng tôi chuẩn bị rồi. Trung đoàn cao xạ đã vào trận địa nhưng phải có cán bộ pháo tham gia hộ tống.

- Việc chỉ huy voi vào tuyến...

- Binh trạm chúng tôi chịu trách nhiệm phát lệnh và chỉ huy hành quân hết giới tuyến chiến đấu của mình.

- Yêu cầu các anh giúp đỡ cho việc đảm bảo kỹ thuật và nhiên liệu.

- Trước khi hành quân chúng tôi sẽ nạp đủ cơ số chất đốt hai tổ thợ đã được phái tới khu tập kết.

Anh Hạo bỏ bút xuống bàn, hai tay xoè rộng xoa xoa vào nhau cười hà hà.

- Yên trí rồi! Ngày nào, bắt đầu?

- Ngày N vào khu tập kết. N cộng bắt đầu hành quân, nhưng phải đợi tín hiệu giờ G.

Anh Hạo đứng bật dậy, giơ thẳng tay ra trước mặt. Tôi nắm lấy. Anh rung mạnh:

- Xin cảm ơn sự chu đáo của các anh. Chúng tôi về chuẩn bị.

*
* *

Những chiếc ATS nối đuôi nhau, chúng guồng hai vòng xích roàm roạp kéo theo sau những khối thép to đùng dài thượt, phủ bạt kín mít, lại còn nguỵ trang bằng cành lá khiến trông nó thêm vẻ nặng nề cồng kềnh. Chốc chốc chúng nhảy cẫng lên vì vấp phải đá và phát ra tiếng ken két từ những vòng bánh xích.

- A... a... Voi mày ơi!

- Hà... hà... phen này tụi "vua" chiến trường của Mỹ toi mạng.

Những chiếc mũ sắt lô nhô dọc đường. Những khuôn mặt ngấc lên nghiêng nghé náo nức. Họ đang tiếp tục gia cố nền đường và sửa gấp những chỗ xe pháo đi qua gây sụt lở

Đoàn pháo lên lưng chừng dốc thì có súng báo động. Một loạt bom đổ ập xuống. Trong đêm tối đặc sệt đất bột quyện khói xộc lên ngột ngạt.

Những chớp lửa đỏ dọc, xanh lét nối tiếp nhau ngoằng ngoằng. Tiếng nổ ùng ục như nằm sâu trong lòng đất dâng lên, oà ra thành bão xô đẩy những vách núi bao quanh.

Bỗng tiếng thét giật lên " Voi trụi! Vo... oi...". Hàng chục bóng người cao lớn vác cây, đá lao tới.

- Chèn. Chèn bánh mau!

- Cáp đâu!

Bóng người chạy đi chạy lại. Tiếng hò dô tiếng thở phì phò, hự hự ráng hết gân sức. Khẩu Đ74 dài thượt, to kềnh nghiêng nghiêng xệ xuống mép vực. Chiếc xe xích đang cố ghìm nhưng cơ hồ vẫn bị khẩu pháo kéo giần giật.

Cả đại đội 3 được huy động đến. Ván, gỗ, đá chuyển tới tấp chèn vào bánh xe. Khẩu pháo vẫn trụt. Chiếc A.T.S, gầm lên dữ dội. Cả xe pháo cùng trụt xuống xềnh xệch. Chiếc húc C 100 hối hả bò tới, hếch lưỡi gạt đỡ ngang thân pháo. Nó rồ máy cố sức đẩy.

Trên trời máy bay giặc Mỹ càng lồng lộn gào rít. Bỗng "phựt, phựt", pháo sáng bật lên dãy đèn hàng ngàn nến giăng trên đỉnh dầu. Mọi vật trong bóng đêm đen kịt đột nhiên như mới dựng cả dậy, đung đưa. Hàng cọc tiêu bên đường nhỏ gọn thế mà lúc này bóng nó dài nghêu, kềnh kệch. Khẩu pháo, xe xích, máy ủi như những trái núi đứng lù lù trên mặt đường đỏ rực. Mọi hoạt động đã ngừng ngay tại chỗ, nhưng cái bóng của xe, của người vẫn nhấp nhổm, chao qua chao lại khêu gợi cặp mắt soi mói của giặc.

Chúng tôi vô cùng hồi hộp. Chiếc xe húc và máy kéo vẫn phải cố giữ cho pháo không tụt xuống nữa, mà lúc này cũng không thể nhúc nhích đẩy nó lên. Tôi nhìn đồng chí lái máy húc đang bặm môi làm công việc gay go ấy. Ánh từ trên chiếu xuống chênh chếch, cái trán anh bị vết sẹo cắt ngang lúc này càng giô lên, nhăm nhúm, một nửa mặt anh xanh lét, một nửa đen kịt.

Tôi sửng sốt "Nguyễn Như Khuê ư! Cậu ấy mới phụ lái mà...".

Chiếc phản lực rẹt thấp. Tiếng bom đầu dốc ùng ùng. Tôi cúi nhìn đồng hồ. Ba mươi phút rồi. Trên trời lại có những tiếng phựt phựt. Dãy pháo dù mới tiếp sức sáng cho những cái sắp tàn. Tôi nhìn các đồng chí lái trong ca bin. Vẫn tư thế ghìm máy trong hoàn cảnh thật gay go. Anh em không chỉ dùng kỹ sảo nghề nghiệp mà còn thi gan với giặc bằng cả sự bình tĩnh kỳ lạ.

Kẻ địch như đánh hơi thấy qui mô hành quân của các đoàn tăng pháo ta trên hướng này. Nó đánh dữ dội dai dẳng. Trận oanh tạc ở cửa rừng cứ nhích dần lại đoạn đường chúng tôi đang bị tắc. Hai xe chở đạn trúng bom, cả xe lái bị hất tung xuống vực. Đạn nổ ùng ục, lửa giần giật dưới khe. Một loại bom nữa ập xuống, mảnh văng veo véo.

Một quả bom rơi xuống đỉnh núi, ngay trên đầu khẩu pháo đang nổ. Vạt rừng le bốc lửa phần phật, lửa rít ù ù, tàn lửa tung toé phủ lên người và xe pháo. Trong chớp mắt, những cánh tay hơi trùng lại. Khẩu pháo xô mạnh, nó kéo giật chiếc xe xích và đẩy chiếc xe húc tụt lùi một đoạn.

Tiếng ré kinh khủng chợt vang lên rồi lại tắt lịm. Hai chiến sĩ công binh ghìm bánh pháo bằng chiếc xà beng bị đè giập, xương bả vai, xương ngực rụm lại. Cô y tá tất tưởi vác cáng len lỏi tới. Máu từ hai thân người rủ xuống tia vọt ra. Ngực chúng tôi thít lại, đau nhói.

Nguy cơ mất pháo, mất xe ụp tới. Cả khối thép ngót trăm tấn tụt mãi sắp đè bẹp cả trăm con người. Thung tiểu đoàn trưởng bật vội dậy, bất chấp mọi nguy hiểm, anh xông tới vung tay hô lạc giọng:

- Thà chết! Không để pháo tụt.

Sườn núi đột nhiên cồn như sóng. Hàng trăm cánh tay duỗi thẳng chống vào thành pháo, nòng pháo, sườn xe. Hàng chục thân hình khịu bật lên, áp vai vào tấm thép giá lạnh. Một tiếng hô xuống choác tai. Khẩu pháo đang tụt liền khựng lại.

Trên trời, đèn dù vẫn giăng sạt đầu núi. Bóng những cánh tay vươn dài đung đưa to lồ lộ trong cái màu xanh ngắt. Máy bay địch rà thấp, nhưng hàng trăm vòi lửa đỏ rực từ những nòng cao xạ đã kịp vụt tới tấp vào chúng. Chiếc máy bay Mỹ ngoặt vội. Nó chưa kịp vòng lại, đã bị những hòn than lửa chíu chíu bao quanh. Tên giặc ngoặt nhanh, bốc lên cao, vọt thẳng về hướng tây.

Chiếc C100 thứ hai kịp đến chi viện. Cả 3 xe xích đấu lại. Hơn trăm con người đấu lại. Vừa đẩy, vừa kéo xềnh xệch khẩu pháo đi một mạch từ chân dốc lên tới đỉnh.

Chúng tôi thở phào. Mồ hôi vã như tắm .

- Chà! Đó mới là cửa ngõ - Đồng chí lái xe pháo hơi nghênh đầu đội mũ sắt - Sắp tới Seng Phan chưa thủ trưởng?

- Sắp tới rồi

- Bê năm hai nó tẩm quất gớm lắm hở?

Tôi nhìn đồng chí vừa hỏi. Trong bóng tối chẳng thấy gì, nhưng nghe giọng nói thì không phải là người sợ.

Đoàn xe pháo tiếp tục vượt. Tiếng hò reo của đơn vị công binh hộ tống rầm rầm dọc đường, quả thật có làm yên lòng những người mới đi vào vùng đất lạ. Đoàn pháo vừa chớm đến khu vực gần trọng điểm, ánh đèn xanh lập loè báo hiệu dừng lại. Một bóng người to lùn chạy nhanh ra giữa đường, giọng đất Quảng vang lên:

- Dẹp vô? Mỗi chiếc cách nhau mười mét. Mời cán bộ chỉ huy tới làm việc -

Tôi nhận ngay ra tiếng của Nguyễn Có nguyên là cán bộ xe, mới điều về đây làm tiểu đoàn phó công binh, chỉ huy xe vượt trọng điểm.

Các cán bộ pháo nhẩy vội xuống xe, ra hiệu cho từng xe kéo pháo dẹp sang bên. Đồng chí đoàn trưởng đi một lượt dọc hàng pháo đứng ép vách núi, rồi cùng tôi đến hầm hộ tống.

Nguyễn Có chào chúng tôi xong liền bật nắp xà cột rút ra một mảnh bản đồ trọng điểm, trải rộng trên mặt chiếc bàn bằng gỗ hòm bộc phá. Mảnh bản đồ sử dụng nhiều quá đã nhầu nhã, nhiều chỗ sờn rách. Có phải bồi vải màn vào lưng tấm bản đồ.

Anh ngước nhìn chúng tôi một cái rồi cụp mắt xuống, đưa đầu ngón tay di di vào những ký hiệu đỏ tía, xanh lè mà thuyết trình liền một mạch. Không đợi người nghe hỏi lại Có ngoắt tay:

- Mời các thủ trưởng ra đây.

Chúng tôi bước theo anh ra cửa hầm hộ tống. Anh trèo lên mỏm đá bên đường. Chúng tôi cũng leo lên đứng cạnh anh. Có giơ lay hướng về phía những chùm đèn dù nhấp nhoá, cất giọng oang oang:

- Chỗ nớ là T3 chính giữa Seng Phan đó. Giờ này B52 chưa đánh mô. Nhưng pháo sáng cầm canh ta. Chỗ chiếu ngay đuôi chùm sao thần nông là T1, đầu trọng điểm Seng Phan.

Anh lại hếch tay sang phải chỉ vào mỏm núi có dáng đầu con kỳ nhông nghển cổ tìm mồi, nói tiếp:

- Chỗ nớ là T3, trạm hộ tống cuối của trọng điểm Sang Phan, đi 1 cây số rưỡi thì tới đồi xăng lẻ.

Đồng chí trưởng đoàn pháo nghiêng phải quay trái, ngắm kỹ địa hình, ước lượng cự ly một chặp rồi hỏi kỹ thêm về chất lượng đường, độ dài của đoạn đường vượt qua trọng điểm. Sau đó anh gật gật:

- Được. Nếu hoạt động của địch diễn ra đúng qui luật như các đồng chí đã cho biết thì chúng tôi thừa sức vượt.

- Hừm - Có ngúc ngoắc chiếc đầu tròn - Theo ý tôi thì nên đi đường 93 nó dài hơn 2,5 km nhưng chắc chắn an toàn.

- Đường 93 hẹp đấy - Tôi chỉ vào đoạn vòng gần ngầm - Cua gấp này các đồng chí cho sửa chữa. Pháo nặng chứ không phải xe tải mà lùi đi lùi lại tới mấy đỏ.

- Báo cáo xong rồi. Tôi đã cùng với kỹ sư công binh đến xem xét, đo lại bán kính đường vòng...

- Nền đường có chắc không?

- Rất đảm bảo.

Đồng chí đoàn trưởng pháo nắm lại tình hình đường 93. Anh gục gặc đầu như để nhẩm tính so sánh từng đoạn rồi nói:

- Tôi cũng thấy đi đường 93 lợi hơn. Nhưng để thật yên tâm, đề nghị cho tôi nhờ chiếc xe ô tô phóng qua một lượt để xem lại...

- Chờ đi về, xong mới quyết định sẽ quá chậm - Có nói cắt ngay.

- Tôi sẽ gọi điện thoại về.

Tôi nghĩ: đề nghị đó hợp lý, mà cũng cần cho bộ đội pháo tạm nghỉ, ăn sáng lấy sức để đi tiếp tới sáng. Tôi hội ý với Có để đồng chí cán bộ pháo đi quan sát thực địa.

- Cũng được - Có quay sang đồng chí cán bộ pháo - Tôi đi với thủ trưởng. Có khoác xà cột vào vai, đi ra chiếc xe gát 63 trực chiến. Anh nhẩy lên buồng lái, với tay mở cánh cửa bên ghế phụ cho người cán bộ pháo. Chiếc xe từ từ lăn rồi vụt lao ầm ầm lên đỉnh dốc.

Tính Có như vậy. Đồng chí lái xe trực chiến nào cũng khoái ông Có. Những việc đột xuất là ông tự lái, chẳng đánh thức anh em làm gì. Vốn là đại đội trưởng xe cơ mà. Xe nào máy nào ở tuyến này ông ấy cũng lái được Thậm chí ông ấy "chơi" cả xe tăng. Mùa mưa năm ngoái ông ấy chả đỡ tay cho cậu lái tăng đang lên cơn sốt rét là gì. Cánh lái xe thích Có, anh em công binh thích Có vì cái tính xuề xoà, rất chân thật thương yêu người của Có. Cả những đồng chí cán bộ hành quân qua tuyến một lần cũng thật quí mến người chỉ huy đoạn đường bước vào trọng điểm nổi tiếng ác liệt này "Đồng

chí ấy thật là con người của chiến đấu và chiến thắng. Miệng nói, tay làm, chân đi"...

Tôi biết Có từ khi anh chỉ huy cứu chiếc xe bị địch đánh ở ngầm Ka Tang hồi cuối năm sáu lăm kia. Anh thật là con người dũng cảm tháo vát, lúc nào cũng sôi nổi tìm ra cách khắc phục khó khăn. Trong chiến đấu cũng như trong công tác, anh có thái độ thật kiên nghị, với lối nói cộc lốc. Thế mà gặp hoàn cảnh gia đình khó khăn của anh em trong đơn vị, Có rất tận tâm nghĩ cách giúp anh em khắc phục. Một lần tôi nghe nói gia đình của Có rất vất vả, vợ một đàn con dại, chẳng còn bố mẹ nương tựa, lũ trẻ bữa rau bữa cháo. Nhưng khi hỏi, thì Có cười hề hề: "Lương tôi cô ấy lĩnh cả. Cô ấy gánh bốn năm chục lô chạy vo vo. Nuôi ba con nhỏ thì khó đấy. Cực chút nhưng răng chết được, mình cứ yên chí đánh hoài".

Rồi anh lại kể với tôi câu chuyện gia đình của một chiến sĩ tên là Tới. Anh thương Tới trẻ người nhẹ dạ, sớm đã mang vợ con. Anh cũng giận cô vợ Tới bỏ nhà, bỏ cả nghề dạy học đi phe phẩy, rồi ngoại tình. Mẹ Tới thương đứa cháu nội không mồ côi mà hoá mồ côi. Ngày nào bà cũng khóc đến nay loà cả 2 mắt.

Kể đến đấy mặt Có bần thần, anh chép miệng: "ấy vậy mà Tới chẳng nói chi cả. Thằng nhỏ gan rứa, hỏi hoài chỉ ứa nước mắt, rồi vùng đi mần công việc" - Nói xong Có ngúc ngắc, đung đưa cả hai vai: "Kết thúc mùa khô ni, mần răng tôi cũng giúp thằng nhỏ giải quyết dứt điểm". Có mất luôn cả thời gian nghỉ phép 2 năm vào việc giúp gia đình Tới đoàn tụ. Nhưng còn ba gian lều ọp ẹp của vợ con mình vẫn như cũ.

Chiếc gát 63 phóng như bay xuống dốc, đứng khựng trước cửa hầm hộ tống, Nguyễn Có nhảy phốc xuống:

- Báo cáo ổn cả! Hà hà... ông chỉ huy pháo khoái hết mức - Có móc túi lấy chiếc đồng hồ đeo tay - Ba chục phút nữa cho đoàn xe vượt chớ. Thủ trưởng?

Tôi gật:

- Anh em ăn, nghỉ rồi. Phải đi gấp mới kịp đến chỗ trú quân.

Có liền thông báo cho đoàn pháo chuẩn bị. Cả đoạn đường bỗng chốc lại rầm rập, ầm ĩ, mù mịt khói và bụi đất.

Mãi đến lúc mấy chú gà của tổ hộ tống nuôi dưới hầm đua nhau vỗ cánh phành phạch gáy ồn ã lần thứ nhất, khẩu pháo cuối cùng mới qua khỏi trạm hộ tống phía bên kia trọng điểm. Nguyễn Có nghe điện thoại xong, anh bỏ máy rút bọc thuốc trong túi, nhìn tôi cười hề hề:

- Cái nghề vận tải xe bon mới ngon thuốc, thủ trưởng

Còn bao nhiêu việc bề bộn nữa chứ đã yên đâu, nhưng tôi cũng vui lây với tiếng cười hồ hởi của người cán bộ lúc nào cũng lăn vào việc.

*

* *

Những đợt nắng cuối đông như dòng mật ong vàng óng chảy xuống cửa hang Na Tông. Qua một đêm căng thẳng lạnh ngắt, nhưng mọi hoạt động vận tải hành quân đều trót lọt. Các cán bộ trực ban khoan khoái đón ánh nắng ấm áp lọt vào chỗ làm việc. Khúc Trường Thành cười ròn tan, cặp mắt đen nhấp nhánh, gọi tôi:

- Làm mấy đường bóng cho giãn gân chứ anh!

- Sẵn sàng.

Chúng tôi cầm vợt. Thành nhanh nhẹn giao bóng, hăm hở đập tới tấp, cười giòn tan sau mỗi cái vụt có hiệu quả.

- Báo cáo có điện của Bộ tư lệnh.

Tôi quay lại, đồng chí cơ yếu đưa hai tờ điện ghi chi chít.

“Ngày 8 tháng 2 quân nguy miền Nam từ căn cứ Khe Sanh vượt biên giới chia thành 3 cánh tiến công tuyến vận tải chiến lược của ta.

Cánh nam đường 9 gồm trung đoàn 1, trung đoàn 3 tiến lên chiếm cao điểm 550, 619 Cô Bốc và Phu Cộc Tôn.

Cánh bắc đường 9 do lữ đoàn dù số 3 và liên đội biệt động, gồm 6 tiểu đoàn đang đánh các cao điểm 655, 456, đỉnh không tên, đông Tà Púc.

Cánh quân tiến theo trục đường 9 gồm có lữ dù số 1, số 2 thiết đoàn số 11 và 17 đánh chiếm từ Lao Bảo đến bản Đông lập bàn đạp tấn công Sê Pôn.

Nhưng tất cả các mũi tiến quân của địch đã bị các phân đội công binh, các tổ tuần tra các chốt trên tuyến vận tải đánh chặn quyết liệt. Đại đội 12 của binh trạm 41 đã đánh bật địch ở Cô Bốc, bắn rơi 18 trực thăng. Trung đội 2 của tiểu đoàn 35 công binh, bắn cháy 7 trực thăng địch trên cao điểm 639, tiểu đoàn 24 công binh đánh mìn ở cầu chữ S diệt 4 tăng địch ... " .

Chúng tôi vội thông báo ngay tin chiến sự sốt dẻo này. Các binh chủng của tuyến vận tải trước đây thực sự chưa hình dung được nếu đụng độ với cuộc tấn công lớn của Mỹ nguỵ ở những nơi chưa có bộ đội chủ lực của ta thì liệu mình đánh có nổi không. Nay đã được thử nghiệm hẳn hoi. Các binh trạm 41, 42, 33, 34 đều đánh diệt nhiều địch, khiến cho các cánh quân địch phải dò dẫm tiến rất chậm mỗi ngày chỉ được 5 km. Máy bay Mỹ cũng không dám rà thấp để yểm hộ, đã tạo cho chủ lực ta vận động tiêu diệt rất lớn

Ngay hôm đó, chúng tôi triệu tập cuộc họp cán bộ quân chính, thảo luận biện pháp nâng cao gấp hai lần khối lượng hàng đưa lên phía trước, để thiết thực tham gia vào các trận chiến đấu.

Cuộc họp diễn ra hết sức khẩn trương và vô cùng hào hứng đến mức tôi phải ngạc nhiên. Chưa có cuộc họp nào thông qua các chỉ tiêu như lần này cả. Khối lượng gấp hai mà không hề có lời đề nghị, bớt xén, hoặc nêu điều kiện gì. Ai cũng hăm hở với nhiệm vụ tăng lên trong tình hình mới .

Cuộc họp nhất trí bỏ phương án chia hai cung vận chuyển. Cả hai tiểu đoàn xe cùng chạy từ kho cơ bản vượt Cổng Trời - Seng Phan đi thẳng tới binh trạm phía trong. Các đại đội tiểu đoàn xe lúc này không còn "găm" xe nữa. Tất cả các loại xe phục vụ đều được huy động vào vận chuyển kế hoạch.

Kết thúc hội nghị, binh trạm chiêu đãi một bữa ăn tươi đủ ấm chân răng: Những mẩu chuyện vui rất lính nổi lên rôm rả.

- Hà, hà... nếu cứ vượt kế hoạch 5 ngày cấp một bê, mười ngày một bò thì làm tới số.

- Ôi! Hãy cầu Chúa cắt đi cho các khoản ca-la thầu với thịt thú để lính nhờ. .

- Cóc vái giời! Chỉ mong dăm ngày nghỉ mà đi săn lấy thú dự trữ mùa mưa. ..

Ở góc cuối phòng, từng cặp cười rộ lên, sặc sụa. Một giọng nói tỉnh bơ:

- Đã tưởng tịt! Mãi bả mới sanh thằng cu. Xong kế hoạch mà tớ giông về trộ một cái ... Đẻ thêm cái hĩm, hơ, hơ...

Tiếng cười ré lên. Tiếng vỗ bàn, vỗ đùi đồm độp.

- Hay đó. Nhưng ăn nhằm chi với thượng sĩ lên meo! Ba đông trụ bám rồi nè!

*
* *

5 giờ sáng. Thung lũng Seng Phan còn đầy sương. Mặt sông Băng Phai cứ bốc lên từng đụn hơi trôi đi như nồi nước đang sôi. Tiểu đoàn xe 770 dẫn đầu chạy từ Cổng Trời lên, dừng lại trước trạm hộ tống vượt trọng điểm. Khúc Trường Thành ngồi xe đầu, nét mặt hăm hở tươi rói như lúc anh cầm vợt bóng bàn. Tôi vẫy tay:

- Chờ năm phút. Cậu Có đang kiểm tra lại ngầm.

Thành cười ròn tan:

- Lâu thì nguội điện mất đấy.

Tôi cười:

- Khỏi lo! Ai đi với D65?

- Anh Phạm Căn đi xe sau cùng.

Tiếng chuông điện thoại đổ dồn. Đã quen với lối gọi máy của Có, tôi áp ống nghe vào tai, tiếng của anh đã ồm ôm:

- Một quả trúng mép ngầm. Sửa phải mất một giờ...

- Ý đồng chí thế nào?

- Đề nghị cứ cho xe đi. Lái phải căn đúng lộ tiêu.

Tôi vội nói :

- Xe chạy, nước cồn lên, lộ tiêu đổ mất.

- Dạ, dạ. Khỏi lo. Tôi và mấy đồng chí đứng lộ tiêu mà.

Thật là cách làm nguy hiểm. Nhưng lúc này không cho phép bàn cãi dề dà. Tôi chỉ nói:

- Hoan nghênh các đồng chí. Nhưng vẫn cho đóng cọc, dăng dây như vậy đi.

Tôi buông máy, bước nhanh ra hội ý với Thành. Nhắc anh em lái hết sức cẩn thận, nếu thụt vào hố bom lúc này thì nguy hiểm đó. Phải chớp thời cơ sương mù cả tiểu đoàn phải vượt qua Seng Phan.

Tại chỉ huy sở đồng chí trực ban đã thông báo cho trung đoàn cao xạ. Tất cả các nòng súng máy trên đỉnh núi, các trận địa cao xạ đã sẵn sàng nhả đạn vào kẻ địch trên không từ các hướng bay vào vùng trời Seng Phan - Pắc Pha Năng.

Đầu ngầm N 1. Nguyễn Có đứng ngay trên mép nước tay cầm cây cờ đuôi nheo may bằng dù pháo sáng, phất mạnh. Cứ ba thước lại một đồng chí cầm dù trắng đứng bên mép ngầm.

Chiếc xe đi đầu căn đường theo hàng lộ tiêu sống ấy mà lao xuống, cắt ngang dòng sông Băng Phai. Đoàn xe nối nhau ào ạt vượt qua ngầm. Nước toé lên đến ngực anh em đứng làm lộ tiêu. Gió và nước làm cho tay chân mỗi người tê cóng. Thỉnh thoảng những viên đá ở mặt ngầm bị bánh xe đẩy bật đi, lia vào chân đau điếng. Đồng chí này chệnh choạng, té xỉu lập tức có đồng chí khác ào xuống thay thế.

6 giờ 30, tiểu đoàn 770 vượt khỏi Seng Phan an toàn. Tiểu đoàn 65 đến T1.

7 giờ 45 tiểu đoàn 770 qua Pắc Pha Năng, tiểu đoàn 65 đến đồi Săng Lẻ. Hai máy bay địch vừa ló khỏi dãy Giăng Màn. Lập tức cả vòm trời hình bầu dục trên thung lũng loa loá. Những cục lửa đỏ tía bay nhoang nhoáng đuổi theo, bám chặt lấy những chiếc máy bay đen kịt. Chúng ù té chạy biến mất.

9 giờ 15 tiểu đoàn 770 tới đích giao hàng. Tiểu đoàn 65 tới đầu cánh rừng Ka Vát... .

11 giờ cả hai tiểu đoàn xe ăn cơm. Chuẩn bị quay ra. Tiểu đoàn 770 sẽ trụ lại đồi Săng Lẻ tiếp chuyển một số đạn của đoàn pháo mặt đất vừa vào. Tôi đi

xe tới đồi Săng Lẻ thăm anh em D770 và đón Khúc Trường Thành về Sở chỉ huy rút kinh nghiệm.

Một ngày đêm kết thúc giòn giã: 163 xe hoạt động. Có 50 xe quay vòng tăng chuyến thành 213 xe đưa hàng tới đích.

21 giờ hôm ấy được Bộ tham mưu Trường Sơn thông báo kết quả chiến đấu toàn tuyến.

1 - Vận tải chi viện chiến dịch:

Hướng đường 20 sử dụng 240 xe. Tới đích an toàn.

Hướng đường 12 sử dụng 163 xe. Tới đích 113 xe.

Hướng đường 1 8 sử dụng 110 xe. Tới đích 95 % .

Hướng đường 10 sử dụng 80 xe. Tới đích đủ.

2 - Tin chiến sự một tuần.

Ngày 15 - 2 chỉ huy sở hành quân của Hoàng Xuân Lãm mới đặt chân được ở Khe Sanh.

Ngày 17 đến 19 - 2 một tiểu đoàn chủ lực của ta đã tấn công cánh quân nguỵ vừa đổ bộ cách biên giới Việt - Lào 9 km. Đồng thời tiến công luôn vào Sở chỉ huy nguỵ.

Ngày 20 đến 25 - 2 một trung đoàn chủ lực của ta có xe tăng hợp đồng tấn công vào một loạt cao điểm gần biên giới. Đã tiêu diệt nhiều quân địch, bức chúng phải tháo chạy về Khe Sanh.

Lữ dù 3 Nguỵ bị tiêu diệt hoàn toàn. Trung đoàn 3 bộ binh nguỵ bị thất bại nặng. Căn cứ hoả lực nguỵ ở Phu Ca Tôn bỏ cả pháo mà chạy ...

Trong mấy ngày liền trên con đường Cổng Trời vào mặt trận nam Lào không có bóng một chiếc máy bay chiến đấu, số lượng máy bay trinh sát cũng giảm hẳn. Chúng tôi biết chúng đã bị hút vào cuộc chiến nẩy lửa cách chỗ này hơn một trăm cây số. Và tất nhiên bộ binh xe tăng nguỵ đang bị bao vây co cụm lại. Có lẽ cái chiến thuật trực thăng vận cũng bị đánh tơi tả, chẳng cứu nổi nhau, nên bọn phản lực và B52 đang phải cấp cứu sinh mạng đám tàn quân nguỵ.

Đảng uỷ binh trạm 12 liền phát động phong trào thi đua giành danh hiệu dũng sĩ vận tải diệt Mỹ trên mặt trận nam Lào. Xe nào cũng ghi ngay vào cửa kính "Một ngày một chuyến an toàn tuyệt đối" hoặc "960 Tấn Ki Lô Mét Ngày". Trận địa pháo nào cũng có tấm biển "Không Để Một Quả Bom Trúng Ngầm".

Dọc mọi nhánh đường đều có biển báo, lộ tiêu quét vôi trắng lốp. Những khẩu hiệu "Đường Thẳng Phẳng Quang" "Quét Sạch Ổ Gà, Là Đường Nhẵn Mặt" v.v... được treo la liệt. Chỉ tiêu vận tải nâng lên vùn vụt, 260 km ngày bị phá, 300 km ngày bị đẩy lùi, 350 km ngày cũng không đứng vững.

Chúng tôi lại nhận được thông báo chiến sự "Quân địch đồn trú ở Bản Đông bị bộ đội pháo lớn của ta bắn dồn dập rất trúng vào thiết đoàn 11 và lữ dù 1 nguỵ ... " . Từ cán bộ đến chiến sĩ, ai cũng thoả lòng trông đợi tin chiến công của đoàn "Voi bự" mà binh trạm mình đã có hơn mười đồng chí ngã xuống cho pháo vào được chiến trường.

Cuối tháng 2 khi mà bộ đội ta và lực lượng Pa Thét Lào, đang vây địch ở Sê Pôn và đánh tan tác cánh quân ở phía tây từ Keng Coọc thọc xuống Pha Lan, Mường Phin, thì binh trạm 12 kết thúc khối lượng vận chuyển lớn theo kế hoạch mùa khô.

Cửa ngõ Cổng Trời lại một mùa nữa giành thắng lợi. Bộ tư lệnh Trường Sơn điện ra biểu dương và giao nhiệm vụ chuẩn bị cho mùa khô 1971 - 1972 . Nhận được điện chỉ đạo sớm nên binh trạm 12 sau này đã đủ sức cơ động hơn 200 km lật cánh sang phía đông, phục vụ đắc lực chiến dịch giải phóng Quảng Trị 1972.

Anh Đồng Sĩ Nguyên điện tối khẩn: "Đồng chí Phương về ngay Sở chỉ huy nhận nhiệm vụ". Tôi đã được anh em cơ quan báo trước là Tư lệnh định phái tôi vào binh trạm 33 trong đường 9. Ngay chiều đó, tôi tạm biệt các anh trong ban chỉ huy binh trạm 12. Bộ tham mưu đã cho xe đón, nhưng Khúc Trường Thành vẫy tay bảo đồng chí lái

- Cậu đi sau nhé - Anh quay nhìn tôi - Mời anh ngồi xe binh trạm, tôi xin đưa anh đi một đoạn.

Tôi cười vui vẻ:

- Rất tiếc không kịp chơi với nhau một hiệp bóng.

- Sẽ có dịp. Nhưng bây giờ tôi tạm tiễn anh.

Thành cầm tay lái đưa tôi qua Cổng Trời, đi đến đỉnh dốc I Leng. Tôi nói anh dừng lại.

Thành bỗng ôm chầm lấy tôi. Chúng tôi ghì nhau vào ngực trong một phút. Thành giữ hai vai tôi, anh nhìn tôi chằm chằm, đôi môi mấp máy định nói điều gì, nhưng lại im. Tôi khẽ gỡ khỏi tay anh, xiết mạnh bàn tay Thành rồi lên xe. Tôi không ngờ đấy lại là buổi chia tay vĩnh biệt. Sáu tháng sau, Khúc Trường Thành hy sinh trên con đường vượt Cổng Trời vì chùm bom từ trường của Mỹ.

(Ghi lại những dòng nhật ký tháng 9 - 1971)

(Rút trong tập Đường Hồ Chí Minh)

Nguyễn Anh Biên (Nhà văn) CÓ MỘT MÙA XUÂN

Từ bấy đến nay, mỗi khi mùa xuân đến, những sự kiện xuân Mậu Thân ấy lại trỗi dậy, tôi xúc động nhớ về mùa xuân oai hùng đã có trong đời mình... Sau thắng lợi trận pháo kích ở Plây Cu, đơn vị chúng tôi được lệnh chuyển vào miền đông Nam bộ. Ngày mồng một tháng chạp năm Đinh Mùi, bắt đầu hành quân. Mới đi được một ngày đường thì lại có lệnh quay trở ra. Một tuần sau, chúng tôi dừng lại trên đất Kon Tum. Đêm đêm đã nghe tiếng pháo 175 "Vua chiến trường", ở Đắc Tô, Tân Cảnh bắn vu vơ vào rừng sâu.

Ngày 8 tháng chạp chúng tôi được lệnh triệu tập về tiểu đoàn bộ. Tiểu đoàn trưởng dùng cây le nhỏ làm cây chỉ bản đồ. Ngọn cây chấm vào một điểm đã được khoanh đỏ và nói: "Đây, nhiệm vụ tác chiến của chúng ta ở đây. Đắc Tô!"

Đắc Tô là một cứ điểm quan trọng của Mỹ trên cao nguyên Tây Nguyên. Đại đội tôi được giao nhiệm vụ đánh vào bộ chỉ huy cứ điểm. Đúng ngày 23 âm lịch, ngày ông táo chầu trời, mọi đơn vị phải hoàn tất việc chuẩn bị trận địa, ngày X đưa pháo vào chiếm lĩnh sẽ có lệnh sau.

Bộ đội được tổ chức ăn Tết Mậu Thân trước Tết. Chúng tôi lên hậu cần trung đoàn lĩnh về mỗi người được hơn một lạng thịt, cá khô, nghe nói là cá của Biển Hồ Cămpuchia, một lạng đường trắng. Có thế thôi, nhưng phải làm sao cho đơn vị ăn Tết được vui "ấm chân răng" một chút.

Đã lâu lắm rồi, chỉ có rau rừng và muối trắng thậm chí muối cũng còn phải ăn dè, năm nay lại đi đánh liên miên chưa được một lần nào về hậu cứ đi săn cải thiện, có nhiều đồng chí thiếu chất quá, đã phù rồi. Thương anh em quá không biết làm thế nào?

Tôi lên tiểu đoàn bộ gặp y sĩ Hiền. Hiền quê ở Nghệ An, vóc dáng nhỏ nhắn, tính vốn nhút nhát nhưng bao giờ cũng dũng cảm vượt lên trên bản thân mình. Hiền có mấy tay lưới ni lông mới gửi mua được ở đồng bằng lên. Chúng tôi rủ nhau đêm 13 ra sông Pô Cô đánh cá. Có cả đồng chí anh nuôi của đơn vị tôi đi theo. Súng đạn, nồi, xoong lưới gọn gàng. Nhìn la bàn, cắt rừng tiến ra sông Pô cô.

Đứng bên bìa rừng, nhìn thấy lòng sông lóng lánh bạc. Hiền thì thào bên tai tôi :

- Chưa chắc đã có cá, ông ạ !

- Không, có cá chứ! - Tôi cầm tay lưới, ào xuống sông. Tào anh nuôi nhảy theo. Một lúc sau, Hiền cũng rón rén xuống.

Rải xong ba tay lưới, chúng tôi lên bờ mắc võng chụm đầu vào nhau thì thầm chuyện tết quê hương... Dưới sông nghe cá quẫy nước lật phật, chúng tôi bật khỏi võng.

- Thấy chưa, các ông? - Tôi nói - Tết năm nay nhất định có cá, có thịt.

Khoảng 30 phút sau, một tiếng động lạ, rồi nhiều tiếng tiếp theo từ mép nước bên kia sông. Chúng tôi bấm nhau, súng cầm tay, lên đạn, men theo rừng tìm vị trí chiến đâu.

- Như có người vượt sông? - Tôi nghĩ.

Hơi thở gấp gáp của y sĩ Hiền kề bên. Tôi với tay lại phía sau, chạm vào người, thấy anh hơi run. Đồng chí anh nuôi Tào bám sát một cách vững vàng.

Những vì sao xa xăm chiếu ánh sáng yếu ớt xuống rừng núi đen thẫm, lòng sông sáng mờ... Tiếng động càng đến gần chúng tôi. Rõ ràng có người vượt sông? Tôi khẳng định ý nghĩ của mình. Chợt thở phào: May quá! Tiếng động kia ở phía bên trên ba tay lưới. Cả ba anh em căng mắt căng tai theo dõi. Dần dần, tiếng động đã thấy mờ mờ thành hình khối trước mắt. Đồng chí Tào giương súng lên. Tôi giơ tay gạt xuống, bóp mạnh tay anh. Ngụ ý phải bắt sống!

Khối đen rõ dần, to dần... chuyển động từ mép nước lên bờ, cách chúng tôi chỉ năm mét, đứng lại. Thì ra đó là một chú nai to kềnh như một con bò. Tôi giương súng lên định bóp cò. Nhưng lập tức hạ súng xuống. Nghe tiếng động khoá chốt bất ngờ khô lạnh, chú nai vọt một phát tuồn cây ào ào chạy vào rừng.

"Uỵch", một cú đấm bất ngờ từ phía sau giáng xuống vai, làm cho người tôi lạng hẳn đi.

- Tại sao không bắn? - Tào gầm lên - Trời ơi ! Đồ ngu ! Làm mất tết của anh em rồi - Hai hàm răng Tào nghiến kèn kẹt, ngữ điệu trong câu nói giận giữ vô cùng, anh như muốn nuốt sống tôi.

Tôi xoa chỗ đau, vừa bực, vừa thương:

- Có cậu ngu ấy - Tôi sát lại, lời tôi phả hơi ra nóng mặt Tào, anh lùi lại một chút - Đây là vùng sát địch, phải bí mật nơi đóng quân nghe chưa.

- Đúng, đúng? - Y sĩ Hiền ủng hộ - Cậu Tào chỉ hồ đồ.

Cả ba im lặng dường như vẫn nghe tiếng con nai tuồn rừng chạy

- Nhưng mà... Tiếc quá, xin lỗi, xin lỗi - Tào ôm lấy ngang lưng tôi giải hoà. Rồi cả ba quay về chỗ tăng võng, ai cũng vẫn còn tiếc.

- Bây giờ ta xuống vớt cá nhé - Tôi nói.

Cả ba anh em đều vui lên, lại ào xuống nước, tay mỗi người cầm một đoạn dây dù để xâu cá. Thật bất ngờ, như được bù lại miếng ăn đã đến miệng khi nãy đành cho tuột mất. Cá mắc vào ba tay lưới nặng trĩu, những con cá thạch anh, gần giống cá chép, có con đến hai cân, ba xâu cá dài đẫy, mỗi xâu gần một yến, cứ thế khoác lên cổ, băng rừng mà về.

- Cá này thay cho cá chép, thế là ta có cá cho ông Táo cưỡi lên chầu Ngọc Hoàng rồi anh ạ - Anh nuôi Tào vui vẻ nói - Ta sẽ cúng ông Táo trước ngày hai mươi ba, không hiểu ông ấy có chịu không?

Chúng tôi trở về đơn vị trước khi trời sáng rõ. Khỏi phải nói lính ta nhìn chúng tôi và những con cá bằng cặp mắt vui sướng như thế nào.

Sáng mười rằm tôi xuống bếp kiểm tra anh nuôi làm cỗ tết. Tào báo cáo có bốn món tất cả: cá rán, cá "bỏ lò", chả cá, măng xào thịt là món chủ lực, bởi anh nuôi lấy được rất nhiều măng.

Đối với chúng tôi, cỗ ngày tết ở chiến trường như thế đã là quý lắm rồi.

Đúng 13 giờ ngày 23 tháng chạp đơn vị chúng tôi đã hoàn thành trận địa chính, hai trận địa phụ và ba trận địa giả. Sau đó, tiếp tục phát triển giao thông hào, công sự cá nhân. Ngày 27, được lệnh tiếp nhận trận địa. Đúng 4

giờ sáng, tất cả các khẩu pháo đã yên vị, nòng chĩa về hướng cứ điểm Đắc Tô.

Tại điểm quan sát của trinh sát viên, bằng ống nhòm, thấy rõ vị trí địch, lính tráng, xe cộ vận chuyển nườm nượp. Căn cứ của chúng đã nằm trong tầm pháo của ta. Đơn vị ở xa, đơn vị gần, đơn vị ở sát nách địch, tất cả nòng súng hướng về mục tiêu chờ giờ G. Giờ G là giờ nào, ngày nào, không ai có thể biết, ngoài Bộ tư lệnh mặt trận, mà ở Bộ tư lệnh cũng chỉ có một đồng chí Tư lệnh trưởng biết mà thôi.

Chiều 27 tết, khoảng 6 giờ 20, tổ trinh sát phía trước của chúng tôi bị trúng bom. Đồng chí Thuỵ trinh sát viên quê ở Hà Nội bị trọng thương, đưa ra chưa đến phẫu tiền phương thì đã hy sinh. Không khí đơn vị trầm hẳn xuống. Mãi đến 7 giờ tối, anh nuôi mới mang cơm ra trận địa. Tào miệng nói tay làm xởi lởi như chung quanh cậu ta là hậu cứ không hề có bom đạn, mặc dù bom đạn đang ùng oàng quanh mình.

- Con cú vọ (OV10) khốn kiếp nó không cho mình nấu, đào được cái bếp Hoàng Cầm lâu quá. Tất cả lại lĩnh cơm... Này! Vinh Kều, ăn dè thức ăn thôi nhá, ông là chúa ăn mặn. Vinh Lùn? Cơm tớ nấu dẻo lắm, đau dạ dày như cậu cũng không hề gì. Tiến Cử? Thế nào, đỡ run chưa, tớ biết tính cậu rồi khi đã nổ súng thì cậu coi trời bằng vung.

Cứ thế, Tào vui vẻ phát cơm, đọc tính cách và đặc điểm của từng anh em chiến sĩ...

Mãi chưa đến giờ G, chúng tôi sốt ruột vô cùng. Ở trên đời chưa có sự sốt ruột nào bằng sự sốt ruột của người lính chờ đợi giờ G, giờ được nổ súng vào quân thù. Đối với chúng tôi, đón xuân Mậu Thân năm ấy tức là đón giờ G.

Cú điện thoại vang động khác thường. Tôi vội vàng chộp lấy máy. Tiếng trong máy nghe rất rõ:

- Các đồng chí! - Giọng miền Trung nghe ấm áp thân quen của tiểu đoàn trưởng, tất cả chú ý nghe đài Hà Nội.

Tôi áp tai vào ống nghe. Tiếng pháo nổ đón giao thừa trên đài tiếng nói Việt Nam. Mắt tôi sáng lên, lòng dạ xao xuyến rộn ràng.

- Các đồng chí ơi! - Tôi gọi bộ đội - Hà Nội, Hà Nội, Hà Nội đang đón giao thừa.

Những đồng chí chung quanh nhấp nhổm muốn chạy đến, nhưng tôi giơ tay ngăn lại. Bởi vì tôi linh cảm như sau giao thừa chắc sẽ có mệnh lệnh gì quan trọng đây. Pháo giao thừa Hà Nội vừa dứt, đến Bác Hồ chúc tết và đọc bài thơ xuân gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước. Nước mắt tôi chảy tràn cho đến khi người đọc xong thơ, tiếp đến là mệnh lệnh chiến đấu của tư lệnh mặt trận. Giờ G! Giờ G! ... Tôi bình tĩnh lại nghe mệnh lệnh, rồi truyền đạt ngay cho đơn vị

- Tất cả vào vị trí chiến đấu! - Tôi dõng dạc hô.

Các pháo thủ chồm lên nhanh nhẹn khác thường. Giờ G, sức mạnh của giờ G thật là kỳ diệu.

- Hướng mục tiêu ..., góc bắn ... hướng bắn ...

Kế toán và các pháo thủ thao tác nhanh không thể tưởng được. Ngay sau khẩu lệnh của tôi, pháo thủ số một đã báo: xong!

- Một phát chuẩn bị... - Tôi ra lệnh.

Liếc nhìn quả đạn 120, các pháo thủ truyền tay nhau thoăn thoắt. Pháo thủ số hai lao quả đạn vào nòng, tiếng rít áp suất không khí trong nòng bị nén lại, một tiếng "kịch" quả đạn rơi xuống đáy nòng ngoan ngoãn nằm chờ lệnh. Ai đã là người lính từng chứng kiến giờ phút, này không ai không hồi hộp. Tôi nhận được lệnh tiếp theo:

- Bắn !

Trận địa nổi dậy, cả khu rừng rung chuyển. Mười hai khẩu pháo của tiểu đoàn chồm lên. Loạt đạn bắn đầu tiên, đạn xé không gian kêu vo vo... Cứ điểm giặc bùng lửa.

- Trúng mục tiêu rồi ... ồi ... ồi ... - Đài quan trắc thét lên. Sau đó, lệnh bắn cấp tập.

- Ba phát cấp tập bắn ...

- Năm phát cấp tập bắn ...

- Mười phát cấp tập bắn ...

Cứ điểm giặc chìm ngập trong pháo đạn của quân ta. Điện thoại reo liên tiếp. Chúng tôi nhận được điện khen của Tư lệnh bộ binh, của Bộ tư lệnh mặt trận.

Có tiếng pháo địch đánh trả. À!... Thằng Mỹ nhanh thật, tôi thầm nghĩ, thế là cuộc phản pháo bắt đầu... Đạn pháo chúng tôi tới tấp rơi xuống đầu chúng. Quan trắc báo về: Cứ điểm bốc cháy ngùn ngụt. Pháo "Vua chiến trường" của chúng đã chụp được khu vực trận địa của chúng tôi. Loại đạn cầy sâu dưới lòng đất, đất đá bay mù trời, loại đạn trên không chụp xuống, rừng bị bắn nát tơi tả, cây cành đổ ào ào.

- Pháo thủ số một bị thương! - Tôi nghe báo cáo.

- Số hai lên thay.

- Xong! sẵn sàng chờ lệnh!

Tôi chạy về trận địa khẩu đội:

- Có nặng không, Nhuế đâu rồi! - Tôi hỏi (Tên đồng chí pháo thủ số 1).

Đồng chí đã được anh em đưa vào hầm, nằm bất động. Tôi soi đèn pin thấy vết thương trên mặt đã được băng bó, nhưng vẫn tràn máu tươi ra.

- Ai đây? - Nhuế hỏi.

- Mình đây. Biên đây.

- Em chết mất.

- Không !

Tôi ôm Nhuế vào lòng. Hơi Nhuế toả ra âm ấm. Tôi nghe một tiếng thở dài. .. người Nhuế nhũn đi trên tay tôi.

- Nhuế . Tôi lay gọi . Đồng chí đã hy sinh.

Tôi đặt Nhuế nằm xuống ngay ngắn, rồi chạy về hầm chỉ huy. Một quả đạn xuyên nổ bên cạnh, làm cho căn hầm chuyển động, một quả nổ trên mặt đất làm bay nắp hầm. Cùng lúc, tôi thấy người lâng lâng. Một đường ấm nóng chạy từ vùng bẹn xuống. Tôi soi đèn pin, máu đang tứa ra thấm đầy quần.

Mảnh đạn bắn vào tôi nhanh, mạnh, ngọt, tưởng như không đau đớn, sau đó chỉ thấy tưng tức ở chỗ mảnh đạn chuồi vào. Tôi kêu lên:

- Tớ bị thương rồi! - Tức thì một người vọt ngay lại, cõng tôi chạy vào hầm. Nằm trên tấm lưng bè bè của đồng đội tôi đoán đấy là Tào.

- Tớ bị vào chân phải - Tôi nói.

Chẳng nói chẳng rằng, Tào nhanh tay cầm con dao gặm rạch một phát cắt bỏ ống quần, băng ngay vết thương lại. Lúc này pháo của địch đã chuyển làn.

- Cậu gọi trung đội phó đến đây

Tào chạy đi, sau đó trở lại cùng trung đội phó Soạn.

- Đồng chí thay tôi chỉ huy chiến đấu, bây giờ cho củng cố công sự và trận địa - Tôi nói - Và chuyển Nhuế về tuyến sau.

- Rõ! - Soạn nhận lệnh, chạy đi.

Tôi nắm chặt tay Tào. .

- Ông bị thương nhẹ thôi, nhiều lắm cưa chân là cùng. Tào nói. - Mà có hy sinh cũng cóc sợ.

Ngay sau đó, tôi được đưa về quân y tiền phương. Tào chạy theo võng cáng tôi một đoạn, rồi cứ nắm chặt tay tôi. Nằm trên bàn phẫu, tôi bị trói chặt chân tay. Đã gây mê rồi mà không mê được.

- Đồng chí này khoẻ quá - Tiếng một nữ bác sĩ nói. - Phải tăng lượng thuốc mới được.

Bác sĩ bảo tôi đếm. Tôi đếm 1.2.3.4.5.6... Những bóng áo trắng quanh tôi nhoà dần, và kịp nhận ra mình đang líu lưỡi lại. Chết! Thoáng nghĩ đến cái chết, sau đó không biết gì nữa... Một giọng nói miền Bắc nhẹ nhàng mềm mại, xa xôi ấm áp trên mặt tôi. Tôi tỉnh dần. Mắt bừng mở, bâng khuâng. Ai đang áp vào mặt tôi thì thào:

- Anh ơi ...

Mắt tôi lại nhắm nghiền.

- Anh có khát nước không?

Tôi gật đầu, mệt mỏi. Ngay sau đó tôi được đỡ cao lên, tôi uống một ít nước đường.

Dần dần tôi mở mắt nhìn căn phòng. Đây là đâu? Tại sao mình nằm đây?... Một lúc sau, tôi nhớ lại tất cả. Hình như có ai đó đang ở trong căn phòng này.

- Ai đấy? - Tôi hỏi. Một người xuất hiện, trước mặt tôi là một cô gái mặc áo blu trắng, dáng thanh tú, đeo ống nghe, nhìn chằm chằm vào tôi, nở nụ cười thân yêu, hơi chút e thẹn. Hình như mắt cô ấy đang còn

ngấn nước.

Trời ơi! Ai như... Chinh? - Tôi nghĩ - Không phải Chinh, sao mà Chinh lại ở đây được. Đúng Chinh rồi! Người bác sĩ ấy biết tôi đã nhận ra. Cô lao lại, ôm lấy tôi.

- Anh ơi! Em sợ quá, nhưng hết sợ rồi...- Anh sống rồi - Chinh áp mặt vào tôi, dòng nước mát ấm nóng chảy trên mặt tôi. Em sung sướng, em đau khổ gặp lại anh trong hoàn cảnh AC liệt thế này.

Hai ngày sau tôi đã ăn được cơm. Chinh mang đến cho tôi một cái bánh chưng tết. Qua câu chuyện náo nức của mọi người xung quanh tôi mới hiểu: mình đã được tham gia vào một trận đánh lịch sử: trận tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, trận Mậu Thân, trên chiến trường miền Nam .

Đại tá Lê Xi - ĐƯỜNG CHẠY NGÀY

Mùa xuân năm 1971, Ních Xơn có một cố gắng mới nhằm chặt đứt đường chi viện miền Nam của nhân dân ta, phục vụ cho kế hoạch Việt Nam hoá chiến tranh của chúng. Bọn chúng phóng ra cùng một lúc hai ngón đòn hiểm độc: ở mặt đất, chúng mở cuộc hành quân Lam Sơn 714 với mưu toan cắt đứt trục đường chạy dọc Trường Sơn. Ở trên trời, chúng tung ra loại máy bay trinh sát điện tử vũ trang AC 130 nhằm săn đuổi, tiêu diệt các đoàn xe vận chuyển.

Tình hình thật khẩn trương. Trong các buổi giao ban hàng ngày, Bộ tư lệnh Trường Sơn luôn phải nghe những báo cáo không vui về số cán bộ, chiến sĩ hy sinh, về số lượng xe bị bắn cháy, về những kế hoạch vận chuyển thực hiện chậm trễ. Thủ phạm gây nên tai hoạ này là máy bay AC 130.

AC 130? Loại máy bay này có gì mà ghê gớm vậy?

Theo sự phân công của Bộ tư lệnh, tôi xuống binh trạm 32 đôn đốc việc vận chuyển vượt đường 9 và sông Xê Băng Hiên, rót hàng cho các binh trạm phía trong. Đây là một khu vực AC 130 hoành hành dữ.

Phụ trách binh trạm 32 lúc ấy có binh trạm trưởng Đặng Văn Ngữ và chính uỷ Phan Hữu Đại. Gặp hai anh,tôi hỏi luôn công việc:

- Mấy hôm nay làm ăn thế nào, hai anh? AC 130 còn làm dữ lắm không? Ta có cách gì trị được nó chưa?

Anh Ngữ đáp:

- Nó vẫn canh riết quãng từ đường 9 đến ngầm Tha Mé. Xe mình vừa dàn ra đường là nó đến, đánh thật AC một chập từ 7, 8 giờ đến 10 giờ, 11 giờ... Nửa đêm, nó lơi một chút, xe mình nhích được một đoạn thì nó lại đến, đánh dồn dập cho đến sáng. Chúng tôi đã làm đủ phép, vận chuyển có khá hơn trước một ít, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu. Còn mệt với thằng giặc này, anh ạ.

Ngừng một lát, ngẫm nghĩ, anh Ngữ nói tiếp:

- Nói vậy chứ tôi chưa chịu nó đâu. Mà kể ra tôi cũng đã lấn nó được một tí. Có thể nói chúng tôi đã làm chủ được đoạn đường từ Khu Kho Na Hang đến chân Phù Kiều.

Anh Ngữ cho biết: binh trạm đã sử dụng tiểu đoàn công binh của mình mở một đoạn đường bí mật từ Kho Na Hang đến Phù Kiều. Nhờ có rừng già che chở nên đường kín lắm. Xe có thể vào kho ăn hàng từ giữa trưa, rồi xuất kích giữa ban ngày ban mặt, ra tập kết ở chân Phù Kiều, đợi lúc chiều nhập nhoạng tối là tranh thủ vượt trọng điểm.

Tôi chăm chú nghe và cúi xuống tấm bản đồ trải rộng trên mặt bàn, dò theo con đường mới mở. Nhìn khu vực Phù Kiều tô màu xanh thẫm, tôi hỏi anh Ngữ:

- Đây là rừng già, đúng không anh?

- Vâng. Rừng già.

- Thế thì đoạn đường bí mật cho xe xuất kích ban ngàycó thể kéo dài qua Phù Kiều ra đường 9 được không?

- Vậy! Tôi cũng đang tính. Ngặt một nỗi là còn vướng cái bản sơ tán của dân. Dân người ta rời bản năm lần bảy lượt rồi; đến đây, vừa dựng xong cái nhà ở chưa ấm chỗ, vừa phát cái rẫy có bao nhiêu thóc giống đổ ra gieo cả; bây giờ lại đi nữa thì ăn ở sinh sống ra sao?

Chúng tôi im lặng nghĩ về những người dân Lào anh em ở hàng trăm bản làng rải rác dọc Tây Trường Sơn. Bom đạn giặc Mỹ đã gây cho bà con bao nhiêu đau khổ. Bà con đã dũng cảm đương đầu với mọi khó khăn, nguy hiểm, đã hy sinh cao cả vì tuyến đường chiến lược Trường Sơn. Vậy nên khi nghe anh Ngữ nói tới cái bản sơ tán trong rừng, thì tôi tạm gác câu chuyện kéo dài đoạn đường xuất kích ban ngày.

Buổi trưa hôm ấy, tôi xuống tiểu đoàn 102 xe hơi - một đơn vị anh hùng, gặp một số anh em cán bộ, chiến sĩ lái xe. Tôi nêu với anh em một câu hỏi:

- Máy bay AC 130 có những cái gì mạnh? Nó có chỗ nào yếu không?

Tiểu đoàn trưởng Quảng là một cán bộ dũng cảm, hăng hái, bộc trực và rất tự tin. Đứng trước cấp trên, chẳng hề rụt rè, lúng túng, anh quay về phía chiến sĩ nói bằng giọng mạnh bạo:

Cấp trên đã hỏi, các đồng chí ta cứ nói thật, nói hết, ta thấy sao nói vậy. Tôi xin nói trước. Anh em ở đây đều là những người đã được thử thách nhiều thì

năm bảy mùa vận chuyển, ít ra thì cũng một vài mùa. Anh em không dao động, không sợ địch. Anh em nhìn thẳng vào thằng địch, thấy cái AC 130 này thật là lợi hại. Nó khác nhiều, AC ôn nhiều. Anh em gọi nó là thằng AC ôn, thằng xin thùng, thằng sập thùng mà ...

Quảng đã "gây men" cho anh em chiến sĩ sôi nổi phát biểu ý kiến, mỗi người một câu, một ý:

- Thằng AC 130 này cáo lắm. Nó quan sát tinh, bắn ác, lơ mơ là sập thùng với nó như chơi.

- Lạ lắm. Nó như nghe được tiếng động cơ xe mình. Anh em chúng tôi đã nhiều lần ú tim với nó. Nó lượn vè vè trên đầu, mình nằm im thì không sao cả. Hễ mình nổ máy, là nó xập xình, xập xình một tràng ngay. Mình tắt máy nó bắn thêm vài phát rồi bỏ đi. Mình thấy im ắng, mở máy chạy, chưa được bao nhiêu đường đất, nó lại lù lù dẫn xác tới rồi. Thế là mình đã đi mò đến cả đèn gầm cũng không mở? Như vậy, có phải là nó nghe được tiếng động cơ xe không?

- Có khi nó có máy phát hồng ngoại tuyến, xe cậu Tầm C3 rúc bụi nằm im ro rồi, chỉ còn hở cái đít, thế mà nó bắn trúng đấy.

- Thằng này bắn ác. Nó đã bắn không cháy xe cũng xẹp lốp ít khi trượt. Mà đã xẹp lốp giữa trọng điểm thì gay go rồi.

Nguy hiểm nữa là thằng này đánh mình bất thần, không thả pháo sáng, cũng không chờ máy bay trinh sát đi dò trước. Nó lại bám dai như đỉa đói, sao bụng nó chứa được lắm xăng, nhiều đạn thế không biết?

Tôi hỏi nhỏ tiểu đoàn trưởng Quảng:

- Anh em nói vậy có đúng không?

Quảng đáp:

- Thưa đồng chí, anh em nói đúng đấy. Xin thú thật là trước đây cán bộ chúng tôi chưa báo cáo thật đầy đủ với cấp trên, vì có ý ngại là cấp trên không hiểu anh em, đánh giá là dao động, sợ địch. Bây giờ thì xin báo cáo thành thật rằng: cho vượt ngầm Tha Mé giữa ban ngày trước mũi F4, anh em

chúng tôi không ngại bằng chơi ú tim ban đêm với cái thằng AC 130 bất trị này.

Qua ý kiến anh em, tôi hiểu rõ thêm cái lợi hại của máy bay AC 130. Nói gọn lại, nó có ba chỗ mạnh:

- Một là nó có những trang bị tinh vi để bắt trúng mục tiêu di động trong đêm tối.

- Hai là nó có loại pháo 40 mi li mét bắn khá chính xác và công phá mạnh, mỗi viên đạn trúng đích đủ sức phá huỷ một chiếc xe hơi.

- Ba là nó hoạt động được nhiều giờ. Chỉ cần vài ba chiếc thay phiên nhau có thể "canh" suốt đêm trên một khu vực rộng lớn.

(Sau này, các cán bộ kỹ thuật của ta nghiên cứu kỹ về máy bay AC 130, cho biết nó được trang bị nhiều khí tài điện tử: như máy phát tia hồng ngoại dò nhiệt có thể khuếch đại ánh sáng hàng chục ngàn lần; máy thu tiếng động cơ, phương tiện điều khiển đưa đạn tới mục tiêu. Mỗi chiếc AC 130 mang theo cả một đơn vị chiến đấu tinh nhuệ với 14 nhân viên bao gồm người lái, trinh sát, pháo thủ. AC 130 to xác, là một mục tiêu mà bộ đội cao xạ tài giỏi của ta dễ bám bắt. Tuy vậy, bắn hạ nó không thể dễ nó chỉ rơi khi trúng đạn vào chỗ hiểm. Trong trường hợp này, nó sẽ tự huỷ hoại hoàn toàn, để bí mật về cơ cấu của nó khỏi rơi vào tay đối phương).

Tôi ngẫm nghĩ, rồi đặt một câu hỏi :

- AC 130 có đúng là "bất trị" không? Chẳng lẽ nó không có chỗ nào yếu hay sao? Các đồng chí thử nghĩ xem...

Một chiến sĩ suy nghĩ lát lâu rồi nói:

- Thằng này đánh đêm thì tỉnh mà ban ngày xem ra nó - lơ mơ thế nào ấy. Chiều hôm nào xe ta leo lên Phù Kiều hơi sớm, nó chẳng bay trên đầu đấy thôi, tại sao nó không bắn? Hay là nó không thấy mình?

Một nhận xét nhỏ mà thật đáng quý! Nó gợi anh em nhớ lại nhiều trường hợp tương tự. Một chiến sĩ nói khẽ với người ngồi bên:

- Ừ, cái hôm cậu với mình về muộn, trời sáng rồi, nó còn "canh" trên đầu, sao nó không bắn?

Tôi thầm nghĩ: "Anh em nhận xét rất đúng". Chính tôi có lần đi công tác, xe chạy lấn sáng, gặp AC 130 lúc trời đã quang quẻ mà không thấy nó bắn.

Một chiến sĩ khác góp thêm:

- Cũng có lần nó bắn vào lúc sáng sớm, nhưng mà bắn không trúng. Như cái hôm ở bờ Bắc ngầm Tha Mé đấy.

Đôi mắt sắc của tiểu đoàn trưởng Quảng sáng lên. Anh cười vui vẻ:

- Không khéo thằng này là giống cú vọ, đêm thì tỉnh, ngày thì quáng!

Các chiến sĩ còn kể vài trường hợp máy bay AC 130 săn đuổi một đoàn xe, đến khi có một chiếc nào bùng cháy to thì nó bỏ đi.

- Như vậy có phải là thằng này kỵ ánh sáng không?

Trên đây chỉ là những nhận xét cảm tính. Chưa thể dựa vào đó để rút ra một kết luận chính xác. Dẫu sao, qua những điều mà những người đối mặt với địch quan sát được chúng tôi cũng có thể bước đầu đánh giá rằng AC 130 mạnh về ban đêm, kém khi trời sáng: Phải chăng đoạn đường kín, từ kho Nà Hang đến Phù Kiều đang phát huy tác dụng tốt cũng chứng minh điều đó? Phải chăng lúc này muốn đẩy mạnh công tác vận chuyển và giảm bớt thiệt hại, phải mau chóng kéo dài đoạn đường ấy? Và trong khi chờ đợi nên cho xe chạy từng tốp nhỏ, và khôn ngoan tranh thủ lúc sáng sớm, chiều tà.

*
* *

Đêm ấy, tôi cùng anh Ngữ vào hầm chỉ huy theo dõi đoàn xe trên tuyến vận chuyển.

Sáu giờ tối. Trạm "Ba-ri-e" chân Phù Kiều báo tin đội hình xe đã lên đèo hết. Vùng trời yên ắng.

Tôi cúi xuống tấm bản đồ, và chốc chốc lại nhìn đồng hồ, thầm ước đoán đầu đoàn xe đã tới đâu, đuôi nó ở quãng nào?

Khoảng trước 8 giờ, trạm phía nam Phù Kiều báo tin một phần ba số xe đã vượt đèo an toàn. Chợt anh Ngữ ngước lên, nghiêng đầu, quay một bên tai về phía cửa hầm, nghe ngóng. .

- Đấy ? Nó đấy ? - Anh khẽ nói .

Tôi lên khỏi hầm, nghe rõ tiếng máy bay ì ì, có vẻ nặng nề, chậm chạp.

Nó vẫn bay ầm ì, rù rì lâu lâu. Rồi đột nhiên dậy lên chuỗi tiếng nổ thật đanh. Tiếng nổ nhịp đôi, như anh em vẫn nhại "xập xình" hay "sập thùng". Tôi cảm thấy lòng rát bỏng. Tôi nhớ lại những gương mặt tôi vừa gặp hồi trưa. Có gần anh em mới hiểu họ là những chiến sĩ đáng yêu quý biết chừng nào! Họ biết rõ địch thủ của họ thật nguy hiểm, thật đáng gờm. Trái pháo 40 ly của nó có thể bất thần phóng xuống và mấy tấn đạn trên thùng xe có thể nổ tung. Biết vậy, họ vẫn bình thản lao vào cuộc vật lộn một sống một chết để đẩy từng chuyến hàng lên phía trước. Mỗi chiều, một lần, sau bữa cơm ăn qua loa, họ xách theo một gói lương khô, một bi đông nước, nhẩy lên ca-bin, sập mạnh cửa, và rồ máy, quả quyết lao vào trận.

Lúc này đây, họ đang phơi lưng dưới làn đạn địch. Tôi là người chỉ huy của họ, tạo điều kiện cho họ chiến thắng kẻ thù, làm tròn nhiệm vụ. Tôi bước xuống hầm chỉ huy, nhắc anh Ngữ lệnh cho các trận địa cao xạ bắn mạnh hơn.

Một lúc sau, anh Ngữ thông báo tình hình:

- Toàn đội hình xe đã vượt Phù Kiều. Hai chiếc bị bắn hỏng, phải nằm lại lưng chừng đèo. Ba xe chở gạo đi đầu đội hình vượt ngầm Tha Mé, một xe bị bắn cháy, còn hai xe qua được ...

Anh Ngữ nói thêm:

- Thế là anh em giỏi lắm rồi đấy, anh ạ?

Tiếng "sập thùng" lại dậy lên.

Lòng tôi bồn chồn. Tôi nghĩ tới đoạn đường bí mật, từ kho Nà Hang đến chân Phù Kiều. Phải tìm cách kéo dài nó ra, sớm ngày nào hay ngày ấy! Tôi hỏi anh Ngữ binh trạm trưởng:

- Anh Ngữ này, ta có thể vận động nhân dân ở cái bản sơ tán giữa rừng rời đi lần nữa được không?

Anh Ngữ ngẫm nghĩ rồi thong thả đáp:

- Rời thì rời được ngay thôi anh ạ. Nhân dân ở đây tốt lắm. Chỉ cần nói một câu là xong... Nhưng mà...

- Anh sợ gây khó khăn cho nhân dân nhiều quá chứ gì?

- Vâng, dân đến đây vừa phát rẫy, trỉa lúa xong. Bây giờ rời đi lần nữa, thì mai kia lấy gì mà ăn?

Tôi đã suy nghĩ kỹ nên quả quyết đáp:

- Thế này anh Ngữ ạ. Nếu cần bỏ ra 20 tấn gạo để đền bù cho dân bản đủ ăn đến mùa rẫy xong, chúng ta cũng không ngại. Miễn là mở được con đường an toàn đưa hàng ra mặt trận. Mà đem gạo nuôi dân, còn hơn là để cho thằng địch đốt cả gạo lẫn xe.

Anh Ngữ ngước nhìn tôi, nét mặt lộ vẻ mừng rỡ. .

- Nếu anh "quyết" cho như thế, thì coi như yên được cái chỗ bản ấy ?

- Còn chỗ nào mắc nữa?.

- Còn một chỗ... Một cái hẻm sâu giữa hai sườn núi dốc dựng đứng. Cán bộ công binh đi khảo sát về, báo cáo rằng không thể mở đường đi qua được:

Vậy là vẫn còn trở ngại. Công việc nối dài đoạn đường bí mật chưa thể bàn ngã ngũ.

Sáng hôm sau, tôi cùng anh Ngữ dự buổi giao ban hàng ngày .

Theo báo cáo của tham mưu trưởng, đêm vận chuyển vừa qua đạt hiệu suất thấp. Số đầu xe tới đích không nhiều. Số xe kín quay trở lại đơn vị càng ít. Có vài xe bị thiêu huỷ và một số xe hỏng phải nằm lại dọc đường. Có chiến sĩ hy sinh, mấy đồng chí khác bị thương. Mọi thiệt hại đều do AC 130 gây ra trên đoạn đường trống trải, xe ta chạy ban đêm.

Không khí trong Sở chỉ huy trạm thật nặng nề. Mọi người càng thêm lo lắng khi một sĩ quan thông tin mang đến bức điện hoả tốc, yêu cầu đưa ngay mấy chục tấn đạn pháo lớn cho một binh đoàn có nhiệm vụ đánh một cụm quân nguỵ ở khu vực số Nam đường 9.

Cuối buổi giao ban, tôi yêu cầu đồng chí cán bộ công binh báo cáo tỉ mỉ về cái hẻm núi mà đồng chí ấy cho rằng không thể mở đường vượt qua được.

Tức thì đồng chí Thụ, chủ nhiệm chính trị binh trạm 32 giơ tay xin nói:

- Tôi xin hỏi đồng chí công binh đã đến tận nơi, "chân đi mắt thấy, tay sờ" cái hẻm núi ấy chưa?

Đồng chí công binh lúng túng đáp:

- Tôi chưa đến, nhưng đã phái một cán bộ kỹ thuật đến xem xét đo đạc.

Chủ nhiệm chính trị Thụ nói bằng giọng gay gắt:

- Nếu anh chưa đến thì, xin lỗi, tôi chưa thể tin anh được Tôi đã theo xe đến tận chân Phù Kiều, rồi vào cái hẻm núi ấy xem có mở đường qua được không. Tôi không có chuyên môn, nhưng cứ như mắt tôi nhìn thì mở đường qua cứ được đi.

Để chấm dứt cuộc tranh cãi giữa Thụ và anh cán bộ công binh, tôi đề nghị cử một đoàn cán bộ đến tận nơi, nghiên cứu kỹ xem cố vạch cho được con đường bí mật vượt qua ngọn Phù Kiều.

Sau bữa cơm sáng, chúng tôi lên xe. Ngoài anh Ngữ và tôi còn có chủ nhiệm chính trị Thụ và đồng chí cán bộ công binh.

Chiếc xe con chạy khá nhanh theo con đường kín đáo binh trạm vừa mở. Đường rộng ba mét mặt. Nền đường rắn, phẳng, chưa bộc bụi, chưa lún vệt bánh xe. Hai bên đường, vô số thân cây lớn nhỏ san sát như hai bức vách dài ghép bằng gỗ. Bên trên lá xanh rì. Tôi có cảm giác như xe đang chạy trong một con đường hầm dài hun hút. "Con đường hầm" không tối tăm, bức bối mà sáng sủa, thoáng mát mẻ, có bướm bay, có chim hót, có phong lan rủ những giò hoa rực rỡ như muốn dâng tặng những người chiến sĩ chúng tôi.

Được chạy xe như thế này thật thoải mái, thú vị vô cùng, ước gì có thể kéo dài con đường này, kéo dài vô tận, kéo ngang kéo dọc Trường Sơn, tới các chiến trường xa xôi nhất.

Trong chốc lát, chúng tôi như trút được những lo âu nặng trĩu trong lòng. Đầu óc nhẹ nhõm, thảnh thơi. Chúng tôi trò chuyện râm ran.

Bỗng đâu vòm lá rừng rung chuyển ào ào như có cơn gió mạnh lướt qua. Rồi tiếng rít, tiếng rít chói óc.

Theo phản ứng tự nhiên, đồng chí lái xe của tôi đạp phanh đột ngột. Chiếc xe rùng mình sững lại. Mọi người chúi đầu về phía trước.

Anh Ngữ nhắc:

- Mặc nó. Cứ đi. Lũ "ép" này chỉ hùng hổ thế thôi, chứ gà mờ lắm, chẳng thấy quái gì đâu.

Quả thật, lán lá rừng dày lắm, chúng bay tưởng như sát sạt trên đầu mà chúng tôi không thấy chúng, thì chúng lại càng không thể thấy chúng tôi.

Vậy là chúng tôi có dịp để "khảo sát" kỹ lưỡng và thấy rõ tác dụng của "đoạn đường xuất kích ban ngày" của binh trạm 32.

Khoảng 10 giờ, xe đèn chân Phù Kiều. Chúng tôi xuống đi bộ luồn rừng, bám theo những cái cọc cắm sẵn cho con đường dự định mở.

Đến cái bản sơ tán giữa rừng, chúng tôi dừng lại nghỉ chân. Tiện thể, chúng tôi nói chuyện, thăm dò ý kiến mấy ông già trong bản:

- Xin hỏi các cụ: từ ngày giặc Mỹ đánh phá, bản ta phải rời đi mấy lần rồi?

Mấy cụ hỏi nhau và lẩm nhẩm tính toán một lúc rồi mới đáp:

- Lần này tám. Tám lần rồi.

- Bộ đội mở đường qua vùng này làm dân bản ta vất vả khó nhọc nhiều quá đấy!

Một cụ xua tay nói vội:

- Không! Không phải mà. Ta biết bộ đội tốt nhiều mà! Không phải tại bộ đội mà? Tại thằng Mỹ đấy thôi.

Một cụ khác tiếp lời :

- Thằng Mỹ đánh nước Việt, nước Lào. Người Lào, người Việt phải đoàn kết lại đánh nó chứ.

Ông cụ thứ ba:

- Người Lào giúp bộ đội Việt Nam làm được cái đường to cho cái xe to chở súng đạn đánh cho thằng Mỹ thua to, thế là mình ưng, mình vui cái bụng rồi?

Bằng những lời mộc mạc, mấy ông già Lào tỏ rõ mối tình đằm thắm với bộ đội ta. Các cụ cũng tỏ ý sẵn sàng rời bản đi lần nữa:

- Rời đi chín rừng, mười núi, dân bản ta chẳng sợ. Có đánh Mỹ xong mới được yên, được no, được vui mà!

Không xa chỗ chúng tôi ngồi, dưới chân một khóm mai rừng, hai cô gái bản Lào đang quay xa se sợi. Rời bản luôn như thế, chỉ lo làm rẫy lúa lấy lương ăn đã vất vả lắm biết các cô làm thế nào để trồng được bông dệt vải? Trông các cô thật tươi tắn và vô tư. Không biết các cô có nghĩ ngợi gì khi nghe chúng tôi bàn với các cụ già chuyện rời bản thêm lần nữa? Chỉ thấy các cô chỉ trỏ anh lái xe và mấy cán bộ trẻ, rồi ghé vào tai nhau thì thầm, khúc khích cười. Leo trèo, luồn lách trong rừng rậm độ một giờ nữa, chúng tôi đến cái khe núi đã từng là duyên cớ cuộc tranh cãi hồi sáng giữa anh cán bộ công binh và đồng chi chủ nhiệm chính trị binh trạm.

Quả là cái khe rất hiểm. Hẹp và sâu. Hai bên sườn núi đổ xuống gần như thẳng đứng. Tôi không nhớ ai đó thốt lên:

- Hừ! Chỗ này chỉ có lao cái cầu bê-tông là gọn.

Anh cán bộ công binh đưa mắt nhìn mọi người như có ý phân bua "Đấy! Tôi đã bảo anh em như thế nào, khảo sát rồi mà!".

Thụ, anh chủ nhiệm chính trị, từ nãy đã vượt lên trước mọi người, chạy đi xem xét lại địa hình. Lúc này, anh từ dưới khe sâu bám từng gốc cây, bụi cỏ leo lên, nói trong hơi thở hổn hển:

- Đề nghị các anh... đi xuôi xuống dưới này... Một quãng... Tôi xin chỉ cái chỗ có thể mở đường ra được.

Tất cả chúng tôi đi theo Thụ. Chịu lăn lộn xem xét kỹ địa hình dọc con khe. Thụ đã tìm được một phương án tốt. Anh vạch con đường đi xuôi theo bờ khe một quãng dài, đến một chỗ thuận nhất mới cho nó vắt sang bờ bên kia, đi ngược lên. Như vậy, đường vượt khe núi là một cái "cua" gấp, kiểu "cua tay áo" như anh em quen gọi. Mọi người trầm trồ:

- Được đấy!

- Năm điểm cộng.

- Phương án tốt.

Anh Ngữ cười, thân mật vỗ vai Thụ:

- Cho thôi chức chủ nhiệm chính trị, sang chủ nhiệm công binh được đấy.

Tôi quay sang hỏi anh cán bộ công binh:

- Đồng chí thấy thế nào? Cuối cùng thì đồng chí vẫn là người chịu trách nhiệm mở con đường này, vậy thì mở được qua đây hay không, đồng chí cứ thẳng thắn phát biểu ý kiến.

Anh cán bộ công binh hơi đỏ mặt:

- Thưa đồng chí chỗ này dứt khoát là mở đường qua được. Đúng là tôi có thiếu sót, tôi tin vào ý kiến anh em, mà chưa điều tra nghiên cứu kỹ...

*

* *

Đi nghiên cứu thực địa về, ngay buổi tối hôm ấy tôi bàn với anh Ngữ, anh Đại việc điều động lực lượng công binh mở gấp đoạn đường kín vượt ngọn núi Phù Kiều.

Việc di chuyển cái bản giữa rừng được thực hiện nhanh chóng, ổn thoả. Bộ đội ta giúp dân bản mấy tấn gạo và mấy chuyến xe chở người và mọi thứ đồ lề cần thiết.

Các cán bộ kỹ thuật cầu đường nhanh chóng đo đạc, vạch tuyến đường, tính toán khối lượng công việc từng khúc đường

Từng phần đường được phân chia hợp lý cho các đại đội trung đội bộ đội công binh. Các đơn vị lập tức hành quân gấp, rải quân dài theo tuyến đường. Các chiến sĩ đặt ba lô, xuống, đào hầm hố chống bom đạn, dựng cái lán ở tạm, roi nhanh chóng bắt tay vào việc.

Các chiến sĩ công binh của chúng tôi thật tài giỏi. Làm đường kín không được phép dùng thuốc nổ, vì cần giữ bí mật, cần bảo vệ tán rừng che phủ mặt đường. Anh em chỉ có trong tay cây cuốc, lưỡi xẻng, mũi choòng, con dao rừng... vậy mà công việc cứ chạy băng băng. Từng khoảnh sườn núi được xẻ ra, được san bằng. Từng khúc đường hình thành và kéo dài ra hai phía. Dần dần hàng chục khúc nối liền lại thành đoạn đường dài.

Các chiến sĩ làm việc mỗi ngày 10 giờ hoặc lâu hơn nữa, đạt năng suất bình quân từ 7 đến 10 mét khối một ngày công.

Gặp những quãng thưa cây, anh em phải để nhiều công sức vào việc nguỵ trang, không để lộ màu đất mới đỏ như son. Anh em bứng cây rừng trồng dặm thêm vào những đoạn đường dài hàng mấy trăm mét. Đất mới khô, trời nắng, muốn cho cây sống tốt tươi, phải gánh nước từ dưới khe sâu lên tưới, vất vả vô cùng! Lại còn những quãng không thể trồng cây, anh em có sáng kiến chăng dây, treo những sọt cây ổ quạ.

Đồng chí cán bộ công binh có thiếu sót trong việc khảo sát tuyến đường đã tỏ ra rất cố gắng trong việc thi công tuyến đường. Đồng chí đã bám sát đơn vị, chỉ đạo tốt kỹ thuật mở đường. Đặc biệt là ở cái khe hiểm nói trên, đồng chí đã có sáng kiến thu nhặt hàng chục chiếc thùng phuy hỏng dùng thay ống cống tiêu nước, giải quyết nhanh chóng khúc đường vượt qua khe.

Chẳng bao lâu, đoạn đường 20 kilômét được mở thông, nối liền với đoạn đường kín gần 60 kilômét trước đây. Thế là binh trạm 32 đã có gần 80 kilômét đường kín từ kho Nà Hang đến gần đường số 9.

Mọi người đều mừng rỡ, nhất là cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn xe hơi.

Xe tiểu đoàn 120 chuyển sang chạy ban ngày. Sáng sớm, đoàn xe lấy hàng ở kho Nà Hang và xuất phát, hành quân thưa, từng tốp ba chiếc một. Khoảng trưa, xe giao hàng ở cụm kho gần đường 9, rồi quay mũi trở về. Chiều về tới đơn vị anh em sửa chữa, củng cố xe cộ xong xuôi, còn kịp tắm giặt sạch sẽ trước khi ngồi vào bàn ung dung ăn bát cơm nóng với canh rau rừng, thịt hộp. Buổi tối, anh em có thì giờ nghe tin tức, đọc sách báo trước khi ngủ một giấc no mắt.

Các chiến sĩ lái xe khoẻ và trẻ ra trông thấy. Mà hiệu suất vận chuyển thì tăng vọt, ngày nào cũng vượt mức quy định. Người và xe được an toàn tuyệt đối. Đến cả những tai nạn đâm đổ, sút mũi, bẹp tai, gãy nhíp... cũng giảm đi rõ

Con đường kín đã tỏ ra sức mạnh bất ngờ của nó. Có thể nói nó đã thắng máy bay trinh sát điện tử vũ trang AC 130 một hiệp đầu tiên. Nó đã làm cho thứ vũ khí cực kỳ tinh xảo của "chất xám" Hoa Kỳ bị giảm hẳn uy lực.

Tôi đánh điện về Bộ tư lệnh Trường Sơn, báo cáo về chiến công mới của cán bộ, chiến sĩ binh trạm 32.

Nhận được điện, đồng chí Đồng Sĩ Nguyên lập tức đến tận nơi nghiên cứu và hết sức vui mừng. Chúng tôi cùng nhau bàn bạc, đánh giá lại hiệu quả vận chuyển trên đường kín, khẳng định tác dụng rõ rệt của nó, dự đoán triển vọng lớn lao của nó. Chúng tôi nhất trí là phải nhanh chóng kéo dài đoạn đường kín đã có, trước mắt làm thêm 80 kilômét từ khu vực đường 9, vượt sông Xê Băng Hiên vào binh trạm 33.

Nhiều tiểu đoàn công binh được điều động gấp để thực hiện nhanh chóng kế hoạch này. Một đơn vị đang mở đoạn đường vòng tránh ngầm Tha Mé được lệnh chuyển hướng làm theo phương án mới: trước định mở đường 6 mét bề mặt, nay rút xuống 3 mét bề mặt. Kinh nghiệm mở đoạn đường kín đầu tiên cho thấy: muốn giữ bí mật tốt, chỉ nên làm đường rộng 3 mét cho xe chạy một chiều. Trên đoạn đường mới, chỗ gay cấn nhất là bến vượt sông Xê Băng Hiên. Sông khá rộng, làm thế nào cho xe qua lại ban ngày để phát huy hiệu quả của con đường kín.

Các cán bộ, chiến sĩ đơn vị làm bến vượt đã cùng nhau bàn bạc, và tìm được cách giải quyết bằng kỹ thuật xây dựng bến và tổ chức, chỉ huy các đoàn xe vượt sông.

Về mặt kỹ thuật, trước hết chọn khúc sông đôi bề không quá thưa cây cối, bãi sỏi đá dưới lòng sông sẵn có những đám cây rù rì um tùm. Khi làm đường xuống bến, chỗ nào thưa cây phải trồng dặm thêm, hoặc làm thêm "giàn mướp" che kín mặt đường.

Về tổ chức, chỉ huy chạy xe: hai đầu bến cầu có các đài quan sát phòng không, các trận địa cao xạ, các trạm chỉ huy giao thông. Các trạm này kiểm tra các xe xuống bến, bắt nguỵ trang lại khi cần thiết; cho xe vượt sông từng tốp 3 chiếc một, tốp trước qua sông lên bờ rồi, tốp sau mới được xuống ngầm. Xe đang ở giữa sông thình lình máy bay địch ập đến, thì phải đỗ lại ngay, ẩn mình vào những đám cây rù rì.

Thế là con đường kín lặng lẽ vươn dài vào binh trạm 33. Tiểu đoàn 102 đã có ít kinh nghiệm chạy ngày lại có dịp thọc sâu hơn, đẩy nhanh một khối lượng lớn hàng hoá lên phía trước.

*

* *

Với thành công trên, Đảng uỷ binh đoàn Trường Sơn đã có cơ sở để hạ quyết tâm mở đường kín trên toàn tuyến.

Trong hội nghị toàn tuyến tổng kết mùa khô 1970- 1971, việc làm đường kín được đưa ra bàn bạc sôi nổi .

Một câu hỏi lớn: Có thể mở đường kín trên toàn tuyến Trường Sơn được không?

Trường Sơn bao la không phải nơi nào cũng có rừng già làm địa hình lý tưởng cho những con đường kín. Những cánh rừng non, rừng xăng lẻ, rừng tre nứa... tuy không có tán lá dầy, nhưng khéo nguỵ trang, thì vẫn có thể làm đường tương đối kín. Còn những cánh rừng thưa, những đồi cây lúp xúp, những trảng cỏ gianh..., nào có gì che phủ lên trên để mà làm đường kín? Và càng đi sâu vào phía Nam, càng gặp nhiều sông rộng, nước sâu, liệu có thể tổ chức cho các đoàn xe đi phà sang ngang giữa ban ngày?

Những kinh nghiệm làm đường kín và chạy xe ban ngày trên cung đường binh trạm 32 - binh trạm 33 đã đóng góp nhiều vào cuộc bàn cãi trong hội nghị.

Trên 150 kilômét đường kín ấy, đâu phải không có những chỗ địa hình trống trải. Nhiều quãng lúc đầu có làm giàn mướp nguỵ trang, được ít lâu thì giàn cây bị đổ hoặc khô héo, anh em công binh chưa kịp làm lại, nhưng các đoàn xe không thể ngừng hoạt động vẫn cứ chạy ban ngày và chạy an toàn. Có vài ba quãng đường không thể nguỵ trang, thì giải quyết bằng cách tổ chức chỉ huy chạy xe thật chặt chẽ, cũng coi như một bến vượt Xê Băng Hiên chẳng hạn.

Kinh nghiệm bến vượt Xê Băng Hiên cũng có thể vận dụng cho nhiều dòng sông lớn hơn một chút như Xê Na Nông, Xê Tề Loan... và nhiều sông khác. Riêng mấy khúc hạ lưu Xê Kông, Xê Xan, sông rộng nước sâu, các đoàn xe bắt buộc phải sang ngang bằng phà hoặc bằng cầu phao, thì có thể tổ chức vượt sông vào đêm tối hoặc buổi sáng mù sương. Chỉ còn vấn đề sắp xếp giờ giấc và cung độ thế nào, để các đoàn xe khỏi ùn ở các bến này vào giữa ban ngày.

Hội nghị đi đến nhất trí là có thể mở hệ thống đường chạy ban ngày ở khắp Trường Sơn song song với hệ thống đường hở chạy ban đêm. Gọi là đường chạy ban ngày cho chính xác vì hệ thống đường mới này bao gồm đường kín, đường tương đối kín, và đường nửa kín nửa hở.

Hội nghị cũng bàn việc phân công giữa các lực lượng trên toàn tuyến: bộ đội công binh và các binh trạm được giao làm các đoạn đường hướng về binh trạm phía trước; các trung đoàn công binh trực thuộc Bộ tư lệnh Trường Sơn tập trung vào xây dựng tuyến đường trục dọc quan trọng nhất.

Nhận thức đúng đắn về tác dụng của đường chạy ngày, tất cả các lực lượng công binh trên toàn tuyến ra sức phấn đấu để mau chóng tạo nên một thế trận mới trên hệ thống đường Trường Sơn, bao gồm đường chạy ngày mở thêm kết hợp với đường chạy đêm sẵn có.

Binh trạm 31 đã tập trung lực lượng làm nhanh và tốt đoạn đường từ cửa khẩu Mụ Giạ đường 12, chạy song song với đường 129 xuống Mường Phin.

Binh trạm 14 mở đoạn đường từ cụm C trên đường 20 xuống Na Hang, nối với đoạn đường kín đầu tiên đã nói ở trên.

Binh trạm 32 nán lại và hoàn chỉnh đoạn đường từ Na Hang vào binh trạm 33, trước đây mở gấp, chưa thật tốt.

Binh trạm 33 mở tiếp đường vượt sông Xê Nang Nông chạy dài theo đường 22 và La Hạp - Đoạn đường này địa hình phức tạp, khó làm, nên làm suốt mùa mưa qua mùa khô, đến tháng 3-72 mới hoàn thành.

Binh trạm 34 phụ trách đoạn đường từ La Hạp vào binh trạm 35, tiếp tục củng cố đường hở chạy đêm trong khi nghiên cứu, khảo sát chuẩn bị mở đường chạy ngày.

Binh trạm 35 mở tiếp vào binh trạm 36 và binh trạm 44

Từ binh trạm 36 vào binh trạm 47 địa hình phức tạp, phải sử dụng đường hở trong khi chờ đội khảo sát đường kín.

Binh trạm 47 làm đoạn đường vào binh trạm 37.

Binh trạm 37 phụ trách nghiên cứu đường từ Phi Hà vào. Bắt đầu (miền Đông Nam Bộ) và B3 (Tây Nguyên).

Hai trung đoàn công binh chủ lực 10 và 98 tập trung làm tuyến đường chạy ngày hoàn toàn mới và hoàn chỉnh không phụ thuộc vào đường hở, kéo từ Nam đường xuống Khe Nam (phía Nam bản Bạc). Đường này làm hai tuyến song song kiểu đường đôi, tuyến này cho xe chạy vào, tuyến kia cho xe chạy ra, các đường xe lớn ra vào thuận tiện, nhanh chóng, không bị ùn tắc. Đây là đoạn đường kín khá dài - hơn 500 kilômét - làm trên địa hình tương đối thuận lợi, được khảo sát tốt, được thi công vừa nhanh chóng vừa bảo đảm kỹ thuật. Nó đã phát huy tác dụng lớn trong nhiều mùa vận chuyển.

Với những cố gắng trên, đến đầu mùa khô 1971 - 1972, binh trạm Trường Sơn đã đưa vào sử dụng thêm nhiều đoạn đường chạy ngày với chiều dài hàng ngàn kilômét, nhanh chóng nâng cao khối lượng hàng đưa vào các chiến trường.

*
* *

Không thoả mãn với những thành tích trên, Bộ tư lệnh Trường Sơn một mặt chỉ đạo việc bảo quản, củng cố và sử dụng tốt hệ thống chạy ngày đã có, một mặt đôn đốc việc khảo sát, xây dựng thêm những tuyến mới, nhằm tạo nên một hệ thống đường chạy ngày hoàn chỉnh.

Các đoàn xe chạy ngày đạt được hiệu suất cao hơn lúc chạy đêm. Tuy vậy, đôi khi chỉ một trắc trở chậm giải quyết có thể làm các kế hoạch vận chuyển bị ngừng trệ nhiều ngày.

Đầu tháng 11 năm 1971, chúng tôi tổ chức nhiều trung đoàn xe hơi chạy ban ngày đi thẳng vào khu vực Bạc. Từ Mụ Giạ đến khu vực đường 9, các đoàn xe chạy với tốc độ khá. Nhưng trước sông Xê Băng Hiên, cả đoàn xe non nghìn chiếc phải nằm lại. Mới từ mùa mưa chuyển sang mùa khô, nước sông còn đầy, mấy cái "ngầm" đều chưa sử dụng - Xe phải dùng phà sang sông vào ban đêm. Thế là AC 130 lại mò đến đánh, có ba chiếc phà đều lần lượt bị đánh chìm, có chiếc dìm luôn cả xe xuống đáy sông.

Tôi được Bộ tư lệnh phái tới điểm nóng này nghiên cứu việc bảo đảm vượt sông. Tôi cũng thấy bí, ruột gan nóng như lửa đốt. Anh em có người bảo tôi:

- Sốt ruột cũng chẳng được anh ạ. Anh cứ ở đây, ta đi kiếm chim cu xanh tẩm bổ lấy sức, mấy hôm nữa nước xuống, ta lại mở nước rút...

Bấy giờ, dọc sông Xê Băng Hiên có từng bầy cu xanh bay đi tìm những đám si đầy quả chín. Mùa này chim cu xanh rất béo. Nhưng chúng tôi còn lòng dạ nào để thưởng thức sự ngon ngọt của thứ chim rất quí này?

Tôi cùng anh Phan Hữu Đại đi dọc sông xem xét tình hình các bến phà, các đường ngầm. Gặp anh Tô Đa Mạn, trung đoàn phó trung đoàn công binh 98 cũng đang đi nghiên cứu địa hình, chúng tôi hỏi:

- Có chỗ nào làm được bến kín đáo không? :

Anh Mạn mừng rỡ: :

- Có một chỗ đẹp lắm. Mời anh đi xem.

Chúng tôi đi theo bờ sông, lúc luồn rừng, lúc bám mép moóc, ngược dòng chảy chừng 5 kilômét. Giữa một vùng cây cối rậm rạp, có một khúc sông sâu, hẹp. Và thật lạ lùng, có một chỗ hai bên bờ đều có những phiến đá cực lớn chìa ra, như hai mố cầu thiên nhiên. Khoảng cách giữa hai mô đá ước chừng 25 mét. Chỉ cần những thanh dầm 30 mét là có thể lao cầu vượt sông. Vùng rừng quanh đây, không thiếu loại cây vừa cao to vững chắc. Chúng tôi quyết định cho bắc cầu và mở gấp hai nhánh đường kín ở hai đầu cầu.

Quyết định trên được anh Tô Đa Mạn đôn đốc bộ đội thực hiện nhanh chóng. Hai hôm sau những chiếc xe đầu tiên lăn bánh qua cầu, bon nhanh về phía Nam.

Đến đêm hôm sau nữa thì cả ba trung đoàn xe hơi đã sang sông để chạy tiếp trên đường 24 là trục đường kín rất đẹp mà hai trung đoàn công binh 10 và 98 có công xây dựng.

Được tin này, anh Đồng Sĩ Nguyên hết sức vui mừng.

Mấy hôm sau, tôi có dịp gặp anh, anh tươi cười hỏi:

- Anh làm thế nào mà tài thế.

Tôi thành thật đáp:

- Tôi có tài gì đâu! Anh em người ta tài đấy thôi.

Tôi kể lại chuyện phó công binh Tô Đa Mạn đã tìm ra chỗ bắc cầu với hai mố cầu thiên nhiên, chính anh là người đầu tiên nảy ra ý định bắc cầu, và tôi

chỉ là người biết ủng hộ cái ý định ấy, tạo điều kiện cho nó trở thành hiện thực và phát huy tác dụng.

Trong những năm công tác ở Trường Sơn, tôi gặp rất nhiều trường hợp tương tự: anh vấp khó khăn, tưởng chừng bế tắc, nhưng nếu anh không đầu hàng, anh lao đi tìm cách vượt qua, thì đông đảo cán bộ, chiến sĩ sẽ hăng hái đem sức lực và trí tuệ giúp anh giành thắng lợi.

*
* *

Đến tháng 2-1972, đường kín đã vươn tới Khe Nam ở phía Nam bản Bạc .

Theo những đoàn xe chạy ngày, hàng chục nghìn tấn hàng dồn đến khu vực này và ứ lại.

Phía trước là một vùng rừng khọoc, cây cối thưa thớt, nhiều đồng chí cho rằng không có đất cho đường kín. Các đoàn xe vẫn phải chạy đêm trên đường hở, và AC 130 lại lồng lộn săn đuổi, hầu như đêm nào cũng có một số xe bị bắn cháy.

Tôi được cử đến đây xem xét tình hình. Tiếp xúc với một số cán bộ, tôi nghe được một ý kiến cho rằng có thể mở đường nửa kín nửa hở cho xe chạy ngày dọc theo bờ bên phải sông Xê Kông. Ý kiến này bị một số đồng chí tự cho là "thổ công triền sông Xê Kông" bác bỏ. Vậy là đúng hay sai? Có nên cất công nghiên cứu lại không? Nếu như đây là một ý kiến đúng đắn, tích cực mà chúng tôi bỏ qua, thì lỗi lầm ấy không thể tha thứ được ?

Tôi bàn với anh Tiệp, Cục trưởng Cục cầu đường, hai chúng tôi cùng nhau đến xem tận nơi.

Đi hết đoạn đường kín đến Huội Cỏ, chúng tôi tạm dừng, chặt thêm cành lá tươi nguỵ trang xe thật kỹ. Đợi đến khoảng trưa - thường là thời gian máy bay địch thưa hoạt động - chúng tôi đi tiếp theo đường hở đến Bản Phồn. Quả là địa hình ở đây trống trải. Càng đi tới càng thấy giảm bớt hy vọng đưa con đường chạy ngày đi sâu xuống vùng phía Nam.

Vùng rừng ven đường rất thưa cây, và hầu như chỉ có một thứ cây khọoc, mùa này đang bắt đầu rụng lá. Cả một quãng đường dài tới vài chục kilômét, xe của chúng tôi cứ phơi lưng chạy giữa trời quang. Nắng trưa mùa khô

chang chói, và con đường đất gập ghềnh bốc bụi đỏ mịt mù như thách thức lũ giặc trời.

Trừ đồng chí lái xe, anh Tiệp, tôi và các đồng chí cùng đi chia nhau quan sát mọi phía, đề phòng máy bay địch thình lình ập tới.

Chợt thấy xa xa phía trước cuộn lên một cơn lốc đỏ.

- Cái gì vậy?

- Bom à? Chạy chầm chậm lại xem sao đã !

Đồng chí lái xe thận trọng cho xe tạm dừng dưới một lùm cây.

Đám bụi nâu dịch lại gần, trông dữ dội hơn. Rồi chúng tôi nghe rõ dần từng tiếng động cơ xe hơi.

- Lái xe đơn vị nào mà táo tợn vậy?

Trước mắt chúng tôi, hiện rõ dần bóng dáng một chiếc Din (zil) 130 đồ sộ. Chiếc xe đậu lại dưới bóng một cây dầu, cách chúng tôi vài chục mét. Cửa buồng lái bật mở ra. Một chiến sĩ lái xe nhẩy xuống đường, bật reo lên:

- Ối anh Xi, anh Xi! Anh chạy lại nắm chặt tay tôi.

- Các "cụ” đi đâu mà đi giữa trưa thế này, không sợ nó cù à?

- Xe bọn mình nhỏ con, chúi đâu chẳng được. Thế còn cậu xe to như thế mà dám chạy ngày giữa đường trống?

Đồng chí lái xe con của chúng tôi xen vào:

- Ông bạo "phổi" thật đấy!

Anh lái xe Din 130 cười:

- Chẳng bạo cũng chẳng được. Quãng này chạy đêm cũng dễ "sập thùng" với thằng AC 130 lắm. Mà chỉ có quãng này là trống nhất chứ vào phía trong lại đỡ hơn. Cho nên tôi mới tính: tranh thủ lúc giữa trưa thằng địch nó ngủ, thì ta chịu khó thức mà "vù” đi một cái; chiều nay lại tha hồ tắm rửa, nghỉ ngơi, rồi đêm nay lại đi chuyến khác...

Đồng chí lái xe dũng cảm này vốn là chiến sĩ đơn vị cũ của tôi. Từ chuyện công tác, anh chuyển sang hỏi han tình hình sức khoẻ, tin tức hậu phương.

Cuối cùng, trước lúc chia tay, anh hỏi một câu thân mật mà như có ý trách móc :

- Sao cấp trên chưa cho mở đường kín vào sâu phía trong này? Anh em lái xe chúng tôi mong lắm. Chạy ngày đỡ mệt cho lính lái xe chúng tôi nhiều lắm?

Anh ta nói tiếng mệt bằng một giọng đặc biệt, khiến người nghe không chỉ là cái mệt thể xác và tinh thần, đây còn là cái mệt xương máu nữa! Tôi hỏi lại:

- Địa hình này có mở được đường kín không?

Anh đáp bằng giọng quả quyết:

- Đường thật kín thì chẳng có ở địa hình này. Nhưng đường nửa kín nửa hở từ Bản Phồn vào sâu trong kia tôi thấy dứt khoát là mở được. Mà theo tôi cũng chẳng tốn nhiều công sức lắm đâu. Hiện giờ nếu cấp trên cho chạy ban ngày, thì anh em chúng tôi chỉ "chờn" cái đoạn từ Bản Phồn đến Huội Cỏ thôi. Nếu mở được đường nửa kín nửa hở tránh đoạn này, thì chạy ngày tốt đấy.

Ý kiến của những người thực sự lăn lộn chiến đấu thật đáng quý. Một lần nữa chúng tôi lại gỡ được bí. Tôi và anh Tiệp đi tiếp qua bản Phồn, vào sâu phía trong. Đúng như lời đồng chí lái xe, đoạn đường này không thật kín nhưng rõ ràng là chạy ngày được. Nhìn sang hai bên đường thấy có những dải rừng cây khá dài, chúng tôi lại càng mừng.

Trở về chúng tôi phái người đi khảo sát đoạn đường từ đỉnh Phù Trường đến một điểm trên đường 16, nằm giữa Tha Teng và Bản Phồn. Đoạn này sẵn có con đường cũ từ thời Pháp, bỏ lâu ngày, chìm ngập trong cây cỏ. Khảo sát xong, chúng tôi điều động một tiểu đoàn công binh làm suốt đêm ngày: dọn sạch mặt đường, sửa sang những quãng sụt lở, bắc cầu hoặc làm ngầm qua khe, qua suối...

Chỉ hai ngày sau, đoạn đường này đã thông xe. Và các đoàn xe bắt đầu chạy ngày từ Phù Trường sang đường 16, rồi theo đường 16 dọc bờ Tây sông Xê Kông xuống At-tô-pơ cả cung đường này dài khoảng 200 kilômét. Nó nối liền với các con đường kín các binh trạm khu vực này đã mở từ mùa mưa

theo kế hoạch chung, đi hai hướng chiến trường B3 (Tây Nguyên) và B2 (đông Nam Bộ).

Nhờ vậy từ tháng 2-1972 cho đến mùa khô, các đoàn xe lớn rầm rập chạy ban ngày, có khi chạy suốt ngày đêm, đã chuyển được một khối lượng lớn vũ khí, khí tài, lương thực, quân trang thuốc men... phục vụ tết cuộc tổng tiến công mùa xuân 1972 ở Kon Tum (B3) và Lộc Ninh- An Lộc (B2).

*

* *

Thế là sau hai năm nỗ lực phấn đấu, bộ đội Trường Sơn đã xây dựng được một hệ thống đường chạy ngày dài hàng ngàn kilômét. Song song với hệ thống đường hơn chục ngàn kilômét xây dựng trong mươi năm trước. Hai hệ thống đường ấy kết hợp với nhau đã tạo nên một thế trận mới trên tuyến vận tải chiến lược, bảo đảm cho các đoàn xe lớn mạnh hoạt động hiệu quả hơn hẳn trước, tăng nhanh tốc độ và hiệu suất vận chuyển.

Những năm trước, các đoàn xe Trường Sơn hành quân theo đội hình đại đội hoặc tiểu đoàn, chạy từng chặng ngắn từ binh trạm này qua binh trạm kia, giao hàng xong lại quay về vị trí xuất phát ban đầu. Bây giờ thì khác hẳn: nhiều trung đoàn xe hơi nhận hàng ở "vùng cửa rừng" Tây Quảng Bình, chạy nhiều ngày liên tiếp theo hệ thống đường kín, để rồi giao hàng ở "cửa khẩu" của một chiến trường. Hàng hoá không phải qua nhiều lần dỡ xuống, xếp lên, được đưa nhanh tới mặt trận với khối lượng lớn, nguyên vẹn, đồng bộ, phẩm chất tốt.

Hệ thống đường chạy ngày còn bảo đảm cho các đơn vị thiết giáp và pháo hạng nặng hành quân đến các chiến trường được an toàn. Ở đây, xin mở một cái ngoặc để kể thêm rằng lũ giặc trời Mỹ rất hám săn xe tăng của chúng ta.

Khi nhận thấy đạn pháo 40 milimét của máy bay AC130 không đủ sức diệt xe tăng, chúng lập tức nghĩ tới một thứ pháo mạnh hơn, và chỉ ít lâu sau đã thấy xuất hiện một số máy bay AC 130 bắn pháo 100 milimet. Thế nhưng lúc ấy các đơn vị thiết giáp của chúng ta đã vào đường kín để giữ gìn lực lượng và bí mật, bất ngờ thọc sâu vào các chiến trường.

Hệ thống đường kín đã phát huy tác dụng to lớn.

Bấy giờ, để giữ bí mật, chúng tôi gọi đường kín là đường ca (K). Còn đường không kín - đường hở - thì gọi là đường hát (H).

Nói vậy không ngoa. Đây quả là một thời kỳ thắng lợi rực rỡ của tuyến vận tải chiến lược. Chưa bao giờ như những ngày này, những đoàn xe lớn mạnh - hai trăm, ba trăm, năm trăm chiếc - chất hàng ngàn tấn hàng trên lưng, đi thành đội hình đàng hoàng giữa ban ngày ban mặt, chạy thẳng từ hậu phương lớn tới cửa ngõ miền Đông Nam Bộ.

Đặng Hồng Liên ghi

(Rút trong tập Đường Hồ Chí Minh)

Dân Hồng (Nhà văn) - NÚI ONG, SUỐI MẬT

Đầu năm 1975, trong một chuyến đi dọc "đường mòn", tôi có dịp ghé thăm quân y viện 46. Đây là một trong những quân y viện lớn ở Trường Sơn. Có thể gọi đây là một cái "chốt" mà các chiến sĩ quân y cắm vào giữa vùng Ba biên giới, nổi tiếng là "cái rốn của bệnh sốt rét ở Đông Dương".

Tôi đến đây một buổi chiều tà. Đặt chân tới cổng viện, bỗng có ngay một cảm giác yên tĩnh và thư thái.

Tôi theo chân một chiến sĩ gái tìm vào viện bộ. Đường vào là một lối mòn xuyên giữa rừng già, râm mát và quang quẻ Mặt đường đỏ như son, lốm đốm những chấm nắng vàng. Nó gợi lên trong lòng tôi nỗi nhớ một làng trung du nơi hậu phương xa vời vợi.

Tôi tự hỏi đây vẫn là rừng, sao có gì khác mọi nẻo rừng tôi đã đi qua? Tiếng suối reo đâu đây nghe thật êm đềm. Tiếng chim rúc rích trên vòm lá nghe ấm áp làm sao. Và tiếng gió rừng nơi đây cũng hiền dịu lắm

Gió rừng vuốt ve mái tóc mềm mại của cô chiến sĩ rồi mơn trớn làn má nhớp mồ hôi, bụi bậm của tôi. Và thật bất ngờ, một làn hương ngan ngát dội vào khứu giác tôi. Tôi hít căng lồng ngực. Đúng một làn hương thơm ngát.

Không có lẽ cô chiến sĩ có khuôn mặt tròn như trăng rằm kia lại sức nước hoa thường ngày ư? Qua câu chuyện tôi được biết cô vốn là học sinh lớp 9, quê một làng biển Thanh Hoá. Cô vào Trường Sơn đã ba năm, ví như lúc lên đường cô có mang trong ba lô một lọ nước hoa nho nhỏ, thử hỏi làm sao cô còn giữ được đến hôm nay?

Hay đây là hương thơm của một loại hoa rừng nở sớm. Tôi ngước lên vòm lá trên đầu. Tìm mỏi mắt, không thấy một cánh hoa. Cũng chẳng thấy chút màu gì khác, ngoài màu xanh thẫm của tán lá rừng già. Tán lá dày tầng tầng lớp lớp. Nhòm lên cao, không thấy một mảnh da trời! Tôi bỗng thấy ngạc nhiên là làm sao vẫn còn một vài giọt nắng lọt được xuống mặt đất rừng?

Bây giờ tôi đã thật tin là chưa có thứ hoa rừng nào nở. Đang tiết đông lạnh lẽo thế này, còn lâu hoa rừng mới nở! Thế thì làn hương thoang thoảng kia bay từ đâu tới?

Tôi chưa kịp tìm ra câu trả lời. Cô chiến sĩ đã chỉ một ngôi nhà bên đường.

- Nhà ban chỉ huy đây, anh ạ.

Tôi chào cô chiến sĩ, rồi đứng lặng ngắm ngôi nhà gỗ ba gian khá khang trang. Lát sau tôi mới leo mấy cái bậc đất bước lên thềm.

Trong nhà, một người đang cắm cúi trên bàn viết, chợt ngước lên:

- Ồ nghe nói có nhà báo đến, tưởng ai hoá ra ông - Anh chạy ra, đỡ chiếc ba lô của tôi.

Tôi cũng kịp nhận ra bạn cũ, khẽ reo:

- Anh Hải. Anh vào đây lâu chưa? Có khoẻ không? - Anh xiết tay tôi chặt đến nỗi tay tôi đau điếng. Có lẽ đó là cái cách anh trả lời câu hỏi thăm sức khoẻ. Thấy tôi nhăn nhó, anh nới tay ra, mỉm cười:

- Thế ông tìm đến khu rừng âm u của chúng tôi, có "âm mưu” gì đấy?

- Nghe nói quân y viện của anh chẳng những không âm u mà lại rất ấm cúng kia. Cho nên tôi tìm đến.

- Thế thì trước hết xin nói ngay là không phải "của tôi”. Không, còn lâu mới là "của tôi". Tôi mới đến thay viện trưởng cũ. Tôi chưa làm được trò vè gì cho quân y viện này. Thật tiếc cho anh, anh Song vừa chuyển đi. Anh ấy là kỳ cựu ở viện này. Một viện trưởng mẫu đấy! Anh ấy đóng góp nhiều công lao xây dựng viện gần một chục năm nay. Những anh chị em cùng với anh Song xây dựng viện từ buổi đầu, nay cũng đã chuyển đi gần hết. Thật tiếc cho anh? Nhưng không sao, tôi sẽ giới thiệu với anh mấy đồng chí kỳ cựu đang còn ở lại đây. Anh chị em sẽ kể cho anh nghe về cái thời oanh liệt của viện này. Chứ bây giờ thì mọi cái đã thành khuôn, thành nếp, tôi cứ thế tôi làm. Công việc của tôi thường thôi, chẳng có gì đáng nói với anh.

Tôi hôm ấy, bác sĩ Hải tổ chức một cuộc họp mặt thân mật. Hầu hết những người anh gọi là "kỳ cựu” đều đến dự. Anh lần lượt giới thiệu từng người. Bác sĩ Phiệt, viện phó, gần năm mươi tuổi, là người lớn tuổi nhất viện. Y sĩ Sùng, trưởng ban y vụ, có thân hình cân đối, vững chãi của một vận động viên. Trợ lý quân nhu Mão, mang danh hiệu "nhà vô địch việt dã toàn viện". Y sĩ Ánh, người dân tộc Tày, vẻ hiền lành, phụ trách ban 3, được anh em gọi đùa là ông trưởng thôn 3... Cuối cùng là cô y tá Mỹ, con gái đất quan họ, bẽn lẽn như một nàng dâu mới.

Mọi người quây quần chung quanh cái bàn lớn ở gian giữa nhà chỉ huy viện. Uống những chén nước chè rừng chan chát. Chia nhau vài điếu thuốc lá hiếm hoi.

Và mỗi người góp một câu, cùng nhau ôm lại những trang vẻ vang của quân y viện.

Tiền thân Viện 46 là một đội điều trị cơ động của Cục quân y. Tên gọi tắt: ĐT 13. Đội thành lập vào những ngày đầu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ. Lập xong, bắt tay ngay vào việc cấp cứu thương binh, phục vụ chiến đấu ở khu vực phía Tây Nam Hà Nội .

Sang năm sau (1966), đội vượt chặng đường dài đầy bom đạn vào vùng Bắc sông Gianh. Ở đây, cuộc chiến đấu để giữ gìn các bến vượt trên dòng sông lớn này diễn ra ác liệt. Anh chị em từ bác sĩ đến y tá cầm dao lên rừng chặt tre, đốn gỗ làm cả chục dãy lán để đón thương binh. Giặc đánh ngày càng ác. Tính mệnh thương binh bị đe doạ. Anh chị em lại cầm choòng đục đá, sửa sang mấy cái hang động lớn, đón thương binh vào ở cho được an toàn.

Mùa xuân Mậu Thân (1968), mặt trận đường 9 sôi sục trong khí thế tổng tiến công của cả miền Nam. ĐT 13 được lệnh vào trụ trên đất lửa Vĩnh Linh phục vụ thương binh của các đơn vị chiến đấu ở khu vực phía Đông Quảng Trị. Những tổ phẫu thuật xung kích của đội áp sát bờ sông Bến Hải để có thể mau chóng cứu chữa thương binh. Một số chiến sĩ quân y ĐT 13 đã bị thương, hy sinh. Họ đổ máu của chính mình, để cầm giữ cho dòng máu đào của thương binh mau ngừng chảy.

Tháng 5 - 1968, ĐT 13 được bổ sung thêm một số bác sĩ y tá trở thành một đội ngũ vững mạnh trên 100 người và bắt đầu cuộc hành quân vượt Trường Sơn vào vùng Ba biên giới.

Mảnh đất đầu tiên được lựa chọn để xây dựng cơ ngơi của Quân y viện 46 là khu rừng Lâm Tôn, xã Đak Beng, thuộc huyện 40, tỉnh Kông Tum. Lúc bấy giờ mùa mưa Tây Nguyên đã bắt đầu. Bác sĩ, y tá, nhân viên, tất cả siết chặt dây lưng vào cái bụng lép kẹp, đội mưa đi đốn gỗ, cắt lá dựng cửa nhà. Mấy chặng thử thách ở Bắc Giang, ở Vĩnh Linh chẳng phải là vô ích. Nó đã giúp

cho những bàn tay chuyên cầm dao mổ và ống tiêm kịp làm quen với dao rừng, cưa, đục... Lần này đến Lâm Tôn, họ chỉ cần mười lăm ngày đã làm xong hơn ba chục căn nhà ấm cúng.

Nhà tạm xong, vừa lúc thương binh ngoài mặt trận dồn về ở góc rừng xa xôi, mọi cái đều thiếu thốn, công việc điều trị không ít khó khăn. Nhưng cái đáng lo hơn cả là chuyện chạy ăn. Chiến trường Tây Nguyên luôn luôn thiếu lương thực, mùa mưa ấy lại thiếu gay gắt nhất. Khẩu phần của cán bộ, chiến sĩ mỗi đơn vị rút xuống còn 100 gam gạo mỗi ngày. Riêng thương binh, bệnh binh được hưởng tiêu chuẩn 400 gam. Các đơn vị đã chắc chân ở đây còn có thể trông cậy phần nào vào các nương rẫy tăng gia. Viện 46 vừa chân ướt chân ráo đến nơi, chưa trồng tỉa được một hạt gì. Đành chỉ còn một cách đi hái rau, bới củ trong rừng, cố kiếm một chút gì thêm thắt vào bát cơm vơi của thương binh, bát cháo loãng của nhân viên trong viện.

Trong cảnh rau cháo ấy, có những chuyện thật cảm động về tình đồng đội.

Có một đơn vị bộ đội địa phương Kông Tum đóng gần Viện 46. Các chiến sĩ thương cảm trước cảnh đói thiếu của anh em quân y, bàn nhau đem tặng cả một cái rẫy mấy nghìn gốc sắn. Viện cử hai chiến sĩ Đinh và Lâm ra coi rẫy, hàng ngày dỡ sắn chuyển về. Dù ở riêng biệt xa đơn vị nằm giữa đống sắn ngồn ngộn, hai anh em vẫn thắt bụng chịu đói, không ăn thêm ăn nếm một củ nào. Hai anh ăn đúng như anh em ở nhà, nhưng công việc thì cố làm thêm. Hễ thấy quanh vùng có nương sắn nào dỡ xong là hai anh tìm đến. Hai anh kiên nhẫn bới từng luống đất, nhặt nhạnh từng củ sắn rơi vãi đem về, từng mẩu sắn gãy, gom lại, gửi về đơn vị.

Viện trưởng Song là một trong những cán bộ sống mẫu mực nhất. Anh em thương anh làm việc ngày đêm vất vả, thường dành cho anh bát cháo đầy hơn. Anh không nhận, hay là nhận một cách miễn cưỡng để rồi lại sẻ bớt cho anh em khác.

Có hôm anh đến một bản xa nửa ngày đường chữa bệnh cho dân. Lúc về, dân tặng nải chuối, anh đeo lủng lẳng ở đầu gậy, vác trên vai. Về đến nhà, anh cắt nửa nải tặng lại mấy anh em thương binh, bệnh binh mệt nặng. Còn nửa nải, đâu sáu bảy quả, anh đem xắt tư, xắt năm chia cho anh em nhân

viên chung quanh mỗi người một khúc: "Coi như mỗi người uống một viên sinh tố, các đồng chí ạ!" - Anh nói.

Lại có lần anh Song đi họp về, tay xách một con chim cu xanh, thứ chim bổ béo nhất rừng Trường Sơn. Anh nhờ một chiến sĩ: "Làm lông, mổ ruột sạch sẽ rồi băm hộ mình. Băm rõ nhỏ nghe!". Ai cũng tưởng anh muốn nấu món gì ăn cho lại sức sau mấy ngày đi đường mệt nhọc. Chẳng ngờ khi thịt xương con chim nhỏ đã được băm nhừ, anh tự tay bưng đổ vào nồi cháo của đơn vị.

- Những lát chuối, những vụn thịt chim ấy chẳng làm chúng tôi béo được chút nào, nhưng đã làm chúng tôi khoẻ lên nhiều lắm. Khoẻ tinh thần. Khoẻ trong tình đồng chí, tình đơn vị. Chúng tôi đứng vững trong mọi khó khăn.

Y sĩ Sùng nêu một nhận xét về ý nghĩa những hành động “nhường cơm xẻ áo" nho nhỏ ấy. Rồi anh kể tiếp về những năm tháng gian khổ.

Viện 46 đứng chân ở Đak Beng được nửa năm. Nhà cửa sửa sang dần, vừa ấm chỗ. Vườn rau tăng gia vừa được hái lứa đầu tiên. Mùa khô đã đến, gạo hậu phương vào nhiều, nạn đói qua đi. Anh em bưng bát cơm đầy, vui vẻ bàn chuyện phát rẫy trồng ngô trồng sắn dự trữ cho mùa mưa năm sau. Nhưng mùa khô đến, thì lưỡi cuốc của anh lính công binh Trường Sơn cũng bổ mạnh hơn: một con đường mới được mở vào Khâm Đức, nó chạy sát sau lưng viện.

Cần phải tìm một chỗ yên ổn hơn cho thương binh, bệnh binh. Viện 46 đành lòng rời bỏ khu rừng Lâm Tôn đã bén hơi người.

Viện trưởng Song nhận thêm một chức mới: chỉ huy trưởng công trường. Anh dẫn đội quân lao động gồm bác sĩ y tá dược sĩ, chị nuôi - vào một khu rừng rậm. Họ lại chặt tre, đốn gỗ, cắt lá, đào hầm hố và thùng nhà âm... Họ đặt những kỷ lục mới trong công việc thổ mộc: đào đất chín mét khối một công; đốn gỗ từ hai đến bốn công cho một khung nhà. Họ làm mọi việc để xây cất trong rừng cả một cái làng một trăm năm chục ngôi nhà. Một cái làng văn minh, có đường đi lối lại phong quang, có nhà họp kiêm nhà hát, có nhà bếp, nhà ăn tập thể với những cái giếng khơi trong vắt, có nhà tắm và bến tắm bên bờ con Thanh.

Con sông nhỏ có cái tên thật dễ thương. Mà quả là nó dễ thương biết chừng nào. Nó tắm mát cho người. Nó tưới xanh những vạt rau trồng hai bên bờ. Nó dồn cá về cho tổ chài lưới đánh bắt mỗi sớm, mỗi chiều. Nó còn nhử bẫy nai rừng, bầy lợn cỏ... ra uống nước cho các chiến sĩ thợ săn phục bắn. Mọi người thích nhắc đến "thời kỳ sông Thanh" ấy? Một thời kỳ no ấm. Bữa nào cũng có rau xanh, có cá tươi Và vài ba hôm lại có bữa thịt rừng.

Anh Phù, người xứ Lạng, là tay thợ săn cừ khôi. Một năm ấy anh hạ được hơn trăm con thú, đem lại cho viện hàng mấy tấn thịt rừng. Phù quanh năm suốt tháng luồn rừng đi tìm thú khắp một vùng đầu nguồn sông Thanh. Một chiến sĩ nuôi quân đi phụ với Phù. Hễ Phù săn được thú là anh nuôi xả thịt, ướp muối hoặc sấy khô, rồi mang về viện. Lại có một anh dược tá đeo chiếc nồi hấp trên lưng, lẽo đẽo theo Phù. Hễ thú mổ xong, là anh ta thu lấy bộ xương, bắc nồi, nổi lửa nấu cao. Với cái nồi hấp hiện đại ấy anh chỉ cần hai ngày là nấu xong một mẻ cao. Một năm đi theo Phù, anh dược tá nấu được non tạ cao động vật tổng hợp. Cao ấy dùng làm thuốc bổ cho thương binh, bệnh binh.

Thời kỳ ấy mọi người trong viện đều được nuôi dưỡng tốt và công tác điều trị thương binh, bệnh binh cũng đạt nhiều thành tích.

Cái tết năm ấy là một cái tết phong lưu. Cấp trên cho nhiều lợn. Tổ săn của anh Phù hạ liền ba con nai vào mấy ngày giáp tết. Gạo nếp cũng dư dả, phần thì hậu phương gửi vào, phần là nếp rẫy tăng gia. Tiêu chuẩn tết của mỗi người trong viện lên tới 3 ký thịt, 3 tấm bánh chưng! Thật là rôm rả!

Nhưng cái tết ấy lại là một cái tết đau thương. Đúng giữa trưa mồng một, máy bay Mỹ ập tới, dội bom xuống viện. Ba người bị thương. Một chị y tá hy sinh. Và mọi người bỏ cả tết để lo chuyển thương binh, ra ngoài vòng nguy hiểm. Tiếp đó lại lo tìm đất mới, lo xây dựng lại tất cả từ đầu ..

Đến đất mới chưa được ba tháng, chưa ấm chỗ, thấy lũ giặc trời dòm ngó nhiều, lại đành phải chuyển đi...

Địa điểm thứ tư khá kín đáo, tưởng như có thể ở yên lâu lâu. Không ngờ lũ giặc trời lại đến, lần này chúng liều lĩnh dùng một đàn máy bay lên thẳng vũ trang đổ quân đánh phá một điểm nút giao thông không xa viện 46. Nhiều chiếc máy bay địch rà sát sạt ngọn cây rừng xả đạn vung vãi. Đến nước ấy

thì không thể ngồi im. Các cô y tá dìu hoặc cõng anh em thương binh xuống hầm. Còn những anh em khác giương súng máy và súng AK lên bắn máy bay. Một chiếc máy bay giặc loé lửa, tụt xuống thấp, mất hút mé cuối rừng. Hôm sau thấy từng bầy quạ kéo về, ầm ĩ khoảng rừng bên ấy. Đi dò theo bóng quạ trời, mới biết “con quạ Mỹ" hôm trước đã treo xác trên một cái cây cao nhất rừng. Trong bụng con quạ sắt ấy có hai xác lính Mỹ.

Lần ấy Viện 46 được cấp trên khen thưởng về thành tích bắn rơi máy bay. Viện nhận điện khen cùng với lệnh di chuyển sang địa điểm mới.

Thế là một lần nữa viện trưởng Song lại dẫn dầu đội quân bác sĩ, y sĩ, dược sĩ, y tá... mang cuốc, xẻng, dao rừng, cưa, đục... đi xây làng mới.

Cán bộ, chiến sĩ trong viện ngày càng quen với lối sống "du cư". Du cư mà không tạm bợ, đến đâu cũng xây dựng cơ ngơi đàng hoàng. Muốn xây môi người phải có bàn tay thợ. Trước khi sử dụng ống tiêm và dao mổ, người thầy thuốc ở Trường Sơn phải nắm cho chắc cây cuốc và cây dao rừng. Hãy làm nhà âm cho thương binh ở. Hãy đào đắp cho hầm mổ thật vững chắc để đường dao mổ được hoàn toàn chính xác, mặc bom rung, đạn rít bên ngoài? Nhưng thế vẫn còn chưa đủ. Người thầy thuốc ở Trường Sơn còn phải biết trồng rau bắt cá... để nuôi dưỡng thương binh. Và khi cần thiết thì dám lấy máu của chính mình tiếp thêm sức sống cho thương binh.

*
* *

Buổi chuyện trò hôm ấy đã giúp tôi hiểu những nét lớn về chặng đường gần mười năm của Quân y Viện 46. Nó cũng chuẩn bị cho tôi có thể nhìn rõ hơn bộ mặt của viện hôm nay.

Sáng hôm sau y sĩ Sùng dẫn tôi đi thăm khắp nơi trong viện.

Hai chúng tôi đi trên con đường đất đỏ, luồn dưới rừng cây mù sương, im ả. Sương tan dần. Nắng hửng lên. Và tôi lại ngửi thấy làn hương ngan ngát như chiều hôm trước.

- Này anh, có mùi gì thơm quá nhỉ? - Tôi hỏi Sùng.

- Hoa rừng đấy.

Tôi ngước nhìn lên tán lá trên đầu:

- Chẳng thấy cánh hoa nào!

- Không thấy được đâu. Thứ hoa này tôi cũng không biết tên gọi là gì. Nó nhỏ li ti, nhỏ hơn hoa cau nữa. Nó lại mọc trên ngọn cây cao, trên đầu những cành lá rậm. Làm sao mà nhìn thấy được? Chỉ có bầy ong tìm thấy nó thôi.

Sùng bước chậm lại. Rồi anh dừng trước một gốc cổ thụ bên đường.

- Anh xem cái tổ ong này - Sùng chỉ một mảnh ván gỗ rộng bằng cái quạt nan, táp vào cái hốc ở thân cây, chỗ ba chạc. Giữa mảnh ván có một hình hoa mai vẽ bằng vôi trắng. Chỗ nhuỵ hoa là một cái lỗ nhỏ, chốc chốc lại có một chú ong chui ra, vỗ cánh bay vù đi. - Ong chúng tôi nuôi đấy. Nuôi theo cái cách nhân dân ở đây dạy chúng tôi.

Sùng cho biết đây là một triền núi cao khoảng 1200 mét, thuộc huyện Đak Chung, tỉnh Tà Vèn Oọc, trong vùng giải phóng của nước Lào anh em. Một ngày đầu mùa khô, đoàn cán bộ Viện 46 chiếu bản đồ đến chân núi này dò tìm nơi kín đáo để xây dựng viện. ông già đầu bản đã đeo dao, xách nỏ dẫn anh em lên núi.

Leo một thôi dài, lên đến cánh rừng già thâm nghiêm này, ông cụ bảo anh em ngồi nghỉ bên bờ dòng suối nhỏ trong vắt, nước mát lạnh như nước đá. Ông cụ hỏi: "Rừng này, suối này đã vừa ý các con chưa?". Ông cụ vục nước vỗ lên khuôn mặt hồng hào, rồi ngồi lặng ngắm rừng bằng cặp mắt đầy vẻ âu yếm.

Lát sau, ông cụ đưa bàn tay gân guốc quệt chòm râu bạc lơ thơ, quay lại phía anh em, chậm rãi: "Núi này là núi Ong, suối này là suối Mật của dân bản ta đây. Chính ông cố bẩy đời của già là người tìm ra ngọn núi này. Cố có trí khôn hơn người đã nghĩ ra cách nuôi ong và dạy cho dân bản. Mấy đời nay, nguồn mật núi này đã đem lại phúc lành cho dân bản. Nhờ nó mà trẻ nhỏ mau lớn, người đau chóng lành, người già trẻ lâu, sáng lòng tinh mắt. Núi này con ong thích về xây tổ, làm mật, là đất lành đây. Cho nên dân bản ta muốn nhường cho bộ đội Việt Nam, bộ đội Cụ Hồ. Dân bản ta muốn nguồn mật núi này, sẽ thay máu cho người đau, cho người bị thương mất máu...".

Nghe ông già bản Lào nói vậy, anh em cán bộ viện 46 có ý phân vân. Họ e ngại đưa viện lên núi này, sẽ làm dân bản thiệt mất nguồn ong quí giá. ông

già bảo họ: "Các con không phải lo. Ta thuộc núi rừng này như lòng bàn tay ta. Ta biết tìm nhiều khoảnh rừng khác cho dân bản nuôi ong, lấy mật" .

Thế rồi ông già Lào bày cho anh em cán bộ xây tổ cho ong về làm mật.

Hàng năm, vào khoảng đầu mùa khô, khi người dân vùng Mặt trời mọc (Tà Vèn Oọc) này mài dao sửa soạn đi phát rẫy, thì những chú ong trinh sát cũng bay khắp các nẻo rừng tìm nơi xây tổ. Người đi phát rẫy phải lặn lội vất vả mới tìm được miếng đất tốt. Chú ong đi tìm chỗ ở cũng nhọc nhằn không kém; chú mơ một cái hốc thoáng rộng mà cửa thì nhỏ xíu, bày ong bé bỏng ra vào thuận tiện, những lũ chim ác không dễ chọc mỏ vào. Chỗ ở cần phải kín đáo, lũ gấu tham ăn và hung hãn không dễ sục vào cướp mật, lại còn phải tiện lối đi về những cánh rừng lắm loài hoa ngọt.

Những người phát rẫy hiểu nỗi khó khăn của bày ong. Họ nảy ra ý định giúp chúng một tay. Sẵn con dao sắc, họ chặt một khúc gỗ thơm, vạc ra thành những mảnh ván mỏng, trắng phau. Trên các thân cây rừng, thiếu gì những cái hốc, những chỗ lõm? Tuỳ chỗ mà đẽo mảnh ván cho khớp, táp chặt khít vào. Đục thêm một cái lỗ cửa xinh xinh. Thế là xong một "căn nhà" cho một bày ong.

Sẽ có một chú ong trinh sát bay tới. Mảnh ván trắng phau thu hút sự chú ý của chú. Chú đáp xuống đó. Chú bò chậm trên mặt gỗ thơm thơm. Chú tìm ra cái lỗ tròn và chui tọt vào trong. Chú dò xét khắp các góc nhà, và chắc hẳn là chú phải hài lòng thốt lên: "Chà? Tuyệt! Tuyệt". Thế rồi chú vội vã bay về trình với chúa ong. Bày ong sẽ dọn tới nhà mới không chậm trễ. Ở đây hoa rừng nở sớm, nở từ cuối mùa đông lạnh lẽo, và nở rộn lên vào lúc xuân sang. Rặt những hoa nhỏ li ti, mà chứa cơ man là nhuỵ ngọt thơm. Suốt mùa, bày ong chăm chỉ hút nhuỵ hoa và luyện mật. Đêm cuối xuân, các tầng mật đã ứ đầy. Mật quí ấy bầy ong đem trả ơn những người đã xây cho chúng căn nhà vững chãi, ấm cúng. .

Y sĩ Sùng chấm dứt câu chuyện nuôi ong, và dừng bước trên nhịp cầu gỗ bắc qua dòng suối nhỏ chảy róc rách

- Đây hôm ấy ông cụ cùng với đoàn cán bộ viện chúng tôi nghỉ chân ở khúc suối này đây.

Anh chỉ cái tổ ong trên một thân cây bên bờ suối.

- Còn đây chính là cái tổ ong mà ông già Lào đã làm cho chúng tôi xem. "Bài mẫu” ông cụ làm để dạy chúng tôi xây tổ nuôi ong.

Sùng đứng lặng hồi lâu, nhìn theo dòng nước chảy, như để nhớ lại bóng dáng ông già Lào, có tấm lòng cao cả. Cụ ở dưới chân núi này. Cứ theo dòng nước này đi xuôi xuống là tới cái bản nhỏ heo hút của ông cụ.

Sương tan hẳn. Rừng sáng lên. Những mảng trắng vàng lấp loáng trên mặt suối. Chim chóc bỗng hót rộn lên, dường như lúc này chúng mới tỉnh giấc và cất tiếng chào ánh bình minh. Gió rung cây xào xạc. Vài chiếc lá vàng bay, rơi rất chậm liệng qua liệng lại, trước khi thả mình trên mặt suối .

Chợt Sùng đưa tay quệt tóc tôi, rồi ngửa lòng bàn tay, chìa ra trước mặt tôi.

- Đây chính nó đây, thứ hoa mà bày ong ưa thích, ông cụ gọi là hoa gì, cái tên khó nhớ, tôi quên mất. Nào ai biết có lúc gặp nhà văn, nhà báo các anh. Các anh chúa là hay hỏi tận ngành tận ngọn...

- Thôi được! Ai mà biết hết tên cây cỏ Trường Sơn. Nhưng ông già Lào đã gọi nơi này là núi Ong, suối Mật, thì tôi cũng cứ tạm gọi hoa này là hoa mật. Được không nhỉ?

Tôi nói để Sùng khỏi băn khoăn vì không nhớ tên hoa. Và tôi ngửa lòng bàn tay đón bông hoa từ tay anh trao sang. Bông hoa nhỏ xíu, tựa dáng hoa xoan, cánh trắng muốt nhuỵ là một chấm tím hồng. Nó bé bỏng quá chừng. Một mình nó không đủ gây mùi thơm, dù tôi đã đưa lên tận mũi, ấy vậy mà nó đã góp phần tạo ra nguồn mật quí của suối Mật này.

- Anh vào ban dược với tôi. Anh sẽ được thấy những chai mật chúng tôi dành dụm từ vụ hoa mùa xuân năm trước.

Sùng dẫn tôi đi men theo bờ suối, ngược dòng nước chảy.

Đây một chòm năm nóc nhà quây quần bên suối. Sùng chỉ từng nhà. Nhà bào chế sáng sủa với những ô cửa sổ căng giấy nhựa trong suốt như kính. Nhà nhân viên gọn xinh. Nhà kho vững chãi trên miếng đất cao. Nhà cất rượu, nấu cao... đứng hơi tách ra một chút, bên kia dòng suối nhỏ.

Tôi leo qua một thân cây lớn nằm vắt ngang lối đi.

- Cây đốn làm nhà hay làm hầm mà to vậy? - Tôi hỏi Sùng .

Sùng cười:

- Không phải, cây thuốc đấy. Cây ngũ gia bì. Cây này ở đây không hiếm, nhưng không thể đốn bừa bãi được vì lẽ phải bảo vệ cây rừng và giữ bí mật chỗ đóng quân. Anh em ban dược vừa xin phép ban chỉ huy viện cho đốn một cây để bóc lấy vỏ ngâm rượu bổ. Ô, uống rượu này thì tha hồ ngủ ngon, có thể gọi là giấc ngủ thần tiên. Cho nên anh em gọi là rượu ngủ li bì.

Chúng tôi bước vào ngôi nhà nhỏ vừa là chỗ ngủ vừa là nơi làm việc của trưởng ban dược. Nhà vắng. Trên mặt chiếc bàn gỗ mộc, một cuốn sách dày cộp mở rộng: một cuốn dược học, có nhiều hình vẽ các loại cây thuốc.

Lát sau từ bên phòng bào chế, một người lật đật chạy về. Nom dáng người cao cao, mảnh khảnh, xanh xao, tôi đã đoán chắc là dược sĩ Trúc. Trong câu chuyện đêm trước, nhiều anh em đã nhắc tới anh, như một điển hình về người cán bộ giàu nghị lực, tận tuỵ. Anh có bệnh đau dạ dày, không mùa đông nào không có những cơn đau dữ dội. Cái dạo đơn vị hành quân vượt Trường Sơn, anh lên cơn đau, ngày ngày chỉ húp cháo loãng mà vẫn chống gậy, leo dốc, bám sát anh em.

Buồn cười là anh hành quân vào, mà lúc đến trạm, lắm người cứ ngỡ là cán bộ ốm đi ra Bắc nghỉ ngơi, chữa bệnh. Anh em trong viện ai cũng lo ngại cho sức khoẻ của anh. Mọi người khuyên anh nên dùng nhiều mật ong và cao động vật. Tất nhiên là anh hiểu hơn ai tác dụng của những thứ thuốc quí này đối với bệnh của anh. Anh lại là người nắm quyền phân phối các thứ thuốc ấy. Nhưng chính vì vậy mà anh càng dè xẻn khi phải dùng tới chúng. Ngay cả chỗ mật rút ra từ cái tổ ong chính tay anh gây dựng, anh cũng chỉ dùng một phần ít ỏi.

Anh Trúc là người mà sức sống lắng chìm vào bên trong. Bề ngoài có vẻ khô khan, lạnh nhạt. Anh nói năng nhỏ nhẹ, dè xẻn từng lời. Về cái kho thuốc rừng phong phú mà anh say mê khai thác, anh chỉ nói với tôi vài câu ngắn gọn.

Theo yêu cầu của tôi, anh Trúc dẫn tôi đi xem lướt qua cái “xưởng thuốc rừng" của anh.

Trước hết, chúng tôi sang bên kia sông, bước vào căn nhà nhỏ, ấm hơi lửa và nồng hơi rượu. Một cái nồi cất rượu đang sôi ùng ục. Anh dược tá trẻ bới một nồi cơm men đang ủ mé góc nhà, chỉ cho tôi xem những miếng sắn lát trộn lẫn một thứ cơm nát. Anh giải thích:

- Chúng tôi cất rượu bằng sắn tăng gia và gạo mục vét trong kho nuôi quân.

Anh lại chỉ đống vỏ cây xù xì màu nâu, có một ít đã được băm nhỏ:

- Đây là vỏ cây ngũ gia bì, chúng tôi băm nhỏ, chuẩn bị nấu cao để pha chế rượu bổ.

Đến kho thuốc dự trữ, anh Trúc chỉ cho tôi xem những chai mật ong vàng óng và những thùng sắt, hộp sắt chứa đựng đủ thứ thuốc rừng: nào những củ hà thủ ô, những hạt mã tiền, những rễ sâm cau thái lát, sao vàng, những thỏi cao động vật, cao thực vật bọc cẩn thận trong túi pô-ly-ti-len... Nhìn vào kho thuốc, thấy ngay trưởng ban dược là người biết lo xa, và sẵn sàng bám trụ lâu dài ở Trường Sơn.

Qua phòng bào chế, tôi gặp lúc cô dược tá đang đóng gói thuốc bổ huyết thành những túi năm mươi viên, một trăm viên. Y sĩ nhón tay lấy mấy viên thuốc đưa cho tôi:

- Anh xem. Thuốc trông xấu xí thế này mà quí đấy. Cao động vật, cao hà thủ ô luyện với mật ong. Nếu không phải ở Trường Sơn thì những thứ này đâu có dễ kiếm?

Tôi xóc xóc trong lòng bàn tay những viên thuốc tựa tựa những hạt hồ tiêu, màu nâu đen, chẳng được tròn trĩnh lắm, nhưng thơm thơm mùi mật ong rừng.

Y sĩ Sùng nói thêm :

- Thứ thuốc này, anh em bác sĩ, y sĩ chúng tôi "mê tín" lắm. Nó giúp chúng tôi lấy lại sức lực cho những thương binh, bệnh binh bị suy kiệt vì mất máu, và sốt rét. Cho nên ban dược sản xuất bao nhiêu chúng tôi cũng chẳng cho là đủ. Chúng tôi luôn luôn kéo nhau lên làm tình làm tội "ông chủ hiệu thuốc"

này, đến nỗi ông ấy không sao béo lên được nữa.

Anh Sùng mỉm cười thân mật nắm lấy cái cổ tay khẳng khiu, trắng xanh của dược sĩ Trúc. "Ông chủ hiệu thuốc" không cười, và cũng không nói gì thêm về công việc của lình.

Giữa Sùng và Trúc có những nét trái ngược.

Sùng có dáng người vững chắc, tính tình vui vẻ, hoạt bát. Anh có vẻ thích thú, hào hứng khi nói về cái quân y viện thân yêu của anh và anh nói về nó với một giọng vô tư; nói về nó mà quên hẳn mình đi, nhưng lại nhớ tỉ mỉ từng việc hay, ý tốt của anh chị em trong viện.
Trúc thì ngược lại, hình như anh tiếp tôi một cách miễn cưỡng. Có lẽ anh cho đó là một chuyện phù phiếm, không ích lợi gì. Anh muốn dành thời gian và sức lực cho những trang sách dược học, cho những bài thuốc thiết thực phục vụ thương binh, bệnh binh trong viện.

*
* *

Ban dược còn gọi là "xóm ông Trúc", có thể ví như một xóm nhỏ nằm trong cái "thôn viện bộ". Từ đây, y sĩ Sùng dẫn tôi đi vòng một lượt ba thôn khác, tức là ba ban điều trị 1, 2 và 3 .

Thôn này cách thôn kia chừng nửa giờ đi bộ. Đường "liên thôn" phảng phất bóng dáng những con đường ở các vùng trung du với màu đất đỏ thân thương, tán lá xanh hiền hậu và những nhịp cầu gỗ nhỏ bắc qua dòng suối không lúc nào ngừng reo hát.

Mỗi thôn mỗi vẻ. Thôn 1 trải dọc một đồi cây dài và hẹp. Thôn 2 nằm gọn trong cái lõm giữa hai nếp núi, có khe nước chảy róc rách, cây cối um tùm cao vượt hẳn vùng chung quanh. Thôn 3 ẩn mình trong khoảnh rừng trên sườn một ngọn núi nhô cao.

Cả ba thôn giống nhau ở những nếp nhà xinh xắn mái nứa, mái gianh, ở những lối đi nhẵn nhụi, rẫy sạch cỏ gai, ở những mảnh sân mà chiếc chổi nào vừa quét sạch lá rừng, đem vun quanh những gốc cây cổ thụ.

Các thôn còn giống nhau ở cách chia chòm chia xóm.

Thôn nào cũng chia bốn xóm khá rành rọt. Xóm Giữa ở nơi thuận tiện đường qua, lối lại, có nhà điều trị, nhà thuốc, nhà mổ, nhà câu lạc bộ và nhà họp kiêm luôn "nhà hát".

Kề bên xóm Giữa thường là xóm thương binh, bệnh binh. Xóm này đông đúc nhất, có chừng mười tám căn nhà nho nhỏ, xếp thành hàng lối.

Xóm nhân viên thưa nhà hơn. Ở đó rất dễ nhận biết một ngôi nhà nữ duyên dáng, có những lá rèm nhẹ nhàng, thanh thoát treo trên cái khuôn cửa sổ.

Cuối cùng là xóm chị nuôi, hơi tách xa ra một chút, đứng trầm ngâm bên bờ suối, thả lên lá rừng một làn khói mỏng như sương.

Có nhìn tận mắt những thôn, xóm ấy, mới hình dung được phần nào khối lượng công việc đồ sộ phải làm để xây cất một ngôi làng. Vậy mà năm nào cán bộ, chiến sĩ viện này cũng nhổ làng cũ, xây làng mới. Và họ luôn phấn đấu để làng mới bao giờ cũng đẹp hơn làng cũ.

Ở cái làng trên vùng núi Ong, suối Mật hôm nay còn có một công trình vượt qua ngoài khuôn khổ của một làng: đó là con đường xe hơi nối cái làng chon von đỉnh núi này với hệ thống đường Trường Sơn. Phải xếp nó vào cỡ đường huyện, đường tỉnh gì đó. Nó chỉ dài hơn 5000 mét nhưng đây là 5000 mét đường núi, có vách dựng đứng và vực sâu thăm thẳm, có dốc đèo và cua chữ S quanh co, cua tay áo gấp khúc, có cầu gỗ bắc qua khe và đường ngầm xếp đá băng qua suối.

Hôm đến viện, tôi đi một con đường tắt. Hôm nay tôi mới đi "xem mặt" con đường xe hơi 5000 mét này, và tôi bỗng hiểu thêm rằng cán bộ, chiến sĩ viện 46 không chỉ thạo xây cất nhà cửa, họ còn giỏi xẻ núi mở đường như những tay công binh chính cống. Họ đã quyết đổ công sức ra để mở con đường. Bởi

vì họ đã tính toán kỹ, thấy nó sẽ làm lợi cho hàng chục ngày công đáng lẽ phải dùng vào việc gùi gạo. Ấy là chưa kể một cái lợi không thể hạch toán được: rút ngắn thời gian đón thương binh vào viện (trước kia cáng thương binh đi bộ mất 1 giờ 30 phút; nay đưa thương binh lên xe hơi đi chỉ mất 30 phút).

Sau khi "xem mặt" con đường xe hơi, chúng tôi đã khép kín cuộc hành trình vòng quanh viện. Vừa hết nửa ngày. Đi ngang một quãng rừng thưa, thấy mặt trời lên giữa đỉnh đầu. Rừng ấm nóng, và cùng một lúc tiếng ve bỗng ran lên khắp nẻo.

Chúng tôi quay về viện bộ.

Nửa đường, đến một khe nước, tôi chợt phát hiện những ống bương nối dài dẫn nước vào sâu hút một vùng bãi đầy lau lách.

- A! Một đường ống? - Tôi hỏi Sùng.

- Đúng! Một công trình thuỷ nông - Sùng vui vẻ đáp.

Chúng tôi xắn quần, rẽ lau lách, đi theo đường ống bương dẫn nước. Đi hết bãi hoang, chúng tôi khoan khoái đặt chân vào một khu vườn xanh mát mắt.

Sùng cho biết đây là vườn rau của ban 3, vườn rộng chừng ba ngàn mét vuông, chung quanh có rào chống thú rừng. Đất màu nâu đen tươi xốp và ẩm mát. Ống bương nước chạy vào chính giữa khoảng vườn. Nó chia nước cho bốn cái máng nhỏ rót vào những cái rãnh đào giữa các lô đất ống nước chảy suốt ngày đêm, tưới mát khu vườn, lại còn tuôn đầy ắp những cái hố trữ nước. Các lô đất, tất cả sáu lô được đánh thành những luống vuông vắn. Hầu hết trồng rau cải củ. Một vài luống trồng hành và mấy thứ rau thơm.

Sùng nói, trồng tỉa, tưới tiêu như thế này cũng có thể gọi là văn minh đấy chứ. Phải không anh?

Không đợi tôi trả lời anh nói tiếp:

- Mỗi ban của chúng tôi đều có một vườn rau tương tự thế này. Tuy vậy vẫn quá ít so với nhu cầu của thương binh, bệnh binh, nhân viên còn phải trông cậy nhiều vào rau rừng. Rau rừng ở đây xếp vào loại rau cao cấp, dành cho những bữa tươi. Lứa rau này chúng tôi có ý chuẩn bị để ăn Tết đấy.

Cũng chẳng còn mấy ngày nữa đâu...

Phải! Chẳng còn mấy ngày nữa là đến Tết, sang xuân. Và ngay lúc này, tôi đã thấy màu xuân, màu Tết ở những luống rau, hành xanh mơn mởn!

Tôi nhìn xa ra phía cuối vườn. Ở đó màu xuân càng rực rỡ. Mấy hàng cây cải già đã trổ những vồng hoa vàng ối và vô vàn bướm trắng bay liệng chung quanh, làm sáng cả khu rừng.

*

* *

Hôm sau, Sùng lại dành một buổi dẫn tôi đi thăm ban 3, vốn là nơi làm việc cũ của anh, trước khi anh chuyển lên ban y vụ.

Ban 3 là nơi tập trung điều trị nhiều chiến sĩ sốt rét lâu năm, thiếu máu nặng, sức lực suy kiệt.

Y sĩ Ánh, cán bộ ban 3 đưa chúng tôi vào một nhà đầu dãy, dành cho những anh em yếu mệt nhất.

Nhà làm trên sườn dốc. Khi san nền, những người xây dựng đã khéo lợi dụng vách đất đồi làm "bức tường" sau lưng nhà và một phần của hai "bức tường" đầu hồi. Như vậy nhà ấm cúng và vững chãi, được che chắn bom đạn ở ba phía.

Nhà hướng đông, vài tia nắng sớm lọt qua tán lá rừng, len tận vào góc trong cùng. Hai dãy giường, mỗi dãy bốn chiếc, đều có người bệnh. Mấy người hơi khoẻ ra ngồi hóng nắng trên chiếc ghế tre ở trước nhà. Ba người còn mệt nặng, thân hình gầy còm, xanh mét, nằm ẹp lại giường.

Một trong ba chiến sĩ ấy nhìn tôi bằng cặp mắt mỏi mệt. Cặp mắt quá to so với khuôn mặt khô héo, trắng bệch. Thân hình mỏng dính, như dán xuống mặt giường. Chân tay teo tóp. Trông anh vừa nhỏ như một đứa trẻ lại vừa nhăn nheo, cằn cỗi như một ông già.

Đứng trước anh chiến sĩ ấy, tôi bùi ngùi, xót xa, không dám nhìn lâu. Tôi cũng không dám hỏi chuyện sợ làm anh thêm mệt. Để giấu nỗi xúc động, tôi cúi đọc tờ bệnh án.

Họ và tên: Nguyễn Văn Viết

Sinh ngày... tháng... năm 1951

Quê quán: Nam Cường - Tiền Hải - Thái Bình.

Đơn vị: tiểu đoàn 5 - Mặt trận B3

Sốt rét ác tính, thể hôn mê.

Thiếu máu nặng.

Y sĩ Ánh nói nhỏ, vừa đủ cho tôi nghe:

- Đồng chí này hôm nay đã khá lắm rồi. Hai tháng trước, lúc vào viện, đồng chí ấy ở tình trạng hôn mê kéo dài, người lạnh ngắt, mạch rất yếu. Chúng tôi chữa sốt rét, tiêm huyết thanh, tiếp máu tươi... Bây giờ thì đã qua thời kỳ nguy kịch rồi. Đồng chí ấy đã ăn được cháo. Hồng cầu trong máu trước kia ở mức 1 triệu, nay đã lên gần 2 triệu (so với 4 triệu ở người bình thường).

- Đồng chí ấy còn yếu lắm.

Ánh:

- Vâng. Yếu lắm. Lại còn những vết loét ở lưng, ở mông nay vẫn chưa khỏi hẳn. Chả là đồng chí ấy nằm liệt lâu quá. Nằm mấy tháng ở đơn vị rồi mới được đưa tới đây. Bây giờ điều quan trọng là phải nâng sức khoẻ lên. Đồng chí ấy đang dùng viên bổ huyết, cao động vật, mật ong. Chế độ ăn uống đặc biệt. Mỗi khi mổ lợn, chúng tôi dành cho đồng chí ấy gan, tim, thịt nạc... Nếu không có thì dùng trứng gà tươi hoặc thịt gà của chi đoàn thanh niên trong ban đóng góp.

Ánh người dân tộc Tày, vóc người dong dỏng cao, rắn chắc. Nước da rám nắng, đỏ như da cây lim. Nghe nói anh xốc vác trong mọi công việc nặng nhọc và hết lòng đối với thương binh, bệnh binh. Cái trận bom Tết năm nào, anh đã chạy như con thoi từ các lán thương binh ra hầm, cõng hơn chục anh em đau yếu ra khỏi chỗ nguy hiểm.

Ánh ít nói, gợi chuyện anh thật là khó. Về trường hợp bệnh binh Nguyễn Văn Viết, anh chỉ nói bấy nhiêu. Tôi sẽ chẳng hiểu bao nhiêu về Ánh, nếu không có Sùng.

Trên đường từ ban 3 về viện bộ, Sùng nói:

- Cái cậu Ánh ấy chỉ làm chứ chẳng nói gì đâu? Đối với chúng tôi cậu ấy cũng chẳng chịu nói, nữa là với anh còn lạ lẫm... Cái ca đồng chí Viết, tôi có theo dõi, tôi biết cứu chữa được chẳng phải là dễ đâu. Có thể nói Viết sống được là nhờ cậu Ánh. Chăm sóc, nâng giấc từng li từng tí đã đành, lại còn cho máu nữa. Anh em trong ban đều lần lượt hiến máu cho những đồng chí bị suy kiệt như Viết, nhưng Ánh là người hiến máu nhiều hơn cả.

Nhắc đến Viết, tôi lại thấy băn khoăn:

- Đồng chí ấy còn yếu quá!

Sùng nói:

- Anh yên tâm. Đồng chí ấy qua khỏi rồi. Chỉ ít lâu nữa là sẽ khá lên. Chúng tôi đã có kinh nghiệm điều trị nhiều ca như thế này từ thời kỳ ở Đak Beng, ở Sông Thanh.

Dạo ấy chúng tôi nhận một lúc cả trăm anh em từ mặt trận 4 ra. Anh em bị thương mất máu, sốt rét mãn tính, lại gian khổ, đói thiếu lâu ngày nên thiếu máu nghiêm trọng, sức lực suy kiệt. Dạo ấy, thử máu cho nhiều anh em thấy hồng cầu ở mức 1 triệu, chúng tôi còn ngờ là xét nghiệm đếm sai, không chịu tin. Sau bắt xét nghiệm đếm đi đếm lại thấy chỉ xê xích ít nhiều. Rồi lúc nâng sức khoẻ người bệnh lên, thử máu thấy hồng cầu cũng tăng dần lên 1 triệu rưỡi , hai triệu ... Bấy giờ chúng tôi mới thật tin là xét nghiệm làm không sai hoặc chỉ sai chút ít. Và bấy giờ mới hiểu được tình trạng thiếu máu ở những anh em đó nghiêm trọng đến mức nào. Chúng tôi dồn sức vào việc điều trị những anh em đó. Anh Song Viện trưởng xuống ban 3 nằm với tôi chỉ đạo điều trị thí điểm rồi rút ra thành bài học kinh nghiệm, gần như là qui tắc điều trị các ca suy kiệt.

Qua chuyện rủ rỉ của Sùng tôi dần dần hiểu cái qui tắc ấy. Nó chẳng khô cứng chút nào. Có thể gọi đó là qui tắc của những tấm lòng yêu thương cao quí, của tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng.

Một điểm hệ trọng nhất của qui tắc đó là sẵn sàng hiến máu. Anh Song, anh Phiệt, anh Ánh, anh Sùng, cô Lan, cô Mỹ... hầu hết cán bộ, nhân viên Viện 46 này đều đã từng rút máu của mình để hiến cho những chiến sĩ suy kiệt sức lực. Dòng máu nóng hổi, đỏ tươi ấy đã đưa những đồng chí chín phần

chết một phần sống trở lại với cuộc sống thực. Để rồi sau đó từng thìa nước súp từng miếng cháo trứng, từng chén canh cá, canh rau... dần dần trả lại thịt da cho họ. .

Trong câu chuyện Sùng hay nhắc tới Huân.

Huân là một chiến sĩ trẻ, người Thái Bình, nằm viện này đến ba bốn tháng. Anh chị em trong viện yêu thương Huân như đứa em ruột thịt.

Không thể quên cái buổi Huân được đưa đến viện. Mở tấm chăn ra, nhìn anh lính trẻ ốm o, không một ai cầm lòng được. Huân bé quắt bé queo, chỉ còn da bọc xương, đầu rụng hết tóc trơ sọ trọc lốc. Mặt nhăn nheo, trắng bệch. Hai mắt đờ đẫn, mở thao láo mà dường như chẳng hay biết ai. Hơi thở yếu. Đôi môi tái nhợt mấp máy, nói không thành tiếng.

Có đến mười ngày, Huân nằm bẹp trên giường, chân tay không nhúc nhắc, con ruồi bâu lên mặt không buồn đuổi! Châm kim lên đầu ngón tay lấy máu, không thấy anh nhăn mặt, dường như mất cả cảm giác đau. Và kết quả thử máu thật đáng sợ: hồng cầu 900.000! Người ta thử đổ cho người bệnh sữa và nước cháo loãng. Cơ thể như đã mất chức năng tiêu hoá, nó thải các thứ đó ra ngoài gần như nguyên dạng!

Người chiến sĩ ấy chưa chết, nhưng sức sống đã kiệt rồi. Giống như ngọn đèn đã cạn dầu, lụt bấc, chỉ còn một đốm lửa hiu hắt. Người tiếp dầu, khêu bấc nếu không biết nương nhẹ có thể làm đốm lửa ấy tắt luôn.

Bác sĩ Song ngồi rất lâu bên người bệnh, và cuối cùng ghi vào mệnh lệnh điều trị: "Truyền máu tươi 100cc".

Nhiều anh chị em nhân viên xin hiến máu. Bây giờ bác sĩ viện trưởng lại phải xem xét sức khoẻ của từng người và đắn đo, cân nhắc: ai là người có thể cho một lúc 100cc máu? Lại vẫn y sĩ Ánh ư? ánh đã hiến máu nhiều lần, và bác sĩ Song thấy khổ tâm vì không kiếm đâu ra thực phẩm nhiều chất bổ để bồi dưỡng lại cho người hiến máu. Nhưng một lần nữa, anh buộc lòng phải chỉ định Ánh, Ánh vẫn là người có sức lực hơn các anh chị em khác. Và anh chị em khác rồi sẽ lần lượt được nhận vinh dự đó: từ mai, họ sẽ thay nhau hiến cho người bệnh mỗi ngày 50cc máu tươi! Cần phải hết sức dè xẻn máu tươi vô cùng quý hiếm ở vùng khí hậu khắc nghiệt này, bù vào đó, bác

sĩ sẽ cho lệnh xuất kho mấy chai huyết thanh, dù rằng thứ thuốc đó cũng phải tính đến từng chai.

Suy tính xong, viện trưởng Song ghi mệnh lệnh điều trị cho ngày thứ hai và mấy ngày sau: "Truyền máu tươi 50cc. Tiếp huyết thanh, một chai".

Suốt mười ngày, anh chiến sĩ ấy được nuôi sống bằng máu tươi và huyết thanh.

Anh đã có vẻ tỉnh táo lên một chút. Đôi mắt đã có sinh khí, nhìn những người đến chăm sóc như muốn ngỏ một lời trìu mến.

Các cô y tá trực đêm không còn lo anh sẽ ngừng thở ngay trong tay mình, mà mình không hay biết. Cô Mỹ, người được giao chăm sóc riêng Huân, không khóc nữa. Cô là người dễ xúc động. Cô có một người em chiến sĩ ở Tây Nguyên, hễ trông thấy Huân là cô lại nhớ đến em. Bây giờ thì cô bắt đầu tin là Huân không chết. Cô càng yêu thương Huân, khi nghĩ rằng trong tĩnh mạch của anh có một phần máu của cô. Đối với cô, Huân đã thực sự trở thành một đứa em.

Theo lệnh của viện trưởng Song, cô Mỹ bắt đầu cho Huân ăn một thứ nước súp nhẹ.

Bây giờ thanh niên trong viện có phong trào "nuôi gà thương binh, bệnh binh". Mỗi nhóm nhân viên xây dựng một chuồng gà. Mỗi người có nghĩa vụ đóng góp ít nhất hai con gà trong một năm. Ngoài ra mỗi người còn có nghĩa vụ góp 15 ki lô gam rau xanh một tháng.

Gà ấy, rau ấy là thực phẩm quý, hiếm dành cho những anh em đau yếu nặng, chỉ được sử dụng theo mệnh lệnh của thầy thuốc.

Hôm ấy, cô Mỹ đã xin phép được giết con gà mái tơ mà chính cô chăm nuôi từ lúc nó vừa mổ trứng chui ra. Cô bớt vài miếng củ cải mập nhất trong luống rau tăng gia của mình. Cô hầm nhừ củ cải xắt miếng với thịt gà băm nhỏ, rồi lọc lấy nước.

Mỹ đổ cho Huân thứ nước xúp ngọt lịm ấy. Đổ dần từng thìa, từng thìa. Cứ vài giờ một lần hâm nóng lại, và đổ mấy thìa. Và theo dõi, nghe ngóng xem bụng dạ người ốm có chịu được không?

Có lẽ bụng dạ đứa em cũng không nỡ phụ lòng người chị gái. Nó chịu thu nhận những thìa nước ngon ngọt mà người chị nấu nướng với biết bao thương mến.

Huân khá dần lên.

Cô Mỹ thay đổi dần món ăn, từ lỏng đến đặc, từ nhẹ đến nặng.

Các bác sĩ cũng cho thay thuốc: từ các loại thuốc tiêm đến rượu sâm pha mật ong, rồi những viên cao động vật luyện mật ong.

Đến đầu mùa khô năm ấy thì Huân đã trở dậy được. Tiết trời nắng ráo, dễ chịu. Cô Mỹ dìu Huân ra sân, cho anh tập đi từ gốc cây này sang gốc cây kia. Huân đi còn run rẩy. Người anh vẫn gày còm, tóc mọc lơ thơ da còn xanh tái.

Năm ấy có một đội văn công xung kích của Việt Bắc vào phục vụ tuyến lửa Trường Sơn. Đội có ghé qua Quân y viện 46. Sau buổi biểu diễn chung cho toàn viện, các chiến sĩ văn nghệ đòi đến tận giường bệnh thăm hỏi và hát làm quà cho những anh em đau nặng. Ngờ đâu vừa bước vào phòng bệnh nặng của ban 3 các cô gái Việt Bắc đã trào nước mắt. Các cô không thể cầm lòng, trước dáng ốm o, còm cõi của Huân và các đồng chí cùng phòng. Các cô không hát, cũng không nói nổi một lời thăm hỏi.

Hôm ấy, Mỹ phải dỗ dành, an ủi các cô bạn gái Việt Bắc. "Kìa, nín đi các em ! Các em đừng lo. Rồi các đồng chí ấy sẽ qua khỏi hết". Mỹ cố dằn lòng để khuyên nhủ các bạn, chứ thật tình cô cũng muốn khóc oà lên. Và tối hôm ấy, lúc đi nằm, cô đã khóc thầm. Cô thấy thương Huân và các đồng chí ốm đau hơn bất cứ bao giờ. Cô cảm thấy tiếng nức nở của các cô văn công Việt Bắc là những lời trách móc đối với cô! Có lẽ cô còn nhiều thiếu sót đối với Huân, đối với anh em đau ốm nói chung. Cô phải săn sóc họ chu đáo hơn nữa.

Huân đã bưng được bát cơm ăn.

Cô Mỹ lại lo chạy thức ăn để Huân ăn ngon miệng.

Thực phẩm khan hiếm. Thịt rừng không phải lúc nào anh Phù cũng kiếm được. Gà nuôi không dễ, cần phải gây giống lâu lâu mới được giết một con. Lấy gì cho Huân ăn? Mỹ nghĩ tới con suối nhỏ dưới chân đồi. Trong hộp khâu của cô còn hai chiếc kim, cô lấy một chiếc nhờ anh em uốn lưỡi câu.

Cô xe chỉ làm dây câu. Đêm ấy, trong phiên trực, cô thả câu, thỉnh thoảng lại chạy ra nhắc. Một đêm đầu, cô kiếm được một con cá chạch bằng chiếc quản bút, một con cá bò bằng cái chuôi dao: Đem nấu với lá bứa, cũng được một bát canh chua.

Canh chua lạ miệng, Huân ăn khoẻ gấp đôi mọi bữa. Cô Mỹ mừng không tả được. Và cả ban 3 đều mừng cho hai chị em.

Mấy anh bệnh binh đã khoẻ ủng hộ việc làm tốt đẹp của Mỹ. Họ nảy ra ý hay: đan giúp cô một cái đó, để đặt dưới lòng khe suối. Từ hôm có đó, Mỹ kiếm được nhiều cá hơn. Có bữa không chỉ riêng Huân mà cả phòng bệnh nặng được ăn canh cá.

Tháng 12 năm ấy, Huân khoẻ hẳn. Anh đi lại nhanh nhẹn, vững chãi. Mặc đã có sắc máu, má đã bầu ra. Thử lại máu, hồng cầu lên tới 2 triệu 800.000. Anh được ra viện để về một đoàn an dưỡng phía sau nghỉ ngơi cho khoẻ hẳn.

Hôm Huân lên đường, cô Mỹ đeo ba lô đưa xuống tận chân đồi. Họ chia tay nhau như hai chị em ruột. Cả hai người rưng rưng nước mắt. Họ khóc vì mừng vui xen lẫn nhớ thương lưu luyến.

Sùng kể xong câu chuyện, vừa lúc hai chúng tôi về tới khúc suối hôm nào, khúc suối mà ông già Lào để lại một cái tổ ong làm mẫu. Chúng tôi ngâm chân rửa dưới làn suối mát lạnh, và xem những con ong mật đi về tấp nập. Tôi chợt nghĩ rằng cả những chú ong bé bỏng này có lẽ cũng dự vào câu chuyện "hai chị em" cô y tá Mỹ và anh chiến sĩ Huân.

Anh Sùng, người phụ trách cũ của ban 3 đã chọn kể một trường hợp tiêu biểu khiến tôi không thể quên. Và tôi cũng hiểu rằng cái quân y viện đáng quý này không chỉ có một ban 3 lại càng không phải chỉ có một cô y tá Mỹ, và một anh bệnh binh như chiến sĩ Huân. Ai tính được ở đây đã từng có bao nhiêu chiến sĩ được hồi sinh, và bao nhiêu cuộc lên đường bồi hồi, lưu luyến?

(Rút trong tập Đường Hồ Chí Minh)

Nguyễn Thuỵ Kha (nhà văn) - XUYÊN TRƯỜNG SƠN

I

Trong đoàn, tôi là người đầu tiên đến đơn vị. Tôi được phân công về trung đội 3 thuộc đại đội 6. Đại đội 6 là đơn vị anh hùng đầu tiên của đoàn thông tin Lam Sơn nhờ thành tích phục vụ tổng tấn công Mậu Thân. Đón tôi về trung đội 3 là trung đội trưởng Đỗ Hồng Khiết. Quê ở Hà Bắc, nhập ngũ vào trung đoàn từ 1966, Khiết nhiều năm là chiến sĩ thi đua. Qua đào tạo, anh về làm trung đội trưởng trung đội 3 của đại đội 6. Khiết nở nụ cười hiền hậu đón tôi :

- Ông chuẩn bị ba lô rồi ta cùng về. Bê 3 của chúng ta cách đây ba tiếng nữa.

Tôi gấp võng vội vàng, khoác ba lô theo Khiết. Đến một khe nhỏ, Khiết bảo tôi giải lao. Hơi lạnh khe sâu làm dịu lại buổi trưa. Khiết cởi túi cơm đeo cạnh sườn, bẻ đưa tôi nửa nắm:

- Ông ăn tạm. Trai thành phố biết ăn cơm nắm chưa?

Cơm ai nắm rất khéo và mịn. Tôi vừa ăn cơm vừa thổ lộ

- Cơm ngon quá. Tôi cứ nghĩ vào Trường Sơn là thiếu lắm. Hoá ra cũng đàng hoàng.

Khiết lại cười, nụ cười dễ mến:

- Có lúc cũng thiếu lắm. Nhưng lúc nào đàng hoàng thì rất đàng hoàng. Lính là thế đấy ông ạ.

Tôi và Khiết lại tiếp tục đi. Một bãi bằng mở ra bất ngờ.

- A! Trung đội trưởng về. Lại thêm ông khách nào nữa.

Anh em một lán gần đấy, chạy ra. Rồi các lán khác chạy ra. Chỉ một lát bao nhiêu khuôn mặt hồ hởi đã vây quanh tôi. Chợt có tiếng ai reo:

- Anh Kha. Đúng anh Kha rồi. Có nhớ Quý không? Quý ở Ngô Xá đây.

Một anh chàng cao cao, tóc cắt cua, rẽ đám đông tiến vào Tôi ngờ ngợ. Đúng rồi. Đúng là Quý, con ông chủ nhà lớp tôi mượn làm nhà ăn hồi sinh viên sơ tán ở Ngô Xá, Phú Thọ. Quý lớn nhiều nhưng nét mặt vẫn như trước.

Làng Ngô Xá là một làng giáo dân. Thanh niên còn lạc hậu, ít chịu tham gia nghĩa vụ quân sự. Thế mà tôi lại gặp Quý ở Trường Sơn. Nhiều điều đã đổi khác qua năm tháng. Khiết ra hiệu cho tất cả im lặng:

- Định giới thiệu thì ông Quý làm trước rồi. Xin vắn tắt thế này nhé. Đây là đồng chí Kha, kỹ sư thông tin, nhập ngũ 1971, được điều về làm chiến sĩ B ba chúng ta. Đồng chí Kha sẽ về sinh hoạt ở A bảy. Đồng chí Quý đưa đồng chí Kha về A bảy nhé.

Quý đỡ ba lô kéo tôi về phía lán của tiểu đội 7. Chỉ vào một người mặt dài, cởi trần, quần đùi còn ướt rượt. Quý nói:

- A trưởng Việt đấy. Kìa "thủ trưởng em" lôi thôi quá. Ra mà nhận "lính mới" này.

Việt hơi đỏ mặt nhìn tôi:

- Ông thông cảm. Chúng mình đang be bờ tát cá "cải thiện". Ông theo Quý về lán nhé. Mình tắm qua một chút rồi anh em nói chuyện sau.

Tối hôm ấy, tôi dốc ba lô còn bao thuốc "'Tam đảo" và gói kẹo "Làm lễ nhập gia" với anh em. Xa Hà Nội gần một tháng nhưng với anh em, tôi còn hộp lắm. Tôi luôn mồm trả lời, giảng giải, kể lể, mọi chuyện ngoài Bắc. Trong câu chuyện, tôi không còn xa lạ. Tôi như người nhà mới đi xa về Những giây phút ấm áp đầu tiên với đồng đội ở Trường Sa, bao giờ tôi quên được?

Thực sự thành chiến sĩ đơn vị, tôi lao vào công việc mới mẻ say mê. Mới hôm nào ra sông Tà Riệt kéo cáp, hôm nay đã áp đường 70 giải phóng kho vật liệu. Bám theo đồng đội, tôi lặng lẽ học tập như một học sinh muộn mằn.

Ban ngày công tác mệt nhọc, đêm về, chúng tôi cười đùa không ngớt. Tôi bập bẹ đánh bài "tiến lên", một loại bài một trăm phần trăm giải trí của lính. Các từ ngữ vui vẻ như: "cối", "toạ độ", ba thằng "trái gió", "Nam Lào", "Cam Pu Chia", v.v... đều được gọi lên trong ván bài. Làm lính Trường Sơn thì phải sốt rét và đánh "tiến lên". Vừa đánh vừa trêu đùa nhau khiến đêm qua mau. Trước giờ ngủ, cả lán thường có nửa tiếng "Kể chuyện đêm khuya". Qua nửa tiếng quý giá ấy, tôi nhận biết bao tâm tư thầm kín của anh em. Càng hiểu nhau, càng gắn bó nhau hơn.

Mùa hè Trường Sơn, tiếng ve sầu ngân da diết. Tiếng ve gợi bao kỷ niệm buồn vui. Tiếng ve gọi mùa hè tuổi thơ lang thang hè phố, thuở học sinh hồi hộp kỳ thi, thuở ban đầu yêu đương nồng thắm. Tiếng ve rừng ngân trong tôi một giao điệu mới. Giai điệu về cuộc sống vô tư của lính Trường Sơn không dứt.

*
* *

Lúc ấy, chiến dịch vào kỳ giòn giã. Ta giải phóng Đông Hà rồi thị xã Quảng Trị. Lòng chúng tôi cồn cào bứt rứt. Làm thằng lính mà lúc này còn chui tít xó rừng. Nhiệm vụ thật mà cứ ấm ức thế nào.

Một bữa, đại đội trưởng Văn Đình Lộc đến trung đội 3 phổ biến tình hình. Chúng tôi sung sướng bao nhiêu khi nghe bộ chỉ huy mặt trận khen ngợi mạng thông tin. Nhờ có nó mà mệnh lệnh chỉ huy xuyên qua dằng dặc Trường Sơn kịp thời và bí mật tới mặt trận. Đại đội trưởng nói tiếp:

- Căn cứ vào nhiệm vụ của trên, đại đội giao cho "bê ba" nhiệm vụ nâng cao chất lượng để đường dây có thể phục vụ tốt hơn. Các đồng chí cố gắng thực hiện ngay.

Mờ sáng hôm sau, sau bữa ăn vội vã, các lán gỡ tăng, từng người xếp ba lô. Khi ở thì bồn chồn muốn đi. Khi gỡ hết mái tăng ra, các lán hầm trống trải như lòng người lúc ấy Một chút gì lưu luyến cái góc rừng không tên thoáng lên nhè nhẹ trong mắt.

Chúng tôi bắt đầu băng những chóp núi ngất trời. Nơi ấy cao hơn chóp núi là cột đường dây đứng vươn tay như dũng sĩ. Chúng tôi cắt những dây leo xoắn vào đường dây, căng lại độ trùng cho những khoang dây bị võng. Đường dây có chỗ đi thẳng băng, có chỗ đi ngoằn ngoèo như thân rắn. Có nơi, đường dây lấy thân cổ thụ làm cột.

Thật kỳ lạ. Nếu còn ngồi trong nhà trường, tôi chẳng sao hình dung nổi đường dây xuyên Trường Sơn. Đồng đội tôi, những cậu Quý lém lỉnh, cậu Báu gan góc, cậu Bảng lầm lì, tiểu đội phó Đức,với cây đàn ta lư vui tính. Họ là những người lính bình thường đã sinh ra đường dây và tận tâm săn sóc nó.

Theo sách vở, để tổ chức thông tin và nhiều đường bằng máy tải ba, đường dây yêu cầu nhiều điều kiện ngặt nghèo. Câu chuyện tranh luận của người tư lệnh trưởng với anh em kỹ sư thông tin đã lan xuống đơn vị. Khi đề ra việc kéo đường dây xuyên Trường Sơn, có kỹ sư nghi ngại với điều kiện rừng rú, các đôi dây thông tin sẽ bị xuyên nhiễu rất nặng. Tư lệnh trưởng đã lấy ví dụ đơn giản và bất ngờ, ông nói:

- Ta ví Trường Sơn như một căn nhà. Trong căn nhà ấy mỗi đôi dây của máy tải ba là một người. Nếu có nhiều người la to trong nhà cùng một lúc thì mới sợ nhiễu chứ. Đằng nè, ta chỉ để một người thôi. Hắn có la váng trời cũng chẳng ảnh hưởng sang ai hết. Các kỹ sư hiểu chứ? Thực tế đó. Với dung lượng bộ tổng yêu cầu, ta sẽ kéo đường dây một đôi cho tải ba, một đôi cho bảo vệ. Lợi dụng cây rừng làm cột hỉ? Nhất trí thì khẩn trương cùng đoàn thông tin Lam Sơn thực hiện.

Thế là từ Mậu Thân 1968, những đường dây dã chiến như vậy xuyên dọc, đâm ngang Trường Sơn. Mưa đổ, địch phá, ta lại làm lại. Công trình ấy đang trải ra trước mắt tôi.

Để làm đường thông tin Lam Sơn đã thi công cả mùa mưa. Tiểu đội phó Đức hai lần lên cơn sốt AC tính trong mùamưa ấy. Hai lần đồng đội gạt nước mắt trói anh bằng chính sợi dây lưỡng kim hôm nay tải lên mình tiếng nói.

Theo đường dây thầm lặng, chúng tôi tới những thung rực nở, lừng hương. Vặn cột đường dây, men theo lèn đá; chúng tôi sững sờ trước đàn bướm trắng chập chờn trông như quả cầu di động. Chúng tôi gặp bãi rày của đàn voi đêm lồng ngược Ta Păng, xuýt làm sập phòng máy cơ vụ 434. Trong tiếng vượn hú, chim ríu ran, chúng tôi đi theo dấu chân nai lỏn chỏn ven bờ suối, con sóc bay chuyền cành chập tối, tiếng tắc kè buông thõng chiều hôm. Theo đường dây chúng tôi đi trong hoang dã Trường Sơn.

Ngay trong góc đại ngàn âm u xa lắc, kẻ thù vẫn ngày đêm nhòm ngó, phá phách điên cuồng. Những thước dây lại đứt tả tơi sau trận bom toạ độ. Chúng tôi từng băng qua hiểm nghèo để căng lại dây giữa lúc hơi bom còn khét lẹt. Chúng tôi từng nghẹn ngào trước những bản hoang sau trận bom tàn phá. Mấy cây cột nhà đen cháy đứng trơ trơ. Những nền nhà cỏ đã um lên.

Nơi ấy bản đã hiến mình cho con đường xuyên qua, cho đường dây băng qua.

Có lúc, ngay chính chúng tôi nằm trong toạ độ điên cuồng. Sau trận bom, rũ đất vùi gọi nhau đến lạc giọng. Đến khi bới nổi nhau lên thì ôm ghì nhau, rơi nước mát. Có nơi, chúng tôi đến thì bom vừa rải thảm. Nhìn dòng suối lờ đờ cuốn trôi bao mái tóc của các cô thanh niên xung phong, lòng đắng lại không sao khóc nổi.

Chiều qua, để nối lại một đoạn cáp đứt giữa sông Sen, đồng chí Dược của chúng tôi đã vấp mìn vướng giữa lúc lội sông tìm mối đứt và đã ra đi thầm lặng như bao thước dây đứt.

Một lần, tôi cùng Yệt và đại đội trưởng Lộc đi chữa dây qua suối La La. Vừa ra đường 9, một chiếc O.V.10 rẹt qua, quấn lấy. Ba anh em chạy chữ chi dọc đường 9. Chiếc OV 10 bám riết. Vừa chạy, vừa thở, ba anh em nhảy ào vào một căn hầm ven đường. "pụp", một quả pháo khói bốc nghi ngút ngay tại đấy. Chiếc O.V.10 quay đi. Dày dạn kinh nghiệm, đại đội trưởng Lộc dắt chúng tôi ra ngay:

- Phải mau chóng rút xa. Bê 57 đến ngay đấy.

Ba anh em nhanh nhẹn lách vào rừng le phía bắc đường Chỉ vài phút sau, đã nghe bom quỳnh quỳnh rung mặt đất. Yệt cười:

- Mẹ kiếp, thằng "O vê mờ” mách lẻo nhạy thật.

Mùa mưa bắt đầu đe doạ. Dưới đồng bằng, các lực lượng bộ binh kiên cường chốt Quảng Trị. Đường dây cũng ngày đêm phục vụ. Những phiên trực căng như đường đạn. Sau mỗi trận mưa nguồn, nước sông dâng nhanh. Tôi đã có ngày bì bõm suối khe đến trọng điểm Cha Ly nhận gạo, có chiều vượt dòng Xê Băng Hiên xiết dữ để lĩnh muối.

Giữa lúc cuộc hành quân theo đường dây còn tiếp tục, tôi bị sốt. Không thể nằm lại được. Lính Trường Sơn sốt 39 độ hay 40 độ vẫn là thường. Tôi cắn răng bám theo anh em, chống lại từng thước dốc, chống lại từng con vắt, chống lại phút giây mềm yếu .

Anh em chặt cho tôi cây gậy chống khá chắc. Sau mỗi buổi hành quân, đồng đội len lỏi rừng tìm chất tươi cho tôi. Bữa thì nấm mối xào thịt hộp. Bữa thì

cua đá nấu lá đay rừng. Tôi ốm thể xác mà tinh thần khoẻ. Chẳng lúc nào tôi cô độc buồn chán. Thỉnh thoảng anh em lại đùa:

- Thế nào, liệu kỹ sư "chết" chưa?

- Có anh em, tôi khó chết lắm. Đùm bọc lẫn nhau, chúng tôi đứng chân vững vàng trên Trường Sơn, ngay bên đường dây.

Một chiều, đang ngồi khoả chân dưới suối, tôi thấy một đoàn cán bộ đi qua. Lát sau, Quý đến ghé tai:

- Đoàn tham mưu của Bộ và đoàn đến đấy. Chuyến này khảo sát tuyến mới nghe đâu lớn lắm anh ạ.

Chỉ tối hôm đó, chúng tôi nhận lệnh ngay. Nhiệm vụ của trung đội 3 là cùng bộ phận khảo sát của đoàn khảo sát tuyến mới để xây dựng đường dây hiện đại xuyên Trường Sơn. Hai mũi đo đạc được hình thành từ tiểu đội 7 và tiểu đội 8 của trung đội 3.

Sớm hôm sau, ra khỏi rừng năm phút, chúng tôi vượt ngay một dốc tức thở. Vượt qua nhiều chặng dốc lắm vắt của một đường dây cũ được tận dụng làm đường mới, chúng tôi bươn lên chót vót đỉnh núi. Gió lồng lộng. Một cảm giác mới như men rượu bừng lên. Xa kia, qua nhấp nhô sóng núi, đồng bằng hiện mờ mờ một vệt nhiều màu. Giao tuyến với chân trời là biển xanh nhô cong. Bãi cát kẻ một vệt dày màu trắng và trong là màu xanh của cánh đồng. Gần nửa năm, tôi mới thấy đồng bằng. Có gì như sóng trào lên. Tất cả đoàn khảo sát im lặng dừng lại. Rồi lại đi như nhanh hơn qua khoảng rừng lộng gió.

Công việc đo đạc tiến hành chậm trễ vì tuyến quá dốc. Người phụ trách hướng tuyến là Hiệu, nhân viên kỹ thuật của đoàn bộ. Hiệu lành, ít nói. Đôi khi cười mỉm dễ thương. Làm được một đường dây, kỹ thuật tuy có hạn nhưng công sức thì vô giá. Chúng tôi thường đi sớm về muộn. Sào ngắm thì vót bằng nứa nên không sao thẳng được. Hăm hở ra đi thế mà qua mấy ngày, chúng tôi thấm mệt.

Mũi đo của tiểu đội 8 ở phía làng Chân Hinh đã phải cho người về tiếp tế gạo. Chúng tôi cũng chẳng còn bao nhiêu. Đành chia đôi vậy.

Trước mắt mũi đo đạc tiểu đội 7 là đỉnh Động Long. Ngày thứ nhất đo được 500 mét thì trời xẩm tối. Ngày thứ hai đo được 400 mét thì trời xập mưa. Ngày thứ ba các dao quắm được mài sắc, nắm cơm phụ to hơn, bi đông đầy ắp nước. Chúng tôi quyết tâm chinh phục Động Long. Vào tuyến, chỉ nghỉ ngơi ít phút, cặp phát cây đầu băm bổ ngay. Những đường dao vun vút. Lách lau đổ ràn rạt.

Qua hai trăm mét đầu vấp phải một bãi gai khá dài. Chơi "du kích" với loại cây này khá mệt. Đã hai cặp phát tuyến thay nhau, mà mũi đo vẫn chưa chích là bao.

Đến một vách đứng nhân khe suối nhỏ, tiểu đội phó Đức ra lệnh nghỉ trưa. "Thợ mài dao" Báo tranh thủ liếc dao lần nữa. Nửa tiếng sau, chúng tôi tiếp tục mở đường. Hiệu vươn lên trước tìm hướng. Dao quắm lại vung lên. Những bụi cây rũ xuống. Mồ hôi đầm đìa áo lính. Những bụi nứa bị chẻ toác hốc hoác.

Xế chiều sau khi chặt nốt một cây con, thấy đỉnh trời sáng ra trên đầu. Chúng tôi đã chiếm lĩnh Động Phong. Cả bọn reo cười giữa cơn mưa bất thần ập đến. Tất cả hò nhau rút theo "con đường chuột chạy".

Không quen đường tôi tụt lại sau lúc nào không hay. Đến một chỗ, thấy mất tăm dấu vết, tôi hoang mang quá. Trên đầu, sấm dội ì ầm. Lưng trời chớp nháy nhì nhằng. Mưa quất chéo vào mặt. Mất phương hướng, tôi vạch lối chạy lung tung. Lo sợ quá, tôi cất gọi ầm ĩ, gọi khản cả giọng. Chẳng ai đáp lời tôi ngoài cái vách núi lạnh lùng trêu cợt. Người tôi rũ ra. Bao niềm vui vừa thoáng đến, rơi đâu mất.

Bỗng tôi tụt hẫng. Tảng đá xốp đánh lừa tôi. Tôi trượt trôi đến 200 mét. Lưng tôi đau dần. Đầu tôi ù lên, rối bời. Thà ra trận bắn thẳng kẻ thù cho bõ giận. Làm lính mà cứ chui rúc thế này, cực quá. Tức muốn khóc.

Trời dần tối. Tôi hoang mang tột độ. Đã tính đến chuyện ôm bụng đói, ngủ rừng. Đến một khe cạn có bãi bằng, mùi ngai ngái khó chịu, tôi ngồi xuống định thần nghe tiếng gọi:

- Kh...a... ơi! ở đâu thì hú lên. Đứ...c đ..â...y.

Mừng quá, tôi hú một hơi dài. Năm phút sau, Đức và Báo ập đến. Đức hổn hển:

- Ông định loay hoay đứng đấy cho hổ vồ à.

Tôi lạnh gáy chưa hiểu sao, Đức nhảy đến trước mặt:

- Ông có thấy vết chân hổ đầy ra đây không? Mình đi trước không để ý. Quay lại thì ông mất tăm. Mà ông rúc sao tài dữ. Lần theo vết đến mệt.

Cả hai phá lên cười khi nhìn tôi lấm láp. Đức vỗ vai:

- Lần sau bám sát nghe "nội". Mất "ông nội" chúng tôi hết hơi đấy, tuyến dốc quá, trên ra lệnh rút rồi.

Tôi vừa ngượng ngùng vừa băn khoăn. Tiếc công quá. Nhưng tuyến dốc thật. Để có một tuyến đường dây khá, đâu có dễ. Chỉ đổ sức ra chưa xong được. Tôi lững thững lê tấm thân đau dần theo Đức, Báo.

Mưa rừng lạ thật, ào xuống đấy rồi lặng phắt ngay. Trăng non nhú lên. Trong một vũng nước đọng, trăng rơi vào ngơ ngác.

II

12 giờ ngày 23-1-1973, hiệp định Pa ri được ký kết. Chúng tôi nhảy khỏi giường. Không ai ngủ trưa nữa. Tất cả vây quanh chiếc đài Li Đô. Tiếng người phát thanh viên như giòng suối ngọt ngào cứ chảy mãi vào không gian. Bài hát "đường chúng ta đi" khơi lửa mãi trong rung cảm chúng tôi.

Về mặt chiến lược, hiệp định hạn chế đến mức tối thiểu sự có mặt của Mỹ trong giai đoạn mới. Để có một cú đấm quyết định cần chuẩn bị đầy đủ và khẩn trương. Dưới giáp ranh, ta giành giữ từng điểm chốt. Địch nhổ cờ cắm sang đất ta, ta đẩy lùi địch về vùng quy định.

Trên Trường Sơn đã thuộc vùng giải phóng, các lực lượng hùng hậu của công binh, thanh niên xung phong thuộc Bộ tư lệnh Trường Sơn tràn ra mở đường, Đường 14 (tức đại lộ Hồ Chí Minh) được mở rộng, hoàn thiện mặt bằng, nâng cấp. Cầu cống được làm mới hoàn chỉnh. Không còn bom đạn, các đoàn xe thoả sức ra vào. Lốc bụi ùn lên suốt ngày đêm. Tiếng nói cười huyên náo. Những doanh trại mọc như phố xá hai bên đường. Chưa bao giờ, Trường Sơn đông vui đến thế.

Lấy trục đường 14 làm xương sống, chấp hành chỉ thị của Bộ tổng tham mưu, Bộ tư lệnh thông tin quyết định giao cho đoàn thông tin Lam Sơn kéo một đường dây chiến lược mang tên là "Đường dây thống nhất" xuyên Trường Sơn. Đường dây này xây dựng bằng cột sắt hình U mang được nhiều đôi dây, truyền tải được nhiều đường tải ba.

Còn lại tôi, Phong, Tăng, Liêm được bổ sung về tiểu ban kỹ thuật của đoàn bộ. Với bốn chúng tôi, vị trí công tác bắt đầu thay đổi. Từ một anh lính thông tin, chúng tôi trở thành người trợ lý kỹ thuật của đoàn.

Phụ trách tiểu ban kỹ thuật là anh Kim Quang Bàn. Anh Bàn cùng ra khoá 1971 như chúng tôi nhưng ở trường đại học quân sự. Anh Bàn nhập ngũ 1963. Trước khi nhập ngũ, anh đã là cán bộ trung cấp thuỷ lợi. Vào bộ đội, anh công tác khá lâu ở đơn vị pháo mặt đất và đi học ở đấy. Chúng tôi chóng quen nhau.

Ngoài năm kỹ sư, tiểu ban kỹ thuật còn có mười cán bộ trung cấp, đã công tác tại đoàn từ 1966 như Phạm Nhật Sáng, từ năm 1968 như Quý, Quyết, Hiệu, Huệ, Hưng, Sử, Đinh, Bổng. Đấy là những đồng chí khá dày dạn kinh nghiệm.

Sau khi thành lập hai tiểu đoàn, Tăng và Liêm được điều trở lại làm trợ lý kỹ thuật tiểu đoàn. Tiểu ban kỹ thuật chính thức còn ba kỹ sư và mười trung cấp. Tham mưu phó Trần Duy Hiệp và tham mưu trưởng Đế Kim Tiêu cũng đều là kỹ sư. Lực lượng chưa nhiều nhưng thế cũng tạm ổn. Điều cần thiết nhất trong kỹ thuật là sự thống nhất quan điểm phương pháp công tác thực tế.

Tháng 10-1973, giữa mùa mưa Trường Sơn, đại đội mười đo đạc mới thành lập cùng các đồng chí: Huệ, Sử, Hiệu, Bổng đi trước khảo sát tuyến bắt đầu từ cơ vụ A, một cơ vụ nằm giữa khối Trường Sơn Bắc. Chỉ hơn hai tháng sau, cuối tháng 12-1973, toàn đoàn Lam Sơn rầm rập vào tuyến.

Trong hai tiểu đoàn xây dựng đường dây thì tiểu đoàn 9 mới thành lập. Tiểu đoàn 86 nhờ thành tích phục vụ thông tin cho chiến dịch 1972 nên được tuyên dương anh hùng lực lượng vũ trang. Thành tích ấy càng nức lòng toàn đoàn.

Để mở màn một công trình có tầm cỡ chiến lược lịch sử, tư lệnh trưởng cùng đoàn công tác của Bộ tư lệnh thông tin cũng kịp đến kiểm tra và động viên đoàn Lam Sơn ra quân. Một tiểu đoàn xe thuộc Bộ tư lệnh thông tin cũng được tăng cường cho đoàn Lam Sơn.

Từ đấy dọc đường 14, người ta thấy xuất hiện những đoàn xe mang hiệu mới chở đầy lính, đầy hàng vào sâu vào sâu

Mùa xuân 1974 đã về trên thung lũng A So. Nơi quê hương anh hùng Kan Lịch bao năm giành giật với kẻ thù, nay đã yên vui một vùng giải phóng. Buổi sớm, nắng kẻ những đường chéo cát ngang dải núi còn phủ kín sương mù. Những đường kẻ dần vạch hết màn sương. Nắng ùa vào lòng thung tưới đẫm đồi tranh, ương màu vàng huyền diệu. Đồi tranh khiến ta nhớ khôn nguôi những vụ mùa đồng quê bông tranh trắng lắc lay lòng ta rười rượi.

Năm ấy tôi và Sáng, Hiệu, Huệ, Sử, Bổng với tham mưu phó Hiệp cùng đại đội 10 ăn Tết tại thung lũng. Chưa bao giờ vùng rừng núi hoang vu lại bừng say cuộc sống đến thế. Bạn bè gần xa đi thăm nhau. Đồng hương đồng ngũ đi thăm nhau. Ở đâu cũng thấy nụ cười cũng nghe tiếng hát. Xa quê hương đi xẻ dọc Trường Sơn, những người lính quần áo màu rừng quây quần gia đình lớn. Bên cạnh những mất mát, cuộc chiến tranh giải phóng làm nẩy sinh thêm bao tình cảm mới, lớn lao.

Chúng tôi tổ chức đón xuân thật vui. Chỉ có bảy anh em cũng làm một đội bóng chuyền giao hữu với đại đội 10. Rồi hai đội ghép làm một đi giao hữu với các đơn vị công binh trong khu vực. Người trong sân lăn lộn tận tình, người ngoài sân say sưa hò reo, không khí cứ xao lên không ngớt.

Đường thông suốt, chúng tôi cảm động nhận quà từ Hà Nội gửi vào. Lần đầu tiên ở Trường Sơn ăn Tết có su hào, bắp cải, cà chua. Chính uỷ trung đoàn cũng kịp băng 200 cây số đường kịp đón giao thừa với mũi xung kích trong đội hình toàn đoàn.

Tối giao thừa, tổ chức "hái hoa dân chủ”. Cánh lính trẻ rất hăng. Cậu lên độc tấu, cậu hát dân ca, ngâm thơ liên tiếp. Những tràng vỗ tay rôm rả. Cây ghi-ta của cậu Thông tuy vỡ phải dán băng dính dọc ngang nhưng vẫn là nhạc cụ quan trọng của đêm biểu diễn. Lâu không cầm đàn, khẽ dạo một hợp âm quen, lòng tôi xốn xang lạ. Tốp ca nam của tiểu ban kỹ thuật hát một bài tôi

vừa kịp viết mấy ngày trước Tết, âm nhạc "cây nhà lá vườn" thật hợp với những đêm thế này.

Anh Viễn chủ nhiệm quân y và anh Kiên phó chủ nhiệm chính trị, cùng đi với chính uỷ đã hóm hỉnh rủ nhau lên múa bài "mí đồ đồ" từ thời đầu hoà bình. Tất cả lăn ra cười, cười hết cỡ.

Đám rẫy trước mặt ai đốt từ ban chiều có cây khô bén lửa. Gió khuya thổi hắt từng đợt. Cây khô bắn tàn tung toé như pháo hoa.

Ra Tết, chúng tôi lên đường ngay. Anh em các mũi đo đạc chuẩn bị sáu cây sào ngắm sơn trắng đỏ thẳng băng. Còn tôi thì vót lại cây bút chì cho sắc. Đấy là cây sào thứ bảy của mũi đo đạc.

Sau buổi giao nhiệm vụ, nhận địa bàn và bản đồ từ tay tham mưu phó Hiệp, tôi không khỏi băn khoăn. Là kỹ sư thông tin nhưng môn đường dây tôi chỉ học có một trăm tiết. Một trăm tiết ấy lại không hề có tiết nào học bản đồ địa bàn. Tôi chỉ láng máng hiểu địa bàn qua bài tập đọc lớp 3 và kiến thức bản đồ qua môn địa lý lớp 5. Tuy có đi đo đạc nhưng chưa bao giờ tôi phụ trách hướng tuyến. Chính điều này, thường là mối nghi hoặc của anh em trung cấp kỹ thuật. Dẫu tôi thật lòng nói hết, anh em vẫn chưa tin. Có lúc đã nghe loáng thoáng dư luận: "Ôi dào! Mấy ông kỹ sư chỉ lý thuyết. Cứ một bản đồ địa bàn xuyên sơn, thằng nào làm được biết ngay".

Chẳng để ý gì đến nét sâu xa của sự việc, tôi chỉ biết là tôi không thể lùi bước. Anh em đang hăm hở thế kia. Đã làm nghề đường dây không biết khảo sát đo đạc sao được. Tôi tự nhủ: "Cứ đi rồi học thêm vậy. Miễn là đừng giấu dốt. Khi đã làm hết khả năng, vấp váp cũng sẽ vượt qua tất".

*
* *

Ngày đo đạc đầu tiên. Mũi đo đạc của tôi đấu lưng với mũi đo đạc của Huệ. Chúng tôi chia tay nhau tại hợp điểm ở cây số X. Cao điểm 905 mang tên A Dớt trùng tên với thần Dớt thiêng liêng. Đối với tôi, nó cũng bí ẩn như thần linh. Tôi sẽ xoay sở ra sao với tấm bản đồ ALT sơ sài chỉ có mạch núi, chưa có đường bình độ. Lóng ngóng cầm địa bàn, tôi cùng Huệ chọn hướng tuyến.

Số phận đường dây men cao điểm 905 đã được định đoạt. Hướng Tây Nam. Tạm biệt đường 14 mũi đo của tôi tụt hoắm vực của ta luy âm đường. Những thước rừng đầu tiên bị khoét rỗng. Dọc "con đường chuột chạy" các cọc mốc viết chữ số bằng sơn đỏ lần lượt được đóng xuống. Tôi còn như chưa tin là mình đang đo đạc.

Từ bữa ấy, đo đạc về là tôi lúi húi ghi nhật ký công tác

Lặng lẽ đi qua những ngày đo đạc đầu tiên, tôi đã phải trả bao dằn vặt, cầm cự khá quyết liệt. Sau bỡ ngỡ buổi đầu, đêm về giở bản đồ tôi loay hoay mãi với chiếc địa bàn. Trên tấm bản đồ chằng chịt nhiều nét và chiếc địa bàn thô sơ bí hiểm có gì tôi chưa hiểu nổi. Xoay đi, xoay lại chỉ cốt tìm cho được hướng tuyến hôm sau đo tiếp. Lúc nào thật bí, tôi mới hỏi trung đội trưởng Diệm đã là cán bộ trung cấp kỹ thuật lâu năm. Diệm chân thực và tận tình chỉ bảo khiến tôi sáng dần ra. Mọi việc nhờ thế mà trôi chảy.

Ở cao điểm mùa lạnh trời buốt giá ghê sợ, buốt đến tức ê ẩm cả ngực. Vì hành quân bộ nên tôi mang nhẹ. Tuy đã ngủ chung với anh em mà nửa đêm vẫn thấy cóng rét. Không ngủ được trở mình toàn nghĩ chuyện đo đạc. Mày mò, học hỏi mỗi ngày thêm chút ít. Sau thất bại bẻ góc ba lần, tôi càng tỉnh táo hơn. Đến cú cắt đường ở cây số 1, tôi đâm bạo dạn. Càng làm càng ham. Rừng núi đã bớt bí hiểm với tôi.

Đo đạc về, ngày nào anh em cũng "cải thiện" thêm. Có bữa ít hoa chuối rừng thái mỏng trộn vừng rang. Có bữa rau dớn sào thịt hộp. Một hôm bắt được con rùa đang có trứng. Thịt rùa đem sào với củ chuối rừng. Lần đầu tiên tôi ăn trứng rùa ngon, không nghẹn bằng lòng đỏ trứng gà.

Anh em mũi đo đạc phần lớn là lính trẻ luôn tin tưởng tôi, dẫu có lúc sơ suất làm anh em vất vả. Được anh em ủng hộ tôi càng vui, càng cố gắng.

Mau chóng kết thúc bước một của giai đoạn một, các mũi đo đạc tụ tập về trạm giao liên A Tép.

Chúng tôi lại tập trung tiến hành bước hai, hợp điểm sắp tới giữa mũi đo của tôi và Hiệu là bờ bắc sông B, một nguồn sông khá lớn đổ về đông bắc khu năm. Để hợp điểm giữa hai mũi đo, chúng tôi cứ đo độc lập đến khi gần tới

hợp điểm. Lúc ấy hai mũi đo mới liên hệ với nhau và quy định hợp điểm. Tín hiệu hợp điểm có thể là tiếng súng hoặc tiếng hú.

Lần này, để chủ động và khoa học, chúng tôi tính toán kỹ lưỡng trên bản đồ và quy định hợp điểm. Nếu sử dụng và kết hợp tốt bản đồ với thực địa, hai mũi đo sẽ hoàn toàn chủ động gặp nhau. Hợp điểm quy định là điểm giữa hai khe suối chảy ra từ bờ sông B...

Mùa hè đã ngấp nghé trở về rừng núi. Khoét rừng dưới sức hun hầm hập của mặt trời, có hôm khát vô kể. Những cây dao quắm vừa mở đường vừa tìm chặt những đốt nứa để lấy nước uống. Chúng tôi thường gọi đó là “mạch nước thân cây".

Nắm chắc bản đồ địa bàn, tôi sinh chủ quan. Một hôm đo đạc đã xế chiều, anh em yêu cầu tôi tìm đường về. Tôi quả quyết cứ đo một đoạn nữa, thế nào tuyến cũng ra kề đường. Càng đo, trời càng nhanh tối. Không tới được chỗ kề đường. Tôi loay hoay mãi mà chẳng thấy hướng ra. Cảnh âm u của rừng chiều khiến có gì cứ nặng trĩu vào lòng. Không tự chủ được nữa, tôi dắt anh em vạch lối lung tung. Gai cào, cành níu, chúng tôi hoàn toàn không còn phương hướng nữa. May sao, dẫm xuống một lòng khe, vất vả men theo lòng khe, anh em phải kiếm nứa khô đốt đuốc mới khỏi trơn ngã. Vừa đi vừa nghe tiếng thở dốc của lính trẻ, tôi trách mình quá lắm. Từ sau lần ấy, tôi luôn nhắc mình phải cẩn thận.

Đo đạc xuyên rừng, có chỗ chúng tôi gặp vết tích nhà hầm cũ, bãi khách cũ. Một hôm, đang hăm hở lao qua góc rừng già, bỗng cặp phát cây lùi lại. Tôi chạy lên vội vã. Một cảnh tượng đầy xúc động hiện ra trước mắt. Các bộ xương đã có mối đùn xung quanh. Giữa hai đầu bộ xương là hai đầu võng sờn mòn mưa nắng buộc vào hai gốc cây. Từng nghe anh em mặt trận bốn kể chuyện, bây giờ chúng tôi đã chứng kiến.

Sau Mậu Thân 1968, kẻ thù điên cuồng trả thù. Chúng vây ráp, lùng sục, bắt bớ và cắt chặt hết các ngả đường tiếp tế lên chiến khu. Cả chiến khu BI lúc ấy sống cơ bản nhờ gạo từ đồng bằng chuyển lên. Gạo miền Bắc chưa chuyển vào được nhiều. Đường tiếp tế bị đứt, nhiều đơn vị sống trong tình trạng hết lương thực. Có đồng chí trong khi đi tìm rau hoang quả dại biết mình không sống nổi đã khẽ khàng buộc võng và nằm thiếp đi.

Chúng tôi nghẹn ngào vun kín đất lên dấu vết xác xơ của người đồng chí vô danh. Các đồng chí đã ra đi nhường cho chúng tôi hôm nay. Các đồng chí giống cái bệ cột đường dây. Đỡ đứng cả một cây cột cao nhưng toàn thân bộ cột thì vùi sâu lòng đất

Càng lấn dần tới hợp điểm, tôi càng hồi hộp. Liệu niềm tin kỹ thuật có đổ vỡ không? Tôi đã bám sát khá tốt như tính toán. Một chiều, sau khi bẻ góc cuối cùng, mũi đo đạc lao nhanh đến một khoảng hang bằng bặn. Bỗng nghe nước đổ ầm ầm đâu đây. Tôi chạy lên trước. Sông B... đây rồi. Tôi muốn hét bật tung niềm vui giữa không gian.

Tôi chạy ngược chạy xuôi như điên theo bờ Bắc. Tôi phát hiện ra ngay hai con suối ghi trên bản đồ. Lòng tôi có con chim nhảy nhót. Sung sướng quá. Tôi đã làm chủ được những điều trước đây không bao xa tôi còn lo lắng, sợ sệt nó. Men theo bờ Bắc sông, chúng tôi ùa ra đường tìm mũi đo của Hiệu. Ở một sân bóng của đơn vị công binh bên kia đường thấy lố nhố toàn người quen.

Kia rồi, Hiệu đang búng bóng với anh em đo đạc. Thì ra mũi đo của Hiệu chỉ còn ngày mai là cũng tới hợp điểm. Gặp nhau tay bắt mặt mừng. Chúng tôi hình thành nhanh chóng một đội bóng. Trận đấu sôi nổi với đơn vị công binh chiều ấy hân hoan như một cuộc vui mừng thắng lợi.

Chưa bao giờ thấy xe vào nhiều như mùa khô 1974. Ngày nào cũng như ngày nào. Không ngớt những đoàn xe vào, xe ra. Bụi cuốn, lốc xoáy suốt Trường Sơn. Những thước đường nhanh chóng trườn lên phía trước. Những đường ống dùi lòng núi vươn về phía trước. Bên cạnh dường dây, các trạm quân bưu, các xe thông tin với ăng ten cao ngất cũng rải suốt trục đường. Thực tế đó dấy lên trong lòng lính nhiều dự cảm. Dự cảm về một điều lớn lao, mới mẻ thì thầm trong câu chuyện, trong công việc.

Chúng tôi hăm hở đến bến G. Từ lòng thung lũng hẹp này, cảm thấy gần Đà Nẵng rồi. Xuôi theo sông là vùng TM, giáp ranh địch ta. Giữa lòng bến G bật lên cây phượng xoè hoa đỏ chói. Nhìn màu hoa như lửa, tôi nhớ lại cuộc gặp gỡ của cha con anh Võ Xuân Lan, đoàn trưởng đoàn Lam Sơn.

Tháng 6-1973, anh Lan còn là trợ lý phòng công trình Bộ tư lệnh thông tin. Trong chuyến đi khảo sát đường dây năm ấy, anh Lan đã gặp con gái của mình sau 19 năm xa cách.

Sau đình chiến 1954, anh bộ đội Võ Xuân Lan về Đại Lộc quê anh và lấy vợ. Mấy tháng sau, anh lại chia tay vợ, ra Bắc tập kết. Không ngờ những ngày cuối cùng ấy lại là ngày bắt đầu cuộc đời của Huệ, con gái anh. Huệ lớn lên không ở với mẹ. Mẹ đã bị ép bỏ chồng, lấy ác ôn. Ở với ông bà đến tuổi thanh niên, Huệ đã tham gia cách mạng và từng ra tù vào tội. Năm 1973, Huệ ra vùng giải phóng. Đúng lúc này, anh Lan tới TM công tác.

Vì hai cha con không biết mặt nhau, nên tại trạm khách, Huệ nhìn mấy người trong đoàn không biết ai là cha mình. Cô cứ mếu máo bấm tay mọi người: "Chú ơi! Ba cháu đâu?". Người bị Huệ nắm tay cuối cùng chính là anh Lan. Không đủ sức kéo dài cảnh tượng ấy nữa, anh Lan oà khóc. Đi với đường dây “thống nhất", những người thân bị chia lìa bởi bao năm xa cách đã gặp nhau.

*

*   *

Không ngờ lúc đang hăng hái làm việc, tôi lại bị sốt. Có lẽ vì nóng quá. Đúng như câu "Nắng bến Giàng, ruồi vàng Đắc Péc". Sau buổi chiều ở tuyến về, tôi thấm mệt, ăn cơm xong thì người ran lên. Trèo vào võng, thấy người bải hoải, choáng váng. Đầu óc tôi nhói buốt. Càng vào sâu Trường Sơn càng lạ lẫm, khắc nghiệt. Liên tiếp mấy ngày, tôi chỉ ăn cầm hơi. Đêm không sao chợp mắt. Thiếp đi lúc nào cũng toàn mộng mị.

Giữa lúc cơn mơ tỉnh chập chờn, tôi nhớ Lộc da diết. Lộc! Bây giờ em ở đâu? Tại sao chuyện ấy lại xảy ra như thế. Tưởng dứt khoát, ra đi sẽ thanh thản hơn, nhưng năm tháng trôi qua, có lúc nào tôi nguôi thương nhớ Lộc. Lộc quên chưa bao kỷ niệm của một thời đi học đẹp như hoa? Những tự trọng kiểu học sinh chỉ làm khổ nhau thôi. Có đêm buột mồm, tôi gọi mẹ. Mẹ có thể nào hình dung ra con trai của mẹ đang nằm mê man trên con thuyền võng trôi bồng bềnh bên con sông Giàng xa lắc này không? Cầu xin mẹ cho con sức mạnh.

Chỉ một tuần, người tôi rũ như tầu lá. Tôi không bước nổi. Các bạn phải chặt cho tôi hai cây gậy chống. Từ củ sắn lùi đến nắm rau má, các bạn săn sóc tôi bằng tình người chân thực. Những túi thuốc bé xíu của y tá đại đội không dẹp nổi cơn hoả hoạn đang cấu xé thân tôi.

Chuyến xe cấp cứu đưa tôi tới phân viện F471. Vào viện, tôi vẫn sốt liên miên rồi mê man dần.

Người trực tiếp săn sóc tôi là y tá Vụ quê Nam Hà. Nhờ tận tâm và có kinh nghiệm. Vụ đã đưa tôi qua cơn hiểm nghèo. Tôi tỉnh dần. Thật buồn cười, cái trưa tôi vui mồm, lẩm nhẩm hát vài câu tiếng Nga, anh hết hoảng chạy vào ngỡ tôi bị biến chứng ác tính.

Khoẻ hơn một chút, tôi muốn ra viện ngay. Nghe mong manh quân ta nhổ chốt Đắc Péc của địch, tôi càng sốt ruột. Ở ngoài, anh em biết tôi ốm, nhân chuyến xe vào ai cũng hỏi thăm. Phong gửi cho tôi hai lọ thuốc bổ gan. Cầm hai lọ thuốc lọt thỏm, tôi lặng đi. Hồi còn đi học, tôi không ưa Phong lắm. Do xốc nổi tuổi trẻ, chúng tôi đã từng to tiếng với nhau. Cùng đi bộ đội, cùng vào Trường Sơn cuộc sống lính đã kéo chúng tôi lại gần nhau.

Ở chiến trường lạ lắm, chỉ cần gặp nhau một quãng là thành bè bạn tri kỷ. Chỉ cần kề võng một đêm là có thể trút hết tâm sự. Trong chiến tranh, kẻ thù tàn phá đất đai nhưng không sao ngăn được tình cảm nẩy nở giữa những con người. Càng gian khổ, càng thương nhau.

Tham mưu phó Hiệu gặp tôi. Chính anh là người trao quà của Phong cho tôi. Anh nói giọng Huế khẽ khàng: "Công tác với nhau, lúc đầu mình cũng chưa hiểu Kha. Qua anh em và thời gian công tác mới rồi, mình đã hiểu hơn. Đúng là phải có thời gian, Kha nhỉ!".

Tôi biết nếu chưa hiểu tôi, anh Hiệu có thể buông lời hỏi thăm khách sáo với tư thế cấp trên. Những lời trên khác thế. Nó được cất lên từ đáy lòng. Tôi tin như vậy. Lòng tôi như có một đợt sóng xô dậy. Một cảm giác gì cứ lâng lâng mãi.

*
* *

Chiến dịch Đắc Péc nổ ra. Chúng tôi được lệnh, tạm dừng khảo sát về phía Nam. Rời công việc khảo sát đo đạc, sau ít ngày dưỡng bệnh cho lại sức, tôi xuống theo dõi thi công ở các đơn vị.

Nếu có sức thần mà bay một mạch, rà soát các nóc rừng của khối Trường Sơn bắc, ta sẽ thấy bên cạnh những mạch đường đỏ au đặc biệt là đường 14, có một vệt đường thứ hai nhỏ mảnh hơn, ngoằn ngoèo bám xoắn xuýt con đường 14 như dây leo, như anh em sinh đôi, là kỳ tích con đẻ của mẹ Trường Sơn. Rà sát chút nữa, ta sẽ thấy những sợi dây lờ mờ kẻ qua vực sâu, núi cao. Những sợi dây óng ánh dưới nắng. Anh sẽ nghe tiếng rìu chặt cây, tiếng cây đổ ầm ầm, tiếng dô hò dựng cột và tiếng nói cười lay động suốt khoảng rừng.

Đó là trận tuyến đường dây.

Độ này, đang giữa mùa khô. Nắng chói chang. Nắng gắt. Xế chiều đột ngột trút cơn mưa. Trời vẫn trong veo. Như đàn ong xây tổ, các chiến sĩ đường dây cần cù thi công. Dọc đường 14, xe vật liệu đi về như thoi. Đảm bảo công việc này có tiểu đoàn 8 và đại đội 13. Vật liệu được lấy ở kho thuộc đại đội 9 đảm bảo. Còn bệ cột và bệ dây thì lấy ngay trên công trường của đại đội 8. Ở những nơi có đường nhánh, xe được đẩy vào sâu hơn. Đến chỗ không thể cơ giới được nữa, những tấm lưng bắt đầu gánh vác.

Công việc đầu tiên là chuyển vật liệu. Tuy khá mảnh nhưng mỗi thước cột sắt cũng nặng 9 cân. Các chiến sĩ phải đỡ trên vai 54 cân khi vác cây cột 6 mét. Nhìn thanh cột rập rình trên vai người vác, chẳng tin nó nặng đến thế. Phức tạp hơn là công việc gùi bệ cột. Cuộc vật lộn thật quyết liệt. Những khối bê tông vuông cứng, nặng gần 50 cân được buộc vào dây võng, bao tượng gạo. Lính cõng nó trên lưng. Nhìn những chàng trai bé nhỏ lom khom gùi bệ lên dốc, tôi nao nao nhớ những ngày còn ở đơn vị.

Những ngày gùi vật liệu thế này thật căng thẳng. Tôi ngỡ như ngực tôi đang run lên trong hơi thở gấp gáp của những người đang bước lên dốc tức. Gùi nhiều, khi tắm cho nhau, xoay lưng kỳ cọ thường còn gặp vết máu róm đọng khô. Gùi bệ cũng thế kia, lâu ngày sẽ thành chai ở cuối lưng.

Cuộc chiến đấu của những người lính đường dây trên Trường Sơn thầm lặng nhưng gian khổ, chẳng kém gì chiến sĩ dưới đồng bằng. Gian lao qua từng

ngày chậm chạp. Chiều về, hì hụp tắm suối như một bàn tay mềm mại xoa dịu bớt những bụi bặm và mồ hôi. Giấc ngủ đêm như vị thuốc tiên khiến con người trở nên tỉnh táo mỗi ban mai.

Nhưng có lúc, dòng suối và giấc ngủ cũng không mầu nhiệm nữa. Khi mệt quá, sáng rồi mắt không muốn mở. Nhất là buổi trời mưa. Nằm vắt tay lên trán tự đấu tranh với thân thể mệt mỏi của mình. Lên tuyến hay không lên tuyến? Những người lính nghĩ đến nhau. Chia sẻ cùng đồng đội chính là niềm vui vô tận. Tôi đã thắng lại nhiều sớm suy tư với lý lẽ đó. Giờ đây, tôi hiểu những người bạn trẻ này cũng thế. Mang gùi lên dốc, họ như những nốt móc đơn đang lướt nhanh giai điệu lạc quan trên Trường Sơn.

Vật liệu vào tuyến khi lỗ cột đã đào xong. Tay người cầm choòng đục đã rớm máu nắm tay người gùi vật liệu nóng bỏng. Vai chai, tay chai và chai ở cuối lưng, những người lính đường dây lại xúm vào lắp ghép dựng cột. Bài dô ta thô trần và đôi mắt thường của lính đã nâng dậy hàng cột thẳng tắp. Ngày nắng, ngắm nhiều hoa mắt muốn ngất xỉu. Ngày mưa tối trời căng mắt ngắm vẫn mờ.

Đến với những đơn vị đang dựng cột, tôi hình dung ra những đoạn tuyến mình đã đo đạc. Sức người thật là kỳ diệu. Từ một đoạn đường "chuột chạy" mờ mờ rúc trong rừng sâu đã mở ra đứng dậy hiên ngang một đường cột. Các cây cột dang tay đỡ dậy. Rồi dây được căng lên như những sợi dây đàn của cây đàn Trường Sơn.

Làm xong cột tuyến ngắn, các chiến sĩ lại dỡ lán trại hành quân. Cuộc sống lưu động khiến lính đường dây nhanh nhẹn và đơn giản. Tất cả chỉ gọn gàng trong chiếc ba lô. Xây dựng "đường dây thống nhất", các đơn vị thi công thực hiện khẩu hiệu "Đại đội làm cơ khí, kéo dây theo đội hình tiểu đoàn".

Thực hiện khẩu hiệu ấy, có nghĩa là trong một khoảng tuyến khá rộng, chỉ có một đơn vị kéo dây. Nhờ vậy mà các mối hàn chia lẻ giảm đến mức tối thiểu. Do đó, điện trở trên đường dây thấp xuống. Điều kiện thông thoại được tăng lên. Cách làm ăn lớn như thế chưa phải đã được chấp nhận ngay. Phải có kế hoạch thật xít sao về thi công cơ khí thì mới có tuyến giao đúng ngày cho bộ phận kéo dây đến sau. Không thể tuỳ tiện được. Mặc dù biết anh em thi công

rất mệt, nhưng gặp những hiện tượng vi phạm, chúng tôi vẫn kiên quyết đấu tranh. Dần dần quen đi, mọi việc trôi chảy trong guồng máy lớn.

Cuộc đời lưu động làm cho tâm hồn lính đầy phóng khoáng. Tôi nhớ mãi câu ca dao vô danh khá hay:

Vai mang nặng cuộn dây đồng

Lưng thì còng xuống mà lòng bay lên.

Đến với lính, ngồi túm tụm hút thuốc lào, tôi lại nhớ bóng dáng của trung đoàn phó Trúc. Người lính già ấy mặc tóc bạc trắng vẫn cùng anh em vượt Trường Sơn. Vừa chỉ huy vừa làm thơ, lúc nào anh cũng ung dung thanh thản. Tiếc ràng vì bệnh dạ dày quá nặng, anh chỉ làm đoàn trưởng Lam Sơn được một thời gian ngắn.

Nhưng chính cuộc đời khắc nghiệt này đã đào thải bao con người lùi bước. Cái sàng lọc nghiêm khắc của cuộc sống không ưu tiên một ai dù người ấy là chính uỷ, là đoàn trưởng. Sao có thể chỉ huy đoàn được khi không dám quyết tâm nhận nhiệm vụ của trên. Năm nay, bước vào kỳ thi công quyết liệt, một ban chỉ huy gần như hoàn toàn mới được ổn định.

Với sức mạnh mới, con tàu thi công có chiếc đầu tầu khoẻ đã băng qua nhiều quãng hiểm nghèo. Vượt qua những đỉnh Động Giao vời vợi, ngọn Mẫu Đơn thăm thẳm, cao điểm Động Tri ác liệt toàn đoàn mạnh mẽ tiến về phía trước. Ở đâu tôi cũng gặp các cán bộ chỉ huy xoay trần công tác với anh em. Ngoài 50% giờ quy định công tác thực tế, 50% giờ còn lại, anh em dùng làm kế hoạch, đôn đốc kiểm tra, lo toan đời sống cho anh em. Gian khổ có nhau, trên đường dây, không có khoảng cách giữa cán bộ và chiến sĩ. Họ cùng tựa vững vào nhau để tạc nên chân dung lính đường dây.

Dọc đường đến các đơn vị thi công, tôi gặp Liễn ở tiểu đoàn 86 và Tăng ở tiểu đoàn 9. Các bạn tôi đang từng ngày bám sát, giải quyết những tồn tại do chỉ đo đạc một lần, chúng tôi không sao tránh khỏi. Đến với nhau một đêm, chúng tôi tâm sự không muốn ngủ. Mới có nửa năm, đứa nào cũng cảm thấy mình lớn hẳn giữa cái guồng máy cuốn đi như nước.

Re: Hồi ký Trường Sơn

« Trả lời #183 vào lúc: 24 Tháng Tư, 2010, 11:16:13 am »

Ra cơ quan đoàn bộ, tôi gặp Phong. Phong đưa tôi xem tập thiết kế vừa làm xong cùng 4 cán bộ trung cấp thiết kế. Tôi lật lật xem kỹ từng phần. Tôi run lên vì nhiều kết luận mới mẻ và tính toán tỉ mỉ. Đặt tập thiết kế vào tay Phong, tôi nói :

- Đây là một tập thiết kế khá hoàn chỉnh. Mình chưa nghĩ là các cậu làm được như thế ở Trường Sơn.

Phong chậm chạp đáp lời:

- Chúng mình mò mẫm mãi. Tất cả các mẫu thiết kế cũ đều quá sơ sài Công trình này đòi một tập thiết kế có tầm cỡ lớn hơn. Cố gắng hết cỡ nhưng cũng còn vướng nhiều lắm.

Tôi gật đầu:

- Mình cũng thấy vậy. Nhưng phải có thời gian nhỉ.

Phong loay xoay tập sách trong tay:

- Chỉ tiếc là ít tài liệu quá. Giá chúng mình có đầy đủ thư viện như Hà Nội.

Tôi im lặng. Nhìn cặp mắt thiếu ngủ của Phong sáng lên, tôi muốn ghì ôm bạn.

Anh Bàn cũng gầy nhiều. Gặp tôi, anh chậm chậm nói về sơ suất vừa qua. Do kiểm tra thiếu tỉ mỉ, các anh đã tính sai đào cho 12 cây số 800 mét, tức là vừa tròn một khu nguyên. "Sai một li, đi một dặm", các anh đã phải lặn lội đến hàng chục cây số để sửa lại sai sót.

Dẫu có thành công, thất bại nhưng cả tiểu ban kỹ thuật đều thấy mình trưởng thành một bước. Nề nếp làm việc của một tiểu ban thực tế đã hình thành. Tại cây số HSS đường 14, chúng tôi lao vào cắt tranh chặt nứa, làm nhà ở Sở chỉ huy mới của đoàn. Làm kỹ thuật đã thế, xoay ra làm nhà cũng chẳng kém. Sau một tuần nhọc mệt, chúng tôi đã có một căn nhà khang trang. Nhà dựng ở sườn núi, có cầu thang đi lên. Trước nhà có một cái hành lang khá rộng.

Lính lạ thật. Lúc thật lúi xùi, lúc thật đàng hoàng. Cả cơ quan đoàn bộ khen nhà của tiểu ban kỹ thuật. Lần đầu tiên, giữa Trường Sơn, chúng tôi dựng được một căn nhà nghiêm chỉnh.

*

* *

Càng đến kỳ nước rút, nhịp độ thi công càng cuốn nhanh như lốc .

May mắn, năm nay mưa có vẻ muộn hơn. Nhưng chưa mưa được thì nắng càng gắt. Gặp nhau trên tuyến, mặt ai cũng đen nhẻm. Duy có nụ cười chẳng làm sao đen được cứ nở trắng như hoa. Giữa lúc cả tiểu đoàn bấn lên vì bao nhiêu công việc thì việc bàn giao tuyến đoạn từ Khe Sanh đến A Sầu bị bế tắc. Đoàn nghiệm thu không làm được biên bản nghiệm thu vì chỉ tiêu điện không đạt. Tuyến xấu hay vì lý do gì? Câu hỏi cần được trả lời.

Tiếp xúc với nhiều đơn vị thi công, tôi hiểu khá rõ đời sống vất vả của anh chị em. Sáng ăn chính xong, những người lính khoác quần áo công trình mà họ thường gọi là "đồ bay" lên tuyến. Cơm chính lèo tèo chút thịt hộp. Chủ yếu là ruốc mặn. Làm quần quật đến trưa, ăn một nắm cơm nguội lạnh, có khi với muối trắng. Chiều về, lại điệp khúc ruốc mặn, mắm kem. Căng lên một thước đường dây, công sức sao kể xiết. Chỉ cần một kết luận chưa khách quan về tuyến thì công sức của anh em, quyết tâm của đảng uỷ đơn vị đánh giá thế nào? Để giải quyết nâng cao chất lượng và đánh giá thực chất đoạn tuyến này, tôi và anh Từ cùng một trung đội nhanh chóng lên đường.

Anh Từ nguyên là cán bộ đại đội lên làm trợ lý tham mưu. Trước khi vào bộ đội, anh đã là công nhân bưu điện nên nắm kỹ thuật khá tốt. Dừng lại ở một tổ đường dây, chúng tôi ngủ qua đêm. Ngay từ sau bữa cơm chiều, anh Từ đã gọi tôi ra và nói:

- Ngày mai, ta sẽ đến tuốt Khe Sanh. Sau đó cùng lính đi kiểm tra từng gốc cột nhé.

- Ấy chết! Làm thế làm gì - Tôi vội cướp lời.

- Thế ông định thế nào? - Anh Từ hỏi lại tôi.

- Tôi đề nghị tiến hành đo từng đoạn. Đoạn nào tốt thì thôi. Đoạn nào chưa tốt, ta sẽ kiểm tra như thế.

- Liệu như vậy được không?

- Được quá đi! Chất lượng điện khí cả tuyến đo từng đoạn quyết định. Làm thế này, vừa bớt sức, vừa nhanh, vừa khoa học chứ.

- Ồ thế thì hay quá. Mình cứ nghĩ... - Anh Từ vừa nói vừa cười vỗ vai tôi: "Kỹ sư có khác". Tôi cũng buồn cười vì việc này đơn giản quá. Anh Từ quá khen thôi.

Ngay hôm sau, chúng tôi tiến hành công việc. Đúng như dự kiến, chỉ có một đoạn tuyến không đạt sau khi đo thử. Chúng tôi xộc thẳng vào đoạn tuyến đó. Thì ra do phát cây sơ sài, anh em đã không triệt khử bụi lau. Qua nắng mưa, lau lại tốt lên, trùm vào đường dây. Ở một số đoạn khác, các dây leo vươn khá mãnh liệt cũng vươn xoắn xuýt vào dây.

Giải quyết xong, chúng tôi tiến hành đo thử toàn tuyến. Còn gì sung sướng hơn khi đứng dưới cột đầu cuối nghe chuông điện ở các máy lẻ cùng reo vang trên các đôi dây. Còn gì vui hơn khi các kim đo ở đồng hồ đo chỉ thị các trị số đều đạt và vượt tiêu chuẩn. Chỉ sau một tuần, vấn đề đã được hoàn thiện gọn ghẽ. Chúng tôi ký kết biên bản bổ sung ngay tại cột cuối ở thung lũng A Sầu đúng ban trưa nắng sáng. Lại một thử thách đi qua.

Chưa kịp nghỉ ngơi, tôi lại cùng cả tiểu ban lên tuyến tổ chức nghiệm thu đoạn tuyến A Sầu - Bến G... Do quyết tâm của toàn đoàn, một đoạn tuyến vài trăm cây số đường dây được hoàn thiện trong chín tháng. Ở bến G... một nhánh đường bằng cáp đã kéo tới làng R... chỉ huy sở mặt trận B1. Năm ấy, mệnh lệnh đã bay qua vạn dặm Trường Sơn vào chiến trường. Năm ấy, qua đường dây, nhiều cán bộ miền Bắc vào Nam công tác đã khóc khi nghe qua tổ hợp tiếng nói của người thân, của trung ương sau mười mấy năm xa cách.

Mùa mưa dẫu đến muộn cũng đã bắt đầu trút nước xuống nóc rừng. Đường dây "thống nhất" xuyên Trường Sơn kéo qua "Dốc Quảng Nam, gan cộng sản" có thời cơ thử thách mình. Toàn đoàn trụ quân tại Quảng Nam. Các đơn vị lục tục kéo về, lục tục cắt tranh chặt nứa làm nhà. Chính lúc ấy, cuộc tấn công chống lấn chiếm đã mở ra khắp mặt trận B1. Hướng Thượng Đức, ngày đêm vọng về tiếng pháo.

*

* *

Với vỏn vẹn ít sách và chút vốn liếng không đồng đều của từng người, cả tiểu ban kỹ thuật bắt tay vào thiết kế toàn bộ công trình đường dây. Bàn bạc với mọi người, anh Bàn nói:

- Đường dây đã dựng ở Trường Sơn. Nhiệm vụ của chúng ta mùa mưa này là chứng minh tại sao nó có thể xuyên Trường Sơn được. Mong các đồng chí dốc hết vốn vào công việc này, dẫu hoàn cảnh thật khó đối với chúng ta.

Trong toàn bộ nhiệm vụ thiết kế, tôi được giao phần tính toán cơ và điện khí. Ngồi giữa tiếng mưa điệp khúc Trường Sơn, ban ngày ban tối đều phải thắp đèn bão, chúng tôi lần mò những phương trình, những con số.

Từ năm 1965 ngay sau khi chính thức thành lập đoàn Lam Sơn, tiểu ban kỹ thuật cũng được hình thành. Lực lượng chủ công ban đầu là một vài đồng chí sơ cấp kỹ thuật. Năm 1968, tiểu ban được bổ sung thêm khá nhiều trong số 20 đồng chí trung cấp kỹ thuật về công tác tại đoàn. Cho đến năm 1974, những người có mặt từ ngày đầu ở đoàn, đều công nhận lực lượng hiện tại là hùng hậu nhất. Nhưng ngay từ buổi đầu, các tập thiết kế đã ra đời.

Lần này, tuy làm thiết kế trong Trường Sơn và vấn đề đường dây cột sắt hình U là vấn đề mới nhưng lẽ nào không làm được. Chúng tôi đã thừa kế kinh nghiệm của những người đi trước. Đó là cuộc vật lộn với vùng U Bò - Ba Rền sáng mãi một thời đường dây "quyết thắng". Đó là cuộc chiến đấu táo bạo kéo đường dây dã chiến ở Trường Sơn Tây năm xưa. Mỗi hoàn cảnh mỗi khó khăn mới. Nhưng sẽ có cách giải quyết mới. Đó là điều chắc chắn.

Cứ ngồi trước bàn làm việc là đầu tôi lại vởn lên bao vấn đề mà chín tháng qua, tôi thường để tâm suy nghĩ. Tôi nhớ những khi đứng bên cạnh cây cột vừa trồng bên ngọn núi. Một cơn lốc ào đến. Nhìn cây cột thanh mảnh rung rung, nghe tiếng dây reo rào rào, thấy cây cột thật nhỏ nhoi giữa Trường Sơn hùng vĩ. Hiện tượng gió, địa hình dốc núi và vật liệu kết cấu. Ba vấn đề xoắn xuýt này tạo thành một thế lực ngăn bước đường dây. Hiểu nó và chế ngự nó, đường dây sẽ hiên ngang đạp Trường Sơn đi Thực tế đường dây đã đi rồi. Vấn đề thực chất đã chín mọng như trái vả treo lơ lửng trên cành cây giữa suối Tôi làm sao hái được nó đây?

Tình cờ qua cuốn sách khí tượng, tôi lọc ra được một chi tiết khá quan trọng. Liên tiếp leo qua một phần địa hình phức tạp nhất của dãy Trường Sơn,

đường dây phải chịu một áp lực gió lớn hơn quy định. Việc thay thế giữa các khối không khí nóng và lạnh tạo ra loại gió "phơn" thật đặc biệt. Gió "phơn" quần ở thung lũng tạo nên biến dạng, gây ra gió giật, giông tố. Tác dụng đột ngột ấy, trực tiếp phá hoại đường dây. Phải lấy trường hợp ấy làm điển hình trong tính toán.

Một cây cột bình thường nhưng trồng trên núi cao khác với khi trồng ở đồng bằng. Nó tựa như ngọn của một cây cột cao mà các phần thân dưới được làm cứng bằng nhiều tầng dây co. Tôi đem vấn đề ra thảo luận trong tiểu ban. Mỗi người góp một ý. Vấn đề càng thêm phong phú. Tất cả đều nhất trí hướng tính như thế. "Phương pháp tính tương đương cột cao" hình thành. Phương pháp này khác xa với phương pháp tính cột trung gian trong quy định bưu điện.

Vấn đề mới quyến rũ tôi như một người yêu. Tôi chìm trong say mê và mỏi mệt. Những rây rớt của cơn sốt thường xuyên ám ảnh. Có khi đang làm việc, tôi thấy ớn lạnh, vội vã lăn ra giường. Quay tròn như chong chóng một lúc, lại hổn hển ngồi dậy, cắm đầu viết.

Cuộc chiến đấu thầm lặng của cả tiểu ban như bếp lửa âm ỉ cháy. Nhìn ai cũng thấy chút xanh xao, nhưng đôi mắt thì ráo hoảnh, lỉnh táo. Làm việc mệt, lại rủ nhau lang thang vào rừng. Quên sao cảnh mấy đứa vất cho nhau những chùm dâu da ngọt lịm. Có lúc, cưa đổ cây chôm chôm, chúng tôi hái quả về ngâm rượu. Rượu chôm chôm thơm và nhẹ. Nhưng uống vào cũng thấy người thoáng say.

Ở Quảng Nam có quả "lười ươi" thật độc đáo. Đem về ngâm nước, quả đang héo bỗng nở phồng như thạch. Chúng tôi quen gọi là quả "thạch". Quả thạch ngâm nước trộn với đường ăn không khác gì các hàng thạch giải khát ở Hà Nội. Đặc biệt là măng. Rừng núi Quảng Nam vào đầu mùa mưa ngút ngàn măng nứa. Măng xào thịt hộp. Măng ngâm chua, măng luộc chấm muối vừng. Măng nấu canh cá. Măng ngâm ớt chỉ thiên. Điệp khúc măng quay tròn trong các bữa ăn. Có buổi nắng, măng được xé nhỏ phơi khô. Mưa thì đưa vào lò sấy.

Sống với "măng cùng nứa" nhưng chúng tôi không thiếu "bạn cùng". Có tình bạn nào bền như tình đồng đội. Thô trần và vạm vỡ như tình đồng đội. Tình đồng đội! Đó là niềm thôi thúc không nguôi trong lòng lính Trường Sơn .

Tính được cột rồi, tôi xoay sang cái bệ cột bướng bỉnh. Làm sao tính được cái bệ cột cắt nhỏ làm hai, có khi làm ba khúc lại có thể đảm bảo giữ vững cột như bệ cột liền. Tôi lại lục tung các chồng sách cũ và ít ỏi. Lần này, tôi chẳng thấy sự tình cờ nào trong các tranh sách. Càng đọc sách, càng bế tắc. Chẳng lẽ bó tay ư?

Có lúc mệt quá, tôi chặc lưỡi. Thôi, hết mức rồi. Lỗi tại mình đâu? Lỗi là vì ít sách quá, là vì làm thiết kế trong hoàn cảnh khó khăn quá. Ranh giới giữa sự đầu hàng và sự làm việc hết mức của công tác kỹ thuật chẳng rõ ràng. Không ai có thể buộc tội tôi khi tôi không làm điều này. Nhưng tôi chẳng sao xua được cái mớ bòng bong ấy ra khỏi óc.

Một hôm sau cơn mưa, vừa đi vừa miết hai lòng bàn tay vào nhau, tưởng tượng đó là hai mặt giáp nhau của hai khúc bệ cột, tôi trượt ngã. Lồm cồm bò dậy lấm bê bết, tôi ngoái nhìn một vệt giầy lê dài trên đất. Ta lông giầy mòn hết rồi. Đế giầy không còn đủ ma sát giữ tôi đứng vững nữa. Chính lúc ấy có một điều rực lên như cây lá đổ giữa ngàn xanh ngăn ngắt.

Quên quần áo còn dính bùn, tôi lao vào bới tìm các chồng sách. Cuốn vật lý đại cương đây rồi. Tôi lật nhanh đến phần lực ma sát. Các dòng chữ như chạy vào mắt tôi. Đây rồi. Muốn làm hai bệ cọc đè chắc lên nhau thì trọng lực khúc bệ cột phải thắng ma sát trượt giữa hai mặt tiếp giáp. Ôi! Sao vấn đề đơn giản thế. Tôi ân hận bao nhiêu sự học tập không đến nơi đến chốn những năm đầu đại học. Muốn nhận ra điều đơn giản ấy, tôi đã phải vấp một thực tế khá đột ngột.

Cắm cúi mãi vào sách, tôi ngẩng lên đã thấy mọi người vây quanh. Nhìn tôi ngơ ngác, tất cả cười phá. Tôi đi nhanh ra suối. Tiếng cười rộn ràng như nâng bước chân tôi.

Vấn đề chính nhất là vấn đề điện khí, tôi làm sau cùng. Với cách nhìn các thung lũng như bể điện phân, tôi thấy số liệu điện áp tạp âm cũ như bưu điện thường dùng lại không thích hợp. Một số liệu khác thích hợp được chọn. Đây là số liệu chỉ áp dụng tính cho trường hợp thời tiết lạnh và có tuyết ở

một số nước phương Bắc. Nhưng với Trường Sơn, nó lại thích hợp. Tuyết thì không có nhưng sương mù phủ dày gần như quanh năm trong các thung lũng ấy.

Phần tính toán của tôi cũng kịp xong với các phần khác của ban thiết kế. Chúng tôi hoan hỉ tập hợp sắp xếp và nghiên cứu thông qua. Lính thi công dũng cảm kéo đường dây. Lính kỹ thuật chứng minh sự dũng cảm ấy là cần thiết. Sự dũng cảm đến kinh ngạc.

III

Bộ tư lệnh chính thức giao nhiệm vụ năm 1975 cho đoàn Lam Sơn. Lập tức, kế hoạch được triển khai. Để có một đương dây xuyên Trường Sơn phục vụ chiến dịch đúng ngày N + 1 trong tháng hai 1975, phải có một phương án thật tỉ mỉ. Lính thật nhạy cảm. Ngay từ khi huấn luyện, thấy trong giáo án có phần cột gỗ, các "tham mưu con" đã xì xào suy đoán. Chúng tôi cũng nóng lòng mong mỏi. Bây giờ thì trần lưng ra mà làm.

Muốn rút ngắn thời gian khảo sát đo đạc để bộ đội nhập tuyến sớm, cần tung ra ngay trong tháng mười một 1974 tám mũi đo đạc cùng một lúc. Được cử phụ trách tiểu ban, tôi băn khoăn mãi. Người lên tuyến thì có, nhưng anh em có kinh nghiệm chỉ còn có Hiệu và Bổng. Liệu anh em mới có đảm đương được không?

Buổi triển khai nhiệm vụ trong tiểu ban thật sôi nổi. Tôi phân công dặn dò công việc khá tỉ mỉ. Sáu đồng chí trung cấp kỹ thuật được bổ sung vào tám mũi đo. Vì cán bộ trung cấp kỹ thuật không đủ nên có hai mũi phải giao cho hai đồng chí sơ cấp kỹ thuật; Sông và Lộc làm mũi trưởng.

Lo lắng về hai mũi này một phần, tôi còn lo đồng chí Điền khó đảm đương mũi trưởng. Trong số bốn đồng chí trung cấp kỹ thuật mới về, Điền yếu chuyên môn nhất. Thời gian gấp gáp nên bồi dưỡng thêm không là bao. Nhưng chẳng còn cách nào hơn cả.

Đồng chí Quyết tuy là cán bộ trung cấp kỹ thuật có kinh nghiệm nhưng mới đi viện về, sức khoẻ còn yếu nên được phân công đi coi hậu cứ và tăng gia sản xuất. Cuộc họp gần như có thể kết thúc được thì Quyết xin có ý kiến.

Sau cái đằng hắng quen thuộc, Quyết nói chậm rãi, anh chàng này định nói gì mà kỳ vậy? Tôi thoáng nghĩ... Quyết đột nhiên nghiêm nét mặt:

- Không! Tôi cám ơn các đồng chí thật sự. Bệnh của tôi chết thì chết rồi. Tôi còn sống tức là còn nhập tuyến được. Tôi yêu cầu được nhập tuyến.

Ngạc nhiên quá. Từ khi về tiểu ban, tôi thường nhìn Quyết như một anh chàng hơi lập dị. Làm ăn tạm được nhưng hay buông những câu ngang phè, châm chọc. Có lần, chỉ vì nhắc nhở Quyết không nên dậy muộn, Quyết đã to tiếng với tôi. Sau lần ấy, giữa chúng tôi như có một khoảng trống ngăn cách. Việc Quyết đi viện khiến tôi nhẹ nhõm hẳn. Thế là thoát nợ. Ai dè một đêm mưa, Quyết trở về như ma hiện. Việc Quyết trở về đơn vị không tránh khỏi làn sóng ngầm dư luận. Có người khen Quyết khôn biết đánh lớn định quay vào để "dính dáng". Có người chê Quyết lẩm cẩm. Giấy tờ Quyết đem về thì hợp pháp nhưng nhìn tạng người gầy nhom của Quyết, tôi nghĩ chỉ có việc coi hậu cứ và tăng gia sản xuất là hợp, tuy nhiên, Quyết lên tuyến được thì vẫn tốt hơn.

Suy nghĩ rất nhanh, tôi vẫn giữ ý kiến ban đầu. Để anh em làm cố sau này mang tiếng lắm. Tôi nói:

- Đồng chí Quyết có tinh thần, tiểu ban hoan nghênh. Nhưng làm ăn còn lâu dài. Đồng chí cứ yên tâm chấp hành.

Tôi chưa nói dứt câu, Quyết đã đập bàn đứng phắt dậy:

- Cứ cho tôi là chống lệnh cũng được, nhưng tôi không ở nhà. Tôi cần lên tuyến. Tôi không phải là thứ bỏ đi như các anh tưởng.

Toàn thân tôi như bị xối nước lạnh. Tôi không ngờ Quyết lại quyết liệt đến thế. Lần trước, tôi muốn anh làm việc, anh cũng cáu tôi. Lần này, tôi muốn anh nghỉ ngơi, anh lại nổi nóng. Nhìn Quyết, tôi bỗng cảm động nghẹn ngào. Không dễ gì nhìn thấy cái đáy sâu thẳm trong lòng người lính. Những đánh giá chủ quan không được thời gian kiểm nghiệm đều không sao nhận ra điều ấy. Mới thấy làm chỉ huy không dễ.

Thế là Quyết cùng đoàn khảo sát lên đường. Ngày nào, cơ yếu cũng giao cho tôi bức điện báo cáo tình hình. Nhìn những con số ghi trên điện, lại nhìn căn nhà trống trải còn độc mình tôi, tôi thương và nhớ anh em biết bao.

*
* *

May sao, chỉ nửa tháng sau, tôi được cùng phó chính uỷ Nghiêm Xuân Linh và đoàn cán bộ nhập tuyến lên đường Bộ phận tham mưu ngoài tôi, còn có hai trợ lý tham mưu là Tô và Kiều.

Thời hoàng kim của đường 14 không còn nữa. Nhiều đoạn ta luy đường sập lở. Nhiều đoạn, bùn lầy còn lết bết. Ở các ngầm lớn, nước sông đánh phá mạnh. Anh Linh quyết định đi bộ.

Vượt dốc B... chúng tôi nhanh chóng tụt xuống bến G... Trở lại con sông Giàng mùa mưa, nước mênh mang. Mũi tên màu đỏ trên ngã ba đường chỉ thẳng đường vào Tây Nguyên như niềm thúc giục. Phải đi khá vất vả chúng tôi mới theo kịp phó chính uỷ. Không ngờ với cái dáng nhỏ bé nhất đoàn, phó chính uỷ lại đi nhanh như thế. Vừa đi anh vừa đùa dí dỏm. Rất ít mồ hôi trên khuôn mặt anh. Đi suốt từ sáng đến trưa, anh vẫn chưa hề nhấp nước. Anh đi vững chãi. Trông dáng bền bỉ ấy, đủ hiểu anh quen thuộc chiến trường chừng nao.

Là con một gia đình cố nông, anh sớm phải đi ở cho địa chủ. Những đòn roi, đói rét đè nặng suốt tuổi thơ anh làm thân hình anh chậm phát triển. Cách mạng tháng Tám thành công, anh bỏ nhà địa chủ, về với mẹ. Bố anh đã chết trong những tháng năm tha phương cầu thực kiếm ăn. Năm 1949, anh nhập ngũ và trở thành chiến sĩ dây trần của đại đội 303. Bao nhiêu tuổi quân là bấy nhiêu tuổi gắn bó với dây trần, anh là chính uỷ duy nhất trưởng thành từ chiến sĩ đường dây. Suốt lúc ấy chỉ có tiểu đoàn dây trần dọc ngang khắp mọi nơi chằng dây, toả mạng.

Sau khi đoàn Lam Sơn thành lập, năm 1967, anh theo đoàn vào chiến trường. Lúc ấy, anh còn làm chính trị viên đại đội 3. Đại đội trưởng đại đội 3 bấy giờ chính là anh Phạm Luân. Giữa anh và anh Luân có một kỷ niệm thật sâu sắc. Sau khi kéo dây phục vụ tổng tấn công Mậu Thân 1968, đại đội 3 rút ra thì bị địch vây ở thung lũng A Sầu - A Lưới. Không thể phí toàn bộ lực lượng vào lúc này được, ban chỉ huy đại đội quyết định chỉ để lại một bộ phận nhỏ thu hút địch, còn đại bộ phận thì rút ra phục vụ thông tin hướng khác.

Giữa anh và anh Luân ai cũng giành phần ở lại. Khi ấy, anh Luân đã có ba con trai, còn anh Linh thì mới có một con gái. Với suy nghĩ thương bạn bè, anh Luân dùng quyền đại đội trưởng quyết định anh Linh phải rút ra. Sau này, anh Luân có nói về chuyện ấy như sau: "Mình đã có ba con trai, lão ấy thì độc một mống con gái. Biết sống chết thế nào. Lão ấy ở lại nhỡ có bị làm sao thì mình ân hận suốt đời...".

Chính anh Luân từng tham gia vào hội làm mai, làm mối cho anh Linh. Khi ấy anh Linh còn là một chiến sĩ ít nói. Đóng quân tại một vùng xe tơ, dệt lụa, cô gái xinh nổi tiếng làng ấy vừa xe tơ, vừa im lặng quan sát các anh bộ đội đóng ở nhà mình. Anh chàng ít nói, lam làm Nghiêm Xuân Linh đã lọt vào mắt xanh của cô.

Cô gái mang tên Huệ trắng và thơm tinh khiết đã trở thành vợ Linh. Có với nhau một mụn con, chị Huệ bồng con lên quê chồng ở với mẹ chồng để chồng an tâm vào chiến trường. Vùng đồi Hà Bắc nằm kề nhánh nhỏ con sông Thương đã che chở túp lều xiêu vẹo với hai người đàn bà và một mụn con gái bao năm tháng anh đi.

Mặc dù tuổi đã cao, năm nay anh Linh vẫn ở Trường Sơn, vẫn chung thuỷ với đường dây. Ít khi anh tâm sự với ai về chuyện riêng nhà mình. Nhưng những chiến sĩ gần nhà anh đã kể cho bè bạn về hoàn cảnh gia đình của chính uỷ kính mến. Chuyện gia đình anh thành lời động viên lẫn nhau trong chiến sĩ. Muốn khuyên bạn đừng băn khoăn về chuyện nhà cửa, có chiến sĩ đã nói: "Nhà cậu khó khăn bằng nhà chính uỷ không? Cậu còn trẻ mà chính uỷ thời già. Chính uỷ cũng băn khoăn như cậu thì liệu đoàn ta có vững được không?".

Anh nổi tiếng về sự liêm khiết và gương mẫu trong công việc. Năm 1972 lúc đường dây dã chiến được kéo đến Thừa Thiên cũng là lúc tiểu đoàn 86 ở rất xa đường vận chuyển lương thực. Chính trị viên Nghiêm Xuân Linh không vắng mặt bao giờ trong những ngày gùi hàng gian khổ. Ai cũng kính nể anh về phương pháp làm việc. Khi còn làm việc thì thoải mái. Khi đã thành nghị quyết thì chỉ có chấp hành. Anh là người gương mẫu chấp hành đầu tiên và triệt để nhất.

Dọc đường đi, gặp những đoạn có đường dây vượt qua, anh nhận xét ưu, nhược điểm rất đúng. Trong đoàn có trợ lý tham mưu Kiều có dáng dấp lắm. Người Kiều tầm thước đầu to, trán hói. Đi công tác chuyến này, Kiều lại mang theo khẩu K 59 xinh xắn. Một lần, Anh Linh và Kiều đi trước để tìm chỗ nghỉ đêm. Chúng tôi đến sau tìm mãi không ra. Quay lại hỏi đồng chí coi kho gần đấy đồng chí chỉ tay vào một khe suối:

- Chính uỷ đầu hói của các anh cùng ông công vụ hơi già đi sâu vào trong kia kìa.

Chúng tôi bấm nhau không nhịn được cười. Đêm ấy Kiều bị chúng tôi trêu cho một mẻ. Anh Linh chỉ cười:

- Thời đại khoa học kỹ thuật. Vài năm nữa là các ông chỉ huy thật đấy. Tôi cũng mong đến ngày ấy để thấy quân đội mình trưởng thành. Có làm lính cho các ông cũng mát mặt.

Trời đã vào kỳ rét. Tuy vậy, chúng tôi cố gắng hành quân sớm. Lính thì thầm mùa khô tới, sẽ nhổ Kon Tum trước. Có chỗ lại đồn đánh Plây-cu xong mới vây Kon Tum. Đánh chỗ nào thì bí mật quá rồi. Nhưng chuẩn bị thế này không thể không đánh lớn được. Một đêm, nghỉ lại căn nhà công binh bỏ trống, người giữ kho vừa khơi lửa cùng chúng tôi ngồi sưởi vừa chặc lưỡi:

- Ghê thật, các bố là thánh lắm. Cứ đường dây đi tới đâu y như rằng mình "xơi" đến đó. Đây! Đắk Péc rồi Thượng Đức đấy. Mùa khô này, không biết các bố xơi đến đây. Lính nức lòng lắm.

Nét vô tư của người lính giữ kho khiến chúng tôi vui lên. Chúng tôi thần thánh gì đâu. Tất cả nằm trên ý đồ trên cả. Ngay cả việc mở đường của các anh cũng thế. Không có con đường sao có đường dây được. Nhưng thường ai làm nghề gì thường quên khuấy tầm quan trọng của người đó.

Từ giã những thước dây cuối cùng, chúng tôi đến với những ngọn núi đầu tiên của Tây Nguyên. Để lại đằng sau hàng trăm cây số đường dây vững vàng qua thử thách mùa mưa, chúng tôi tiếp tục đưa đường dây vươn tới.

Đến sân bay V... chúng tôi đã qua 200 cây số đường 14. Dừng lại trạm giao liên, nơi trú quân của đại đội 10 đo đạc chúng tôi nắm tình hình và bàn bạc

cách triển khai tiếp. Qua những đâu, anh em cả tám mũi đo tỏ ra làm ăn khá tốt.

Nhờ có sự tham gia của Quyết, không những mũi đo của Quyết sớm được giải quyết, Quyết còn sang giúp mũi đo của Sơn tức là mũi đối đầu với mũi của Quyết. Tôi nhờ anh em đại đội 10 chuyển cho Quyết 200 viên ca vét mà khi ra đi, tôi không quên mang theo. Ở phía trước, nhận được món quà này hẳn Quyết sẽ vững tâm làm việc hơn. "Người đau dạ dày gặp ca vét khác gì cá gặp nước". Anh Mộng chính trị viên đại đội 10 vừa nói vừa đưa gói ca vét vào xắc cốt.

Dựa vào công binh, mũi đo qua căn cứ Đắc Pék đã bảo đảm an toàn. Khi giao trách nhiệm này cho Chuẩn, tôi rất tin. Tuy mới ra trường nhưng Chuẩn là một đảng viên tỏ ra tháo vát và hăng hái lao vào thực tế.

*
* *

Mùa khô. Những tảng đất sụp lở sục bùn khô nhanh rồi lan ra thành bụi. Bụi ngụt lên. Bụi đỏ. Đi suốt mùa mưa với dự cảm chất chứa. Dự cảm bốc cháy trong mùa khô. Nắng lau nhanh ướt át trên khuôn mặt của rừng. Các mắt lá ngước nhìn xanh hy vọng. Gió. Gió lồng lên phóng khoáng.

Câu chuyện của người mẹ chính uỷ Nguyễn Ngọc Chi ở miền Hội An bao năm chờ đợi con, mắt đã mờ loà, mùa này tự nhiên sáng trở lại, đã loang khắp đoàn. Má có biết con má đang cùng toàn đoàn tiến vào Tây Nguyên không?

Băng qua thung lũng Khâu Đức ngút ngàn ngô xanh, đường dây cắt "cua, hai đỏ". Men dốc tức "lò xo" đường dây xuyên chiều dài một rừng thông ẩn dật. Đi qua đây ngỡ như biển rất gần. Thông reo xao xác.

Nhịp độ thi công đơn vị vô cùng khẩn trương. Vừa qua Đắc Pék, mũi tên ghi dấu trên tiến độ thi công đã chỉ đến Đắc Ong. Đường dây xuyên qua bát ngát nương sắn, cách sân bay S... và đi tiếp. Các xe thông tin chuyển vào sâu hơn. Các đơn vị dây bọc cũng cùng một lúc triển khai khiến mạng thông tin càng dầy đặc. Lên Tây Nguyên, ta gặp bầu trời bao la mà bấy nhiêu năm với rừng già, ta không sao gặp nổi. Trên cao nguyên bằng bặn này, con đường thẳng như kẻ chỉ. Không khí huyên náo không ngớt đêm ngày trên Tây Nguyên.

Lúc này, anh Bàn, Phong, Quy đã theo đường giao liên Trường Sơn Tây tới Đắc Công. Tất cả chuẩn bị gấp. Tất cả tiểu ban kỹ thuật tung lên tuyến. Số thì vượt sông Pô Cô đến với đơn vị đang thi công tới Đắc Tô - Tân Cảnh. Số thì vượt đỉnh N... theo đơn vị làm tuyến cột gỗ vào đến Sở chỉ huy chiến dịch. Mặc máy bay ngày đêm tuôn bom trút đạn, toàn đoàn rạo rực thi công trong khí thế bừng lửa mùa khô.

Mùa xuân qua nhanh bởi khí thế sục sôi trên công trình. Sau đêm cả tiểu đoàn 86 đốt đuốc căng bám những thước dây cuối cùng, đúng ngày N + 1, đường dây xuyên Tây Nguyên hoàn thành. Cả tiểu ban kỹ thuật lại lao vào tổ chức nghiệm thu cùng đơn vị.

Đoàn cán bộ cùng đoàn trưởng Võ Xuân Lam gấp rút bám sát đợt nghiệm thu. Chiếc com măng ca lao vùn vụt qua gầm sông Pô Cô. Nước Pô Cô mùa này cạn trong vắt nhìn thấy đá lô nhô dưới dòng sông. Con sông cùng người lái đò A Sanh đã chảy vào bài hát suốt thời sinh viên, bây giờ tôi mới gặp. Càng đi, càng thấy yêu vô cùng đất nước. Trường Sơn quen thuộc đã ngấm vào máu thịt người lính chiến trường.

Mát ga thế nào mà người lái xe đưa chúng tôi vượt qua Cống Ba Lỗ, nơi đường dây tạm dừng lúc nào không hay. Nếu không có người gác đường đơn vị bộ binh ngăn lại, có khi xe đã lao vào thị xã Kon Tum rồi. Từ đây vào Kon Tum còn bao xa đâu.

Dọc đường, anh Lam phấn khởi nói chuyện suốt. Từ phòng công trình, anh Lam được điều xuống làm trưởng đoàn Lam Sơn khoảng hơn nửa năm nay. Anh chỉ huy đoàn đúng vào giai đoạn cuối cùng lịch sử. Anh là người biết tận dụng và nhìn khá rõ khả năng của lựclượng kỹ thuật hơn cả. Điều gì nắm chưa chắc, anh đều hỏi chúng tôi. Xông xáo, táo bạo, quyết đoán, thương yêu và tin cấp dưới, đó là tính cách chỉ huy của anh.

Đứng dưới cột trung kế, chúng tôi nghẹn ngào khi nghe chuông máy lẻ báo thông mạch trên các đôi dây. Đêm ấy, tôi không sao ngủ được. Sự kiện đường dây và vẻ đẹp của nó đã khiến tôi thao thức, muốn hát lên điều gì. Chớm sáng, tôi đã bừng tỉnh. Tiếng bầy chim két ríu rít gợi lên một âm hình đẹp đẽ. Cảm xúc như một trái chín ngắt được. Mê mẩn một mình, tôi đã viết xong bài hát "Mùa xuân đường dây qua Tây Nguyên".

Chỉ sau đó ít ngày, ta bắt đầu đánh Gia Nghĩa. Bất ngờ, ngày 12-3-1975 ta tấn công Buôn Mê Thuột. Đòn thảm bại của kẻ thù năm 1975 bắt đầu.

(Rút trong tập Đường Hồ Chí Minh)

Thượng tướng Hoàng Minh Thảo - SUY NGHĨ TỪ NGÀY HỘI

Sân bay Buôn Ma Thuột rực rỡ nắng vàng. Từ trên cao, khi máy bay bắt đầu lượn những vòng hẹp để chuẩn bị hạ cánh, qua ô cửa kính, tôi đã nhìn rõ những khu phố đông đúc của thị xã, những khu rừng cà phê hoa nở trắng xoá, những dải đất mới vỡ đỏ au phơi dưới nắng trời.

Buôn Ma Thuột đó, vạm vỡ trẻ trung như một chàng trai Ê Đê để lộ những bắp thịt nở nang, rắn chắc đầy sức sống. Và dĩ nhiên rạng rỡ nụ cười, dang rộng đôi tay cởi mở chân tình đón bè bạn từ khắp nơi về dự hội.

Ngày hội tháng ba. Ngày hội mừng giải phóng. Mười năm nay, lịch lễ hội của các dân tộc Tây Nguyên đều có thêm một ngày hội mới, đó là ngày quê hương được giải phóng. Ngày mà sau hai cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã giải phóng quê hương mình và trở về đoàn tụ một quốc gia thống nhất, xã hội chủ nghĩa - Tổ quốc Việt Nam quang vinh.

Đoàn chúng tôi tới Buôn Ma Thuột với tư cách là khách mời của Tỉnh uỷ, ủy ban nhân dân và Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đắk Lắc về dự lễ kỷ niệm mười năm chiến thắng Buôn Ma Thuột, mười năm tỉnh Đắk Lắc hoàn toàn được giải phóng. Thành viên của đoàn phần lớn là cán bộ, chiến sĩ thuộc các thế hệ bộ đội Tây Nguyên đã tham gia cầm súng đánh giặc cùng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ như các anh Phan Hàm, Đinh Đức Thiện, Đặng Vũ Hiệp, Nguyễn Năng, Trương Cao Dũng...

Cùng đi với chúng tôi còn có đồng chí thiếu tướng Bùi Quang Toản và đại tá Tần, đại diện cho cán bộ, chiến sĩ binh đoàn Tây Nguyên, một binh đoàn chủ lực, con đẻ của mảnh đất Tây Nguyên bất khuất kiên cường này.

Từ trên độ cao ngàn thước ngắm nhìn Buôn Ma Thuột phơi mình trong nắng xuân rực rỡ lòng tôi rưng rưng xúc động. Lại nhớ ngày nào từ đài quan sát của Sở chỉ huy chiến dịch Buôn Ma Thuột, chiếu ống nhòm nhìn vào thị xã trong khi những mũi đột kích của ta đang chiến đấu quyết liệt, giành giật với địch từng khu vườn, góc phố.

Lúc đó tôi và các đồng chí trong Bộ chỉ huy chiến dịch đều tin chắc ở thắng lợi, tin rằng có thể chỉ vài giờ đồng hồ nữa thôi bộ đội ta sẽ làm chủ thị xã, sẽ treo lá cờ bách chiến bách thắng của mình lên Sở chỉ huy sư đoàn 23 ngụy và trên những trụ sở hành chính của nguỵ quyền tỉnh Đắc Lắc. Nhưng nhìn thấy những cột khói đùn lên trong các khu phố lòng tôi vẫn bồi hồi xao xuyến.

Thị xã Buôn Ma Thuột xanh tươi như một đoá hoa trên cao nguyên đã ít nhiều bị làn phá. Tuy vậy, tôi vẫn tin rồi một ngày mai, khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng, Buôn Ma Thuột nhất định sẽ hồi sinh, trở nên một thị xã tươi đẹp trên cao nguyên đất đỏ này. Điều mơ ước ấy của chúng tôi hôm nay đã trở thành sự thật.

Đón chúng tôi, ở sân bay là các đồng chí đại diện cho tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc, là các cán bộ chủ chốt của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Hầu hết là những gương mặt bạn bè, đồng chí thân quen từ những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Tay bắt, mặt mừng. Niềm vui trào dâng trong từng khoé mát. Mười năm đã trôi qua. Đắc Lắc đang cùng các tỉnh Tây Nguyên vững bước đi lên trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, những người bạn chiến đấu năm xưa của chúng tôi bây giờ đã trở thành những đồng chí cán bộ tỉnh già dặn, nhiều kinh nghiệm "làm ăn". Tuy vậy vẫn giản dị và chân tình như xưa. Đồng chí Văn Cần hiện nay là bí thư tỉnh uỷ vui vẻ nói với chúng tôi:

- Nghe tin các thủ trưởng B3 (Bê ba) vào dự lễ với bà con Đắc Lắc, nhiều đồng chí muốn ra đón nhưng công việc bận quá, bận ngập đầu, nên chúng tôi đành phải cử đại biểu. Bà con vùng căn cứ đều mong các anh sau khi dự lễ, bố trí thời gian về thăm bà con.

- Nhất định là như vậy - Anh Hiệp hồ hởi nói - Đã vào tới đây mà chỉ ngồi ở nhà khách của tỉnh thì bà con vùng căn cứ họ chửi chết. Mười năm mới có một lần, anh em bọn mình sẽ cố gắng tranh thủ đi một vài nơi đến xem mười năm giải phóng, Tây Nguyên đã thay đổi đến đâu rồi.

Chủ và khách cùng lên xe rời khỏi sân bay hoà nhập vào không khí sôi nổi, nhộn nhịp của Buôn Ma Thuột trước ngày hội lớn. Quảng trường mang tên ngày 10-3 đang được sửa sang và mở rộng thêm để làm nơi tổ chức cuộc mít

tinh có diễu binh diễu hành lớn vào ngày 10-3. Ở ngã 6, trung tâm thành phố các nhà điêu khắc đang gấp rút hoàn thành những đường nét cuối cùng của tượng đài chiến thắng.

Trên bục cao là chiếc xe tăng mang số hiệu 945 đang trong tư thế hành tiến. Chiếc xe tăng đầu tiên tiến vào Sở chỉ huy sư đoàn 23 nguỵ đã trở thành biểu tượng của chiến thắng. Nhìn thấy chiếc xe tăng oai hùng ấy lòng chúng tôi đều nao nao xúc động trước sự trân trọng chiến công, trân trọng lịch sử, trân trọng hình ảnh ngời chói của người chiến sĩ Tây Nguyên, của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

Chúng tôi dành phần lớn thời gian rỗi rãi trước khi bước vào ngày lễ lớn để đi thăm bạn bè đồng chí. Những cuộc gặp gỡ cảm động đã diễn ra. Mỗi gương mặt bạn bè đồng đội đều gợi lại trong tôi biết bao kỷ niệm của những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ trên chiến trường Tây Nguyên này. Tôi có cái may mắn được có mặt trên chiến trường này từ năm 1966 đến tháng 3/1975 - Quãng thời gian thật ngắn ngủi so với quá trình đấu tranh để đi đến chiến thắng trọn vẹn của đồng bào và chiến sĩ Tây Nguyên. Có thể nói, với tôi, Tây Nguyên đã là một mảng đời.

Sáng ngày 9-3, cùng với các vị khách, đoàn cán bộ chiến sĩ "bê ba" đã tới đặt vòng hoa trước đài tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh trong trận Buôn Ma Thuột. Hương trầm nghi ngút, tiếng nhạc thiết tha, chúng tôi kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn những người chiến sĩ hữu danh và vô danh dã hy sinh trong trận đánh lớn giải phóng Buôn Ma Thuột nói riêng và trong hàng ngàn vạn trận đánh quyết liệt lớn nhỏ đã diễn ra trong suốt mấy chục năm chiến đấu trên dải đất Tây Nguyên tươi đẹp này.

Lòng rưng rưng xúc động, tôi muốn nói với những người đã khuất rằng xương máu của các anh đã đổ xuống đất này đã đơm hoa kết trái. Tây Nguyên sau mười năm giải phóng đã và đang chuyển mình để đi lên trên con đường xây dựng chiến hào đánh Mỹ thì hôm nay đã là những nông trường mới, những khu dân cư đông đúc, nhộn nhịp.

Những đứa trẻ sinh ra trong những năm cuối cùng của cuộc chiến tranh máu lửa này, hôm nay đã cắp sách đến trường. Một thế hệ mới đã lớn lên. Thế hệ con đẻ của chủ nghĩa xã hội trên vùng đất cao nguyên bất khuất kiên cường

này. Chính thế hệ đó sẽ tiếp tục thực hiện những điều mà các anh hằng ấp ủ, ước mơ trong suốt những năm dài đánh giặc.

Rời đài liệt sĩ, chúng tôi hoà vào dòng người náo nức, tất bật trước một ngày hội lớn. Ngày mai, ngày 10-3, cả thị xã Buôn Ma Thuột sẽ xuống đường. Nhân dân các buôn làng xa xôi cũng đã lục tục kéo về thị xã dự ngày hội lớn. Vẫn những bà mẹ địu con trước ngực và đeo gùi sau lưng như năm nào đi làm nương cách mạng, đi tải đạn, tải gạo cho bộ đội giải phóng. Đó là những chủ nhân của đất nước, của rừng núi Tây Nguyên hôm nay. Nhìn gương mặt rạng rỡ niềm vui của họ, tôi bỗng hiểu ra ý nghĩa sâu xa của hai chữ giải phóng.

Hôm nay chúng tôi hiểu một cách đầy đủ rằng, giải phóng và làm chủ cuộc đời mình, làm chủ đất nước mình là hai vấn đề không thể tách rời nhau. Mười năm được giải phóng cũng là mười năm người dân Tây Nguyên thực sự làm chủ quê hương rừng núi, làm chủ cuộc đời mình. Cuộc biểu dương lực lượng hôm nay đã chứng minh thành quả to lớn đó của cách mạng Việt Nam.

Tôi bỗng nhớ đến những buôn làng, vùng căn cứ Tây Nguyên ở phía bắc tỉnh Kon Tum. Khi bọn Mỹ nguỵ bắt đầu thực hiện chương trình bình định ở các tỉnh Tây Nguyên họ là những người đầu tiên rời bỏ buôn làng cũ của mình, rời bỏ nơi thờ cúng, chôn cất ông bà để vào sâu trong rừng, lập làng buôn mới. Thà sống giữa rừng sâu núi thẳm mà tự do, mà làm chủ cuộc sống của mình còn hơn là sống trong các ấp chiến lược của Mỹ nguỵ. Lý tưởng tự do của họ đã thúc đẩy họ đến với cách mạng một cách tự nguyện và nhanh chóng trở thành một lực lượng quan trọng của vùng căn cứ kháng chiến.

Những buôn làng ấy đã trở thành những điểm đỏ giữa rừng xanh, thành nơi đi về gần gũi của anh lính bê ba. Cá đã gặp nước, bộ đội và nhân dân Tây Nguyên đã gắn bó với nhau trên cơ sở lý tưởng giải phóng đã trở thành máu thịt. Qua hàng chục năm gắn bó với nhân dân được nhân dân và núi rừng che chở, bộ đội chủ lực Tây Nguyên đã lớn mạnh đủ sức đánh bại kẻ thù trên vùng đất chiến lược quan trọng này.

Binh đoàn Tây nguyên đã ra đời và trở thành niềm tự hào của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên. Các chiến sĩ Binh đoàn Tây Nguyên, mặc dù phần

đông là con em nhân dân các tỉnh trong cả nước, vẫn tự hào về cội nguồn của binh đoàn, vẫn tự coi mình là con em các dân tộc Tây Nguyên.

Ở khu căn cứ mới của binh đoàn ở một tỉnh phía Bắc vừa khánh thành một khu nhà truyền thống của binh đoàn có sự đóng góp tiền của và công sức của đồng bào hai tỉnh Gia Lai - Kon Tum và Đắc Lắc. Hai mái nhà rông đồ sộ bằng các loại gỗ quý của núi rừng Tây Nguyên đã được dựng lên. Nhìn lại mái nhà rông sừng sững ấy, những người chiến sĩ mới nhập ngũ vào binh đoàn ngày hôm nay đều tự hào khi nhớ về cội nguồn, nhớ về Tây Nguyên bất khuất nơi binh đoàn đã được khai sinh.

Ngày hội mười năm giải phóng đã diễn ra trong không khí tưng bừng. Một ngày hội lớn chưa từng có trên đất. Tây Nguyên. Gần hai chục ngàn đồng bào đã tham gia diễu hành qua lễ đài gồm đủ đại diện cho các ngành, các giới, các địa phương các dân tộc của tỉnh Đắc Lắc. Đứng trên lễ đài, lòng tôi bỗng nao nao khi nhìn thấy khối nữ dân quân du kích của các dân tộc Tây Nguyên tiến vào lễ đài. Một khối diễu binh thật là độc đáo mặc dù năm 1954 đã có khối duyệt binh của nữ tự vệ Thủ Đô.

Khối diễu binh của chị em nữ du kích các dân tộc Tây Nguyên gợi cho tôi nhớ tới hình ảnh của các cô du kích, năm xưa từng sát cánh chiến đấu với bộ đội chủ lực Tây Nguyên. Gần một ngàn cô gái Tây Nguyên mặc quần áo sắc tộc, tiểu liên đeo trước ngực, bước đều rầm rập qua lễ đài kia sao giống với những Y Xuân, Y Leng, Rơ Chăm Pheng.. mà tôi vẫn thường gặp ở những căn cứ của các huyện vùng sâu năm xưa đến thế?

Sức mạnh của chiến tranh nhân dân đến hôm nay vẫn còn là một điều khó hiểu đối với các nhà nghiên cứu quân sự phương Tây. Nhưng đối với chúng ta, sự ý thức về sức mạnh ấy đã hình thành ngay từ khi Đảng ra ra đời và định ra đường lối đấu tranh cách mạng của mình. Nó được hoàn thiện và ngày càng phong phú sáng tạo trong quá trình tiến hành hai cuộc kháng chiến thần thánh tạo nên sức mạnh tổng hợp để đi tới thắng lợi cuối cùng.

Lễ đài cuộc mít tinh lại rền lên tiếng hoan hô khi đoàn thiếu niên nhi đồng con em của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên diễu qua lễ đài. Các em mặc quần áo đồng phục, tay vẫy hoa và tung những trái bóng màu lên bầu trời

xanh thẳm. Chân bước theo nhịp trống cà rình, màu đỏ khăn quàng rực lên trong nắng cao nguyên.

Phút chốc, tôi muốn bước xuống lễ đài, ôm nắng cao nguyên vào lòng mà thốt lên: "Các em thật hạnh phúc vì được sinh ra và lớn lên trong vòng tay ôm áp của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhưng, khi lớn lên, dù ở đâu, làm gì, các em cũng đừng quên mảnh đất này, đừng quên quá khứ khổ đau của nhân dân Tây Nguyên và đừng quên biết bao máu xương đã đổ trên vùng cao nguyên đất đỏ này để cho cuộc sống sẽ mãi mãi xanh tươi".

Sẽ là người có lỗi nếu chúng tôi không giành lấy một ít thời gian để đi thăm đồng bào các vùng căn cứ kháng chiến của Tây Nguyên. Dĩ nhiên, chúng tôi không thể có điều kiện mà đi thăm lại tất cả bạn bè và đồng bào đồng chí đã từng cưu mang, giúp đỡ, kề vai sát cánh với mình, trong suốt một chặng đường đánh giặc. Những cuộc gặp gỡ với các đồng chí ở tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh Tây Nguyên đã gợi lại trong lòng chúng tôi biết bao kỷ niệm và thúc giục chúng tôi hãy lên đường trở về những suối nguồn trong mát của tình đồng bào, đồng chí thiêng liêng.

Những người hăng hái nhất trong đoàn chúng tôi là trung tướng Đặng Vũ Hiệp, nguyên chính uỷ Bộ tư lệnh B3, bác Trương Cao Dũng, một "lão tướng" có mặt ở Tây Nguyên từ sau những ngày ta vừa mới giành chính quyền Tổng cách mạng tháng Tám 1945. Tuy đã về nghỉ hưu, nhưng khi nhận được lời mời của tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân các tỉnh Tây Nguyên vào dự lễ kỷ niệm mười năm ngày giải phóng Buôn Ma Thuột bác đã gặp gỡ cảm động giữa người cựu chiến binh này với bạn bè cũ nay đều đã phơ phơ đầu bạc. Có người hiện đang còn giữ những trọng trách ở các cơ quan lãnh đạo các tỉnh, có người đã về nghỉ hưu ở các buôn làng, nhưng khi gặp nhau họ vẫn giữ nguyên vẹn tình thân mật.

Anh hùng Núp đã khẩn khoản mời đoàn chúng tôi và đặc biệt là "Book Dũng" về buôn làng và lưu lại ít ngày để dự lễ đâm trâu đón mừng huân chương Hồ Chí Minh mà chính phủ vừa quyết định tặng cho đồng chí. Chúng tôi đành bỏ lỡ một dịp vui hiếm có vì công việc ở nhà không cho phép chúng tôi nấn ná lâu với đồng bào đồng chí trong này. Nhưng, dù sao chúng tôi cũng phải đi một vài nơi chứ. Nếu không biết ăn nói ra sao đồng bào đồng chí ở những vùng căn cứ?

Và chúng tôi đã lên đường. Hầu như suốt một tuần lễ dong duổi trên đường, với những cuộc họp mặt ồn ào, sôi nổi, qua mỗi chặng đường, chúng tôi đều như sống lại cả một chuỗi những kỷ niệm của một thời đánh giặc.

Con đường 14 xuyên cao nguyên năm xưa quá đỗi quen thuộc với chúng tôi trên bản đồ tác chiến, trong báo cáo các trận đánh và cả trong sự ghi nhận những tổn thất, hy sinh. Ngày nay, con đường 14 đã thực sự là con đường phồn vinh, con đường huyết mạch của cao nguyên. Dọc hai bên đường, nơi năm xưa cứ bình quân mỗi ngày diễn ra vài ba trận đánh lớn nhỏ, những khu dân cư mới mọc lên san sát. Đồi núi đã được quy hoạch. Đất đá vỡ hoang. Những khu rừng thông, rừng cà phê, cao su mới trồng đã lên xanh...

Tây Nguyên đang chứng minh sự tiềm tàng của mình để xứng đáng là một vùng kinh tế chiến lược như năm xưa đã từng chứng minh sự kiên cường bất khuất của mình vậy. Dọc hai bên đường, thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp một vài nghĩa trang lớn. Đồng đội của chúng tôi còn nằm đó. Tôi tin rằng cứ ghé vào bất kỳ một nghĩa trang nào cũng sẽ đếm được những cán bộ, chiến sĩ của các đơn vị quen thuộc trong lực lượng vũ trang Tây Nguyên. Các anh vẫn nằm đó để hàng ngày chứng kiến sự thay da đổi thịt của cao nguyên và hẳn các anh hiểu rằng máu của mình đổ ra đã không hề uổng phí.

Thung lũng Sa Thầy đã ở trước mặt. Đỉnh Chư Mom Ray cao ngất đàn sừng sững ở trước mặt. Lòng chúng tôi bỗng rưng rưng. Đây chính là một trong những địa danh đã trở nên thiêng liêng đối với bộ đội Tây Nguyên. Ngày nào, anh lính B3 đã từng hát “Đường lên Chư Mon Ray, gặp mây bay con nhớ tóc Bác". Dọc hai bên bờ sông Sa Thầy biết bao nhiêu căn hầm đã được đào, biết bao nhiêu căn nhà, biết bao nương sắn? Và thung lũng Sa Thầy này, biết bao mùa khô đã rền vang tiếng súng? Bọn "kỵ binh bay" đã từng bị "đo ván" ở đây?

Chiến dịch Sa Thầy mùa khô 1966 - 1967 đối với tôi cũng là bài học đầu tiên về đánh Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên. Ngày ấy, tôi vừa chân ướt chân ráo vào chiến trường, kinh nghiệm đánh Mỹ ở vùng núi hiểm trở như thế này chưa có bao nhiêu nên vô cùng băn khoăn khi một chiến dịch lớn đã diễn ra. Nhưng, các đồng chí đi trước, với những kinh nghiệm chiến thắng kỵ binh bay Mỹ ở Plây-me của mình đã nhanh chóng giúp tôi yên tâm, tôi vui mừng xiết bao khi hiểu ra rằng, Tây Nguyên hoàn toàn có điều kiện xây

dựng bộ đội chủ lực tại chỗ, để tiến tới khả năng mở những chiến dịch tiêu diệt lớn.

Còn bây giờ, trước mắt chúng tôi thung lũng Sa Thầy hiện lên rực rỡ trong nắng vàng. Và, kỳ lạ thay, một thị trấn mới đã mọc lên ngay giữa thung lũng, nơi đã từng diễn ra những trận đánh quyết liệt giữa bộ đội ta với bọn lính Mỹ và lính Nguỵ Sài Gòn là huyện lỵ Sa Thầy. Điều đó thật vượt xa trí tưởng tượng của mỗi chúng tôi. Sa Thầy là cái nôi của bộ đội B3 - mọi chiến sĩ và cán bộ B3 đều biết cái tên đó. Trước kia thung lũng Sa Thầy là thuộc huyện 67 của tỉnh Kon Tum nay đổi lại là huyện Sa Thầy, mang đúng ý nghĩa địa lý và lịch sử của nó.

Đồng chí Tư Gùm, bí thư huyện uỷ Sa Thầy đón chúng tôi ngay trước khu nhà mới xây của huyện uỷ. Dĩ nhiên, chúng tôi không bao giờ quên một Tư Gùm đã bao năm lăn lộn với phong trào vùng Bắc Kon Tum này. Một Tư Gùm mà hầu như mỗi làng, buôn ở vùng này, từ người già đến trẻ em đều biết tên. Tư Gùm hôm nay vẫn hoàn toàn như xưa, chỉ có điều tóc đã bạc thêm nhiều. Đó là điều không thể tránh khỏi nhưng tôi vẫn ngạc nhiên, không ngờ mười năm qua anh lại già đi nhanh hơn cả những ngày quyết liệt nhất của những năm chiến tranh.

Nhưng khi nhìn toàn bộ các "cơ ngơi mới" của huyện thung lũng Sa Thầy, tôi cũng hiểu ra một phần. Các anh đã phải gian nan vất vả bao nhiêu để dựng nên một thị trấn mới ở cái vùng heo hút gần biên giới này? Một thị trấn mới xây dựng mà không kém các thị trấn miền xuôi, có đường xe ô tô trải nhựa - có nhà máy thuỷ điện, v.v...

Thật may mắn cho chúng tôi, huyện uỷ đang có cuộc họp với cán bộ Đảng cơ sở. Chúng tôi có một cơ hội để gặp mặt đại diện hầu hết các buôn làng vùng căn cứ. Nhìn khắp hội trường, chúng tôi không nhận ra một đồng chí cũ nào. Tất cả đều là những cán bộ trẻ, mới trưởng thành, có lẽ không mấy người trên ba mươi tuổi. Sự nghiệp xây dựng dân sinh, đấu tranh với cái nghèo, cái lạc hậu của ngày hôm nay dĩ nhiên phải dựa vào lực lượng chủ lực này.

Tư Gùm say sưa kể cho chúng tôi nghe về những dự kiến tương lai, không ngờ anh bạn già này của chúng tôi vẫn còn sôi nổi, lãng mạn đến thế. Anh

nói rằng các anh đang nghĩ đến việc xây dựng một thị trấn ở ngay vùng ba biên giới, nơi ngày xưa là căn cứ của Bộ tư lệnh mặt trận. Tôi tin ở điều đó và bỗng cảm thấy bồi hồi xao xuyến khi nhớ đến những làng buôn ở những vùng hẻo lánh xa xôi nơi ngã ba biên giới ấy với những căn nhà dựng tạm xác xơ, những đứa trẻ thiếu dinh dưỡng bụng ỏng đít vòn, những người mẹ nước mắt lưng tròng vì thiếu sữa cho con bú, thiếu ăn người gầy guộc ngồi tựa gốc cây trong khi trên lưng bà là gùi gạo mang cho bộ đội đánh giặc. Nhân dân ta đã hy sinh biết bao nhiêu để có ngày hôm nay.

Sau khi dự bữa cơm thân mật với huyện uỷ Sa Thầy và đại biểu các làng buôn vùng căn cứ chúng tôi lại hối hả lên đường tiếp tục cuộc "hành hương" trên quê hương chiến đấu của mình. Mỗi chặng đường qua trong tâm trí tôi lại gợi lên bao kỷ niệm ký ức như một dòng suối mát róc rách chảy trong tôi. Những tên đất, tên từng đỉnh núi, con sông, tên người nghiên cứu chiến dịch, những trận đánh, những cuộc họp hành thâu đêm suốt sáng. Những cuộc liên hoan mừng thắng lợi có thịt thú rừng và rượu cần, có kể khan và nhẩy múa của đồng bào các làng buôn... Tất cả như những dòng phù sa cứ mỗi ngày một bồi đắp thêm trong lòng tôi.

*
* *

Ngày tháng trôi qua trí nhớ của tôi có lẽ không còn được minh mẫn như xưa, âu cũng là lẽ tự nhiên. Nhưng, tôi biết chắc chắn rằng ở mỗi con người bình thường đều có những khu vực nào đó của ký ức mãi mãi không thể phai mờ. Đó là những ấn tượng đậm đặc, những kỷ niệm máu thịt, những suy ngẫm chiêm nghiệm khi ta trải qua mỗi chặng đường đời.

Người Việt Nam chúng ta có một câu ngạn ngữ rất giản dị mà sâu sắc: ấy là câu "ăn cơm mới nói chuyện cũ”. Cái được coi là chuyện cũ ở đây không chỉ là cái đã qua, mà trong nội hàm của nó, còn có ý nghĩa là cái nguồn gốc tạo ra cái mới, tạo ra thành quả cho ngày hôm nay, đồng thời nó cũng có nghĩa là cái đã được gạn lọc, được chắt chiu suy ngẫm để truyền lại cho con cháu muôn đời.

Đứng ở góc độ này, tôi muốn nghĩ rằng những câu chuyện cũ mà tôi kể ở đây không phải là chuyện của riêng tôi. Đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại mà dân tộc vừa trải qua, bất kể sự đóng góp nào của cá nhân đều hết

sức nhỏ bé. Ở đây, tôi muốn là một người kể chuyện một người kể chuyện có cái may mắn được chứng kiến những sự kiện lịch sử diễn ra trong phạm vi một chiến trường. Vả lại, những câu chuyện tôi kể đây đâu phải là chuyện cũ

Cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài hơn hai mươi năm mới chỉ chấm dứt cách đây mười năm. Những vết thương, những di hại của nó để lại vẫn còn nhức nhối cả những người có lương tri trên toàn thế giới. Riêng đối với nước Mỹ thì “cơn ác mộng" Việt Nam vẫn còn sờ sờ ra đó. Nhiều cựu chiến binh Mỹ từng chiến đấu ở Việt Nam đến nay vẫn còn bị lương tâm cắn dứt, vẫn còn bị "chứng mất ngủ bắt đầu từ Việt Nam” hành hạ, nhiều tướng lĩnh Mỹ, nhà học giả Mỹ và phương Tây vẫn đang bị dày vò, băn khoăn về nguyên nhân thất bại của một nước đế quốc hùng mạnh nhất, trước một nước nhỏ, kinh tế chậm phát triển. Những đứa trẻ mồ côi ở cả Việt Nam và Mỹ cũng đã đến tuổi trưởng thành và bắt đầu suy nghĩ về nỗi bất hạnh của chúng do cuộc chiến tranh "đã từng là vô đạo đức" (Giô Dep Amtơ - Lời phán quyết về Việt Nam. - Wel den A Baown - "Chiếc trực thăng cuối cùng kết thúc vai trò của Mv ở Việt Nam".) mà đế quốc Mỹ đã tiến hành ở Việt Nam.

Có lẽ vì cuộc chiến tranh Việt Nam đến nay mới thật "ngấm" vào lục phủ ngũ tạng của xã hội Mỹ, trở thành niềm khắc khoải không chỉ đối với nước Mỹ mà đối với cả thế giới phương Tây, nên những năm gần đây đã xuất hiện hơn năm trăm cuốn sách viết về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam và Đông Dương. Người ta ước tính rằng trong vòng dăm mười năm nữa sách viết về Việt Nam có thể sẽ gấp đôi con số ấy.

Thế đấy! Đối với những kẻ gây chiến và nạn nhân của họ ở Mỹ, cuộc chiến tranh Việt Nam cũng chưa hề là chuyện cũ.

Đối với chúng ta, cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại như một đỉnh cao vòi vọi trong lịch sử dựng nước và giữ nước mà độ lùi thời gian càng giúp ta có điều kiện để nhân ra sự hùng vĩ của nó. Mỗi ngày qua chúng ta lại phát hiện thêm những vẻ đẹp oai hùng của nó. Ngược lại đối với kẻ thù của chúng ta "những kết luận cuối cùng về thảm hoạ này (cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam) còn phải tranh cãi lâu dài". Bởi vì "sau buổi nhẹ nhõm ban đầu của cả những kẻ diều hâu và giới bồ câu sau khi cuộc chiến tranh kết thúc, hai bên

đều bắt đầu buộc tội lẫn nhau. Hầu như người nào cũng có cách giải thích riêng về thất bại của chúng ta ở Việt Nam”

Ở bên kia đại dương, nước Mỹ đang chiêm nghiệm, cãi vã để tìm ra câu trả lời về sự thất bại thảm hại của mình trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Còn chúng ta, chúng ta cũng đã có thời gian để nhìn lại mình, tìm ra những bài học bổ ích, đặng đóng góp vào kho tàng phong phú về nghệ thuật đánh giặc giữ nước của cha ông ta.

Khi chúng tôi lên đường trở lại chiến trường cũ để cùng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên tổ chức lễ kỷ niệm mười năm giải phóng Tây Nguyên thì tiếng súng ở biên giới phía Bắc Tổ quốc vẫn nổ rền. Công cuộc bảo vệ độc lập thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Đảng ta, dân ta đang đứng trước những thử thách lớn lao. Có lẽ nào những câu chuyện tôi sắp kể đây đã là chuyện cũ khi trong chiến hào chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở những vùng biên giới phía Bắc vẫn còn khá đông những đồng chí, đồng đội đã cùng chúng tôi kề vai sát cánh chiến đấu năm xưa trên những chiến hào đánh Mỹ.

TIẾNG GỌI CỦA CHIẾN TRƯỜNG

Những năm đầu của thập kỷ sáu mươi (1960 - 1965) nước Mỹ phạm một sai lầm nghiêm trọng mà sau này tất cả các nhà nghiên cứu lịch sử và các nhà lý luận quân sự các chính khách và tướng lĩnh Hoa Kỳ đều xác nhận. Đó là việc để cho Lin Đơn Giôn Xơn bước vào Nhà Trắng sau cái chết của Ken-nơ-đi (11 - 1963) và việc quốc hội Mỹ đã thông qua "nghị quyết Vịnh Bắc Bộ", cho phép Giôn Xơn leo thang chiến tranh trên toàn cõi Việt Nam.

Bằng thủ đoạn lừa bịp mà sau này đã được phơi bầy nhân vụ công bố tài liệu mật của Lầu Năm Góc (ngày 13-6-1971) do một quan chức cao cấp Mỹ là Đa-ni-en En-xbe tiến hành, Giôn Xơn đã thao túng các cơ quan lập pháp của Hoa Kỳ, buộc quốc hội Mỹ thông qua "bản nghị quyết tai hại" mà sau này được coi là "một sai lầm lớn nhất có tính chất lịch sử đối với ngành lập pháp Hoa Kỳ" như một chính khách Mỹ sau này đã nhận xét.

Với chính sách hiếu chiến của Giôn Xơn, cuộc chiến tranh Việt Nam bắt đầu bước vào một giai đoạn mới, ngày một quyết liệt hơn. Sau khi quốc hội Mỹ thông qua nghị quyết về sự kiện Vịnh Bắc Bộ, Giôn Xơn đã giành được đặc quyền tiến hành mở rộng chiến tranh trên cả hai miền Việt Nam.

Một mặt, Giôn Xơn liên tục cho không quân và hải quân Mỹ "leo thang" chiến tranh liền Bắc, một mặt ông ta bắt đầu nghĩ đến chiến lược mở rộng phạm vi hoạt động trên bộ của quân đội Mỹ ở Việt Nam song song với việc củng cố chính phủ Sài Gòn đang trong cơn khủng hoảng nặng nề sau một loạt cuộc đảo chính của giới quân sự. Tướng Nguyễn Khánh đang loay hoay trong cái mớ bòng bong của một chính phủ mọt ruỗng, chia rẽ xâu xé lẫn nhau.

Chiến lược của Giôn Xơn không có gì khác hơn là việc đẩy mạnh cường độ chiến tranh trên cả hai miền Nam Bắc Việt Nam mà mục tiêu của nó là hòng đánh gục ý chí của "Bắc Việt" và dập tắt mọi hy vọng thắng lợi của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam. Nhưng phải đến tháng 11 - 1964 khi Giôn Xơn được bầu lại làm tổng thống nước Mỹ thì những âm mưu đó bắt đầu được thực hiện với một tốc độ ngày một ráo riết hơn.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta đứng trước những thử thách mới. Lời kêu gọi kháng chiến chống Mỹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang lên như một hồi kèn xung trận.

“Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng. Chúng ta đã từng đánh đổ phát xít Nhật, đánh bại thực dân Pháp, và hiện nay đang kiên quyết đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược

Chúng ta quyết tâm giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, giành tự do hoàn toàn cho nhân dân.

Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiên đấu, dù phải chiên đấu 5 năm, 10 năm,20 năm hoặc lâu hơn nữa chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn".

(Lời kêu gọi thi đua sản xuất và chiến đấu chống Mỹ của Hồ Chủ Tịch ngày 20/7/1965).

Trong những ngày tháng sôi sục đó, tôi đang công tác ở Học Viện Quân Sự. Đối với một người đã từ lâu có ham thích học hỏi nghiên cứu nghệ thuật quân sự thì Học viện là nơi lý tưởng. Đây là nơi quy tụ những cán bộ chỉ

huy, những nhà nghiên cứu chiến thuật, nghệ thuật chiến dịch có nhiều năng lực của quân đội ta.

Nhiều người được phân công về đây làm cán bộ giảng dậy, nhiều người từ các chiến trường về để tham gia nghiên cứu học tập những vấn đề mới mà thực tiễn chiến đấu đang đặt ra. Chính họ đã mang tới Học viện không khí náo nức sôi sục của các chiến trường, chính họ luôn đặt ra cho những người làm công tác giảng dạy nghiên cứu những vấn đề ngày càng trở nên bức thiết với cuộc chiến đấu ngoài mặt trận.

Mỗi khi có những đồng chí mới từ các chiến trường về Học viện để học tập nghiên cứu hay phổ biến kinh nghiệm, thì chúng tôi thường tổ chức những cuộc gặp gỡ, trao đổi để qua đó nhận được từ họ hơi thở nóng ấm và những điều sục sôi của mặt trận. Sau mỗi cuộc gặp gỡ như vậy, những ấn tượng trong tôi thật sống động và thường thường kéo theo sau đó là những ngày trăn trở, những đêm mất ngủ về những câu hỏi vừa mới đặt ra.

Và, rồi trong học viện của chúng tôi đã lác đác có người được ra trận. Những cuộc tiễn đưa đó để lại trong tôi những băn khoăn, trăn trở mới... “Liệu rồi có đến lượt mình được ra mặt trận hay không? Liệu với độ tuổi như thế này, sức khoẻ như thế này mình còn có thể vượt Trường Sơn được hay không?!"

Vào một ngày đầu tháng 7-1966 tói được mời lên gặp đồng chí Song Hào. Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị để nhận nhiệm vụ mới. Vừa bước vào tới cửa anh Song Hào đã vừa cười vừa tiến lại. bắt tay tôi:

- Chúc mừng anh! Thế là anh toại nguyện rồi đó. Tôi muốn được chia xẻ niềm vui với anh nên mời anh lên đây. Những chi tiết của nhiệm vụ cấp trên sẽ thông báo với anh.

Thế là rõ. Tôi đã được cấp trên phân công vào công tác tại chiến trường Tây Nguyên với cương vị là Phó tư lệnh. Lúc đó đồng chí Chu Huy Mân là tư lệnh kiêm chính uỷ mặt trận Tây Nguyên. Tôi được biết trong Bộ chỉ huy mặt trận Tây Nguyên (B.3) trước đó có các anh Huỳnh Đắc Hương, Nguyễn Chánh, Đoàn Khuê, Cao Văn Khánh. Toàn là những đồng chí dầy dạn kinh nghiệm và giầu năng lực cả.

Rõ ràng Đảng ta và Bộ tổng tư lệnh đã nhận rõ tầm quan trọng chiến lược của chiến trường Tây Nguyên nên dã bố trí ở đó những cán bộ có năng lực của quân đội ta. Được sự giúp đỡ của các đồng chí ấy tôi có thể yên tâm vượt qua những khó khăn của buổi ban đầu... nhưng... dù sao đứng trước một nhiệm vụ vô cùng to lớn như vậy tôi vẫn rất lo lắng. Ngồi trên xe trở về Học viện, tôi phác nhanh trong dầu người kế hoạch làm việc của mình trong những ngày tới.

- Làm việc với Bộ tổng tham mưu để tìm hiểu tình hình chiến trường.

- Đặc biệt chú ý về địch ở chiến trường này.

- Đọc một số tài liệu về địa lý, xã hội phong tục tập quán của các dân tộc Tây Nguyên.

- Gặp gỡ một vài đồng chí ở Tây Nguyên để tham khảo ý kiến.

- Thu xếp bàn giao các công việc ở Học viện.

- Giải quyết một số việc gia đình, con cái trước khi lên đường.

Tóm lại trước mặt tôi là một loạt các công việc phải làm nhưng tôi không hề cảm thấy bối rối. Các đồng chí, đồng đội xung quanh tôi và cả gia đình tôi chắc chắn sẽ tìm mọi cách giúp đỡ tôi để tôi có thể hoàn thành mọi công việc chuẩn bị thật nhanh, gọn để sớm có thể lên đường ra trận.

*
* *

Mấy ngày sau tôi được mời lên gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp Bộ trưởng Bộ quốc phòng. Đại tướng Bộ trưởng đã dành phần lớn thời gian để nói về vị trí chiến lược của chiến trường Tây Nguyên và vai trò của bộ đội chủ lực Tây nguyên. Đại tướng nhấn mạnh:

"Muốn giành được thế chủ động chiến lược tại chiến trường này thì vấn đề sống còn là phải xây dựng cho được một lực lượng chủ lực tại chỗ đủ mạnh để đánh những trận tiêu diệt lớn tiến tới đủ sức chủ động mở những chiến dịch tiêu diệt lớn, đến giai đoạn nào đó của chiến tranh, bộ đội chủ lực đứng chlân trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên sẽ có những vai trò đặc biệt rất lớn đến cục diện chiến tranh. Rất có thể từ đất này ta sẽ tạo nên những bước ngoặt lớn của vùng chiến tranh”.

Gần chục năm sau năm 1975, diễn biến của chiến tranh đã hoàn toàn xác nhận lời tiên đoán đó của Đại tướng. Còn trong những ngày này, tôi xúc động khi được Đảng và quân đội giao cho nhiệm vụ quan trọng trên địa bàn chiến lược đó. Trước đồng chí Đại tướng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, tôi đã hứa khi vào chiến trường sẽ dựa chắc vào các đồng chí đi trước để nắm tình hình chiến trường. Tích cực tham gia vào việc xây dựng bộ đội chủ lực Tây Nguyên, mở rộng địa bàn, tạo ra thế trận vững chắc để bám trụ chiến trường tiến tới đánh to thắng lớn.

Đại tướng còn nhắc nhở tôi rằng, muốn tạo được điều kiện để bộ đội chủ lực có thể rảnh rang xây dựng và tổ chức những chiến dịch lớn, phải xây dựng cho được những lực lượng vũ trang nhân dân địa phương vững mạnh và rộng khắp. Trách nhiệm này của bộ đội chủ lực Tây nguyên rất nặng nề vì những vấn đề về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương ở các tỉnh Tây Nguyên có những đòi hỏi đặc biệt và có nhiều đặc thù cần phải luôn luôn vận dụng sáng tạo đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng để luôn luôn đáp ứng đúng với tình hình ở từng khu vực, từng địa phương và từng dân tộc khác nhau trong những thời kỳ cách mạng khác nhau.

Tôi ghi nhớ những lời căn dặn sâu sắc đó của Đại tướng và sau này trong quá trình chỉ huy chiến đấu ở mặt trận Tây nguyên, tôi đã có dịp để tìm hiểu, thể nghiệm và dần dần nhận ra sự sáng suốt của luận điểm đó.

Trước khi lên đường tôi còn làm việc vài lần với đồng chí Đại tướng Văn Tiến Dũng. Với tư cách là Tổng tham mưu trưởng, Đại tướng Văn Tiến Dũng đã giúp tôi tìm hiểu toàn bộ tình hình chiến trường và cũng luôn nhắc nhở tôi về tầm quan trọng chiến lược của Tây Nguyên. Trong một lần trao đổi về nhiệm vụ của tôi, đồng chí Đại tướng Tổng tham mưu trưởng đã nói: "Nếu muốn đi đến thắng lợi lớn thì trước hết phải xây dựng căn cứ địa Tây nguyên, phải nắm chắc địa bàn Tây Nguyên". Trong lần gặp gỡ cuối cùng, Đại tướng Tổng tham mưu trưởng đặc biệt quan tâm tới cuộc hành quân sắp tới của tôi. Rõ ràng đồng chí lo cho sức khoẻ của tôi khi tiễn tôi ra về, đại tướng nắm chặt tay tôi, im lặng một lát rồi nói:

- Ở vào tuổi chúng ta mà phải hành quân vượt Trường Sơn thì không phải là chuyện đơn giản nữa rồi. Tôi đã liên lạc với các đơn vị tuyến trong yêu cầu

họ giúp đỡ anh. Nhưng trong cuộc ra trận này có lẽ anh phải tự lo lấy sức khoẻ của mình là chính anh Thảo ạ. Chúng tôi sẽ rất vui mừng khi nhận được tin anh vào chiến trường an toàn.

Những ngày còn lại trôi đi rất nhanh. Tôi đã cố gắng hết sức nhưng vẫn chưa hoàn toàn thu xếp xong những công việc riêng tư. Khác hẳn những cuộc ra trận năm xưa, lần này tôi không còn hồi hộp thấp thỏm nữa nhưng lại có nhiều điều cần phải quan tâm hơn. Vậy mà rốt cuộc tôi cũng không có thời gian để về thăm lại quê hương trước ngày ra đi. Đành rằng, phần lớn gia đình con cái của tôi đều đã chuyển ra Hà Nội từ nhiều năm nay, nhưng đối với tôi làng xóm quê hương nơi chôn rau cắt rốn vẫn có cái gì đó thật thiêng liêng.

Giữa đồng bằng Bắc Bộ, cái xóm nhỏ thuộc xã Đông Lỗ huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (nay thuộc Hải Hưng) là nơi tôi đã từng sinh sống từ hồi còn tuổi thơ ấu. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi có cái may mắn là có nhiều thời gian được tham gia chiến đấu trên giải đất đồng bằng và vùng duyên hải Bắc Bộ. Nói chung, không nơi nào không gắn gũi với cảnh sắc của làng mình. Nghe một tiếng ru con, một câu dân ca chèo hay nhìn thấy một cánh cò lướt trên thảm lúa xanh rờn, lòng tôi cũng dịu đi bao niềm thương nỗi nhớ. Nhưng cuộc ra trận lần này tôi sẽ tới một vùng đất hoàn toàn khác với cảnh sắc quê hương.

Tuy vậy, là người cán bộ quân sự của Đảng tôi biết phải tìm ra cái gì để mà yêu, mà gắn bó với vùng đất mình sẽ chiến đấu cho nó. Từ hôm nhận được quyết định công tác ở Tây Nguyên tới nay, như có một tình cảm tự nhiên vừa hình thành, hễ đọc những tài liệu về Tây Nguyên tưởng như chính những tài liệu ấy đang nói với tôi những lời tâm tình về một vùng đất xa xôi mà tôi sắp đặt chân tới.

*
* *

Từ Hà Nội chúng tôi đi ô tô thẳng tới Bộ tư lệnh quân khu 4 ở nơi sơ tán thuộc địa phận huyện Nghĩa Đàn. Cùng đi chiến trường với tôi lần này còn có đồng chí Dương Trọng Khoan bí thư của tôi khi còn công tác ở Học viện và một vài đồng chí phục vụ, cảnh vệ. Anh Vũ Lăng tư lệnh quân khu 4,

được Bộ thông báo đã chuẩn bị sẵn sàng để giúp đỡ chúng tôi vượt qua chặng đường tuyến lửa khu 4.

Đó là những ngày mưa dầm dề, nước các triền sông dọc miền Trung đang dâng lên cuồn cuộn. Tuy thời tiết xấu nhưng máy bay địch vẫn hoạt động rất tích cực. Có nơi chúng đánh phá trực tiếp vào các công trình thuỷ lợi hay những nơi đang bị nạn lụt đe doạ. Để đảm bảo cho đoàn chúng tôi đi lại thuận lợi Bộ tư lệnh quân khu 4 đã điều hẳn cho chúng tôi một chiếc xe lội nước. Thế là bất chấp mưa gió, lụt bão, chúng tôi vội vã chào tạm biệt các đồng chí trong Bộ tư lệnh quân khu 4 rồi khẩn trương lên đường ngay.

Đối với tất cả các cán bộ và chiến sĩ đã từng một lần đi đánh Mỹ ở miền Nam đều không thể quên được những kỷ niệm về tuyến lửa khu Bốn. Là một cán bộ nghiên cứu quân sự, mặc dù đã có lần đi nghiên cứu tình hình địch đánh phá ở quân khu và thường vẫn được thông báo về những hoạt động của không quân và hải quân Mỹ dọc các tuyến đường khu 4 nhưng tôi vẫn bị bất ngờ trước mức độ tàn phá ác liệt của bom đạn Mỹ, và, tôi càng bất ngờ hơn trước sự chịu đựng kiên cường, bền bỉ của nhân dân các tỉnh khu 4 trước sức tàn phá dã man của bom đạn Mỹ.

Phải có một niềm tin thật vững bền mới có thể trụ vững trên những vùng lửa đạn này. Sách báo, phim ảnh đến nay đã cung cấp cho chúng la những lượng thông tin đáng kể để hiểu biết toàn bộ quy mô của cuộc chiến tranh phá hoại mà đế quốc Mỹ đã tiến hành ở các tỉnh khu 4 trong những năm tháng này. Nhưng ngày nay, đọc những tư liệu đó nếu không có những kinh nghiệm trực tiếp, những ấn tượng cụ thể cũng khó mà hình dung nổi vì sao mà nhân dân ta lại có thể vượt qua được, trụ vững được và để rồi hoàn toàn chiến thắng?

Đi suốt chặng đường tuyến lửa khu 4 trong những ngày quyết liệt đó tôi đã có dịp để hiểu thêm ý nghĩa rộng lớn của chiến tranh nhân dân và thấy rõ quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược giành độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta. Tôi tự hỏi, ở mặt trận, người lính của chúng ta có trách nhiệm nặng nề biết mấy khi đối mặt với kẻ thù?

Tới khu vực làng Ho (Quảng Bình) chúng tôi đã chấm dứt chặng đường hành quân bằng các phương tiện cơ giới. Tất cả những gian truân, nguy hiểm

khi hành quân từ Hà Nội vào tới đây hoá ra chỉ là "trò đùa" so với chặng đường dài dằng dặc ngàn dặm núi non sắp tới.

Thật khó mà tả hết nỗi vui mừng của tôi khi qua được ngày trèo dốc đầu tiên. Đôi chân chưa đến nỗi "phản bội" tôi, dĩ nhiên so với các đồng chí cùng đi tôi được ưu tiên hơn cả, nghĩa là được miễn mang vác nặng. Tuy vậy, qua được cái dốc đầu tiên mồ hôi vẫn cứ ướt đẫm áo, mắt hoa đầu váng, tôi tưởng khó mà có thể hoàn thành được cuộc hành quân.

Nhưng rồi qua ngày thứ hai, thứ ba trở đi, chân dường như có "dẻo" hơn thật. Vả lại, càng đi vào đường giao liên càng đông vui. Thỉnh thoảng chúng tôi lại gặp một đoàn cán bộ chiến sĩ từ các chiến trường đi ngược chiều. Đôi khi hai bên cùng dừng lại chuyện trò thăm hỏi lẫn nhau. Người đi ra hỏi thăm tình hình hậu phương, người vào sốt ruột muốn biết tình hình chiến trường nên chuyện lập tức nở như ngô rang.

Một lần chúng tôi gặp một đoàn các em dũng sĩ diệt Mỹ trên đường hành quân ra Bắc. Chúng tôi lập tức dừng lại các em quây chúng tôi đòi kể chuyện miền Bắc, kể chuyện Bác Hồ. Nhìn các em nhỏ tuổi mà đã vượt Trường Sơn cũng lưng đeo bòng vai vác gạo, gậy chống tay, lòng tôi rưng rưng xúc động. Tôi cố gắng kể cho các em nghe đôi điều về thủ đô Hà Nội, về Bác Hồ, về thiếu nhi miền Bắc. Còn các em, bằng giọng nói thơ ngây các em căn dặn chúng tôi đủ điều, từ cách đi tìm rau rừng, cách chống muỗi vắt đến cách tránh lũ trực thăng đi soi đường ban đêm và tránh pháo bầy như thế nào.

Với chiến trường có lẽ tôi quả là “lính mới" so với những chiến sĩ tý hon này. Không có thể ngờ ở tuổi như các em mà lại biết nhiều điều về chiến tranh, về kẻ thù đến thế. Ở những nước xã hội chủ nghĩa không có chiến tranh, lứa tuổi các em được hưởng biết bao niềm vui hạnh phúc. Vậy mà ở nước ta, các em đã biết đánh giặc. Nghĩ vậy, tôi bỗng thấy trách nhiệm của mình thật nặng nề, làm gì để góp phần vào sự nghiệp giải phóng đất nước, mang lại hạnh phúc cho các em?

Cuộc gặp gỡ các em nhỏ chiến sĩ đã động viên chúng tôi rất nhiều. Trường Sơn chẳng có gì ghê gớm nếu như những chú bé tí hon này đã có thể vượt

qua bằng những đôi chân nhỏ xíu của mình? Tôi bỗng thấy mình bước đi khoẻ khoắn hơn, lưng bớt đau hơn và chặng đường như ngắn lại.

Ở một trạm giao liên gần sông Bạc, chúng tôi đã may mắn gặp được anh Ba, anh Nguyễn Lang và anh Nguyễn An (nay là Tổng cục phó Tổng cục hậu cần) các anh phụ trách các binh trạm của tuyến đường Trường Sơn. Qua các anh tôi biết thêm một số tình hình chiến trường. Tình hình chiến trường cũng đang có nhiều biến động. Mỹ đang ráo riết chuẩn bị cho những bước phiêu lưu quân sự ở Tây Nguyên để quyết giành lấy thế chủ động trên chiến trường quan trọng này.

Tôi chú ý đến hoạt động của bộ đội chủ lực Tây Nguyên và rất vui mừng khi biết tin các đơn vị chủ lực bộ đội Tây Nguyên đã biết đánh Mỹ và thắng Mỹ. Anh Nguyễn An trước kia trong thời kỳ đánh Pháp đã công tác và chiến đấu với tôi ở Hải Phòng Kiến An. Nay gặp nhau ở trên đường 559 trong khung cảnh bom đạn AC liệt, nhưng rất vui

Anh An... kể cho tôi nghe về những trận đánh hay trong chiến dịch Plei-me nổi tiếng diễn ra mùa khô năm ngoái (1965). Khi còn ở học viện, chúng tôi đã thảo luận rất sôi nổi về những trận đánh diễn ra ở Plei-me dưới chân núi Chư Pông và ở thung lũng Ia-drăng. Tôi cho rằng đó là những trận đánh rất quan trọng của bộ đội Tây Nguyên, cho phép chúng ta rút ra nhiều kinh nghiệm hay khi tác chiến với quân Mỹ ở chiến trường rừng núi hiểm trở. Giờ đây tôi càng nao nức trong lòng, chỉ muốn đi được thật nhanh vào chiến trường, để trực tiếp được gặp những đồng chí, đồng đội đã làm nên những chiến công tuyệt vời đó.

Nhưng đường vẫn còn dài. Càng đi vào khó khăn càng nhiều. Tôi đã được nghe nói nhiều về đường giao liên Trường Sơn nhưng đến bây giờ mới thật hiểu hết những nỗi gian lao mà những người chiến sĩ đường dây phải vượt qua. Đường giao liên không chỉ thơ mộng như trong những bài thơ, bài hát mà trên thực tế đó là con đường đầy chông gai, thử thách. Bom đạn, biệt kích, muỗi vắt và cái đói là những kẻ thù thường xuyên của bộ đội Trường Sơn.

Chúng tôi dù sao cũng chỉ là "khách qua đường" tuy cũng được hưởng đầy đủ "mùi vị" của đường giao liên Trường Sơn nhưng thấm đâu so với những

chiến sĩ Trường Sơn, hết năm này qua năm khác gắn bó với tuyến đường này. Có đồng chí có mặt trên đường dây này từ khi con đường mòn chưa hình thành, từ khi còn phải vạch lá mà đi, đi tới đâu xoá dấu vết tới đó không để lộ một dấu chân. Nhiều đồng chí đã nằm lại đây đó trên những nẻo đường rừng heo hút và bị sốt rét, bị trúng bom đạn Mỹ hay có khi hy sinh chỉ vì cây đổ hay nước lũ cuốn đi bất thần. Những người chiến sĩ vô danh đó hiến thân để làm nên con đường đi giải phóng Tổ quốc.

Đi trên đường Trường Sơn, tôi càng thấm thía hơn nữa lời thề quyết tâm đánh Mỹ của Đảng của Bác. "Nếu có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập tự do..." Đã có lần Bác kêu gọi chúng ta như vậy. Ngày nay câu nói "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" đã trở thành câu nói cửa miệng của mỗi người ra trận. Trên con đường này, các thế hệ đánh giặc cứu nước đã gặp nhau. Từ lớp chúng tôi, thế hệ đã từng được tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp đến các chiến sĩ tí hon mà chúng tôi vừa gặp hôm qua trên đường Trường Sơn đều có chung một nguyện vọng, một lý tưởng. Có lẽ vì thế mà chúng ta gặp nhau là hiểu nhau ngay, phải không đồng đội của tôi?

Người ghi: Nguyễn Văn Hùng

HẾT